HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN SOẠN

Số 20 tháng 12, năm 1994 & tháng 1, năm 1995

XUÂN ẤT HỢI

CHÚC MỪNG NĂM MỚI 1995

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714-537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ • số 20 tháng 12, 1994 & 1, 1995

Đại diện Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại San Jose
Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490
Đại diện tại Âu Châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trân Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697 • Mạnh Tường & Nam / Tél: (418) 626-2280 / 418)654-8933 / Fax: (418)626-2280.
Đại diện tại Australia
Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.3.8071-797
Đại diện tại Đông Âu
Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 99 83

•

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang , Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nnguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

Chủ biên
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323

HỢP LƯU

XUÂN ẤT HỢI

Kính chúc văn hữu, độc giả
một năm mới an khang, thịnh vượng

MỤC LỤC

Thư tòa soạn 2 / **Nguyễn Thế Việt**: Vẫn còn đó những vùng đất trống (*Nhận định*) 5 / **Chân Phương**: Trích điếu văn... (*thơ*) 14 / **Phạm Duy**: Những bước đầu... (*Biên khảo*) 16 / **Lưu Trọng Văn**: Đất mẹ - đất làng (*thơ*) 36 / **Lê Thị Thấm Vân:** Một ngày, nghĩ đến anh (*thơ*) 37 / **Nguyễn Hoàng Nam:** Người sói (*thơ*) 38 / **Nguyễn Huy Thiệp**: Hoe sen nở... (*kịch*) 39 / **Chế Lan Viên**: Ngọc / Chuyến xe / Thế kỷ (*thơ*) 59 / **Hoài Ziang Duy**: Ngày tôi mặtt lạ (*thơ*) 60 / **Donald Barthelme (Phan Tấn Hải** *dịch*): Giải thích (*truyện ngắn*) 61 / **Hoàng Phủ Cương**: Đêm ván xẻ... (*thơ*) 69 / **Lưu Nguyễn**: Không dưng... (*thơ*) 70 / **Phạm Nguyên Tường:** Không đề (*thơ*) 70 / **Hoàng Phủ Ngọc Tường**: Ngọn núi ảo ảnh (*bút ký*) 71 / **Phố Thị Ngọc Ni:** Nhớ bạn bè ở CPS (*thơ*) 90 / **Nguyễn Quyến**: Hơi thở đồng quê (*thơ*) 91 / **Hà Nguyên Du:** Ẩn, hiện - một đời (*thơ*) 91 / **Nguyễn Phước Nguyên**: Lục bát... (*thơ*) 92 / **Du Tử Lê:** Soi bóng trong tôi (*tùy bút*) 93 / **Nguyễn Mạnh Trinh:** Giấc mơ và... (*thơ*) 100 / **Cung Tích Biền:** Vỡ hoang trước bình minh (*truyện ngắn*) 102 / **Huy Tưởng**: Chuyện kể / Bên dốc thánh giá (*thơ*) 108 / **Nguyễn Đăng Thường**: Đời kém vui... (*thơ*) 109 / **Phạm Thị Hoài**: Trong cơn mưa (*truyện ngắn*) 110 / **Nguyễn Bá Trạc:** Thơ gửi bạn... (*thơ*) 116 / **Trần Duy Phiên**: Cái đuôi... (*truyện ngắn*) 118 / **Phạm Công Thiện:** Thơ cho Nguyễn Du... (*thơ*) 127 / **Nguyễn Tất Nhiên**: Minh khúc (*thơ*) 128 / **Đỗ Quyên:** Tình trai (*truyện ngắn*) 129 / **Trần Mạnh Hảo**: Bên em (*thơ*) 145 / **Huỳnh Đức Thoại:** Tờ lịch Xuân (*thơ*) 145 / **Thường Quán**: Còn lại (*thơ*) 146 / **Ngô Thị Kim Cúc:** Quà tặng (*truyện ngắn*) 147 / **Hà Đình Lan**: Cuộc đời (*thơ*) 151 / **Luân Hoán**: Đang ở thập niên 50 (*thơ*) 152 / *Nguyễn Đỗ:* Không đề hành phương Bắc (*thơ*) 153 / **Tiêu Dao Bảo Cự:** Người nằm... (*truyện ngắn*) 154 / **Nguyễn Tấn Cứ:** Hành trình... (*thơ*) 158 / **Hoàng Lộc**: Thơ xâm xoàng (*thơ*) 159 / **Trịnh Khắc Hồng**: Ông đạo (*truyện ngắn*) 160 / **Nguyễn Tôn Nhan**: Hình như (*thơ*) 163 / **Nguyễn Bắc Sơn**: Nhập thế... (*thơ*) 164 / **Lê Thánh Thư**: Sự sáng (*thơ*) 164 / **Ngọc Khôi:** Tâm buồn (*thơ*) 165 / **Trương Quốc Dũng:** Đường Tăng (*truyện ngắn*) 166 / **Phan Nhật Nam**: Hai người lính (*truyện ngắn*) 169 / **Lê Bá Đảng**: Cái xưởng... (*hội họa*) 179 / **Hoàng Hưng:** Cây cầu... (*thơ*) 187 / **Huỳnh Hữu Ủy**: Vài bóng dáng ngựa... (*Hội họa*) 188 / **Hà Nguyên Dũng**: Bùi Giáng (*thơ*) 195 / **Nguyễn Quang Tấn**: Dạo khúc (*thơ*) 195 / **Thụy Khuê**: Trò chuyện với Nguyễn Huệ Chi (*phỏng vấn*): 196 / **Thụy Khuê**: Nói chuyện với Du Tử Lê (*P. vấn*) 202 / **Huỳnh Liễu Ngạn**: cổ tích (*thơ*) 206 / **Trần Đạo:** Một cành hoa... (*đọc sách*) 207 / **Hoàng Xuân Sơn**: Khúc cũ, mới và cuối cùng cho Giang (*thơ*) 212 / **Hồ Minh Dũng**: Thàngh nội (*thơ*) 216 / **Vương Hồng Sển**: Về tác giả bài Nước Non Ngàn Dặm... / **Ngô Tuệ**: Hãy giữ gìn di tích Huế (*tư liệu*) 217 / **Lê Bi**: Phản ánh... (*thơ*) 224 / **Kim Thi**: Ngày... Tháng... 225 / **Giới thiệu sách mới** 240 / **Với văn hữu và bạn đọc** 245

●

Bìa: **Khánh Trường.**
Minh họa: **Đinh Cường.**
Nhiếp ảnh: **Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Bá Khanh**

thư tòa soạn

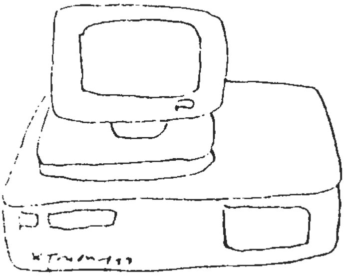

Chỉ trên dưới 30 mươi ngày nữa, cộng đồng Việt Nam hải ngoại tròn hai mươi tuổi. Nếu lấy chiều dài lịch sử Việt nam làm thước đo, thì hai mươi năm chỉ như một chớp mắt. Nhưng nếu lấy tuổi thọ một đời người làm đơn vị, thì khoảng thời gian này không ngắn. Những người ra đi từ 1975, lúc tóc còn xanh, nay đã nhuộm trắng. Và những hài nhi của hai thập niên xưa, nay đã là những công dân mới, của một tổ quôc mới, đã trưởng thành, đang ngồi trên ghế giảng đường, hay đã vào đời. Lớp trẻ này nghĩ gì, sẽ làm gì trong tương lai, cho đất tổ? Câu hỏi thật khó trả lời. Thế hệ cha chú - lớp người hệ lụy sâu với quá khứ - rồi sẽ lần lượt lùi vào bóng tối, bày ra một khoảng trống lớn, trong đời sống cũng như trong tâm thức cộng đồng. Từ đó, nghĩ về lĩnh vực của chúng ta, lĩnh vực văn chương nghệ thuật Việt Nam trên quê người, liệu còn tồn tại được không, ở tương lai? Lại thêm một câu hỏi nhuốm màu tiêu cực! Là những người hệ lụy khá mật thiết với sinh hoạt này, qua nhiều năm nay, chúng tôi nhận thấy sự mòn hơi, bế tắt mỗi lúc mỗi rõ hơn. Lớp văn nghệ sĩ cũ, ra hải ngoại, tiếp tục làm cái công việc đã làm tại quê hương, và họ đã tạo được một phong trào đầy sinh khí, dựng nền móng để lớp kế thừa, vào những thập niên 70, 80, vốn còn thiết tha với ngôn ngữ Việt, tiếp tục khai mở, đào xới, gây thành một dòng văn học lưu vong đa dạng và phong phú. Nhưng rồi lớp người này, do tác động của môi trường sống, dần dần yếu hẳn, dẫn đến một thực tế đáng buồn: hầu hết đều ngưng hẳn sáng tác, hay nếu còn, cũng chỉ lẻ tẻ, gắng gượng. Trong lúc ấy, thế hệ tiếp theo lớn lên trên quê người, bứt lìa với quá khứ, hội nhập vào đất đai sở tại, quên hoặc rất chập chững ngôn ngữ gốc, và không còn xem tiếng Việt như món ăn tinh thần cần thiết. Đó là nguyên do của tình trạng thoi thóp, lụn tàn đã thấy! Văn chương nghệ thuật ở bất cứ thời kỳ nào, xứ sở nào cũng vậy, sẽ chỉ sung mãn, khỏe mạnh, mới mẻ khi người sáng tác và đối tượng tiêu thụ là thế hệ trẻ, bởi chỉ có tuổi trẻ mới đủ

năng động và liều lĩnh ném mình vào những thử nghiệm táo bạo, mới dám làm những điều "người chín chắn" ngại làm. Buồn thay, thế hệ ấy đã chỉ còn quan hệ với cha chú qua một sợi dây lỏng lẻo là màu da và nguồn *cội,* còn tâm thức và tư duy thì đã hướng về những chân trời khác!

Phải nhìn thẳng vào vấn đề, để ý thức rõ hơn cái sinh mệnh mong manh của văn học hải ngoại, và để dứt khoát loại bỏ ra khỏi não trạng định kiến trong, ngoài, bạn, thù, từ hai mươi năm qua, vô hình trung trở thành một thứ "kim chỉ nam" dẫn dắt ngòi bút của chúng ta. Nói cách khác, thêm một lần nữa, *Hợp Lưu* định lại vị trí và mục đích của mình: muốn cho văn học Việt Nam phong phú hơn, rộng rãi hơn, thì dù đứng ở đâu trên hàng tinh này, một khi chúng ta còn dùng ngôn ngữ Việt để diễn đạt tư tưởng, cũng có nghĩa chúng ta đã là, sẽ là thành viên của một dòng văn học nghệ thuật duy nhất: văn học nghệ thuật Việt Nam. Tạo được hướng nhìn ấy, là gián tiếp loại bỏ được khỏi tâm thức nỗi âu lo, rằng mai kia, có còn không, có tồn tại nổi không, một nền văn học nghệ thuật Việt Nam ở quê người.

Bước vào năm mới, năm thứ năm, *Hợp Lưu* sẽ cố gắng duy trì phẩm chất đã có, cũng như nỗ lực làm phong phú thêm, bằng cách mở rộng mọi cánh cửa, kêu gọi tất cả những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, từ bao lâu nay, vì nhiều lý do (khách và chủ quan) đã không thể đến với *Hợp Lưu*, nay, hãy đến với *Hợp Lưu*, và xem đây như một diễn đàn tự do, độc lập, có khả năng dung nạp tất cả mọi tư duy tiến bộ, mọi khai phá mới mẻ, mọi thử nghiệm táo bạo.

Mùa Xuân thứ hai mươi trên quê người. Mùa Xuân, mùa của đất trời tạo vật thức giấc, cởi bỏ lớp giá băng lạnh lẽo, thúc đẩy những chồi non, những búp nụ bung nở. Trong chuyển mình tốt tươi ấy của thiên nhiên, *Hợp Lưu* trân trọng gửi đến bạn đọc, văn hữu, thân hữu một lời chúc vui vẻ: Dù ở vào lứa tuổi nào, mong hãy mới và trẻ, như mùa Xuân.

Hợp Lưu

Đón Đọc:

HỢP LƯU

SỐ TÂN NIÊN

- Phát hàng đầu tháng 2, 1995
- Giới thiệu những cây bút đầy năng lực sángtạo của trong và ngoài nước
- Bài vở xin gửi về tòa soạn ngay từ bây giờ.
- Hạn chót nhận bài: Ngày 5 tháng 1, 1995

NGUYỄN THẾ VIỆT

vẫn còn đó những vùng đất trống

Vào khoản thập niên 70, ở ta, giới sáng tác và nghiên cứu văn học vẫn thường than phiền với nhau là dường như những "vùng đất trống" trong địa hạt văn chương đã bị cày xới hết. Cắt nghĩa cho hiện tượng *lặp lại lối mòn*, đôi khi được quan niệm như là sự non yếu, nông cạn vốn sống của nhà văn. Để khắc phục tình trạng này, những cuộc đi thực tế theo kiểu thực nghiệm được đưa ra định kỳ cho các hội viên các hội văn nghệ cơ sở. Lối phân tích căn cứ theo độ đậm nhạt của vốn sống của nhà văn làm tiêu chuẩn đánh giá tác phẩm (thường có trong các bài phê bình hồi đó) quả đã đạt được một số kết quả khả quan nào đó. Hiện tượng ngồi buồng kín ở thủ đô thả hứng theo tưởng tượng để viết đủ loại về kim, cổ, đông, tây đã giảm đi rõ rệt. Thay vào đó việc tăng cường những kiến thức khoa học kỹ thuật chuyên sâu cho văn học trở thành mốt thời thượng. Quan niệm phản ánh chân thật thường được đánh giá bằng những số liệu, các thống kê chi tiết về kiến thức đủ loại, từ máy móc phân xưởng, đến tên các loài rau quả nhiệt đới và qui luật sinh trưởng cây trồng v.v... Chân dung những "con người mới" được miêu tả như là con người đa năng. Các ông giám đốc chẳng hạn, là người hiểu biết nhiều, đại thể là phải biết lái xe, biết chơi thể thao, vừa nghe điện thoại vừa nói chuyện tay đôi v.v... Những típ người kỹ thuật có lạ đôi chút so với trước, nhưng chưa thể là cứu cánh của văn chương. Rốt cuộc, đó cũng chỉ là một kiểu lối mòn không hơn không kém.

Từ 1975, sau choáng ngợp chiến thắng, người "giải phóng" vẫn đứng ở

tầm trên của "con người lý tưởng" để nhìn nhận xã hội thị trường lạ lẫm mà họ vừa chiếm được nhưng không có khả năng kiểm soát. Với *Thợ Bấm Móng Tay* và những truyện ngắn khác, Dương Thu Hương thời kỳ này có khá hơn trước, nhưng chưa thoát khỏi được cái nhìn quan phương kể trên; vẫn cái nhìn thương hại của "con người lý tưởng" đối với "con người đời thường". Phải đợi đến năm bảy năm sau, khi những hưng phấn của "con người khổng lồ" tạm lắng xuống, thay vào đó là con người bình thường của đời thường, biết vật lộn với miếng cơm manh áo, người ta mới đủ điềm tĩnh để nhìn lại, đánh giá lại những giá trị mà họ từng theo đuổi.

Sự vỡ mộng vì quá nhiều "đổi mới" không phải theo hướng lý tưởng mà sách vở kinh điển chính thống vẫn khẳng định lâu nay đã đặt con người vào hàng loạt những tình thế lựa chọn mới.

Đây chính là thời kỳ chuẩn bị công chúng và đối tượng phản ánh cho sự xuất hiện của tư duy nghệ thuật mới trong văn chương đương đại Việt Nam. Những quan điểm xét lại một cách nghiêm ngặt và sắc sảo của Hoàng Ngọc Hiến về văn học những thập kỷ qua quả có làm choáng váng hàng loạt những tên tuổi đã định vị "mâm trên, mâm dưới" trong làng văn cách mạng. Biết làm sao được, sự trưởng thành nào chẳng phải trả giá. Bởi vì muốn hiểu được bản chất của sự trì trệ, lặp lại, khuôn sáo của văn chương, không có cách gì khác hơn là phải phanh phui ra sự thật những yếu kém, những kìm hãm trói buộc của các loại xiềng xích tư tưởng trong quá khứ. Và cũng không thể lảng tránh một thực tế là đã một thời không ai dám nói đến sự đổi mới trong *lập trường tư tưởng* theo hướng *thực nghiệm, kiểm chứng*. Từ "xét lại" trong tiếng Việt vài thập kỷ nay hàm ý xấu hơn giá trị thực của nó. Sau năm 1958 cùng với sự thanh trừng đồng loạt các nhà văn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, cơ chế chính thống đã diệt trừ tận gốc các ý kiến đối lập về văn hóa. Từ đây quan niệm định giá chính thống về "con người mới" được phổ cập thành chuẩn mực ứng xử và giao tiếp. Từ đây, *mô hình con người xã hội hóa cực đoan* được đề cao. Ý nghĩa sống còn của quan niệm định giá trị con người thời kỳ này là phủ nhận cá nhân. Cá nhân chỉ có ý nghĩa khi nào biết hiến tế làm vật hy sinh cho cộng đồng. Cách nhìn "sử thi" (chữ của Hoàng Ngọc Hiến) có ngay trong đời sống cộng sinh. Con người thời ấy thừa nhận xiềng xích tư tưởng một cách tự nguyện. Thế giới quan Marxist, nhân sinh quan cộng sản đã thay thế một cách triệt để các giá trị tinh thần truyền thống và đoạn tuyệt với giao lưu văn hóa. (Cái gọi là chỉ giao lưu văn hóa *trong phe ta* thực chất là một sự cầm tù về tư tưởng không hơn không kém). Sống trong môi trường đó, sự đơn điệu về quan niệm định giá trong **Bảng giá trị nhân bản** của người Việt là một thực tế đắng cay. Các nhà văn thời kỳ ấy tin vào các tín điều một cách tự nguyện. Nhà văn, chủ thể sáng tạo bao giờ cũng đóng vai thông suốt hết, đứng trên để "nêu gương" chính diện và "uốn nắn lệch lạc" cho các nhân vật phản diện chậm tiến. *Mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân* (khái niệm của triết học duy vật lịch sử) được phản ánh như là sự hiểu lầm của những người "lạc hậu", nhờ sự cải hóa của tư tưởng mới, rồi mới "vỡ lẽ"

và tự nguyện hòa nhập cuộc sống mới. Mâu thuẫn địch-ta được diễn đạt bằng ngôn ngữ miệt thị, thô lỗ đối với đối phương và công thức xung đột được sơ đồ hóa một cách giản lược phẳng phiu.

Đó chính là thời của con người không có sự phân thân, không có mâu thuẫn. Những gì rắc rối khác với lối tư duy mạch lạc, rõ ràng này được coi là kiểu lập trường của giai cấp tư sản.

Tình hình này dẫn đến những tụt hậu đáng sợ về trình độ văn hóa và tư duy của con người nói chung. Không có giao lưu văn hóa nên không có những chuẩn mực định giá nhân bản đối trọng để so sánh, để đối thoại. Sự đơn điệu về quan niệm định giá nhân bản có ngay trong ứng xử, giao tiếp hàng ngày. Chính vì thế không nên trách cứ loại văn minh họa trước 1975 là lỗi chỉ của nhà văn. Trong cơ chế đó, môi trường đó nếu những Lê Lựu, Xuân Sách, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp... dù giả định rằng có cơ may thoát ra được khỏi khâu kiểm duyệt của cơ chế mà ra sách được thì cũng khó mà có công chúng. Cùng lắm thì công chúng thời đó đón nhận họ như đã từng đón nhận các loại sách dịch xa lạ, không hợp thời, hoặc loại sách "chông chênh về lập trường" như đã có từ trước của Việt Phương, Lý Phương Liên v.v... Thế thôi!

Sau năm 1975 hiện tượng giao lưu văn hóa ngoài ý muốn của cơ chế chính trị diễn ra với qui mô toàn dân. Người của cơ chế ra sức đốt sách vở và di sản văn hóa "đồi trụy" của chế độ cũ, nhưng không đốt nổi cách nghĩ và lối sống của họ. Những quan niệm định giá của "con người lý tưởng" ngỡ như vô địch, bách chiến bách thắng đã bắt gặp đối thủ đáng gờm. Từ chỗ hãnh diện, tự hào, mô hình "con người công cộng" sớm trở thành những Đông-kít-sốt mới của thời cuộc. Trước mắt công chúng, con người cá nhân biết lấy những quan niệm định giá thức thời làm lẽ sống đã tỏ ra đáng hấp dẫn hơn. Mô hình vi-la, với những trang bị hiện đại của thế kỷ này cũng dễ coi hơn những "lều vịt" ở vùng kinh tế mới. Từ đó người ta phát giác ra hàng loạt những giá trị mà trước đó họ chưa từng biết.

Đó cũng là *môi trường thuận lợi cho khuynh hướng muốn cách tân văn học*. Các nhà văn trong khuynh hướng đổi mới đều có ý thức "xét lại" những ngộ nhận về những giá trị của họ trong quá khứ. Sự thật này không chỉ được thể hiện qua tác phẩm mà còn bằng lời công bố trực tiếp của họ. Đó là những hành động trung thực, dũng cảm hiếm có lâu nay. Cuộc tranh luận trong không khí thật sự dân chủ về các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp từ năm 1988 đánh dấu một chặng đường mới trong nhận thức của công chúng. Trong bối cảnh đó, tiếng vang về Nguyễn Huy Thiệp cũng đồng nghĩa với sự thừa nhận dấu hiệu khai thông của khuynh hướng mới. Đó là câu trả lời cho một câu hỏi bế tắc trước đó không lâu: vẫn còn đó những vùng đất trống. Câu trả lời được khẳng định bằng hàng loạt tác giả và tác phẩm xuất sắc mà trong khuôn khổ có hạn của bài báo, chúng tôi không thể làm khác hơn là chọn một trong những đại diện tiêu biểu cho khuynh hướng đổi mới, đó là nhà văn trẻ Nguyễn Huy Thiệp.

Trong các nhận định về Nguyễn Huy Thiệp nhìn từ hai phía, độc giả vẫn nhận ra chỗ thống nhất: anh xứng đáng được khẳng định là một tài năng mới của văn học đương đại Việt Nam. Những ý kiến trái ngược nhau trong cuột tranh luận sáu năm về trước, theo tôi, đã được thực tế kiểm chứng. Không còn nghi ngờ gì nữa, lịch sử đã sớm công bằng với anh. Từ "quả bom đầu tiên" *Tướng Về Hưu* đến vụ án của hàng loạt bài "lịch sử giả" mở đầu cho cuộc đối thoại sôi nổi trên văn đàn từ năm 1988 đến nay, Nguyễn Huy Thiệp vẫn không ngừng tự khẳng định mình bằng sáng tạo nghệ thuật.

Với thể nghiệm thành công có ý nghĩa khám phá, *Tướng Về Hưu* đã thực hiện được một cuộc đối thoại hấp dẫn giữa các quan niệm định giá nhân bản *thuộc những hệ thống chuẩn mực khác nhau.* Khác với "thói quen đã định hình thành nếp" (chữ của Lại Nguyên Ân), Nguyễn Huy Thiệp không đứng trên cao với một *lập trường kiên định* nào đó để phán xét. Anh đã tạo cơ hội cho các bảng giá trị cọ xát nhau, đối thoại với nhau trong những xung đột có ý nghĩa nguyên tắc sống, có sự khác biệt, thậm chí đối lập trong một gia đình có cái ông tướng về hưu ấy.

Nhân vật thiếu tướng Nguyễn, bảo lưu nguyên vẹn những quan niệm về giá trị con người trong chiến tranh. Trong môi trường đó, mọi quan niệm về giá trị và hành vi ứng xử của con người đều đã được phân định rõ, không có gì phải bàn cãi. Đoạn đời cuối."về hưu" của ông, tiếc thay đã là một thời khác, với những quan niệm định giá khác mà ông *chối bỏ, dị ứng* như một phản xạ tự nhiên. Trong khi đó, cô con dâu và cậu con trai của ông tướng đã là những con người của thời này, nghĩa là cái thời con người phải đặt cạnh tranh sinh tồn trong đời sống cộng sinh lên mục tiêu tối thiểu để mà sống. Lý tưởng quả có đẹp thật, nhưng không nuôi nổi cái dạ dày. Cơ chế quan liêu bao cấp đã không chăn dắt nổi đám công chức của mình. Họ, những công dân Việt Nam lương thiện đấy, nhưng họ có thể làm được gì khác hơn?

Chi tiết những mẩu thai nhi con trẻ nổi lên trong nồi cháo nuôi chó quả có lợm thật, là "quá đáng" đối với sức chịu đựng của nhiều người. Nhưng nếu không có như thế thì bầy chó kia làm sao nuôi nổi ngần ấy miệng ăn, lại còn "bao cấp" thêm cho chính ngài thiếu tướng khi những đồng lương hưu của ngài ngày càng trở nên còm cõi. Cuộc đối thoại về quan niệm sống, giá trị, lương tri con người giữa hai thế hệ, hai thời đại diễn ra trong mô hình thu nhỏ của gia đình ông tướng. Quan niệm giải phóng giai cấp ngây ngô của ông tướng Thuấn chỉ tạo ra được nghịch lý mới là ném bố con người ở vốn đang yên thân và hoàn toàn tự nguyện trong gia đình ông ra lề đường của một xã hội vô trách nhiệm, để rồi phải nhập vào đội quân "bụi đời" hằng hà sa số như đã thấy hiện nay. (Về tư tưởng này kịch bản phim *Tướng Về Hưu* diễn đạt khá rõ nét.)

Ông Bổng bị cái nghèo dồn đến cùng quẩn, có vô số những đặc tính mà

theo chuẩn mực định giá chính thống một thời là "tha hóa", "lưu manh" được cứu vãn nhân cách bằng cách nhìn độ lượng của người viết: "lão ấy tốt nhưng nghèo". Thái độ tiếc rẻ bộ quan tài gỗ dổi của ông, khi đưa tang chị dâu không có gì quá đáng với một con người ngay khi sống đã chết dần trong túng quẩn. Và thật bất ngờ, ở con người bị xếp vào loại mạt hạng trong bảng phân loại người, vẫn biết tự vệ bằng những quan niệm giá trị đánh thức lương tâm của nhân loại. Chi tiết khi người chị hấp hối, bị lẫn, không gọi được tên ông, chỉ nói được ông"là người" thì ông khóc oà lên: "Thế là chị thương em nhất. Cả làng gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. Thằng Tuân gọi em là đồ khốn nạn, chỉ có chị gọi em là người".

Trong gia đình ông tướng, hai bảng giá trị, hai quan niệm sống, ứng xử rốt cuộc không thể bắt gặp nhau. Một bên là tốt ảo tưởng, một chiều, xa rời những kinh nghiệm sống đến mức *không tưởng* và tụt hậu khá xa với thời cuộc. Một bên, đối chọi với những logic nghiệt ngã của thực tại, tự biết làm chủ số phận và thích ứng để vươn lên trong điều kiện mình có thể có. Một cô con dâu sắc sảo linh hoạt trong tính toán và ứng xử. Một cậu con trai thụ động trước thời cuộc nhưng biết điều, biết thân biết phận. Hai bố con người ở lam lũ tận tụy. Tất cả lớp người này và ông tướng đã chối bỏ lẫn nhau về nguyên tắc ứng xử và lối sống. Rốt cuộc người mang bảng định giá của quá khứ đã buộc phải đào thải khỏi hiện tại để trở về với môi trường của hôm qua. Đó là sự nhập cuộc lần hai của ông Thuấn với quân đội, để rồi chết trong chiến hào. Nếu chọn một cách kết thúc nhân đạo có thể cho ông Thuấn có lẽ không còn giải pháp nào hơn, vì chỉ có hai khả năng hy hữu còn lại là: Ông Thuấn phải sự lột xác để nhập cuộc, để thích ứng (Tức là tự phản bội lại bảng định giá mà ông tôn thờ). Hoặc là ông phải trở thành người ngoài cuộc, vô can vô hại để rảnh đường cho con cháu tồn tại theo bảng giá trị của chúng. Hai khả năng sau đối ông tướng là một sự trả giá ngoài sức chịu đựng của chính mình.

Có thể nói những cuộc đối thoại về quan niệm định giá nhân bản hiện rõ trên từng chi tiết, từng sắc thái diễn đạt ngôn từ của tác giả trong hàng loạt những truyện ngắn tiêu biểu khác. Anh Triệu, một nhà giáo xuất thân đô thị rỉ tai với nhân vật "tôi" trong *Những Bài Học Nông Thôn* một cách nghĩ thật bất ngờ: "Với nông thôn, tất cả bọn dân thành phố và bọn có học chúng ta đều mang tội trọng. Chúng ta phá tan nát họ ra bằng những lạc thú vật chất của mình, cả giáo dục lẫn khoa học giả cầy. Chúng ta đè dí nông thôn bởi thượng tầng kiến trúc với toàn bộ giấy tờ và những khái niệm của nền văn minh". Với *Muối Của Rừng* ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật "tự phản tỉnh", nhân vật thợ săn (ông Diêu), cũng là cuộc đối thoại thú vị của những triết lý nhân bản, khi ông phải đối mặt với những hành vi mang bản chất người của một bầy khỉ. Thật bất ngờ là những hành vi ứng xử trong quan hệ huyết thống và bầy đàn của "tổ tiên" hàng triệu năm về trước của nhân loại, trước mũi súng ông Diêu, lại làm cho con người thời đại văn minh phải hổ thẹn, phải giật mình.

*

Thừa nhận sự khác biệt, đa nguyên giữa các bảng định giá về giá trị nhân bản là điều kiện giúp chủ thể sáng tạo đứng trên một điểm nhìn không vướng mắc định kiến. Trên mặt cắt đồng đại, đặt những vấn đề của hôm nay, Nguyễn Huy Thiệp thoát ra khỏi cái nhìn "duy lợi" về chính trị (chữ của Hà Sĩ Phu) như đã thấy. Trên mặt cắt lịch đại, anh có ý thức thoát ra khỏi cách nhìn của "công lợi trong sử học" chính là sự thừa nhận vai trò minh họa cho chính trị của ngành sử. Trở lại với vụ các truyện ngắn "lịch sử giả" đã làm dư luận xôn xao một thời, ta sẽ thấy sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn trong thái độ của công chúng khi tiếp nhận *Kiếm Sắc, Vàng Lửa* và *Phẩm Tiết*. Phía chối bỏ Nguyễn Huy Thiệp đúng như nhiều người đã nhận xét, vốn chỉ quen tiếp nhận bằng những thước đo, chuẩn mực *đã định hình thành nếp*. Phía này không chịu đựng nổi cách quan sát bằng những quan niệm định giá nhiều chiều đối với "thần tượng". Thói quen hiện đại hóa lịch sử bằng những chuẩn mực đương đại, đã làm cho người ta phát hoảng lên, dị ứng tức thời, chối bỏ không thương tiếc khi bắt gặp những chân dung lịch sử quen thuộc, được mô tả dưới một cách nhìn khác, dưới mặt cắt lịch đại với những thước đo giá trị trung thế kỷ.

Vua Quang Trung chẳng hạn, dưới con mắt của tác giả, không bị đồng nhất hóa với con người lý tưởng thời đại chúng ta. Cách nhìn này hoàn toàn có thể có được sự chia sẻ của các sử gia có tâm huyết. Trần Quốc Vượng, nhà sử học nổi tiếng, người đã từng tự bạch: "Ý kiến sử học của tôi chưa bao giờ mang sắc màu chính thống quyền uy", cũng đã có những nhận xét thỏa đáng về Quang Trung khác với cách làm lâu nay. (Xin tham khảo "Tây Sơn Quang Trung và cuộc đổi mới đất Việt ở thế kỷ XVIII". *Trong Cõi*. Nxb Trăm Hoa, Hoa Kỳ).

Quả thật, lối đo nhân vật lịch sử bằng kích cỡ phóng đại, huyền thoại như trên đã có, trên thực tế đã không thể phản ánh trung thực cả những nhân vật lịch sử đương đại, nói gì đến nhân vật lịch sử đã thuộc về quá khứ. Bài học của các chuyên gia sử học và văn học Sô Viết về xây dựng chân dung Stalin thiết nghĩ không phải là một hiện tượng cá biệt trong phạm vi Liên bang Xô Viết.

Trở lại với những nhân vật lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp, chân dung Quang Trung biết nói tục, nóng giận, háo sắc, không có gì xa lạ với các anh hùng thời xưa. Chị Đặng Anh Đào, một nhà nghiên cứu văn học, thuộc về số người khá sành những kiến thức "thâm cung bí sử" cũng thừa nhận: "Anh hùng cũng có lúc mê gái".

Tương tự như thế, các nhận xét của Phăng về Gia Long và Nguyễn Du khác với các sử gia chính thống thời nay ở chỗ Phăng đã đứng trên điểm nhìn của những giá trị phổ quát của văn minh loài người đã có ở phương Tây mà ông tiếp cận được để đánh giá những nhân vật lịch sử An Nam. Theo thước đo đó Gia Long hay Nguyễn Du đều là những tầm cỡ lớn của thời đại mình,

đồng thời cũng chứa đựng những hạn chế không sao tránh khỏi: "Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo túng cùng nhân dân. Ông không đứng cao hơn họ, không biết hưởng thụ cao hơn họ, và như thế ông hoàn toàn không biết làm chính trị". "Lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai".

Theo Phăng, đây cũng là chỗ khác biệt lớn giữa chân dung Nguyễn Du và Gia Long: "Vua Gia Long thì khác. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình. Ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên". Trong nhiều trường hợp, nhân vật Phăng tỏ ra từng trải, sâu sắc: "Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo đói và đau khổ trong những lý thuyết chắp vá và ngụy biện, những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp, những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ" (xem *Vàng Lửa*).

Sáu năm về trước, những người ủng hộ Nguyễn Huy Thiệp còn phải viện dẫn đủ cách để cắt nghĩa về lối nói ngang tàng (so với hồi đó) của Phăng. Phăng được hiểu như là: "Người làm chứng không đáng tin cậy", là nhân vật hư cấu, phi chính thống, ngoài cuộc. Sáu năm chẳng là bao so với hành trình của lịch sử, nhưng cũng đủ cho người Việt Nam từ chỗ say đắm vào những chủ thuyết, đến chỗ giật mình sửng sốt trước những đổi thay kỳ diệu của thế giới chung quanh, mới nghiệm thấy được rằng: "... Chúng ta (vẫn) sống vô nghĩa, nghèo đói và khốn khổ trong những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp"... Chỉ có khác chăng là, điều chúng ta nghiệm thấy hôm nay, sáu năm về trước Nguyễn Huy Thiệp phải mượn lời của một người nước ngoài thế kỷ trước để diễn đạt.

Trong một bài viết xuất hiện gần đây, Nguyễn Huy Thiệp có một ý kiến đáng chú ý về hoạt động đặc thù của nhà văn: "Công việc của nhà văn bắt đầu từ đâu? Tôi nghĩ rằng phải bắt đầu từ việc nghiên cứu bạn đọc, đúng hơn là phải nghiên cứu tâm lý dân tộc trong cả một khoảng thời gian dài. Trên cơ sở đó nhà văn dọn ra món ăn tinh thần cho cả thời đại mình. Lúc ấy, tác phẩm của anh ta mới là tác phẩm xứng đáng". (*Khoảng Trống Không Ai Lấp Được Trong Tư Tưởng Nhà Văn*).

Luận điểm này thoáng qua, chẳng có gì lạ. Những cuộc đi thực tế cơ sở mà chúng tôi đã có dịp nêu ở phần trên không ngoài mục đích tăng cường khả năng hiểu biết công chúng của người viết. Thậm chí vào khoảng những năm 60, các nhà lãnh đạo văn hóa tư tưởng còn xuất bản những văn kiện hướng dẫn rất cụ thể cho nhà văn cách viết về "cuộc sống mới, con người mới" sao cho *chân thật và hùng hồn*. Quả vậy, chúng ta đã mất một thời gian khá dài để săn tìm những gì không có thật. Cuộc sống muôn màu muôn vẻ chung quanh, những trắc ẩn đời thường, cái bi, cái hài bị gạt sang một bên. Loay hoay cắt nghĩa trong định kiến bửa đôi thế giới làm hai, nhà văn đánh mất chủ đích sáng tạo, đồng thời đánh mất luôn khả năng tiếp cận với hiện thực.

Khi "nghiên cứu độc giả" vừa với tư cách là "đối tượng tiếp nhận" vừa với tư cách là "khách thể phản ánh", nhà văn có trách nhiệm không chỉ tin cậy vào những giá trị phổ quát từng thời đại, mà còn cần nghiên cứu độ chênh trong các thang bậc của khả năng hòa nhập với đồng loại của con người. Cũng như số ít các tài năng trẻ khác, Nguyễn Huy Thiệp có ý thức rõ rệt về sự phân hóa những giới hạn từng chế định con người: Sự khác biệt giữa các vùng văn hóa trong một cuốc gia, giữa nông thôn và đô thị, đặc thù của các loại nghề nghiệp... Hiện tượng cô lập con người với văn hóa, đánh mất khả năng giao lưu văn hóa của con người vì lý do địa lý, sắc tộc, chính trị, đều được anh chú ý mổ xẻ quan sát.

Với *Tội Ác Và Trừng Phạt* tác giả đã cảnh báo cho công chúng một tình trạng báo động về tội ác do con người đánh mất khả năng giao lưu với đồng loại. Đó là nhân vật Quản Văn Lanh sống ở thượng nguồn, với vốn hiểu biết chừng ba chục tiếng Kinh. Là nhân vật ông bố, chọn con gái mình chưa đến tuổi thành niên để thỏa mãn thú tính rồi chịu sự trừng phạt.

Một thực tế khác, dường như là nghịch lý, tác giả chỉ ra sự tha hóa, mông muội, sự đánh mất khả năng giao tiếp văn hóa với đồng loại còn diễn ra ngay ở chốn đô hội. Cô Q. gái điếm thượng lưu, hiểu biết sinh ngữ, ham đọc sách nhưng lại là tấm gương của sự tha hóa, từng bị qui kết là "chơi ác với bạn đọc", chính đã buộc con người phải đối diện với chính mình, phải "sám hối" với những gì phi nhân tính trong từng con người để phục thiện.

Đối lập với sự tha hóa dễ thấy nơi đô hội, nông thôn của anh lại có giá trị đưa lại "những bài học" cảnh tỉnh con người. Nông thôn, với Nguyễn Huy Thiệp, không chỉ là nơi *tiêu điều thê thảm vì bần cùng* mà còn là những "ốc đảo" hiếm hoi giữa thời đại văn minh còn bảo lưu được những quan hệ sống thuần khiết cao quí. Những thứ này quả không *mua* được ở đô thị thời nay. Đây chính là nghịch lý của hiện tượng "giao thoa" văn hóa trong một xã hội đa tạp, nhược tiểu, lại bị cách biệt quá lâu với thế giới bên ngoài. Chính vì thế những trang viết của anh lôi cuốn bạn đọc mà không cần phải lạm dụng những cứu cánh của các chi tiết giật gân, kích dục, hay thỏa mãn óc hiếu kỳ và tò mò như mốt thời thượng đầu rẫy hiện nay ở các cây bút non tay. Điều đó chỉ có thể đạt được ở những tài năng có bản lĩnh văn hóa và khả năng suy tư những vấn đề xã hội bằng tư duy nghệ thuật.

Gần đây Nguyễn Huy Thiệp tiếp tục thể nghiệm loại nhân vật "con người biết sợ", biết "ý thức những giới hạn" của mình trước cái vô cùng của vũ trụ, những quy luật biến sinh nằm ngoài tầm hiểu biết của nhân loại. Tư tưởng triết lý này, nhìn hình thức không có gì mới, thậm chí còn dễ bị coi là một bước "thụt lùi" trong vận hành nói chung của lịch sử tư tưởng. Tuy nhiên, nếu thừa nhận rằng mọi sự tiến bộ đều bao hàm trong đó sự bảo lưu những giá trị truyền thống, và nếu cũng thừa nhận một thực tế là: - càng bước vào kỹ nguyên kỹ thuật và thời đại công nghệ tiên tiến, dường như là một nghịch lý, con người càng nhận ra nhiều những giới hạn của chính mình, càng tâm đắc chia xẻ với khuynh hướng bi quan về triết lý nhân sinh đã có trong nhiều

thế kỷ trước, thì mới thấy được tính thời sự của một vấn đề quá khứ có trong Nguyễn Huy Thiệp.

Quả thật, những định mệnh nghiệt ngã có trong *Kiếm Sắc, Giọt Máu, Thương Nhớ Đồng Quê* cùng cách nhìn tang thương đẫm màu sắc *thiền* của anh, đã giác ngộ ra cái *hư vô* của kiếp người, giác ngộ ra chiều sâu tâm thức về con người. Nhân vật loại này của anh có ý nghĩa cảnh tỉnh loại nhân vật "hãnh tiến chính trị", lắm tham vọng, tự phong cho mình quá nhiều khả năng và quyền lực. Về mặt triết lý, nó chỉ ra được đặc trưng không tưởng của nền triết học *lạc quan tuyệt đối*, từng mệnh danh là *kim chỉ nam* của nhân loại một thời.

Giác ngộ ra giới hạn nghiệt ngã, con người sẽ bớt được những dục vọng thái quá, sẽ biết đối xử nhân hòa với nhau hơn là những khát vọng "trừng phạt", "trả thù".

Cũng cần nói thêm rằng những thể nghiệm mới của anh không phải lúc nào cũng "thuận buồm xuôi gió". Gần đây, khi thể nghiệm loại nhân vật huyền bí mang kích cỡ huyền thoại, anh đã thử viết loại truyện không có cốt truyện (xem: *Thiên Văn*, Hợp Lưu số 14). Tuy nhiên thể nghiệm này không thể xem là thành công. Tác phẩm của anh đã không có khả năng chứa đựng tư tưởng mà anh định gửi gắm trong đó. Hoặc trên một hướng thể nghiệm khác, muốn đối thoại một số vấn đề thuộc nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật, muốn đưa ra một quan niệm *phản* với các mô-típ truyền thống, anh đã đưa ra một Trương Chi và My Nương theo kiểu nhận thức của mình. Theo tôi đây cũng là một trong những truyện ngắn chưa đạt tới tầm cỡ anh cần có.

Trong khi đó, một số tác phẩm mới khác của anh như kịch *Còn Lại Tình Yêu*, có cái thâm thúy của một kiểu logic *giả* mà như *thật*, tạo ra được phản đề trong tiếp nhận, như kịch *Xuân Hồng* khéo phối hợp giữa logic hiện thực và màu sắc huyền thoại, và như *Thương Nhớ Đồng Quê* tiếp nối vẻ đẹp của *Những Bài Học Nông Thôn* nhưng hư vô hơn, "thiền" hơn.

Suy cho cùng, khi nhân danh những giá trị nhân tính phổ quát của nhân loại, độ mở của các khả năng sáng tạo của nhà văn dường như là vô tận. Đó là nguyên nhân thúc đẩy sự kiên quyết mổ xẻ và đoạn tuyệt với những giá trị không tưởng, ảo vọng của Dương Thu Hương. Là sự bàng hoàng bởi phải trả giá quá đớn đau cho ngộ nhận, của Lê Lựu *thời xa vắng*, là sự bỡn cợt "phạm thượng" không kém cay độc của Phạm Thị Hoài với các bảng giá trị lỗi thời. Và còn bao nhiêu, bao nhiêu tên tuổi khác nữa, không thể kể hết ra đây. Vậy thì gốc rễ sâu xa của lý do yếu kém lâu này là gì, nếu không phải là thiếu sự cởi mở với nhịp điệu phát triển chung của văn hóa nhân loại. Tự do tư tưởng tức là trả cho con người những giá trị văn hóa tinh thần tự nhiên của mình. Với văn nghệ sĩ, mở cửa văn hóa "giao thoa" với nhân loại, đồng nghĩa với sự mở rộng những chân trời mới, "những vùng đất trống" cho sáng tạo và tài năng.

NGUYỄN THẾ VIỆT
(Bắc Đức 5.1994)

CHÂN PHƯƠNG

trích điếu văn cho tính hồn nhiên

bụng căng cứng
nỗi nhàm chán chưa tiêu hóa xong
lịch sử tiếp tục di động
trên lớp da bò sát
đi tìm cái bóng kỷ nguyên chưa tới

bị nghiền bẹp nhiều lần
dưới bánh xích xe tăng
tật khôi hài còn thua lưỡi dao cùn

cửa hoài không đứt ánh trăng
để treo trên tha ma các nhà thơ
và nửa kia trang trí góc trời không trí nhớ

nhưng đáng nói hơn là
cái máy chém của tuyệt vọng
vẫn tích cực hoạt động trước cổng viện hàn lâm

đụng vào nó
độc giả dù lõi đời hay nhẹ dạ
chỉ có cách ôm thị hiếu với mỹ cảm cụt đầu
nhảy vào...   thùng rác

còn mớ dụng cụ tra tấn tùng xẻo
còn trường giác đấu

mà thôi
chúng ta cứ hồn nhiên
vung đũa thần ráp lại y nguyên

thi sĩ
độc giả
ánh trăng

rồi tưởng tượng thêm
đàn mỹ nữ đang thay xiêm áo trước hư không
cho họ nắm tay

quay tròn
giữa cái đẹp của những khoảnh khắc sầu
cùng mối sầu của những khoảnh khắc đẹp

vũ điệu quay cuồng
vòng xoáy vạn hoa chóng mặt
bọn sành điệu nhất bắt đầu hoa mắt

đồng hồ đột nhiên
gõ từng tiếng một
nửa khuya
tất cả
tan
biến
trong phút chốc

bỏ sót
một chiếc hài

trên tam cấp của sự đùa dai

*

thực tế dạy chúng ta
cách vớt vát phần còn lại
bằng chứng là khá nhiều người đã thành công
nhờ biết tổ chức

các cuộc thi tuyển và chấm giải
những bàn chân hoa hậu
kèm theo dăm tiết mục văn nghệ phụ

pháp luật đảm bảo quyền cạnh tranh dân chủ
ai cũng được khuyến khích tham dự
nhanh lên bà con nhanh lên chứ
biết đâu chừng vừa dứt tiếng gõ mười hai giờ
đêm nay hoặc đêm sắp tới

chiếc hài lại chẳng vĩnh viễn bay tuốt về trời

CHÂN PHƯƠNG

PHẠM DUY

những bước đầu

(trong nửa thế kỷ âm nhạc)

(Tiếp theo - xem từ Hợp Lưu số 17)

LTS: *Qua bốn kỳ báo, độc giả đã theo dõi phần đầu của cuốn* Lược Sử Nửa Thế Kỷ Tân Nhạc Việt Nam. *Hiện nhạc sĩ Phạm Duy đang tiếp tục các phần sau. Hợp Lưu sẽ xin phép tác giả để tiếp tục gửi đến bạn đọc trong tương lai gần.*

Hợp Lưu

THỜI KỲ THÀNH LẬP XU HƯỚNG NHẠC HÙNG

Những Bài Ca Hướng Đạo.

Chúng ta đã thấy rõ sự chuẩn bị và thành hình của nhạc cải cách với xu hướng nhạc tình trong những nhạc phẩm vừa được đem ra để thử thách và có thể nói là đã thành công một phần nào trên cả hai lĩnh vực nội dung và hình thức. Nhưng vì nhạc cải cách Việt Nam được sinh sôi nẩy nở trong một bối cảnh lịch sử rất sinh động cho nên nó cũng mang ngay vết tích của thời đại. Thời đại của những năm cuối cùng của những thập niên 30 bước qua thập niên 40 còn là cái thời mà cuộc Đại Chiến Thứ Hai đã khởi sự, một mặt thực dân Pháp muốn o bế dân thuộc địa khi chính quốc bị Đức chiếm đóng, một mặt người Việt Nam muốn lợi dụng cơ hội này để lật đổ chế độ thực dân. Tinh thần ái quốc được nung nấu từ lâu, bây giờ lại được nâng

lên rất cao. Tân Nhạc đã đóng góp vào việc đề cao lòng yêu nước của người Việt Nam trong thời đại, bằng một xu hướng khác với xu hướng nhạc tình. Đó là **xu hướng nhạc hùng.**

Trải qua gần 100 năm sống dưới ách thực dân, dường như không lúc nào không có những bài thơ, bài ca nung nấu lòng yêu nước và chí quật khởi của người mình trước cảnh bị đô hộ. Tôi có thể nói rằng lòng yêu nước của tôi sau này đã bùng nổ ra khi gặp cuộc Cách Mạng năm 1945, cũng chỉ vì suốt thời thơ ấu, lòng tôi đã được nung nấu bằng bài thơ Tiễn Chân Anh Khóa của Cụ Á Nam Trần Tuấn Khải. Bài thơ được phổ biến mạnh mẽ trong dân chúng Việt Nam vì nó được truyền tụng qua một điệu "ngâm" mà người ta đặt hẳn cho cái tên là **điệu anh Khóa.**

Trong lĩnh vực âm nhạc, ngoài những bài thơ ngâm như **điệu anh Khóa** hoặc **câu hò Huế** sau đây của Thúc Giạ Thị Ưng Bình:

Chiều chiều trước bến Vân Lâu / Ai ngồi ai câu? Ai sầu ai thảm? / Ai thương ai cảm? Ai nhớ ai mong? / Thuyền ai thấp thoáng bên sông / Đưa câu mái đẩy động lòng nước non...

cũng đã có những cuộc mai phục đây đó để nung nấu tình yêu nước của chúng tôi rồi. Chẳng hạn việc các nhà giáo dùng các điệu hát cổ truyền để kể chuyện lịch sử Việt Nam và dùng điệu Frère Jacques để thức tỉnh người dân bị trị mà tôi đã đề cập trong phần đầu của sách này...

Trong tiến trình của nhạc cải cách, cái mầm mống của xu hướng nhạc hùng là những bài hát hướng đạo (chants scouts). Các huynh trưởng trong Phong Trào Hướng Đạo Việt Nam như Hoàng Đạo Thúy, Ngô Bích San... đã lợi dụng sự có mặt hợp pháp của tổ chức hướng đạo để phổ biến những bài ca yêu nước.

Trước tiên, cũng như cái lối soạn *bài Ta theo điệu Tây* của Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi, các huynh trưởng nhờ các thi sĩ làm lời ca tiếng Việt cho những bài có sẵn của Pháp. Ví dụ bài *La Joie Scoute* đã có lời ca tiếng Việt soạn bởi nhà thơ Thế Lữ với nhan đề *Trên Đường Vui*:

Anh em ơi cùng nhau bước lên đường / Ta hát bài ca thiên nhiên / Dù mưa gió bão bùng ta cứ tới / Cùng hát lên cho đời sáng tươi / Dù khó nguy chúng ta đừng lui...

Bài *Joyeux Au Revoir*, bài hát tạm biệt của hướng đạo sinh cũng có lời ca của Thế Lữ, khởi đầu bằng câu:

Vì đâu anh em chúng ta / Giờ đây sắp cùng bùi ngùi xa cách / Cớ sao ta không cầu mong / Rồi đây có ngày còn hòng gặp nhau / Cách xa nhưng ta hằng vui / Vì nay ta biết còn ngày sung sướng / Cách xa nhưng ta hằng mong / Có ngày mình còn gặp nhau.

Mới đầu còn nhờ thi sĩ có cảm tình với Phong Trào Hướng Đạo soạn lời ca, sau rồi các huynh trưởng tự soạn lấy, chẳng hạn một bài hát kêu gọi đoàn kết của Ngô Bích San, dùng điệu dân ca của Hoa Kỳ là bài *Clementine* : *Một cây tiêu điều / Hai cây tiêu điều / Trời mưa cuốn, ắt tan tiêu! / Cùng chung góp sức / Trong cuộc sống hùng / Lập chiến công dài với nước non...*

Những điệu hát hướng đạo của Pháp hay của Anh, Mỹ đâu có chứa đựng tinh thần yêu nước, đâu có phải là những bài xưng tụng các vị *anh hùng lập chiến công cùng nước non?* Nhưng các huynh trưởng trong tổ chức hướng đạo Việt Nam đã không ngần ngại trong việc làm có tính chất mai phục đó. Một bài hát nhỏ cho sói con mà cũng đã chứa đựng tinh thần yêu nước chống xâm lăng rồi:

Bài Hát Cho Sói Con
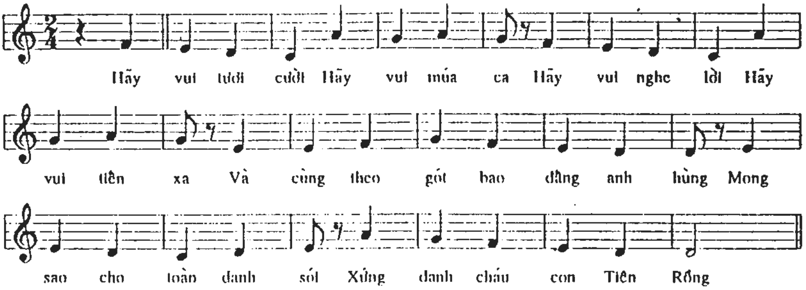
Bài hát khuyên các sói con *"vui tươi cười", "vui múa ca", "vui nghe lời", "vui tiến xa"*, nhưng mục đích là phải *"theo gót bao đấng anh hùng"* để *"xưng danh cháu con Tiên Rồng"*. Đây là bài ca hướng đạo nhưng cũng là bài ca ái quốc nữa.

Ngay trong năm 1938, khi phong trào Nhạc Cải Cách đang rầm rộ với hàng loạt nhạc phẩm xu hướng tình cảm được ra đời, hai tập nhạc hướng đạo ca cũng đã được phát hành. Đó là tập **Đời Vui Sướng** của Phạm Văn Xung và **Tiếng Chim Ca** của Lưu Ngọc Văn và Đào Văn Thiệt, cả hai tập đều là những bài hát ngoại quốc với lời ca tiếng Việt, xưng tụng sự vui sống và cũng đã có sự mai phục tình yêu nước yêu nòi của người Việt Nam ở trong các bài ca hướng đạo đó rồi.

Giống như tiến trình của loại **nhạc tình** trong những năm thử thách, **nhạc hướng đạo** sẽ không vay mượn các điệu Tây phương nữa, và sẽ là những bài rút âm hưởng từ các bài hát cải lương của gánh Trần Phềnh, như bài *Vui Ca Lên.*

Vui Ca Lên
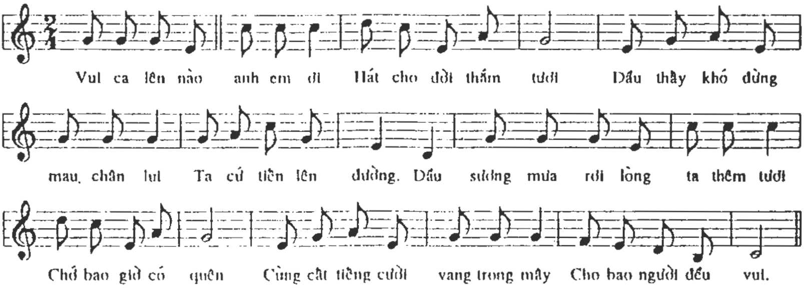
Vui ca lên nào anh em ơi / Hát cho đời thắm tươi / Dầu thấy khó đừng mau chân lui / Ta cứ tiến lên đường. / Dầu sương mưa rơi lòng ta thêm tươi / Chớ bao giờ có quên / Cùng cất tiếng cười vang trong mây / Cho bao người đều vui. / Vui ca lên nào anh em ơi / Chớ đau buồn khóc than / Đời tươi thắm vì trong sương mai / Vui ca hát vang lừng / Kìa chim trên cây / Kìa ong trên hoa / Bướm tung trời thiết tha / Cùng ham sống và vui quanh năm / Tô thắm tươi đời hoa...

Từ chủ đề vui sống, những bài hát hướng đạo sẽ xoáy vào chủ đề yêu nước với những bài hát xưng tụng các anh hùng xưa:

Anh Hùng Xưa

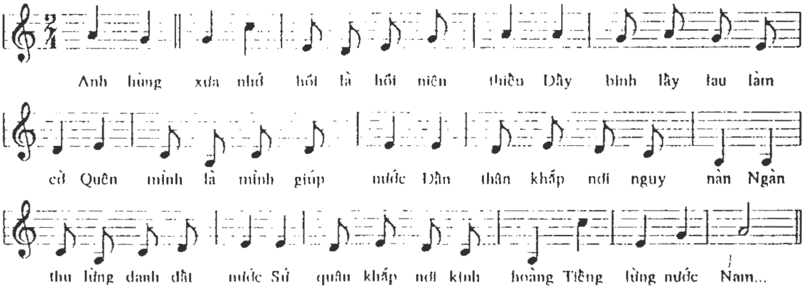

Bài hát hướng đạo trên đây — mà có người cho rằng đã do Hoàng Đạo Thúy soạn — sẽ vượt ra khỏi lĩnh vực hướng đạo để trở thành một trong những anh hùng ca đầu tiên của Tân nhạc Việt Nam. Bài hát xưng tụng Đinh Bộ Lĩnh này sẽ kéo theo một số lớn những bài tôi gọi là thanh niên lịch **sử ca** để từ đó sẽ tiến tới **Nhạc Cách Mạng, Nhạc Kháng Chiến.**

Nhạc hướng đạo khởi sự từ những bài tương tự như "bài Ta theo điệu Tây" do Tư Chơi Huỳnh Thủ Trung khởi xướng, hay khởi từ những âm hưởng của

điệu cải lương dùng trên sân khấu của gánh hát Trần Phềnh Hà Nội, qua tới năm 1939 thì đã có những bài hát hoàn toàn Việt Nam mới.

Những bài này không còn do các hướng đạo sinh soạn ra nữa. Nó là của những người tiên phong trong phong trào âm nhạc cải cách, ngoài những bài có xu hướng nhạc tình cảm thường thường là những bài hát buồn, còn muốn đưa ra những bài hát vui, vô hình trung tạo cho Tân nhạc một xu hướng mới gọi là **xu hướng nhạc hùng.**

Trước hết, năm 1939 là lúc Pháp bị thất trận ngay lúc khởi đầu cuộc Thế Chiến Hai. Nước Đức Quốc xã của Hitler chiếm một phần lớn của nước Pháp, chính phủ bù nhìn của Thống chế Pétain vẫn còn nắm được các nước thuộc địa, bèn đưa ra một phong trào gọi là *Phục Hưng*, vận động các thanh niên nam nữ ở các thuộc địa tham gia các tổ chức thể thao, hướng đạo... với hi vọng có thể dùng họ để có ngày sẽ giải phóng "mẫu quốc". Một số bài hát của Pháp được tung ra để suy tôn thống chế Pétain như *Maréchal Nous Voilà* hay kêu gọi thanh niên như *Debout Belle Jeunesse, Relèvement...*

Nhưng tại Việt Nam, giữa lúc tân nhạc đang được thành lập, sự phản ứng của thanh niên đối với thái độ của nhà cầm quyền Pháp là đưa ra những bài hát không phải để xưng tụng "mẫu quốc" đang thất trận, mà là để nung nấu lòng yêu nước và chí quật khởi của tuổi trẻ.

Trong giới sinh viên có Hoàng Gia Linh viết bài *Việt Nam Bất Diệt,* có Lưu Hữu Phước với Tiếng Gọi Sinh Viên... Trong giới nhạc sĩ tài tử có Hoàng Quý viết những bài hát cho các cuộc lửa trại của hướng đạo như *Đêm Trong Rừng, Trên Sông Bạch Đằng...*

Thế là trong tổ chức hướng đạo cũng như trong giới sinh viên học sinh bỗng nổi dậy phong trào hát những bài tân nhạc vui tươi hùng mạnh, và loại *nhạc thanh niên, lịch sử ca* đã ra đời, vô cùng phong phú, đóng góp rất nhiều vào cuộc Cách Mạng xẩy ra vào mùa Thu năm 1945.

THỜI KỲ THÀNH LẬP XU HƯỚNG NHẠC HÙNG
Thanh Niên Lịch Sử Ca

Một loại Tân Nhạc khác đã ra đời trong mấy năm 40-44 được hát trong các giới hướng đạo và sinh viên học sinh, với chủ đề là **Niềm vui sống và Tình yêu nước.** Dường như tất cả những nhạc sĩ tiên phong trong giai đoạn thành hình này đều có đóng góp tác phẩm của mình. Thẩm Oánh là người của nhạc tình, bây giờ cũng có bài kêu gọi thanh niên:

Thanh Niên Ơi!

Thanh niên ơi! / Còn gì vui hơn bước đường thanh niên / Đường rắc toàn hương như là cỏ tiên / Hãy say sưa mà quên hết buồn đi / Gắng công lên đời đúc rèn tâm trí. /Thanh niên ơi! / Dắt nhau lên đời cùng vang hát / Sánh vai cùng đi.

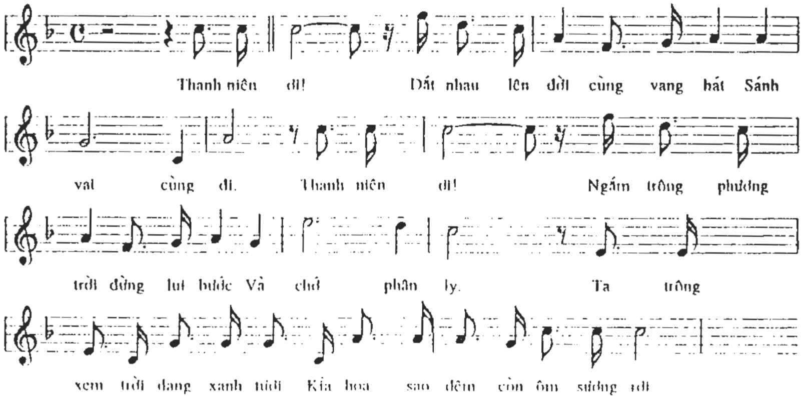

Thanh niên ơi! /Ngắm trông phương trời đừng lui bước /Và chớ phân ly. / Ta trông xem trời đang xanh tươi / Kìa hoa sao đêm còn ôm sương rơ /i Đắm đuối cười / Nhắn nhủ lời / Thiếu niên là người buổi mai... / Ta nghe xem lời ca muôn chim / Nhịp trong không gian mừng vui xôn xao / Ríu rít chào / Ánh *nắng đào / Và cùng vun vút bay cao... / Thanh niên ơi! / Dắt nhau lên đời cùng vang hát / Sánh vai cùng đi... / Thanh niên ơi! / Ngắm trông phương trời đừng lui bước / Ngần ngại mà chi ?*

Sau khi phong trào nhạc hùng lên mạnh, Thẩm Oánh soạn thêm những bài **anh hùng ca, lịch sử ca** như *Trưng Nữ Vương, Bình Định Vương, Hưng Đạo Vương, Hùng Vương...* trong đó một bài hát về hai Bà Trưng còn được phổ biến cho tới ngày nay nhờ ở nhiều thế hệ nữ sinh trường Trưng Vương.

Lê Thương của nhạc tình lãng mạn hồi bấy giờ cũng soạn lời ca cho hướng đạo ca, hát theo điệu *Il Était Un Petit Navire*, và cũng vẫn với tâm hồn rất thơ mộng của ông:

Il était un petit, petit navire (bis) / Qui n'avait jamais, jamais navigué (bis) / Ohé, ohé, ohé! / Ai đi trên đường thiên lý sương sa mù (2 lần) / Nên mang đôi cung, đôi cung với túi tên đồng (2 lần) /Để săn, mưa gió chiều đông. / Giương cung lên trời ai bắn lên mây ngàn (2 lần) / Bao nhiêu mưa rơi, mưa rơi xuống suối lâm tuyền (2 lần) / Thành cơn mưa gió tình duyên.

Đặng Thế Phong, ông vua của nhạc buồn, cũng soạn cho hướng đạo sinh, cho thanh thiếu niên thời đó một ca khúc mà tiếc thay ít người biết đến. Đó

là bài *Sáng Rừng*. Đây là một bài hát tươi vui, khác hẳn với sự bi quan trong những ca khúc mùa Thu của ông:

(đoạn I của bản nhạc **Sáng Rừng**)

Với nét nhạc ré mineur và nhịp chỏi (syncope) rất quen thuộc của ông, Đặng Thế Phong đã dùng đoạn đầu để báo tin mừng buổi sáng:
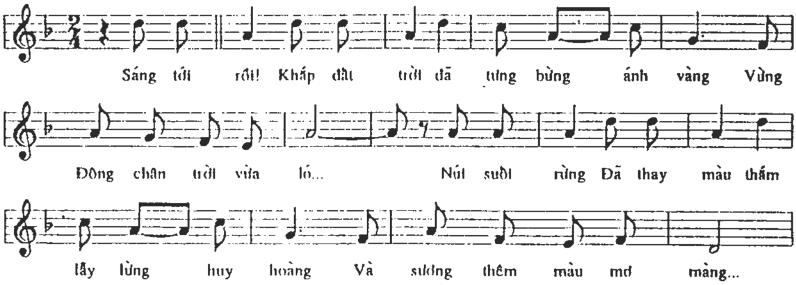
Rồi ông chuyển qua đoạn hai với một giọng nửa mineur - nửa majeur để nói lên niềm vui của chim chóc, hoa lá, mây trời... Ông cũng không quên những hạt sương còn đầm đìa trên làn cỏ xanh:

(đoạn II của bản nhạc **Sáng Rừng**)
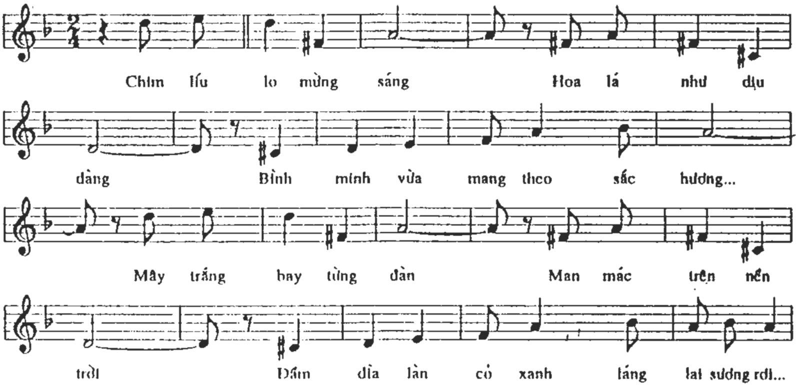
Rồi ông nói lên lòng say đắm của ông trước cảnh rừng sớm mai *"tuyệt vời"* làm *"trái tim thêm nồng nàn"* và *"tràn lấn"* thêm biết bao *"tình yêu đời"*:

(đoạn III của bản nhạc **Sáng Rừng**)
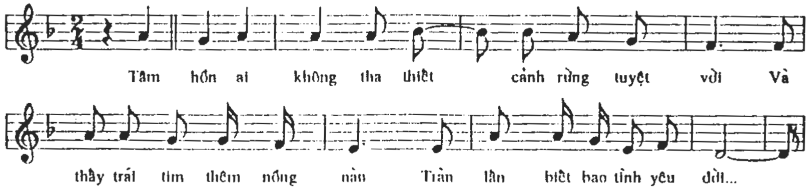
Quay về đoạn hai, ông kết thúc ca khúc với một xôn xao cuối cùng trước cảnh ánh dương lên, với làn gió làm lay động lá cây:

(đoạn IV của bản nhạc **Sáng Rừng**)
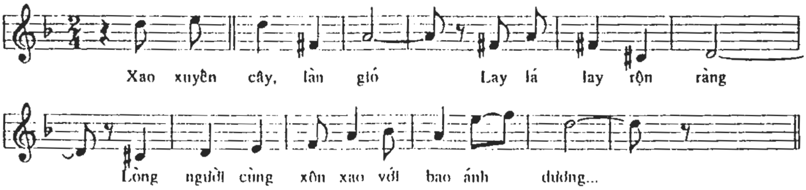
Bài hát được soạn cho tuổi xanh, xưng tụng thiên nhiên và tình yêu đời, rất lạc quan, khác hẳn với nỗi sầu vạn cổ trong ba ca khúc mùa Thu của ông. Thật là thiệt thòi cho nền Tân Nhạc khi một nghệ sĩ có tâm hồn bén nhạy như Đặng Thế Phong lại bị Thần Chết mang đi quá sớm !(1)

Trong giai đoạn thành hình của những bài hát hướng đạo và thanh niên lịch sử ca này, ngoài những nhạc sĩ đã bắt đầu nổi tiếng về nhạc tình và bây giờ có thêm xu hướng mới, còn có những nhạc sĩ trẻ khác cũng soạn **Thanh niên ca** và **Anh hùng ca** như Lê Như Khôi *(Trên Đường Xa)*, Lê Ngọc Huỳnh (*Trên Đường Hưng Quốc*), Lê Xuân Ái (*Hồn Nam Tướng*) v.v... nhưng tác phẩm của họ không được thịnh hành lắm. Chỉ có hai người là thành công rực rỡ vì không những có tài riêng mà còn có cả một hậu thuẫn lớn nữa. Đó là Hoàng Quý với nhóm ĐỒNG VỌNG và Lưu Hữu Phước với TỔNG HỘI SINH VIÊN.

Trước khi đề cập đến hai người này, tôi muốn nói đến một người hãy còn đang đóng một vai trò nhỏ trong nhóm nhạc sĩ trẻ ở Hải Phòng, cũng có dính dấp không ít thì nhiều với Hoàng Quý và ngay lúc này đã cho ta thấy cái tài hoa trong nét nhạc và lời ca. Người đó là Văn Cao ! Trước khi trở thành ngôi sao sáng trong nền Tân Nhạc với loại **nhạc cách mạng** và **nhạc trữ tình**, Văn Cao đã soạn những bài cho hướng đạo, cho phong trào thanh niên, sinh viên. Ngày nay, những hướng đạo sinh đã trở thành hội viên của các Hội Cao Niên vẫn còn nhớ mấy bài hát của Văn Cao được dùng trong phong trào hướng đạo cách đây gần nửa thế kỷ.

Với chủ đề Vui Sống hồi đầu thập niên 40, Văn Cao đã soạn ra khúc *Anh*

Em Khá Cầm Tay sau đây:

Anh Em Khá Cầm Tay
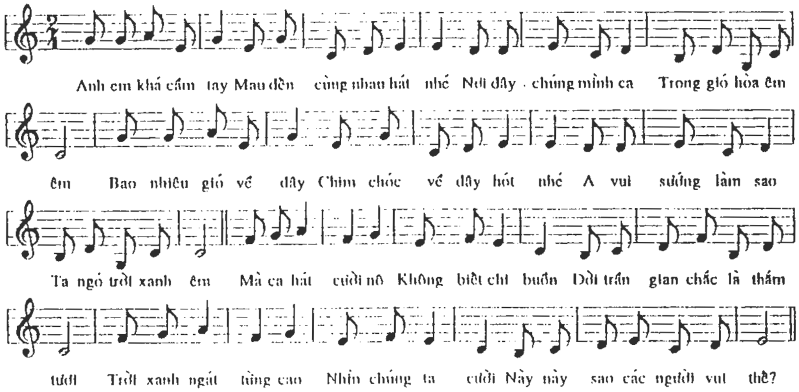
Nhạc khúc tuy hãy còn hơi vụng về trong cấu phong nhưng nét nhạc manh nha những phóng bút tuyệt vời của *Thiên Thai, Trương Chi* sau này. Lời ca hãy còn đơn sơ nhưng trong sáng, rất hợp với tuổi trẻ lúc đó. Cũng với mạch nhạc tươi thắm này, Văn Cao cho chúng ta thêm một bài hát hướng đạo với cảm tưởng của người trẻ đi cắm trại tại một khu rừng núi, nơi đây đã từng ghi dấu chiến công hiển hách của các vị anh hùng xa xưa! Qua bài *Gió Núi* này, ta đã thấy không khí của những anh hùng ca, lịch sử ca, cách mạng ca, kháng chiến ca sau này của Văn Cao:

Gió Núi

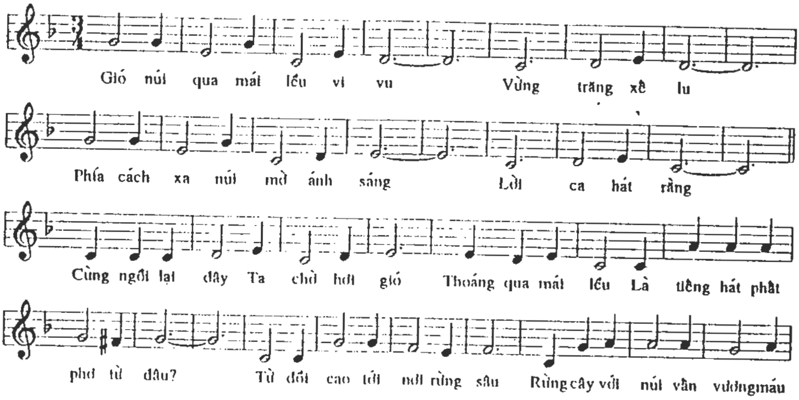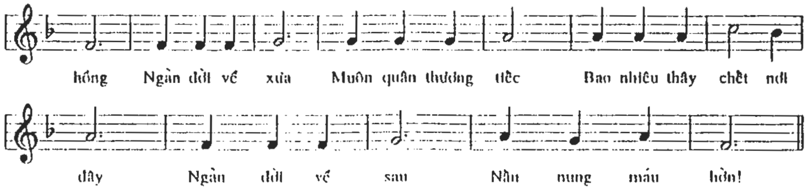

Mấy đóng góp của Văn Cao vào Tân Nhạc lúc đó chỉ được coi như sự "mài kiếm dưới trăng" của trng sĩ Văn Cao. Ông chưa thành công bằng mấy bài ht hướng đạo này, dù sẽ còn đóng góp thêm một **lịch sử ca** nữa là bài Đống Đa.

Thành công rực rỡ trong loại **Thanh Niên Lịch Sử Ca** thì có hai nhóm với nhạc sĩ dẫn đầu : Hoàng Quý và nhóm **Đồng Vọng**, Lưu Hữu Phước và Tổng Hội Sinh Viên. Nếu như Hoàng Quý, vì bản thân là một tráng sinh và một nhà giáo, chú trọng đến những bài hát hướng đạo, những bài hát thiếu nhi, thiếu sinh... thì Lưu Hữu Phước, lúc đó còn là sinh viên trường thuốc tại Hà Nội, lại chuyên chú về những bài hát chính trị, những bài kêu gọi thanh niên lên đường tranh đấu, những bài hát dựng lại lịch sử oai hùng của Việt Nam. Tất cả những tác phẩm thuộc **xu hướng Nhạc Hùng** này, suốt trong gần nửa thế kỷ nay, lúc nào và bất cứ ở đâu, cũng đều được hát đi hát lại trong mọi giới...

---

(1) Đặng Thế Phong có lên Hà Nội theo học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật một thời gian với tư cách bàng thính viên. Trong một kỳ thi, ông đã vẽ bức tranh "một cây cụt không có cành nào". Lúc nộp bài, một vị Giáo sư người Pháp xem tranh đã nói Đặng Thế Phong không thọ. Thời gian theo học này, ông đã phải vẽ tranh cho báo HỌC SINH (chủ bút là Phạm Cao Củng) như tranh các truyện "Hoàng Tử Sọ Dừa", "Giặc Cờ Đen" để lấy tiền ăn học.

THỜI KỲ THÀNH LẬP XU HƯỚNG NHẠC HÙNG
Hoàng Quý Và Nhóm ĐỒNG VỌNG

Ngay từ khi Tân Nhạc mới được thành lập, Hoàng Quý đã sốt sắng tham gia với một bài có tính chất xưng tụng quê hương, bài *Chùa Hương* với nhạc điệu, lời ca rất mộc mạc, rất êm đềm, không hay lắm nhưng cũng không dở lắm. Nhưng sở trường của ông có lẽ không phải là "nhạc tĩnh mịch" như tiếng nam mô hay tiếng chuông chùa trong động vắng trầm tư. Bài Chùa Hương không được đón nhận một cách nồng nhiệt, có lẽ vì dùng một âm giai Tây

Phương để diễn tả sự trầm lặng của một ngôi chùa Đông thì... không được ổn cho lắm.

Nhưng khi Phong Trào Thanh Niên mà nhà cầm quyền Pháp giao phó cho Đại Tá Ducoroy để "nắm" thanh niên nam nữ Việt Nam và có sự phản ứng của nhạc sĩ trẻ trong sáng tác, thì Hoàng Quý như cờ gặp gió, soạn ngay cho hai đoàn thể của mình là tổ chức hướng đạo và học sinh ở các trường nơi ông dạy học, một số bài hát có tính chất hát cộng đồng (hát chung với nhau, không còn là hát biểu diễn nữa)... Có bài được dùng để hát và múa trong đêm lửa trại, có bài là những "anh hùng ca", "lịch sử ca", những bài này có lẽ chịu ảnh hưởng của bài *Anh Hùng Xưa* đã có sẵn trong hướng đạo sinh.

Suốt trong một thời gian từ năm 43 cho tới 45, Hoàng Quý đã quy tụ được một số bạn hữu như Phạm Ngữ, Lưu Hữu Phước, Văn Cao, và em ruột của mình là Hoàng Phú (sau đổi tên là Tô Vũ) để sáng tác và ấn hành khoảng trên 60 bài ca theo **xu hướng nhạc hùng.**

Riêng về phần Hoàng Quý, đã soạn ra những bài ca bất hủ như *Trên Sông Bạch Đằng, Gọi Bạn Lên Đường, Tiếng Chim Gọi Đàn, Bóng Cờ Lau, Nước Non Lam Sơn, Lời Vọng Ngàn Xưa, Dưới Bóng Thủ Ống Xanh, Chiều Xuân, Nắng Tươi...* Bài được dùng nhiều nhất trong các đêm lửa trại là bài *Đêm Trong Rừng:*

Đêm Trong Rừng
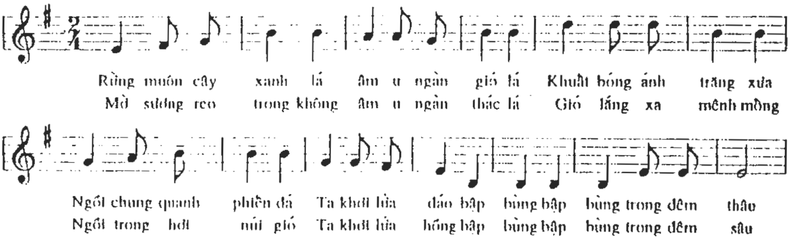
Tân nhạc không còn là những bài hát có tính chất biểu diễn nữa, và trở thành một tiếng hát kêu gọi đoàn viên cùng đến hát chung với nhau những tiếng hát rầm rộ, khỏe mạnh, hứng khởi. Không còn sự tịch mịch, sự bùi ngùi, sự than khóc miệt mài như trong loại nhạc tình tiêu cực nữa! Rõ rệt là các nhạc sĩ trẻ đã lợi dụng *Phong Trào Thanh Niên* mà thực dân Pháp đưa ra với ý định "nắm" các thanh niên thuộc địa, để viết ra những "thanh niên ca" của mình, của dân tộc mình.

Những bài hát dùng trong các buổi lửa trại, gọi chung là **nhạc hùng** gồm những bài *thanh niên ca* được soạn ra khá nhiều để nun nấu lòng yêu nước của thanh niên, phải cố gắng theo gương những người đã có công cứu nước.

Lúc đó, trong giới học sinh, sinh viên, hướng đạo đã có một bài lịch sử ca kể lại hầu hết những vị anh hùng lập quốc, cứu quốc và kiến quốc như Phùng Hưng, Trưng Vương, Đinh Bộ Lĩnh, Hưng Đạo Vương, Lý Thường Kiệt, Lê

Lợi, Quang Trung, Mai Hắc Đế, Lê Lai... Nhạc điệu hãy còn phải vay mượn điệu dân ca Hoa Kỳ *Clementine* nhưng lời ca thì rất hấp dẫn:

Tâm gan nát mòn / Noi gương anh hùng / Cùng nhau gắng sức quên tấm thân

Clementine

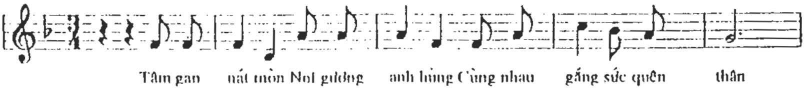

Giang sơn điêu tàn / Dân gian nguy nàn / Phùng Hưng uất ức phá tan hoang . . . / Trên vai mang thù / Thương dân lao tù / Bà Trưng tuốt kiếm phá quân Ngô . . . / Sứ quân tung hoành / Gieo kinh dân lành / Trừ yêu khắp nước có vua Đinh . . . / Quân Mông lên đường / Vua ta lo lường / Đằng giang quyết chiến có Hưng Vương . . . / Quang Trung anh tà /i Vung gươm / (?) / Vào Nam xuống Bắc / vững không lui . . . / Đao cung lên đường / Gian nguy coi thường / Tài Mai Hắc Đế nhất Nam Phương . . . / Quân Minh vây thành / Lê Lai quên mình / Vì dân cứu chúa chết quang vinh. . . / Đem binh ngăn Tàu / (?) / Ngàn năm hiếm có Lý Tường Quân . . . / Gian nguy muôn từng / Xông pha anh hùng / Cờ Lê phấp phới cứu muôn dân. . .

Những bài *anh hùng ca* soạn theo nhạc ngoại quốc như vậy đã được tung ra để hưởng ứng phong trào soạn nhạc hùng bên cạnh loại nhạc tình. Ví dụ bài *Ngô Quyền* của Khuyết Danh, mở đầu cho những bài cùng có chung một đề tài của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước sau này:

Bạch Đằng Giang, sông ơi! / Cùng ta réo lên chiêu anh hùng xưa / Theo tiếng sóng bên kia vừa tung bay / Tà giáp theo gương thần chập chờn / Trên sông thiêng đỏ máu ai kia / Đã vung kiếm báu lên trời ghi lúi vang / Bên ngàn núi sông chiêu hồn nước non. / Kìa Hoàng Thao đem bao quân sang / Quyết thâu giang sơn nhà Nam / Trên sóng biếc Ngô Quyền phá tan / Quân Tàu thoát nơi nguy nan / Bạch Đằng giang / Sông ơi là mồ chôn quân Nạm Hán / Dân trong nước nhớ ơn đời đời / Nhớ ơn anh hùng cứu nước khơi vùng tối tăm...

Nhưng những anh hùng ca mà tôi vừa kể ra đó, hoặc nó vay mượn nhạc điệu ngoại quốc, hoặc nó thiếu tính chất nghệ thuật cho nên nó đã không phổ biến mạnh mẽ. Đằng khác, Hoàng Quý có tài sáng tác, có cả một hậu thuẫn là hai giới học sinh, hướng đạo, nhất là có hẳn một cơ sở để ấn hành nhạc hùng là tổ chức ĐỒNG VỌNG, qui tụ được hầu hết các nhạc sĩ trẻ của thời đó.

Anh Hùng Ca của Hoàng Quý là những bài như *Bóng Cờ Lau*, xưng tụng vị anh hùng ở Động Hoa Lư:

Bóng Cờ Lau
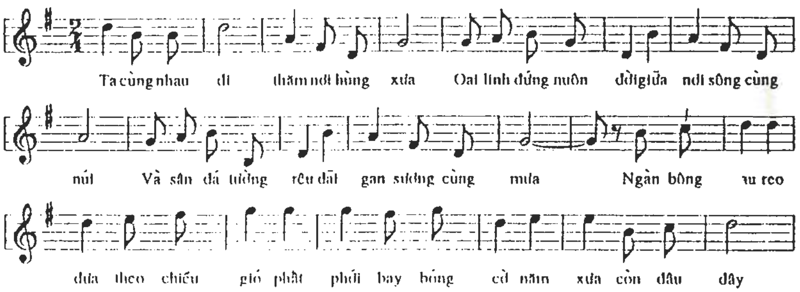
Nhạc điệu nghe ra rất khỏe mạnh. Lời ca không có vẻ " sáo ngữ ", gợi cho thanh niên những tình cảm đẹp đối với non nước Việt Nam,"*sân đá, tường rêu"...*" *ngàn bông lau reo, đưa theo chiều gió"*... với trẻ thơ anh hùng chơi trò đánh trận, với *"tiếng trâu xa, còn vọng trong khói mờ, dè chừng như tiếng loa trong rừng cây"*...

Xưng tụng Lê Lợi, Hoàng Quý soạn bài Nước Non Lam Sơn:

Nước Non Lam Sơn
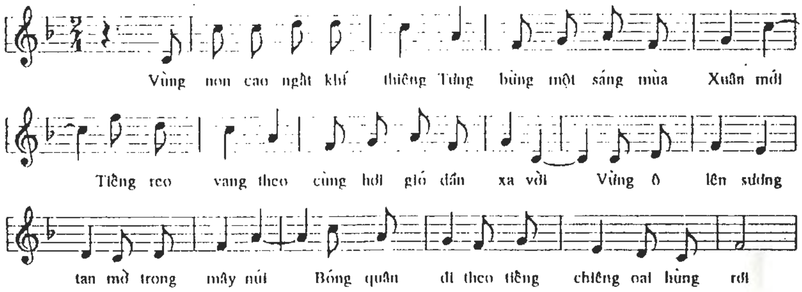
Nhạc Hoàng Quý không cầu kỳ, bóng bẩy, và có đặc điểm thôi thúc, lôi cuốn người nghe. Ông hay nhắc nhở lại một nét nhạc chủ đề trong nhiều ca khúc (1). Một nét nhạc sau đây là một ví dụ. Điệp Khúc của bài *Bóng Cờ Lau* có một nét nhạc tương tự như đoạn cuối bài *Nước Non Lam Sơn*:

Điệp khúc **Bóng Cờ lau**

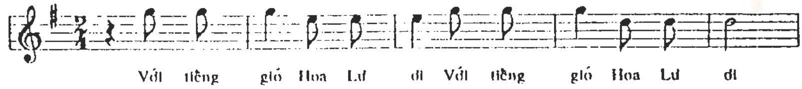

Điệp khúc **Nước Non Lam Sơn**
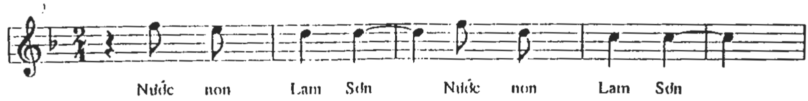
Hoàng Quý cũng như Lưu Hữu Phước còn ca tụng chiến thắng *Bạch Đằng Giang* nhưng nhạc ngữ của ông thiên về Á Đông hơn. Nhạc phẩm của ông thường là sự dung hòa hai âm giai ngũ cung và thất cung, trong khi nhạc hùng của Lưu Hữu Phước thì hơi giống nhạc fanfare của quân đội Pháp.

Trên Sông Bạch Đằng

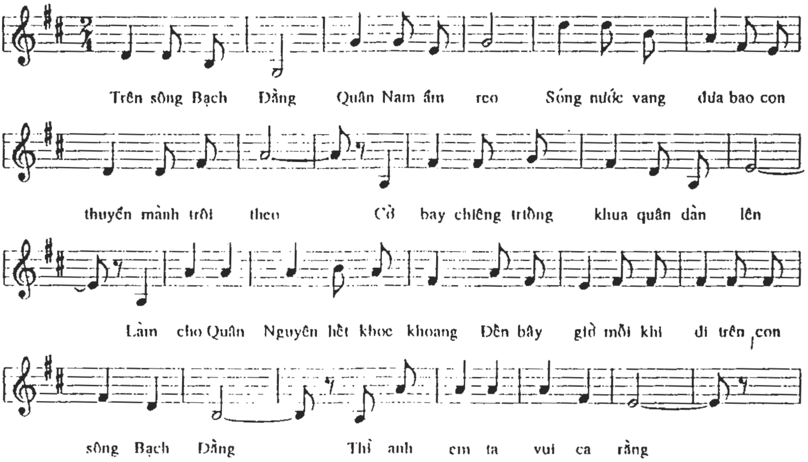

Bài hát của Hoàng Qúy giống như một *ronde enfantine* được hát đi hát lại nhiều lần, rất phù hợp với tuổi thiếu niên đang khao khát âm nhạc mới và được nuôi dưỡng thêm tình yêu nước, yêu những anh hùng liệt sĩ thuở xưa.

Đánh giá Hoàng Quý không nên chỉ thu hẹp vào những sáng tác của ông, bởi vì sự hoạt động cho nền nhạc hùng còn là một điều khiến chúng ta phải ghi nhớ và ghi ơn. Ông là linh hồn của đám nhạc sĩ trẻ ở Hải Phòng, thúc đẩy mọi người sáng tác và ông làm cho những sáng tác đó có một đời sống hẳn hoi, nghĩa là in ra, hát lên trong những sinh hoạt hướng đạo hay học sinh của ông.

Chắc chắn công việc làm của ông đã ảnh hưởng tới Lưu Hữu Phước, chứng cớ là những nhạc phẩm đầu tiên của họ Lưu đã được nhạc sĩ họ Hoàng cho in trong những tập nhạc ĐỒNG VỌNG, chẳng hạn như bài *Bạn Đường, Anh Em Bước Lên*, những hành khúc nho nhỏ mà Lưu Hữu Phước soạn ra trong những ngày theo học ở Đại Học Viện Hà Nội.

Văn Cao cũng đóng góp vào tổ chức ĐỒNG VỌNG một ca khúc nhan đề *Vui Lên Đường* ngoài hai bài hát hướng đạo đã kể. Phạm Ngữ khởi sự từ bài

Nhớ Quê Hương mà tôi đã nói tới, bây giờ cũng sáng tác thêm một bài xưng tụng quê hương: *Trước Cảnh Cao Rộng*. Hoàng Phú là em ruột của Hoàng Quý thì cống hiến những bài nói tới công ơn của Hai Bà Trưng cũng như của Đức Trần Hưng Đạo, nhan đề *Ngày Xưa*... cả hai bài này đều nằm trong nhạc mục của ĐỒNG VỌNG.

Nói tóm lại, công lớn của Hoàng Quý là ở chỗ đã đẻ ra **xu hướng nhạc hùng** trong những năm đầu của Tân Nhạc. Không những làm cho phong trào nẩy nở bằng những sáng tác của mình, ông còn là người đỡ đầu cho những nhạc sĩ trẻ cùng một chí hướng soạn nhạc hùng với ông nữa. Tiếc thay, cũng như nhân tài yểu mệnh Đặng Thế Phong, nhạc sĩ Hoàng Quý đã sớm vĩnh biệt chúng ta vào năm 1946 sau khi đã soạn thêm những bài thuộc xu hướng nhạc hùng như *Hương Quê, Sa Trường Tiến Hành Khúc*... Lúc ông sắp qua đời, ông cũng để cho một thứ tình cảm mềm mại hơn được phát xuất tự lòng mình qua một ca khúc buồn, bài *Cô Láng Giềng*. Rồi chưa soạn hết bài *Tú Uyên*, bản nhạc nói đến mối tình của một thư sinh và một người đẹp trong tranh, thì Hoàng Quý giã từ chúng ta, có lẽ để đi theo nàng tiên vào bức tranh vạn cổ chăng?

---

(1) Nét nhạc này về sau ta cũng thấy hiện ra trong những hành khúc của Văn Cao.

THỜI KỲ THÀNH LẬP XU HƯỚNG NHẠC HÙNG

Lưu Hữu Phước Và Nhóm TỔNG HỘI SINH VIÊN

Trong một bài viết về *Thời Tiền Chiến Trong Tân Nhạc*, in trong tập nhạc NHẠC TIỀN CHIẾN do Kẻ Sĩ ấn hành năm 1970 tại Saigòn, Lê Thương đã cho rằng: "*...Từ 1943 đến 1945 thì Tổng Hội Sinh Viên đã chế ngự phong* trào *Tân Nhạc và gây những ảnh hưởng sâu đậm chưa từng có. Nhóm khởi (lên là) trong đám sinh viên Đại Học ở Hà Nội, trong đó sinh viên gốc Miền Nam tỏ ra có nhiều khả năng nhạc nghệ. Tổng Hội Sinh Viên chú trọng đặc biệt đến việc dùng Tân Nhạc trong cuộc đấu tranh chánh trị chống thế lực ngoại bang thời đó là Pháp-Nhật...*"

Trong một đoạn viết trước đây, tôi cũng cho rằng : "*Vào lúc Tân Nhạc Việt Nam có thêm xu hướng mới, trong hai nhóm chủ trương Nhạc Hùng thì nhóm Tổng Hội Sinh Viên có nhiều tính chất chính trị hơn nhóm Đồng Vọng*".

Sinh viên Lưu Hữu Phước quê quán tại Miền Nam đã ra Hà Nội để theo học tại trường Thuốc vào lúc Tân Nhạc vừa thành hình. Ông tham gia vào phong trào nhạc mới, trước tiên, với vài bài hát nhỏ thuộc loại nhạc tình cảm

như bài *Hương Giang Dạ Khúc* chẳng hạn, dùng âm giai ngũ cung Huế, hoặc bài *Ru Con*, dùng âm giai oán... hai bài này tôi thường hát trên sân khấu gánh hát rong ĐỨC HUY trong mấy năm 43-45. Khi xu hướng nhạc hướng đạo, nhạc vui tươi ra đời để dẫn tới nhạc hùng thì Lưu Hữu Phước đưa cho nhóm ĐỒNG VỌNG của Hoàng Quý ấn hành một số bài theo đúng tôn chỉ của nhóm đó như *Vui Xuân, Bạn Đường, Đi Hội Đền Hùng*...

Nhưng tới khi những bài ca có tính cách xưng tụng anh hùng, ngợi ca lịch sử ra đời và được hoan nghênh thì Lưu Hữu Phước và nhóm sinh viên trong Tổng Hội, với lối sống tập thể và chắc chắn đã có sự lãnh đạo chính trị trực tiếp hay gián tiếp của một tổ chức (Đảng Dân Chủ?), đã tung ra hàng loạt những bài ca có giá trị và có khả năng nung nấu tinh thần yêu nước của tất cả mọi người, nhất là trong đám thanh niên nam nữ. Những trang sử oai hùng đã được viết ra bằng ca nhạc, lần này hay hơn những công trình của người tiền bối (như bản trường ca *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* của Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái chẳng hạn) vì, để xưng tụng lịch sử, bây giờ là những nhạc phẩm hoàn toàn mới mẻ, lời ca không còn bị đóng khung trong khuôn khổ thơ lục bát, nhạc điệu bay bổng trên những cung bực tân kỳ, nghệ thuật âm thanh biến đổi, nhạc khúc không còn tính chất gợi cảm (impressioniste) nhẹ nhàng mà là những tác phẩm tả thực (réaliste), là những bài có thể được gọi là **siêu hùng ca** (chant épique)...

Những bài như *Bạch Đằng Giang, Ải Chi Lăng, Hội Nghị Diên Hồng, Nam Tiến, Hát Giang Trường Hận, Hờn Sông Gianh*... là những công trình vĩ đại (so với thời đó) không những bởi giá trị xã hội (vì xuất hiện đúng lúc quốc dân đang mong chờ) mà còn bởi giá trị nghệ thuật của từng tác phẩm nữa. Bài *Bạch Đằng Giang* tuy mở đầu với một nét nhạc Tây phương nhưng đã được nhạc sĩ khéo léo chia bài hát ra làm bốn đoạn.

(đoạn I của **Bạch Đằng Giang**)
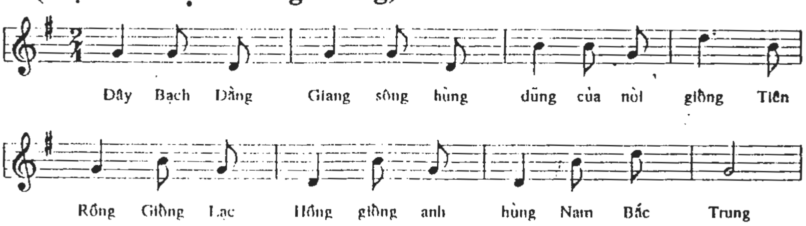
Đoạn Một là lời xưng hô của dòng sông anh dũng. Đoạn Hai sẽ là một câu hát nhanh nhẹn và rất dài (chứng tỏ sự phong phú của nhạc sĩ trong việc cấu tạo giai điệu) vươn lên từ trầm tới bổng, mô tả *trời xanh chen bóng ô, sóng trên dòng sông nhấp nhô, cây cao bên bờ soi bóng, có gió cuốn ngàn lau... và phảng phất trong gió là anh hồn* của ai đang rung lên làm cho ta phải *xiết bao rung cảm...*

(đoạn II của **Bạch Đằng Giang**)

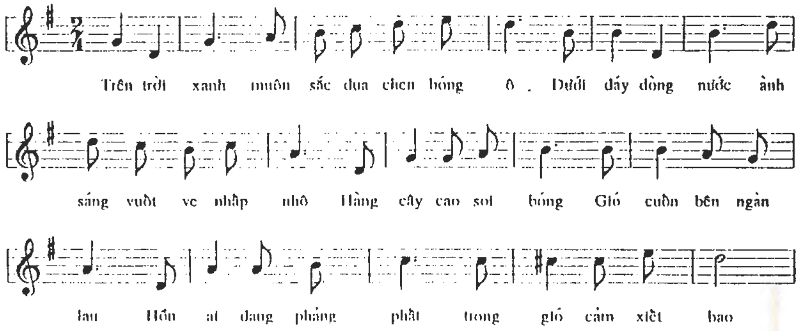

Đoạn Ba bỗng trở nên thong thả, với giọng mineure buồn dịu, nhắc tới thời liệt oanh của *bao người xưa trung chánh, vì yêu quốc gia vui lòng hiến thân... liều mình ra tay, tuốt gươm bao lần :*

(đoạn III của **Bạch Đằng Giang**)

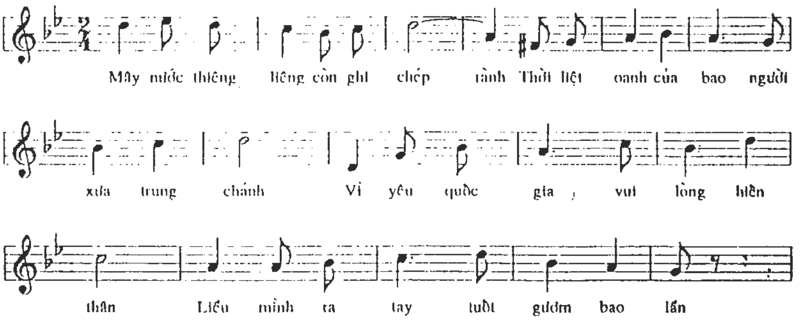

Đoạn Bốn trở lại giọng majeure và nhịp hùng mạnh, kéo ta trở về hiện tại, nhắn nhủ ta nêu cao *tấm gương anh hùng* và dù cho *có sấm sét bão bùng thì Bạch đằng giang vẫn sáng để cho nòi nòi giống soi chung.*

(đoạn IV của **Bạch Đằng Giang**)

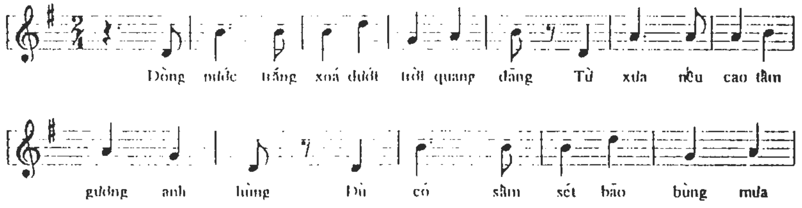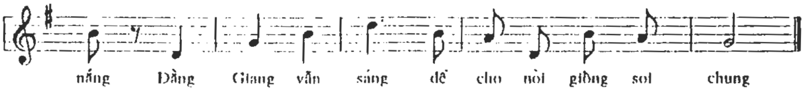

Bài *Ải Chi Lăng* thì có thêm nhiều kịch tính. Mở đầu cũng là tiếng kèn, tiếng loa, tiếng trống và có thêm tiếng reo hò của muôn dân:

Ải Chi Lăng
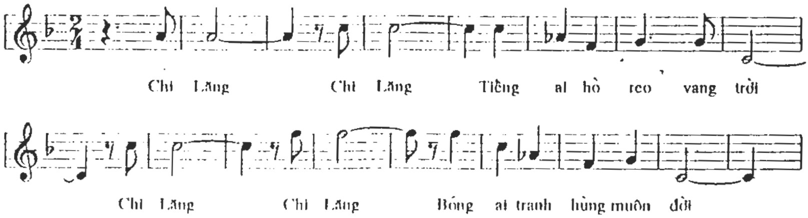
Thế rồi từ một câu nhạc có tính chất opera như vậy, nhạc chuyển động, trở thành nhịp hành quân, nghe kỹ ra thì là nhịp vó ngựa phi trên chiến trường. Tác giả diễn tả rất đầy đủ trận chiến giữa quân ta và những quân Tống, quân Minh. Rồi khuyên nhủ chúng ta theo gương **khuất nam bình Bắc** của tổ tiên oai hùng:

(đoạn 2 của **Ải Chi Lăng**)

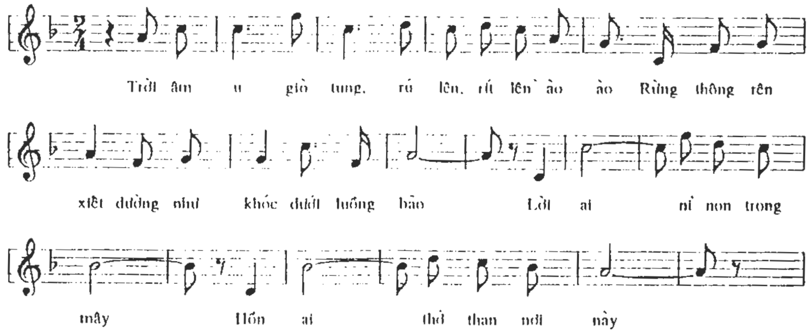

Cũng với lối hành âm, hành điệu như vậy, Lưu Hữu Phước còn cho chúng ta bài *Hội Nghị Diên Hồng*, một bài có tính chất một nhạc cảnh, mở đầu với tiếng loa kèm theo tiếng gọi:

Hội Nghị Diên Hồng

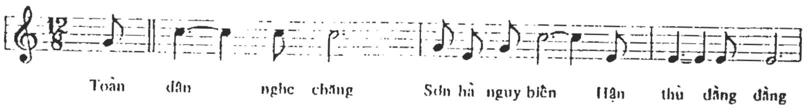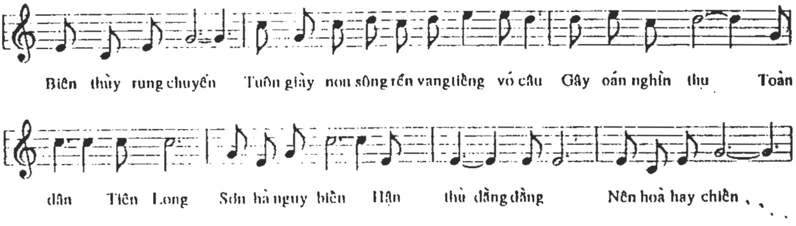

Tác giả vẽ ra khung cảnh một hội nghị lịch sử của dân Việt với lời hỏi của nhà cầm quyền : Sơn hà nguy biến, Trước nhục mất nước, Nên hòa hay chiến? Và tứ dân mà đại diện là các bô lão đã khẳng khái trả lời : Quyết chiến! Quyết hy sinh!

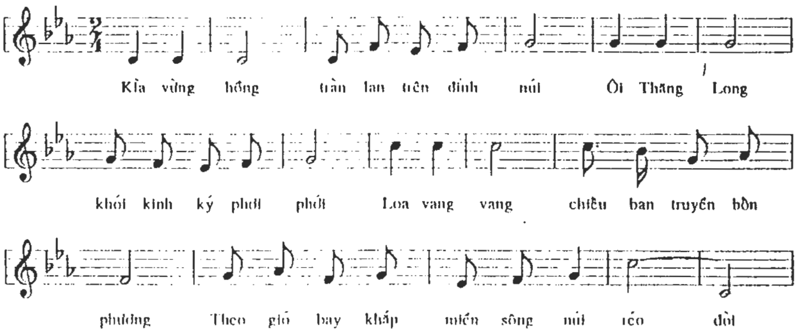

Cũng như hai bài trước, bài *Hội Nghị Diên Hồng* này có nhiều lớp lang, có nhiều đoạn ca với nhiều nhịp điệu và nhạc điệu khác nhau, người hát và người nghe chẳng bao giờ thấy chán miệng chán tai cả. Ra đời vào lúc thanh niên đang sẵn sàng đứng lên đáp lời sông núi, những bài được gọi chung là **thanh niên lịch sử ca** này của Lưu Hữu Phước mang rất nhiều tính chất lạc quan, tích cực, khác hẳn với những bài hát bi lụy trong xu hướng nhạc tình của thời đó. Lúc đó chàng sinh viên họ Lưu này, có luôn luôn bên cạnh mình những người bạn về sau trở thành những chính trị gia chuyên nghiệp như Mai Văn Bộ, Nguyễn Thành Nguyên, Huỳnh Văn Tiểng... để soạn dùm lời ca hoặc để cung cấp đề tài. Trong một thời gian không lâu, Lưu Hữu Phước cùng với nhóm sinh viên trong Tổng Hội, thường thường là người miền Nam, đã tung ra đủ mọi loại bài ca cho đủ mọi hạng người trong xã hội.

Ngoài những bài có tính chất lịch sử ca rõ rệt vừa kể trên, họ Lưu cũng

với những đồng chí của mình là Mai Văn Bộ, Huỳnh (hay là Hoàng) Văn Tiểng đã soạn cho sinh viên, thanh niên những bài như *Tiếng Gọi Sinh Viên* (sau này đổi tên là *Tiếng Gọi Thanh Niên* và được các chính quyền miền Nam chọn làm quốc ca), *Lên Đàng, Xếp Bút Nghiên*...Sau này, ba người sinh viên đó sẽ chung nhau mở một nhà xuất bản âm nhạc tại Saigòn lấy tên là HOÀNG-MAI-LƯU, cũng như họ ký tên như vậy trong những bản nhạc, ví dụ bài *Hờn Sông Gianh* được in ra, có ghi rõ nhạc của Lưu Hữu Phước, lời của Hoàng Mai Lưu. Bài này có chung một nhạc điệu với bài *Hồn Tử Sĩ.*

Sau khi soạn nhạc cho giới sinh viên, thanh niên, Lưu Hữu Phước soạn cho thiếu niên những bài như *Gieo Ánh Sáng, Thiếu Sinh Hành Khúc, Reo Vang Bình Minh*. Nhạc điệu cũng như lời ca rất là vui tươi, trong sáng. Thiếu nữ cũng được xưng tụng trong những bài *Việt Nữ Gọi Đoàn, Thiếu Nữ Việt Nam..*

.

Trông hoa xuân thắm tươi trên muôn cành / Lòng niên thiếu chan chứa hương xuân / Reo lên trong nắng mới, trong vui mới / Vì chị em : ấy hoa của đời. / Này chị em khắp nước Nam / Dịu dàng như những đóa hoa /Như những đóa hoa /Tô thắm cho sơn hà. / Hồn thanh xuân khuyến khích ta / Nào chị em cất tiếng ca / Ta cất tiếng ca / Vui vẻ thêm cho nước nhà!

Hơn nữa, Lưu Hữu Phước còn sáng tác những bài ca trầm hùng (tuy buồn nhưng vẫn hùng tráng) như *Kinh Cầu Nguyện, Hồn Tử Sĩ* (bài này cũng được Miền Nam Quốc Gia chọn làm bài ca tử sĩ chính thức), *Đoàn Quân Ma, Người Xưa Đâu Tá*... Bài *Khúc Khải Hoàn* của ông thì nghe như một bài âu ca, có thể dễ dàng trở thành một bài ca chính thức.

Dường như Lưu Hữu Phước đã chọn con đường trở thành nhân vật chính thức ngay từ những ngày còn trẻ cho nên ông còn soạn — trước và trong thời gian kháng chiến chống Pháp — những bài như *Lục Quân Trần Quốc Tuấn, Ngọn Cờ Dân Chủ, Âu Ca Việt Nam, Đông Nam Á Châu Hành Khúc*... Sau này ông còn soạn bài ca chính thức cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam dưới bút hiệu Huỳnh Minh Siêng.

Cũng vì con người chính trị của Lưu Hữu Phước được nổi bật trong lịch sử cận đại, người nhạc sĩ đầu tiên xứng đáng để trở thành một ông quan của chế độ, và cũng vì bản thân tác phẩm nhạc hùng của ông có giá trị nghệ thuật rất cao... cho nên người ta quên mất loại nhạc tình cảm của ông, theo tôi, rất có giá trị là những bài *Hương Giang Dạ Khúc, Thượng Lộ Tiểu Khúc* và nhất là hai vở ca kịch *Con Thỏ Ngọc* và *Tục Lụy*. Cũng có thể tại chính tác giả nữa, vì khi xuất bản bài *Hương Giang Dạ Khúc*, chàng sinh viên bụ bẫm họ Lưu còn rụt rè, đắn đo, không dám ký tên thật mà chỉ dám dùng nặc danh là nhạc sĩ không tên ! Có lẽ Ông đã nuôi lập trường rõ rệt của một chánh trị gia ngay từ lúc đó chăng? Nhưng khi phổ nhạc những lời thơ của Khái Hưng để hoàn thành vở ca kịch đầu tiên của nền Tân Nhạc Việt Nam là vở *Tục Lụy* thì ông không còn nhút nhát nữa. Nét nhạc tuyệt vời của ông đã làm cho thơ có cánh

mà bay. Dân Hà Nội đã có dịp được thưởng thức những bài ca trong vở đó như *Phiêu Phiêu Gió Reo Trên Ngàn, Ta Hãy Lắng Tai Nghe, Ta Là Một Nàng Thơ Trên Tiên Giới, Ta Là Một Gái Đồng Trinh, Người Đi Săn, Hỡi Ánh Mai Hồng, Ta Là Một Tiếng Vang... v.v.* Câu chuyện thần tiên của một Nàng Tiên bị người đi săn nơi hạ giới lấy mất đôi cánh, mang nặng không khí hồn bướm mơ tiên trong thời đại rất ngây thơ của chúng ta, trước khi bão tố của Cách Mạng Mùa Thu 45 sẽ lùa tới và cướp mang đi (như anh thợ săn cướp đi đôi cánh thần của nàng tiên?)... *Con Thỏ Ngọc* cũng không kém phần thi vị, là một vở ca vũ nhạc kịch dành cho thiếu nhi. Rất tiếc là về sau, khi ông giữ chức vụ cao trong chính quyền, ta không thấy ông cho sống dậy hai vở ca vũ kịch tuyệt vời này, ông chối bỏ những tác phẩm này cho phù hợp với địa vị và lập trường chính trị chăng?

Sở dĩ Lưu Hữu Phước có thể soạn được nhiều bài ca thuộc nhiều loại như vậy là vì ông có sẵn cái vốn nhạc Âu Phương mà đa số những nhà tiền phong trong phong trào Tân Nhạc cũng có. Sau nữa, ông lại còn được gửi đi Nga Xô để học nhạc để rồi sẽ soạn ra những bài như *Dưới Cờ Đảng Vẻ Vang, Tiếng Hát Dâng Đảng, Tình Bác Sáng Đời Ta...*

PHẠM DUY

LƯU TRỌNG VĂN

đất mẹ - đất nàng

● Kính tặng nhạc sĩ Phạm Duy

Về thôi
Người tình ơi
Thôn nữ chị đã qua cầu thóc lép
Thôn nữ em trăng tuột chồi tay
Thôn nữ út lơ đểnh lên đòng, nào biết
Khúc tình xưa - xưa ấy - xưa rồi

Về thôi
Làm gì có trăm năm mà đợi
Làm gì có kiếp sau mà chờ
ĐẤT MẸ - ĐẤT NÀNG
Con sáo sang sông tha cọng rơm vàng
lót ổ
19 năm Bến cũ
Người tình ơi, nhớ không?

14/XI/1994
LƯU TRỌNG VĂN

LÊ THỊ THẤM VÂN

một ngày, nghĩ đến anh

Nhìn khuôn mặt mình trong gương
không phấn son,
ủ dột như lòng em, buổi sáng thức dậy không có anh.
Tách cà phê đã nguội.
Tờ nhật báo lật dở trang thời tiết,
nơi có địa chỉ anh.
Độ lạnh dưới 10; Gió thổi bốn mươi dặm.
Sáng nay đi làm anh bận đủ áo ấm không?

Buổi trưa
miếng sandwich mua ở máy
cọng xà lách, ham, cheese
mềm nhũn trong tay em.
Cắn nhai nuốt chậm chạp, lười biếng
Cần nghe giọng nói của anh lúc này.

Nắng chiều hắt một mảng lớn trên cây trắc bá trong bãi đậu xe
lá đã úa vàng
Mùa thu đang qua và mùa đông sắp tới.
Xa lộ đầy nghẹt xe
Đạp thắng, nhả ga, từ từ không vội vã.
Bên lề đường,
người đàn ông Mễ đứng bán bó hoa tươi (Roses, carnations, lilacs...)
"Bó hoa người nào sẽ được trao tặng trong thành phố này, hở anh?)

Đêm đến thật nhanh nơi em ở một mình
Màu đêm mênh mông. Màu đêm lạnh lẽo.
Gối chăn giường rộng trong căn phòng có bức tường in bóng em ngồi.
Lại nhớ,
mắt môi sóng mũi thẳng
nụ cười vẫn còn nét tinh nghịch trẻ thơ.
Lại thèm
nắm lấy bàn tay
đã
vò xát da thịt em,
chùi khô nước mắt em

Anh yêu ơi
trọn một ngày hôm nay em chỉ nghĩ đến anh.

LÊ THỊ THẤM VÂN

NGUYỄN HOÀNG NAM

người sói

ta gọi tên em
cuồng trời gió rú
máu bật môi thèm
mắt long dã thú

tiếng thét xoáy vang
xé từng kẻ tóc
bấn loạn tay chân
cuộc đua hồng hộc
tinh tú nổ phanh
trên đầu lưỡi nhọn
bóng tối nhe nanh
thân người nuốt trọn

ta gọi tên em
thơ phừng chất đốt
ngùn ngụt phựt tim
thân ta ngọn đuốc

mặt trời khét đen
da hừng nhểu giọt
cụm mây nồng men
thiên đàng lửa bốc
địa ngục bung toang
ma ào quỷ ạt
lên đỉnh tục phàm
phọt trào chót vót

ta gọi tên em
tiếng cười nhớt nhợt
liếm mép đã thèm
trái yêu vữa ruột
ta gọi tên em
trăng rời rã rớt
trăng trẻ trọn đêm
lúc đời có thật

NGUYỄN HOÀNG NAM

NGUYỄN HUY THIỆP

hoa sen nở trong ngày 29 tháng 4

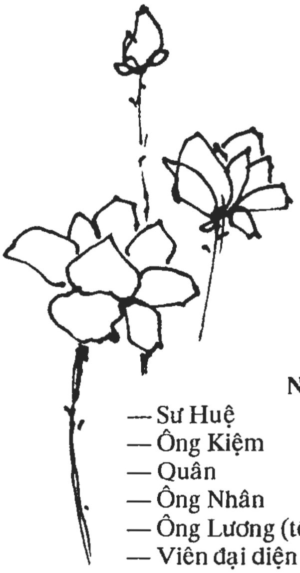

LTS: *Bản tiếng Pháp của vở kịch dưới đây đã đăng trên Le Nouvel Observateur, nhân ngày 29 tháng 4, sinh nhật thứ 30 của tờ tạp chí này. Được sự cho phép của tác giả, tòa soạn trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bản nguyên tác tiếng Việt.*
Tất nhiên, như mọi sáng tác của nhà văn này, chúng ta sẽ đọc nó "giữa hai dòng chữ".

Hợp Lưu

Nhân vật:

— Sư Huệ
— Ông Kiệm
— Quân
— Ông Nhân
— Ông Lương (tên trộm)
— Viên đại diện và những người đi theo.

Chuyện xảy ra trong một ngôi chùa nhỏ ở nông thôn Việt Nam

Lớp 1
ĐẦU THAI

Sư Huệ đang tụng kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (Ma Ha Prajna Pramita). Sư Huệ là hòa thượng trụ trì ngôi chùa này. Ông Kiệm bước vào. Ông là người giúp việc cho hòa thượng.

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Thầy dậy sớm thế? Con đã pha trà... Mời thầy nghỉ.

SƯ HUỆ: Cám ơn bõ... (*đứng dậy*) Bõ bảo tôi dậy sớm. Thế bõ cũng dậy sớm đấy thôi.

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Con không ngủ được... Bây giờ đến tuổi già, gần đất xa trời, cứ nhìn thấy thời gian trôi mà sợ.
SƯ HUỆ: Thế bõ sợ gì? Sợ cái chết chăng?
ÔNG KIỆM: Bạch thày! Con không biết con sợ gì... Chỉ thấy chung quanh mình tất cả đều trôi đi, tất cả đều biến đổi, đến mất hút vào đâu đó... Rồi tất cả không phải là thế này nữa... Thế là con sợ.
SƯ HUỆ: Phải... Cảm giác rất đúng.
ÔNG KIỆM: Không phải sợ chết. Chết có gì mà sợ, cảm giác mất đi, bị hủy diệt trong từng giây khắc...
SƯ HUỆ: Ta hiểu... Ta hiểu... Bõ mới nhìn thấy một phía ý nghĩa của sự biến dịch, nên bõ sợ. Còn một phía ý nghĩa khác nữa. Khi mất đi, cũng có thể sự vật sẽ nẩy sinh ra điều gì đấy. Cần phải có cách nhìn toàn bộ, toàn diện đối với sự biến dịch...
ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Con không hiểu điều thầy nói.
SƯ KIỆM: Hiểu làm gì? Ta cũng tăm tối... Cũng vô minh như bõ thôi. Hôm nay là ngày mấy?
ÔNG KIỆM: Hôm nay là ngày 29 tháng 4 lịch Tây.
SƯ HUỆ: Thế là ngày 17 tháng âm lịch. Hôm nay là ngày tốt đây. Hôm nay là ngày Hoàng Đạo, sao Lâu*, chủ về hưng thịnh may mắn, tốt đẹp. Hôm nay sẽ có nắng đấy, bõ ạ.
ÔNG KIỆM: Có nắng thì tốt quá... Con muốn cuốc cho xong mảnh vườn để kịp gieo đỗ... Bạch thầy, ấm trà nụ vối đã ngấm rồi đấy, thầy uống đi cho nóng.
SƯ HUỆ: Được rồi... Bõ ngồi xuống đây uống trà với ta... Hôm nay là ngày sinh nhật ta đấy, bõ à.
ÔNG KIỆM: Thế ạ? Nếu thế để con ra chợ sắm sanh vài thứ về làm bữa cơm chay mừng thầy. Để con báo cho mọi người đến dự...
SƯ HUỆ: Thôi... thôi... Bày vẽ làm gì. Mọi người ai cũng bận. Ta không muốn làm phiền lụy mọi người.
ÔNG KIỆM: Bạch thầy? sao thầy nói thế? Thầy không biết rõ giá trị tinh thần nơi thầy. Nó có ý nghĩa nâng đỡ nào đó đối với chúng con. Kỷ niệm ngày sinh của thầy là điều cũng nên làm chứ?
SƯ HUỆ: Ta chịu bõ! Bõ cũng lý sự lắm... Thôi cứ tùy tiện... Nhưng như thế nghĩa là bõ, nghĩa là mọi người cùng đặt lên vai ta một trách nhiệm, một gánh nặng...
ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Biết làm sao được... Nhưng ở đây, ở chốn hoang vu mọi rợ này, nếu không có thầy, có ngôi chùa này, không có tôn giáo... Con không hình dung nổi nó sẽ thế nào...
SƯ HUỆ: Bõ lo xa đấy thôi. Không có ta cũng chẳng sao đâu. Nó sẽ không phải như thế này nữa, có thế thôi. Nó thế khác, nó vẫn có giá trị riêng của nó.
ÔNG KIỆM: Phải... Phải... Nhưng nó xấu đi nhiều.
SƯ HUỆ: Bõ lại bi quan rồi...

ÔNG KIỆM: Không phải đâu. Con đã sống gần hết cuộc đời, con biết. Gì thì gì, con cũng sáu mươi tuổi rồi, con biết, không có đạo đức cơ cực lắm. Thầy còn lạ gì đời con, con đã từng đi ở, đi buôn, đã từng ăn cắp, cướp của, vào tù... Người đời có gì thì con có nấy, tốt cũng có, xấu cũng có... Rốt cuộc con cũng phải tìm đến nương nhờ cửa Phật.

SƯ HUỆ: Xét về khía cạnh nào đấy, đạo cũng chỉ là văn hóa thôi. Văn hóa cho toàn bộ đời sống.

ÔNG KIỆM: Con không biết... nhưng trước hết là được an lòng... Con đi tìm sự an tâm nơi thầy.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Chính ta cũng không biết ta có an tâm không... Bây giờ là mấy giờ rồi, hả bõ?

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Bây giờ khoảng hai giờ sáng.

SƯ HUỆ: Kìa! Sao bức tượng Phật Thích Ca trên bàn thờ lại rung động thế kia?

ÔNG KIỆM (*dụi mắt*): Bạch thầy! Thầy bảo pho tượng nào? Con chẳng thấy gì hết?

SƯ HUỆ: Đấy! Ngài bước đi kìa! Nam Mô A Di Đà Phật!

ÔNG KIỆM (*đến gần bàn thờ*): Đâu? Tượng nào? Tất cả vẫn nguyên vẹn cả. Thầy bảo tượng nào?

SƯ HUỆ: Đấy! Pho tượng Thích Ca một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất đấy! "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*" pho tượng ấy đấy!

ÔNG KIỆM: Thầy nói thế nào chứ? Pho tượng vẫn nguyên vẹn đấy mà?

SƯ HUỆ: Bõ nhìn xem! Mô Phật! Ngài giáng đấy... (*vội vã quỳ lạy. Một ánh hào quang bay lên*). Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!

ÔNG KIỆM (*sững sờ*): Bạch thầy! Thầy nói thế nào chứ? Pho tượng vẫn nguyên vẹn như cũ đây mà! (*đỡ sư Huệ dậy*). Bạch thầy! Bạch thầy! Thầy không sao chứ?

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Không sao! Không sao! Thế là Ngài đã giáng... Ánh sáng đi về phía Đông... (*chỉ tay*) có phải phía này là chợ Bến không?

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Con chẳng trông thấy gì... Con chẳng nghe thấy gì... Bạch thầy! Bạch thầy! Thầy có lầm không?

SƯ HUỆ: Không! Ta không lầm! Có thể bõ không nhìn thấy... Ta xin lỗi, có thể vì đẳng cấp tu hành của bõ, vì trình độ trí huệ của bõ... Bỏ không nhận ra... Điều này không sao... Thế bõ vừa rồi có thấy cảm giác gì không?

ÔNG KIỆM: Dạ có... Con thấy hơi ớn lạnh... Thấy sờ sợ..

SƯ HUỆ: Đấy! Đấy chính là thời khắc ánh quang vụt hiện. Kinh "*Diệu Pháp Liên Hoa*" nói "*Nhân duyên xuất thế*" là thế đấy.

ÔNG KIỆM: Mô Phật!

SƯ HUỆ: Bõ không tin... Bõ không tin chứ gì?

ÔNG KIỆM: Dạ không... Con tin chứ.

SƯ HUỆ: Ta thấy có thoáng hoài nghi trong cử chỉ chớp mắt của bõ... Ta

dối bõ làm gì? Ta bày đặt ra làm gì... Nhưng không sao... Hoài nghi cũng tốt.
ÔNG KIỆM: Không... Không... Thầy đừng nói thế. Con nghĩ rất có thể có điều gì đó huyền bí xảy ra mà con không có nhân duyên biết được... Thầy đừng hiểu nhầm con, tội nghiệp.
SƯ HUỆ: Thôi đi... (*chỉ tay*) Có phải đây là hướng Đông, phía chợ Bến không?
ÔNG KIỆM: Dạ phải...
SƯ HUỆ: Thế này nhé... Bây giờ bõ đi theo đường này về phía chợ Bến, bõ thử xem có nhà nào mới sinh trẻ con vào khoảng giờ vừa rồi không? Ta muôn biết... Rồi còn ta, còn bõ, ta với bõ thử ngầm dõi theo số phận đứa bé ấy xem.
ÔNG KIỆM: Dạ... Để con đi ngay.
SƯ HUỆ: Bõ mặc thêm cái áo vào... Ra ngoài trời lạnh đấy.
ÔNG KIỆM: Con biết rồi... Thầy khỏi lo cho con...
Ông Kệm vào.

Lớp II
ĐẠO CHÍCH

SƯ HUỆ: A Di Đà Phật... Bõ già nói đúng... Xung quanh mình tất cả đều trôi đi, đều biến đổi, đều mất hút vào đâu đó... Những hốc đen... Những bước hụt. Chính ta, ta cũng đã từng sợ... Những hốc đen, những bước hụt... Lại những hốc đen... Những bước hụt (*có tiếng đổ vỡ sau bàn thờ*)... Này ai đấy? Ai? Có ai trốn trong ấy phải không?... Ai đấy? Đi ra đi. Sao lại trốn thế? Ai muốn trộm đồ thờ phải không?... Có trộm phải không? Ra ngay đi... Ra ngay... Ta trông thấy rồi!
Tên trộm ra, khăn bịt mặt, cầm dao.
TÊN TRỘM: Im ngay! Thằng sư trọc! Mày mà kêu lên là tao đâm chết... Đi lại đằng kia... Đi sát tường... (*vung dao*) Hễ kêu lên là ta đâm chết!
SƯ HUỆ (*xua tay*): Được rồi... Được rồi... Hãy bình tâm nào... Hãy bình tâm đi... Ta không kêu đâu... Để ta lấy tiền cho ngươi. Ngươi hãy bình tâm lại đã... Không ai hại ngươi đâu... Ở đây không có ai cả...
TÊN TRỘM: Đi lại gần tường... Kêu lên là ta đâm chết!
SƯ HUỆ: Bỏ dao xuống... Nam Mô A Di Đà Phật... Ta nợ tiền ngươi, ta không nợ sinh mạng với ngươi.. Ngươi đến chỗ bàn kia, ở đấy có cái tráp đen... Có 5 triệu đồng ở trong ấy đấy, người lấy cả đi!
TÊN TRỘM: Mày mà dối tao là tao đâm chết (*lùi đến chỗ bàn, mở tráp ra*)... Đúng! Chỉ có năm triệu thôi à?
SƯ HUỆ: Phải! Tất cả tiền của nhà chùa ở đấy, tiền để sửa lại tam quan.
TÊN TRỘM (*cười*): Cứ để tam quan đấy đã... Để tao vay tạm (*cho tráp vào*

tay nải)... Tao sẽ lấy thêm một pho tượng nữa...

SƯ HUỆ: Hãy lấy pho tượng Thích Ca kia kìa... Pho tượng nhỏ ấy... Pho tượng "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*" ấy.

TÊN TRỘM: Không! Tao muốn lấy một pho tượng quí, bán được nhiều tiền...

SƯ HUỆ: Ở đây chỉ có pho tượng ấy là quí, là bán được... Lấy tượng khác phải tội đấy.

TÊN TRỘM: Mày lừa tao... (*đến cầm pho tượng Thích Ca lên xem*) Pho tượng này mà quí à?

SƯ HUỆ: ta lừa ngươi làm gì... Ngươi mang bán pho tượng ấy cho hàng đồ cổ có thể được năm triệu đồng mà không phải tội... Những pho tượng khác không bán được đâu... Không ai dám mua đâu...

TÊN TRỘM: Thôi được! Mày mà lừa tao thì mày phải chết... Tao sẽ trở lại... Mày không lừa tao đấy chứ? Pho tượng này bán được 5 triệu đồng à?

SƯ HUỆ: Bán được 5 triệu.

TÊN TRỘM: Mày thề đi.

SƯ HUỆ: Người tu hành không thề.

TÊN TRỘM: Sao mày bảo pho tượng này bán không phải tội. Thế là thế nào?

SƯ HUỆ: Ngươi không hiểu được đâu.

TÊN TRỘM: Thôi được. Tao nghe mày (*bỏ tượng vào tay nải*). Nếu tao không bán được 5 triệu đồng tao sẽ quay lại giết mày.

SƯ HUỆ: Ta đã nói rồi... Ta nợ tiền ngươi chứ không nợ sinh mạng ngươi.

TÊN TRỘM (*cất dao*): Thôi được! Tao cũng không muốn mang tội giết người. Nhưng mày nợ tao bao giờ?

SƯ HUỆ: Có thể từ kiếp trước... Kiếp trước nữa.

TÊN TRỘM: Cũng hay (*cười*). Thế mày trả hết nợ chưa?

SƯ HUỆ: Ngươi phải tự biết chứ.

TÊN TRỘM: Mày kỳ thật! (*rót nước uống*) Nước ngon lắm! Mày là sư thế là mày sướng. Tao vất vả cả đời mà chẳng bao giờ có được lúc ngồi pha một ấm trà thơm tho thế này mà uống.

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật!

TÊN TRỘM: Này! Sao mày không kêu lên? Sao mày lại giúp tao ăn trộm của chùa? Mày thấy việc tao làm là xấu phải không?

SƯ HUỆ: Mô Phật! Đừng nghĩ thế nào là xấu là tốt. Đừng nghĩ thế nào là đúng là sai. Không nghĩ thiện không nghĩ ác. Rồi ai cũng hiểu rõ bản lai diện mục của mình.

TÊN TRỘM: Hay thật! Thôi tao đi đây... Mày đừng nghĩ xấu cho tao đấy nhé! Cũng vì hoàn cảnh khốn nạn của tao mà tao phải đi ăn trộm... Nếu tao giàu sang thì rồi có ngày tao sẽ trả lại cho chùa... Mày hãy để tao ra khỏi chùa rồi mới kêu đấy nhé.

SƯ HUỆ: Ta không kêu đâu... Ngươi cứ bình tâm mà đi. Không ai làm gì

ngươi cả.

TÊN TRỘM: Thôi được... Dù sao tao cũng cám ơn. Mày là thằng sư trọc mà ta thấy đáng nể đấy... Thôi tao đi đây. Mày chắc pho tượng này bán được 5 triệu chứ?

SƯ HUỆ: Bán được 5 triệu đồng.

TÊN TRỘM: Thế thì tốt... Tao đi đây.

SƯ HUỆ: Ngươi còn quên cái côn sắt ở dưới bàn kia kìa.

TÊN TRỘM: À... Còn cái côn. Đúng là quên thật... Mày không nhắc thì hỏng... Tự dưng ta lại để quên tang vật (*lấy côn*). Thôi tao đi nhé.

(*Tên trộm vào*)

SƯ HUỆ: Thiện tai! Thiện tai! Nam Mô A Di Đà Phật... Không biết trong này có bị đổ vỡ gì không. Ta phải xem xét quanh chùa mới được.

(*Sư Huệ vào*)

Lớp 3
TÌNH YÊU

Một đôi thanh niên người thành phố dìu nhau vào, người nam bị thương ở tay, đeo túi.

NGƯỜI NAM: Ta nghỉ ở đây thôi em ạ... Anh sợ bị trật khớp xương tay... Lại còn máu be bét thế này... Anh mệt quá.

NGƯỜI NỮ: (*dìu người nam vào ghế*) Anh ngồi xuống đi... Để em tháo túi cho anh...

NGƯỜI NAM: Đau... Đau quá!

NGƯỜI NỮ: Anh chịu khó nhé... Được.. Được rồi... Để em băng tay cho anh (*lấy vải*). Chút xíu nữa thôi... Anh sẽ dễ chịu hơn mà... Được rồi... Cần buộc chặt để máu khỏi chảy... Vết thương không nặng đâu... Để sáng ra em đi kiếm thuốc về chữa cho anh.

NGƯỜI NAM: Em tốt quá. Phượng ạ... Anh cám ơn em... Anh đã làm khổ em không biết bao nhiêu...

PHƯỢNG: Anh Quân! Anh đừng nói thế... Chúng ta yêu nhau mà...

QUÂN: Ôi... Tình yêu... Em yêu anh... Em dại dột không biết chừng nào... Đáng ra bây giờ em đang ở trong hoàn cảnh cực kỳ sung sướng... Còn bây giờ chúng ta đang bị săn đuổi.

PHƯƠNG: Anh Quân... Sao anh nói thế? Đối với em, chỉ có tình yêu là đáng kể... Em yêu anh, được gần anh, thế là em sung sướng rồi... Anh có đau không?

QUÂN: Còn... Nỗi đau cứ như từ đáy lòng đau ra... Không phải là ở cái tay đang trật khớp này... Không phải ở chỗ vết thương... Em không ân hận vì em đã rời bỏ hoàn cảnh của em để theo anh chứ?

PHƯỢNG: Ôi... Anh Quân... Anh tưởng hoàn cảnh của em mà sung sướng à? Em ghê tởm... Em kinh sợ nó... Tất cả là những âm mưu, những

tính toán... Những đồng tiền lớn đều rất đáng sợ. Hoàn cảnh của em rất ít nhân tính... Em sẵn sàng từ bỏ để theo anh, theo tiếng gọi tình yêu.

QUÂN (*cảm động*): Trời... Em không chê anh nghèo hèn, anh xấu xí, anh xuất thân hèn mọn phải không?

PHƯỢNG: Không! Sao lại chê anh được? Em đã quyết tâm bỏ nhà theo anh... Em quyết dứt tình với cha mẹ em để trốn theo anh... Anh phải biết em đã yêu anh thế nào... Anh bình tĩnh đi... Chúng ta sẽ đi thật xa, chúng ta sẽ có hạnh phúc... Chúng ta sẽ đi về với thiên nhiên... Chúng ta sẽ tạo lập cuộc đời mới.

QUÂN: Ôi... Đau... Anh đau quá! Em! Phượng ơi... Em chẳng biết gì về thiên nhiên cả. Em chẳng biết gì hết. Thiên nhiên vô tình, vô cảm, ở đấy không có lợi gì...

Lớp 4
CỨU ĐỘ

Sư Huệ ra

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Các vị thí chủ bình an.

QUÂN (*nhỏm dậy*): Bạch thầy! Chúng con xin phép chào thầy. Chúng con là những kẻ khốn khổ đến nương nhờ thầy.

SƯ HUỆ: Không sao! Không sao! (*xua tay*) Các vị bình tâm.

QUÂN: Bạch thầy! Con bị thương bị trật khớp tay... Con đau quá, chúng con lỡ bước vào chùa, xin thầy cứu độ!

SƯ HUỆ: Các vị bình tâm! Bình tâm! Để ta xem vết thương thế nào...

PHƯỢNG: Thưa thầy... Anh ấy bị ngã, bị trật khớp tay...

SƯ HUỆ: Được rồi! Thí chủ đưa tay ta xem... Khớp vai bị trật, cổ tay bị trật... Thí chủ đứng lên... Ta sẽ phát công cứu giúp.

Phượng dìu Quân đứng lên. Sư Huệ phất tay áo, nghiêm trang, dồn lực phát công, sau đó nắm tay Quân.

SƯ HUỆ: Thí chủ cử động tay xem nào.

QUÂN (*co tay*): Ô... Hay quá... Con không thấy đau nữa... Có thể cử động bình thường... Cám ơn sư phụ, con xin cám ơn sư phụ...

SƯ HUỆ: Không sao... Không phải cám ơn... Ta thấy các vị thần sắc hoảng loạn, chắc vừa mới gặp tai ương phải không? Các vị vào sau trai phòng nghỉ tạm. Hãy cứ tĩnh dưỡng... Vết thương sẽ khỏi...

QUÂN: Cảm ơn sư phụ!

SƯ HUỆ (*nhường lối*): Xin đi lối này!

Phượng xách túi, dìu Quân vào.

SƯ HUỆ (*đứng lại*): Nam Mô A Di Đà Phật! Xin Phật phù hộ độ trì mọi sự bình an.

Lớp 5
CHÚNG SINH

Ông Kiệm ra

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Vừa có chuyện gì?

SƯ HUỆ (*lại bàn uống nước ngồi*): Không có chuyện gì! Bõ đi có chuyện gì không?

ÔNG KIỆM (*nhìn quanh*): Bạch thầy! Vừa có chuyện gì phải không?

SƯ HUỆ: Không có chuyện gì! Bõ bình tâm đi... Ra ngoài có chuyện gì không?

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Con theo lời thầy đi về hướng Đông, phía chợ Bến. Đến chỗ Đống Cao thấy có ánh đèn, lại thấy tiếng khóc trẻ con nên vào đó hỏi. Hóa ra có nhà vừa sinh con trai thật, thầy ạ!

SƯ HUỆ: Hay lắm! Bõ bảo chỗ Đống Cao, có phải là chỗ đê vòng ra phía bờ sông gần đình Hạ không?

ÔNG KIỆM: Dạ phải.

SƯ HUỆ: Thế cũng phải cách chùa ta đến bốn, năm cây số chứ ít gì à?

ÔNG KIỆM: Dạ, chỉ độ ba cây thôi. Quãng đê này mới đắp thời Pháp thuộc, người ta phải đắp vòng ra để tránh phạm vào đất đình làng Hạ, hồi ấy làm kè chắn nước cũng chết đến mất mấy người.

SƯ HUỆ: Đất dữ đấy! Nhưng được cái phong thủy tốt, nước chảy trước mặt, chợ hộp sau lưng, gần đình, không xa làng xóm. Ở chỗ ấy có mấy nóc nhà?

ÔNG KIỆM: Dạ! Cũng khoảng chục nóc nhà. Toàn là dân ở đâu đến ở, chiếm đất đê, người ta vẫn gọi đấy là xóm Liều, trai thời cờ bạc, gái thời đĩ điếm thập thành...

SƯ HUỆ: Tiếc thay! Tiếc thay! Thế bõ có hỏi về cái nhà mới sinh đứa bé trai kia không?

ÔNG KIỆM: Dạ có... Con có đến hỏi dò nhà người hàng xóm. Gặp đúng ông lão có bệnh mất ngủ. Lão ấy được mình chuyện trò thì quý như vàng, lão ấy nói linh tinh đủ các thứ chuyện, lại đọc cả thơ cụ Phan Sào Nam** cho nghe, cách đây đến gần nửa thế kỷ, toàn duy tân với cách mệnh, nghe sốt cả ruột.

SƯ HUỆ: Thế nhà ấy gia thế thế nào?

ÔNG KIỆM: Chẳng ra gì... Bạch thầy... Chẳng ra gì cả. Thật là một tổ quỉ. Chủ nhà là một lão già toàn đi ăn trộm, ăn cướp với lại cờ bạc. Người mới đẻ sáng nay là con dâu lão, chồng nghe nói chết trong tù. Cô ta đi buôn đi bán, có kỳ lên tận biên giới Lạng Sơn. Một năm trước nghe nói lỡ bước ngủ vạ ngủ vật ở đền ở miếu nào đấy bị sơn lâm ám vào người (con đoán là gặp mấy thằng buôn bán người Trung Quốc) trở nên điên điên dại dại, về nhà có mang, bây giờ đẻ ra đứa bé con này.

SƯ HUỆ: Cũng kì lạ nhỉ? Nhưng đừng võ đoán... Tại sao Phật lại giáng trần

vào nơi tối tăm u mê làm vậy... À phải... Phải... Kể cũng tiếc thật... Đứa bé này chắc lớn lên sẽ da đen, tóc rễ tre, da thô, mắt sáng... Rồi nó khuynh đảo thiên hạ cho xem... Cám ơn bõ, bõ uống nước đi. Chắc bõ thất vọng phải không?

ÔNG KIỆM; Dạ không... Con cũng nghĩ mọi sự vô thường...

SƯ HUỆ: Đúng thế đấy... Ta hãy quên chuyện này đi (*cười*) "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*", ta là ai? Câu hỏi này hành hạ đến cả Phật tổ, các đấng Thế Tôn.

ÔNG KIỆM (*nhìn bàn thờ*): Chết! Bạch thầy! Pho tượng Phật Thích Ca chỉ thiên chỉ địa đâu rồi?

SƯ HUỆ: À... Bõ vừa đi thì có lão ăn trộm mò đến, ta cho lão ta pho tượng ấy rồi.

ÔNG KIỆM: Chết thật! Bạch thầy! Không sợ phải tội hay sao?

SƯ HUỆ: Sao lại phải tội? Lão ấy còn định giết ta. Lão ấy còn lấy hết tiền đi nữa.

ÔNG KIỆM: Chết thật! Sao thầy không cho lão ấy một trận? Con mà ở đây thì lão ấy chết! Bạch thầy! Sao thầy còn dung lão ấy... Võ công của thầy... Chắc thầy không dụng võ công phải không?

SƯ HUỆ; Không! Ta không dụng võ công làm gì. Nhưng ta vừa phát công để giúp một người. Rồi sẽ rắc rối cho ta nhiều đấy... Khi lấy lòng nhân cư xử thì gặp sự phiền. Điều ấy vẫn thường... Thế gian thật nhiều nghịch lý.

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Thế là hết tiền sửa lại tam quan thì làm thế nào? Lại hết cả tiền đi chợ nữa chứ! Rõ khổ! Hôm nay con lại định làm cỗ chay mừng sinh nhật thầy.

SƯ HUỆ: Có sao đâu... Không có thì khỏi làm.

ÔNG KIỆM: Chết! Trời đã sáng bạch ra rồi. Để con xuống xóm xem có việc gì làm để kiếm ít tiền đi chợ... Không có tiền thì không làm gì được cả.

Lớp 6
NHÂN TÍNH

Phượng ra

PHƯỢNG (*chào ông Kiệm*): Cháu chào ông... Ông không phải lo, cháu có tiền đây. Ông đi chợ cho cháu đi với nhé!

ÔNG KIỆM: Chào cô... Cô là ai? Bạch thầy! Cô ấy là thế nào ạ?

SƯ HUỆ: Nữ thí chủ này vừa đến tá túc ở đây cùng với một người nam nữa. Ta để họ nghỉ tạm ở sau trai phòng.

ÔNG KIỆM; Xin lỗi cháu... lão không biết... Trông cháu có vẻ là người thành phố sang trọng. Sao lại lưu lạc đến đây hả cháu?

PHƯỢNG: Cháu đi với người yêu cháu. Cháu bỏ nhà trốn đi với người yêu

cháu.

ÔNG KIỆM: Chết! Sao lại bất hiếu như vậy? Cháu ơi... Trẻ người non dạ..

SƯ HUỆ: Bõ Kiệm! Bõ đừng nói thế. Thế Phật tổ không bất hiếu à? Ta và bõ không bất hiếu à? Chúng ta có theo sắp xếp của đấng song thân ta đâu?

ÔNG KIỆM: Chắc cháu phải yêu cậu ấy ghê lắm phải không?

PHƯỢNG: Vâng... Cháu yêu anh ấy ngay lần đầu gặp. Anh ấy như một người điên vậy. Vừa buồn cười, vừa vụng về, mà lại rất sức vật nữa... Vừa giống chó, vừa giống dê, lại vừa giống khỉ... Thế mà cháu lại mê mới chết chứ! Cháu có thể sai khiến anh ấy đủ thứ... Tình yêu... Tình yêu rất là lạ lùng ông ạ...

ÔNG KIỆM: Thầy... Bạch thầy! Thế là thế nào?

SƯ HUỆ: Mô Phật!

PHƯỢNG: Cháu rất yêu những trò cầm thú của anh ấy. Anh ấy ngọ ngoạy, rên rấm, rú rít. Anh ấy lảm nhà lảm nhảm. Anh ấy tặng cháu các đồ kỷ niệm rẻ tiền, vừa hèn hạ, vừa lố bịch. Anh ấy sống dở chết dở, không hề biết được sớm trưa chiều tối. Anh ấy quanh quẩn bên cháu, nào thở dài, nào uất ức, nào thề thốt... Cháu rất yêu những trò ngộ nghĩnh như thế.

ÔNG KIỆM: Thầy!... Bạch thầy! Thế là thế nào?

PHƯỢNG: Ông ạ! Yêu nhau thú vô cùng. Cháu chỉ cần nhấm nháy, làm các cử chỉ gợi tình một chút là khiến anh ấy ngộp thở, anh ấy quên hết mọi sự trên đời. Công danh, tiền bạc, nghĩa vụ, đạo đức... Tất cả lúc ấy trở thành vứt đi cả, Anh ấy chẳng sợ gì hết, bất chấp hết... Vui không thể tả...

ÔNG KIỆM: Các cháu sống với nhau à?

PHƯỢNG: Vâng... Công việc của cháu là nhen lửa... Cháu sẽ nấu thép.

ÔNG KIỆM: Cháu không sợ ư?

PHƯỢNG: Cháu không sợ. Cháu bảo gì anh ấy đều nghe. Anh ấy có thể giết người vì cháu, có thể cướp nhà băng, lập hội kín, trở thành thi sĩ, thậm chí trở thành Tổng thống, nghĩa là cháu có thể xui khiến đủ thứ.

ÔNG KIỆM: Thầy! Bạch thầy! Thế là thế nào?

SƯ HUỆ: Không có gì. Nam Mô A Di Đà Phật. *Dục tính là dâm tính.*

PHƯỢNG: Cháu thề là cháu làm cho anh ấy phá băng cái lớp vỏ bọc, cái lớp áo giáp mà gia đình, nhà trường, xã hội quấn xung quanh người anh ấy. Cháu sẽ thổi lửa để biến anh ấy thành một khối thép sắc bén, nhạy cảm, sẽ biến anh ấy thành một anh hùng. Anh ấy sẽ đánh nhau với mọi người, gây chiến tranh, cướp giật của cải, ký các hòa ước, lập các tòa báo lá cải và đài phát thanh vu khống, in bạc giả và xây dựng mạng lưới chỉ điểm... Ông ơi, ông bảo kế hoạch của cháu được không?

ÔNG KIỆM: Được... Được... Bạch thầy! Như thế được không?

SƯ HUỆ: Mô Phật!

PHƯỢNG: Cháu sẽ bắt anh ấy sáng tạo. Anh ấy sẽ xây dựng những ngôi nhà kỳ quái, buôn ma túy, mở các sòng bạc, hội chợ, sẽ lập ra các trường đào tạo bọn hề, bọn luật sư và bọn viết văn trẻ. Thỉnh thoảng anh ấy sẽ nổ bom khủng bố ở những nơi công cộng... Nhân danh tình yêu, cháu sẽ làm cho sự nghiệp cuộc đời anh ấy cực kỳ vĩ đại.

ÔNG KIỆM: Cô bé ghê thật... Nhưng cháu ạ, cháu xem lại đi. Lão thấy đấy chỉ là tham vọng chứ đâu phải tình yêu... Bạch thầy! Đấy là tham vọng phải không?

PHƯỢNG: Là gì cũng được, cháu không cần biết. Nhưng cháu sẽ không yêu những pho tượng đâu, cháu là "*duy ngã độc tôn*", cháu sợ sự bất biến... Cháu muốn những chuyển động vĩ đại, những bùng nổ, những cảm xúc mạnh mẽ.

ÔNG KIỆM: Đấy là cháu còn trẻ... Lão thì ngược lại...

PHƯỢNG: Ông ạ, từng phân vuông trên da thịt cháu đòi nhân lên thành ức, thành triệu. Cháu muốn nơi nào cũng có dấu vết của cháu, cũng có biểu tượng của cháu. Đấy là một bông hoa bé xíu, hình trái tim, hồng như môi người, có một mũi tên xuyên qua... Ông có hiểu không?

ÔNG KIỆM: Lão, lão... không hiểu được.

SƯ HUỆ: Ta hiểu.

PHƯỢNG: Ôi... Nếu thế thì cháu cám ơn, cháu rất cám ơn... Ông ơi chúng ta đi chợ đi. Cháu sẽ mua thức ăn, mua cả thuốc chữa vết thương cho người yêu cháu.

ÔNG KIỆM: Bạch thầy... Con xuống chợ có được không? Con xuống chợ nhé?

SƯ HUỆ: Ừ... Cứ tùy tiện...

Phượng và ông Kiệm vào.

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Trong thế giới Ta Bà này, ai có đủ lực lượng thõng tay vào chợ? Bõ Kiệm có đủ lực lượng thõng tay vào chợ không? Còn ta, ta có đủ lực lượng thõng tay vào chợ không? Ta là ai? Câu hỏi này không trừ ai cả... Nam Mô A Di Đà Phật!

Giống hữu tình vốn động
Động là ảo đó mà
Tìm trong ảo cứu cánh
Bao giờ sen nở hoa?

Nào... Nào... Hãy bình tâm đi... Bình tâm lại đi... (*có tiếng đập cửa dữ dội và tiếng gọi mở cửa gay gắt*). Ai đấy? Khoan khoan... Để ta mở cửa.

Lớp 7
THẾ QUYỀN

Sư Huệ mở cửa. Một toán bốn, năm người ùa vào, trong đó có một ông bệ

vệ và một đại diện chính quyền sở tại.

VIÊN ĐẠI DIỆN: Chào nhà chùa! Nhà chùa có khỏe không? Người nhà nước *đến* làm việc đây.

SƯ HUỆ: Cám ơn ngài hỏi thăm... Bần đạo vẫn thường...

VIÊN ĐẠI DIỆN (*suồng sã*) Thường là thế nào? Thế nào là thường? Dạo này ngài béo ra đấy.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Sáng ra các ngài đến chùa hẳn có việc gì?

VIÊN ĐẠI DIỆN: Có việc chứ! Thế ngài không mời chúng tôi ngồi, không mời chúng tôi uống nước à?

SƯ HUỆ: Dạ... Mời các ngài ngồi... Mời các ngài xơi nước.

Viên đại diện và ông bệ vệ ngồi ghế.

VIÊN ĐẠI DIỆN: Giới thiệu với nhà chùa đây là ông Nhân (*chỉ ông dáng người bệ vệ*). Ông Nhân ở trên thành phố. Hôm nay chúng tôi có việc... Thế nhà chùa có biết nhà chùa có tội gì không?

SƯ HUỆ: Mô Phật! Chúng tôi có sơ xuất gì, xin ngài cứ dạy.

VIÊN ĐẠI DIỆN: Tôi thấy nhà chùa tự do quá đấy! Người qua người lại phức tạp... Của cải còn mất không hay... Đất của vua, nhà chùa ở trên đất vua phải có luật lệ nhà chùa...

SƯ HUỆ: Mô Phật! Nhà chùa lo việc đạo không siêng năng sao?

VIÊN ĐẠI DIỆN: Ai cho ngài lo việc đạo? Thế chúng tôi không lo việc đạo à? Chúng tôi không siêng năng à? Tại sao ngài tách việc đời, việc đạo ra thế? Ngài muốn sinh sự gì?

SƯ HUỆ: Mô Phật! Xin ngài bình tâm.

VIÊN ĐẠI DIỆN: Tôi lúc nào chẳng bình tâm? Bây giờ xin ngài đưa chìa khóa tất cả các phòng ốc trong chùa ra đây. Ngài hãy dẫn chúng tôi đi xem tất cả các phòng ốc ở trong chùa này!

SƯ HUỆ: Mô Phật! Thế là thế nào?

VIÊN ĐẠI DIỆN: Thế nào thì đợi chúng tôi đi xem xét chùa xong sẽ biết. Nào! Ngài đưa tất cả các chìa khóa các phòng ốc trong chùa ra đây cho tôi.

SƯ HUỆ: Nhà chùa không khóa tất cả các cửa. Các ngài cứ tùy tiện, muốn xem xét gì cứ việc.

VIÊN ĐẠI DIỆN: Được rồi... Ông Nhân! Mời ông cứ ngồi ở đây. Ông cứ ngồi ở đây. Ông cứ ngồi đây để mặc chúng tôi (*nói với người đi theo*). Bây giờ anh em theo tôi. Ta chia ra ba mũi... Không được bỏ sót chỗ nào đấy nhé!

Viên đại diện và những người đi theo vào.

Sư Huệ định đi theo nhưng ông Nhân ngăn lại.

Lớp 8
CHẤP PHÁP

ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Cứ để mặc họ.
SƯ HUỆ: Mô Phật!
ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Cứ yên tâm đi. Không có gì đâu. Họ làm theo ý muốn của ta. Họ hăng hái quá nên phiền hòa thượng. Bảo hoàng hơn vua là như thế đấy!
SƯ HUỆ: Mô Phật! Bần đạo giúp gì được khách?
ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Mặt trời mọc ở đâu vậy?
SƯ HUỆ: Mô Phật! Khách muốn tham vấn công án Thiền chăng?
ÔNG NHÂN: Không, ta muốn xác định vị trí của ta, của hòa thượng.
SƯ HUỆ: Mô Phật! Khi mở miệng là đã sai rồi. Còn Phật vô ngôn.
ÔNG NHÂN: Hòa thượng ở chùa này cơ mà? Vị trí của hòa thượng là ở chùa này cơ mà?
SƯ HUỆ: Thưa, mặt trời mọc ở bên trong...
ÔNG NHÂN (*cười*): Ta là người đời, ta sống trong đời. Ta phải hiểu rằng mặt trời mọc ở nơi quyền lực ngự trị: ở bạo lực, ở của cải và trí tuệ.
SƯ HUỆ: Thưa, mặt trời mọc ở bên trong.
ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Đây đang thời mạt pháp.
SƯ HUỆ: Mô Phật! Thôi cứ tùy tâm. Đến giờ đọc kinh, bần đạo xin phép cáo lui. Khách cứ tùy tiện, xin cứ tùy tiện ở trong việc đời.
ÔNG NHÂN (*cười*): Không đi được! Ta nhớ Bồ Đề Đạt Ma hỏi người tụng kinh Niết Bàn: “Tụng làm chi?”. Người kia nói: “Sẽ giải thoát, phúc báu lớn...”. Bồ Đề Đạt Ma nói: “Đưa kinh cho ta, ta phải đốt nó, ăn bánh vẽ làm sao mà ăn?”. Có chuyện ấy không?
SƯ HUỆ: Có chuyện ấy thực.
ÔNG NHÂN (*cười*): Bây giờ hòa thượng đọc kinh là ta đốt đi đấy. Ăn bánh vẽ làm sao mà ăn?
SƯ HUỆ: Thưa, khách là ai vậy? Sao kiêu ngạo vậy?
ÔNG NHÂN: Là ai ư? "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*"! Đã nhận ra ta chưa?
SƯ HUỆ: Mô Phật!
ÔNG NHÂN: Nói xong câu ấy, đáng lẽ ngươi phải quỳ xuống. Bởi vì nhiều người đã quì xuống trước ta.
SƯ HUỆ: Ai vậy?
ÔNG NHÂN: Tổ chức, tổ chức và tổ chức***
SƯ HUỆ: Việc thiết lập tổ chức phải chăng là sự thiếu ngay thẳng thanh liêm?
ÔNG NHÂN: Hòa thượng... Câu ấy phải hỏi Phật, sao người hỏi ta?
SƯ HUỆ: Khách tìm ai vậy?
ÔNG NHÂN: Ta tìm con ta, kẻ thù của ta.
SƯ HUỆ: Khốn khổ! Can cớ gì mà chạy vào cửa Phật?
ÔNG NHÂN: Đấy là dục vọng chạy trốn, dục vọng được tinh thần hóa, bọn trẻ gọi nó là tình yêu. Con gái ta bị kẻ có tham vọng quyến rũ. Kẻ có tham vọng là kẻ tiện dân, là kẻ ở đẳng cấp thấp kém (buồn thay, chỉ

có những kẻ tiện dân, những kẻ ở đẳng cấp thấp kém mới có tham vọng, mới dám tham vọng). Ta không đời nào để cho đám hạ lưu làm một cuộc cách mạng dân chủ bằng con đường dễ chịu như thế. Ta phải tiêu diệt nó... Tất cả những kẻ đang yêu đều cực kỳ nguy hiểm.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Thế còn tự do?

ÔNG NHÂN: Sao lại tự do?

SƯ HUỆ: Mô Phật! Khách đang nói với ai vậy?

ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Người là ai vậy? Sao lại hỏi ta điều ấy?

SƯ HUỆ: "*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*".

ÔNG NHÂN: Ta thấy người nói câu ấy với niềm hăng hái sầu thảm (*cười*). Cũng may, đức tin ấy vô hại, chưa có hại với ta. Hòa thượng! Người nói câu ấy thật khó nhọc! Ta mỉm cười thỏa hiệp không phải vì ta thương hại người, cũng không phải vì ta tôn trọng người. Ta mỉm cười thỏa hiệp chính vì ta căm ghét tôn giáo!

SƯ HUỆ: Mô Phật!

ÔNG NHÂN: Ta mỉm cười thỏa hiệp vì tôn giáo tồn tại ở một cực khác có lợi cho sự tồn tại của ta. Nó khiến ta thận trọng hơn, tỉnh thức hơn, sắc bén hơn... Hòa thượng. Ngươi có nghe thấy tiếng rên xiết, kêu la đó không?

(*tiếng rên la, kêu cứu đau đớn của Quân,*
tiếng đánh dập dội vào sân khấu)

SƯ HUỆ: Mô Phật! Tại sao thế?

ÔNG NHÂN: Hòa thượng! Người phải chia xẻ niềm hân hoan của ta mới phải, điều ấy hợp với tôn chỉ của giáo phái mà người theo đuổi. Đấy là dục vọng bị hành hạ, bị tiêu diệt.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Thế còn quả báo?

ÔNG NHÂN: Chợ chiều đường xa... Đừng có hỏi ta.

Tiếng kêu đau đớn của Quân.

ÔNG NHÂN: Đấy! Những tiếng kêu la ấy là những bài học về bổn phận. Hãy biết tự do ở trong bổn phận của mình và chớ có đi quá bổn phận của mình. Chỉ có ta, ta mới có quyền tự do ở trên bổn phận mọi người.

Tiếng kêu đau đớn của Quân.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Sao lại biến cửa chùa thành nơi hành hạ con người?

ÔNG NHÂN: Tôn giáo chẳng phải là địa ngục sao? Chùa chiềng chẳng phải là nơi hành xác con người sao?

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Công lý của lương tâm đâu rồi?

Lớp 9
PHỤ TỬ

Phượng ra

PHƯỢNG: Cha!

ÔNG NHÂN: Con!
PHƯỢNG: Cha dừng tay lại!
ÔNG NHÂN: Muộn rồi! Muộn lắm rồi!

Tiếng kêu cuối cùng của Quân

Viên đại diện và những người đi theo ra

VIÊN ĐẠI DIỆN: Thưa ông Nhân, mọi việc xong rồi!
SƯ HUỆ: Mô Phật!
VIÊN ĐẠI DIỆN: Hòa thượng! Trong chùa có giặc. Sao lại tự tiện chứa giặc trong chùa?
PHƯỢNG (*túm ngực viên đại diện*): Các người làm gì anh ấy? Ta hỏi các người! Các người làm gì anh ấy?
ÔNG NHÂN: Con! Hãy buông họ ra... Họ chỉ thi hành công lý.
PHƯỢNG: Công lý! Công lý của ai? Trời hỡi trời! Các người đã giết anh ấy!
ÔNG NHÂN: Phượng! Con hãy im đi!
PHƯỢNG: Không! các người đã giết anh ấy! Quân giết người! Ta ghê tởm các người! Căm ghét các người! Đồ quỷ dữ! Đồ vô lương tâm! Các người đã chà đạp, dày xéo lên tình cảm của con người!
ÔNG NHÂN: Con! Tỉnh thức lại đi! Tỉnh thức lại đi!
PHƯỢNG: Các người không có lương tâm! Các người không cho anh ấy quyền sống, quyền được tham vọng, quyền được yêu thương. Các người săn đuổi anh ấy đến cùng... Các người tiêu diệt anh ấy! (*túm ngực viên đại diện*). Hãy trả anh ấy cho ta! Hãy trả anh ấy cho ta!
ÔNG NHÂN: Con! Hãy tỉnh thức lại đi! Hãy ở một thế giới khác, một đẳng cấp khác.
PHƯỢNG: Tôi căm ghét thế giới của ông, đẳng cấp của ông! Ở đó không có tính người, ở đấy chỉ có bản năng suy đồi, chỉ có những con quỷ ác. Các người đã giết tình yêu con người!
ÔNG NHÂN: Con! Con nhầm rồi. ta không giết người, không giết tình yêu... Ta chỉ giết giặc.
PHƯỢNG: Ông hãy cút đi! Giữa tôi với ông giờ là kẻ thù, ông hãy cút đi con đường của ông!
ÔNG NHÂN: Con!
PHƯỢNG: Cút đi! Các người cút đi! Đồ giết người! Quân đao phủ! Cút hết cả đi! Cút hết cả đi!

Ném viên đại diện và những người đi theo.

ÔNG NHÂN: Con! Giọt máu của cha!
PHƯỢNG (*hung hãn*): Không! Giữa tôi và ông giờ là cừu hận. Tôi kinh tởm dòng máu của ông... Tôi phải rửa sạch dòng máu ấy bằng con đường riêng của mình.
ÔNG NHÂN: Con! Hãy nghĩ đến tình phụ tử... Con đang mê rồi... Hãy tỉnh thức đi. Con đã sai lầm hết tất cả rồi.
PHƯỢNG: Không! Không còn tình nghĩa gì nữa. Các người đều là những

kẻ không có trái tim! Các người đã giết anh ấy... Chính ông đã giết anh ấy, như thế chính ông đã giết con ông... Cút đi! Cút đi! Tất cả cút đi! (*ném*) Cút tất cả đi! Đồ giết người! Đồ rắn độc!

Ông Nhân, viên đại diện và những người đi theo chạy ra.

Phượng gục xuống nức nở.

SƯ HUỆ: (*dịu dàng*): Thí chủ!

PHƯỢNG: Thầy! Thầy cứu con... (*nức nở*). Người ta đã giết anh ấy! Con đã giết anh ấy! Tình yêu của con đã giết anh ấy!

SƯ HUỆ: Mô Phật.

PHƯỢNG (*níu lấy sư Huệ*): Thầy! Tại sao con người lại thế? Tại sao không ai được quyền lựa chọn tình yêu? Tại sao tình yêu chứa chất hiểm họa giết người? Tại sao họ lại giết người? Thầy cứu con! Thầy hãy cứu con!...

SƯ HUỆ: Thí chủ... Hãy bình tâm đi... Bình tâm để mà xét đoán... Không có việc gì là trái tự nhiên... Thí chủ hãy đi nghỉ đi... Hãy bình tâm đi... Để ta đưa vào trong chùa nghỉ tạm (*dìu Phượng vào*).

Lớp 10
NHÂN QUẢ

Ông Kiệm và một ông lão bế đứa con nhỏ vào, đeo tay nải.

ÔNG KIỆM: Nào! Ông ngồi đây... Để tôi bẩm với hòa thượng...

ÔNG LÃO: Vâng! Xin ông nói giúp...

ÔNG KIỆM: Tôi đã nói rồi. Việc đó rất khó đấy. Nhà chùa đâu phải là trại tế bần, có thể cưu mang được hết thảy mọi người?

ÔNG LÃO: Tình cảnh tôi thật là tuyệt vọng... Ông cứ nói giúp cho tôi.

ÔNG KIỆM: Chùa này chỉ chứa được có hai người! Ông đưa cháu bé mới sinh lên chùa, làm sao nhà chùa có thể lo được mà lo... Tôi sợ việc này khó.

ÔNG LÃO: Ông cứ bẩm giúp... Nhưng mà thực tình tôi tuyệt vọng rồi. Tôi hết đường rồi.

Sư Huệ ra.

ÔNG KIỆM: Bạch thầy!

ÔNG LÃO: Tôi xin chào thầy! Xin thầy cứu độ!

SƯ HUỆ: Có việc gì thế?

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Đây là ông Lương ở dưới chợ Bến, xóm Đống Cao...

ÔNG LÃO: Thưa thầy! Tôi đến xin thầy mở lượng từ bi... Ông Kiệm! Ông lấy các thứ ở trong tay nải ra giúp tôi đi. Đấy! Lấy cái tượng Phật Thích Ca chỉ thiên chỉ địa với cả gói tiền trong ấy...

SƯ HUỆ: Mô Phật! Thế ra ông là...

ÔNG KIỆM: Thưa thầy... Tôi là Lương... Tôi chính là tên trộm hồi đêm

đến chùa... Thưa thầy! Tôi biết thế nào Phật cũng giáng tội... Tôi đến xin thầy cứu độ... Tôi xin qui y cửa Phật...

SƯ HUỆ: Mô Phật!

ÔNG LƯƠNG: Thưa thầy... Tôi đã biết tội tôi rồi... Tôi ân hận lắm. Bây giờ nhà tôi chỉ còn mỗi hai ông cháu. Thằng bé này mới sinh ra sáng nay. Vừa mơi đẻ xong thì mẹ nó chết... Tôi đã đến tuổi gần đất xa trời, tôi không muốn đứa cháu trai mồ côi trở thành cháu thằng ăn trộm... Lạy thầy cứu độ... Chúng tôi đến nương nhờ thầy!

SƯ HUỆ: Mô Phật!

ÔNG KIỆM: Bạch thầy! (*đưa pho tượng Phật Thích Ca ra*) Đúng là pho tượng "*Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn*" của chùa đây rồi... Ông Lương! Ông biết trả lại chùa thế là tốt lắm... Thế nhưng làm sao hai ông cháu ở chùa này được? Bạch thầy! Ông cháu ông Lương làm sao ở chùa này được?

ÔNG LƯƠNG: Thưa thầy, thưa ông... Quả thật tôi hết cách rồi. Tôi hơn sáu mươi tuổi rồi, đời tôi thật chẳng ra gì, chẳng còn ai là người thân. Thằng bé này ở với tôi chẳng có tương lai gì hết. Nó phải được ăn, được mặc, được sống... Không ai đi giúp cháu thằng ăn trộm. Tôi đến nương nhờ cửa Phật không phải vì tôi mà vì thằng bé. Tôi sống được bao ngày nữa đâu? Nhưng còn thằng bé, nó còn cả cuộc đời. Nó cần có một người mẹ, cần được bú mớm, cần được nuôi dạy, học hành.

ÔNG KIỆM: Ông Lương! Ông nghĩ lại đi, ông cần phải hiểu nhà chùa. Nhà chùa phải tự nuôi mình, nhiều khi bữa đói bữa no. Chúng ta chịu được, thế còn đứa bé? Chúng ta còn tri túc được. Nhưng còn đứa bé tri túc làm sao?

ÔNG LƯƠNG: Thưa thầy! Thưa ông... Đến bước đường này là bước đường cùng. Nếu như đứa bé còn mẹ thì nói làm gì? Bây giờ tôi biết làm sao với nó? Đời tôi tội lỗi không nói làm gì. Nhưng còn đứa bé, hỏi nó có tội lỗi gì?

ÔNG KIỆM; Bạch thầy! Ta tính sao đây?

SƯ HUỆ; Cứ bình tâm đi... Cứ bình tâm đi... Rồi hoa sen sẽ nở... (*đọc thần chú*)

Tất cả im lặng, sân khấu tắt đèn, ánh quang vụt chiếu.

Phượng ra trong im lặng.

PHƯỢNG: Tôi nghe hết rồi. Hãy đưa đứa bé cho tôi! Hãy đưa nó đây! Tôi sẽ nhận nó làm con, tôi sẽ dạy nó nên người...

ÔNG LƯƠNG (*quỳ lạy*): Lạy Bồ Tát! Lạy Bồ Tát! Hai ông cháu tôi cắn rơm cắn cỏ lạy người... Xin Bồ Tát hiển linh... Xin Bồ Tát hiển linh.

ÔNG KIỆM: Con gái! Con nhận đứa bé này sao? Con nhận đứa bé này sao?

PHƯỢNG: Bây giờ tôi là góa phụ, tôi không còn ai thân thích. Tôi đã dứt tình với cha mẹ tôi, người yêu của tôi đã mất... Đứa bé này sẽ là ruột thịt với tôi. Tôi sẽ nuôi dạy cho nó nên người.

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Phật pháp thần thông, từ bi hỉ xả...

PHƯỢNG (*đón đứa bé*): Con! Đây là con tôi, con tôi...
SƯ HUỆ, ÔNG KIỆM: Nam Mô A Di Đà Phật!
ÔNG LƯƠNG: Lạy Bồ Tát! Lạy Bồ tát!
PHƯỢNG: Con tôi! Tôi sẽ nuôi dạy con tôi nên người! Đây là ruột thịt của tôi! Đây là máu thịt của tôi! Đây là tình yêu hạnh phúc của tôi! Đây là hi vọng của tôi!
SƯ HUỆ, ÔNG KIỆM: Nam Mô A Di Đà Phật!
PHƯỢNG: Con tôi! Tôi sẽ nuôi dạy cho nó nên người. Phải. Nó sẽ thành thi sĩ! Thành anh hùng! Thành bác học! Nó sẽ tiến hành các âm mưu, sẽ nổi loạn, sẽ tiêu diệt... Nó sẽ thành tựu, sẽ ngạo nghễ, sẽ tự do. Nó sẽ đau khổ và hạnh phúc! Nó sẽ gian tà và rộng lượng! Sẽ yêu thương và căm thù! Sẽ hủy diệt và xây dựng... Nó sẽ đứng giữa trời và đất, nó sẽ được quyền yêu ghét, quyền chọn lựa, quyền được định đoạt giữa sinh và tử, quyền được nhảy múa trên cả vinh quang cùng điếm nhục...
SƯ HUỆ: Mô Phật!
PHƯỢNG; Tôi sẽ đi khỏi nơi này. Con tôi phải được nuôi dạy ở giữa cuộc đời...
ÔNG KIỆM (*quỳ xuống*): Con gái! Nếu con không chê lão già này, xin con hãy nhận ở đây tình cảm nô bộc của lão. Lão nguyện xin đi hầu hạ... Lão xin làm người đầy tớ, làm một con chó giữ nhà cho con... Con gái, con hãy cho lão san sẻ đôi chút cực nhọc giúp con, được thế, những năm cuối cùng của cuộc đời lão may ra mát mẻ phần nào.
PHƯỢNG: Cám ơn lão... Nếu lão muốn đi với tôi thì chuẩn bị đi, ta phải lên đường kẻo muộn...
ÔNG KIỆM: Bạch thầy! Con phải đi đây... Con ở với thầy, biết được đạo lý làm người... Đã đến lúc *nhân duyên xuất thế*, xin thầy ở lại, đã có ông Lương ở đây thay con hầu hạ thầy.
ÔNG LƯƠNG: Phải! Ông Kiệm ạ, ông cứ đi đi, tôi sẽ ở lại làm tròn mọi việc... Ông cứ an lòng... (*lấy tay nải trao cho ông Kiệm*).
SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật! Bõ Kiệm. Nhân duyên xuất thế, xin cứ tùy tâm.
ÔNG KIỆM: Bạch thầy (*quỳ xuống*). Xin thầy nhận cho một lạy của bõ già này... Hôm nay là ngày 29 tháng 4, nhân duyên của lão ở chùa đến đây là hết, lão phải đi đây.
SƯ HUỆ: Bõ Kiệm! Bõ Kiệm... Xin đừng quyến luyến... Hãy đi đi. Chân cứng đá mềm. Bây giờ bõ sẽ không còn thấy cảm giác hẫng hụt nữa đâu!
ÔNG KIỆM: Ông Lương... Ông hãy thay tôi hầu hạ sư phụ tận tình...
ÔNG LƯƠNG: Ông cứ yên tâm... Tôi sẽ ở lại hầu Phật thay ông... Ông cầm lấy cái túi này, trong ấy có 5 triệu đồng. Cầm cả cái côn này nữa, còn khi dùng đến.
ÔNG KIỆM: Thôi tôi đi đây... Con chào sư phụ con đi. Nào, con gái, chúng

ta lên đường.

PHƯỢNG: Chúng ta đi thôi. Tôi muốn đến được chỗ mới trước khi chiều xuống.

SƯ HUỆ: Mô Phật! Bõ Lương, bõ tiễn mọi người ra chùa giúp ta.

Phượng, ông Kiêm, ông Lương ra.

Lớp 11
DIỆU PHÁP LÊN HOA

Sư Huệ thắp hương, đọc kinh "Diệu Pháp Liên Hoa".

Lớp 12
SEN NỞ

Ông Lương vào, tay cầm hoa sen

ÔNG LƯƠNG: Bạch thầy... Con mời thầy nghỉ...

SƯ HUỆ (*thôi đọc kinh, đứng dậy*): Cám ơn bõ... Ô... Hoa sen đẹp quá...

ÔNG LƯƠNG: Bạch thầy! Con hái bông sen này ngoài đầm... Bõ Kiệm nhắc con hôm nay là ngày 29 tháng 4, là sinh nhật thầy... Bạch thầy! (*quỳ xuống*). Xin thầy hãy nhận ở con một lạy... Từ nay con xin thay thế bõ Kiệm ở lại hầu thầy...

SƯ HUỆ (*đỡ ông Lương*): Đứng dậy, đứng dậy Đi... Không phải giữ lễ... Công việc ở chùa cũng như công việc ở đời vậy thôi, cứ tùy tiện, tùy tâm mà xử.

ÔNG LƯƠNG: Bạch thầy... Con tìm thấy sự an tâm nơi thầy.

SƯ HUỆ: Nam Mô A Di Đà Phật... Đừng trông chờ gì ở ta, đừng trông chờ gì ở Phật, hãy tìm sự an tâm chính nơi lòng mình... Mặt trời mọc ở bên trong là thế... Ngọc nở trong sen...

ÔNG LƯƠNG: Bạch thầy... Cũng đã khuya rồi... Sắp nửa đêm rồi... Xin mời thầy nghỉ.

SƯ HUỆ: Ừ, bõ cũng vào chuẩn bị chỗ nghỉ đi... Có cái màn với cái chăn mới ở trong hòm gỗ, lấy ra mà dùng.

ÔNG LƯƠNG: Bạch thầy! Con cám ơn thầy... (*ngạc nhiên*) Bạch thầy! Trời nhiều sao quá... Ở chỗ góc trời phía Nam có một ngôi sao sáng rực... Bạch thầy! Đấy là sao gì?

SƯ HUỆ: Ồ! Đấy là sao Vị đấy mà. Sao ấy cũng chủ tốt lành, ngày mai cũng là ngày tốt... Ngày mai sẽ có mưa đấy, bõ ạ.

ÔNG LƯƠNG: Mưa thì rất tốt... Bạch thầy! Con xin phép thầy (*vào*.

SƯ HUỆ (*cầm lấy bông sen ngắm nghía*): Hôm nay là ngày 29 tháng 4. Hôm nay là hoa sen nở. Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!

Ánh sáng sân khấu thu vào nơi sư Huệ đứng.

Tiếng đọc kệ ở ngoài vọng vào:

Ngày 29 tháng 4 có hoa sen nở
Hoa nở như lẽ vô thường
Kìa dòng nước kia trôi ra biển
Cuồn cuộn sóng dâng trào
Sao nước không quay lại?
Mới sáng thoắt đã chiều
Thôi cứ vui buồn với bông sen này
Chợt nghĩ sao người phải ngắt, giết những vật hiến tế
Màu trắng mịn mà trên cánh hoa này
bao giờ chuyển sang màu khác?
Mùi thơm nơi nhụy hoa này bao giờ chuyển sang mùi khác?
Thương cho sợi tơ lòng nơi cuống hoa
Cái sợi thiên tơ này, mỏng manh vô cùng
Thế mà dứt ra không được
Giữ lại không được
*"Án ma ni bát mê hồng"*****
Chớ bám theo lời, theo chữ
Nghe trong lòng vọng tiếng chuông

Ở ngoài lại tiếng chuông chùa ngân nga

MÀN HẠ

NGUYỄN HUY THIỆP

---

* Sao Lâu: Một trong 28 sao (nhị thập bát tú) để xem ngày.

** Phan Bội Châu (1867-1940)

*** V. Lênin.

**** Cũng là một trong "nhị thập bát tú", kế tiếp sao Lâu

***** Thần chú, xem thêm E. Royston Pike. Dictionnaire des réligions *(adaptation Francaise de Serge Hustin)* Paris, 1954.

Tìm mua

XUÂN HỒNG

tập kịch NGUYỄN HUY THIỆP

Giá 12MK. Mua trực tiếp với nhà xuất bản sẽ tặng thêm tập thơ BÀI THƠ CỦA CỦA MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC MÌNH, **Trần Vàng Sao**

TÂN THƯ xuất bản 1994

CHẾ LAN VIÊN

ngọc

Chính trong lăn nhục của bùn
tàn bạo của sóng
Mà tốc độ thành ngọc gia tăng
Chính trong sự thô bạo của thủy triều
Đã đẻ ra cái yên tĩnh đối lập
Chính những cú đánh vào tận phẩm giá ngọc
Mà ngọc định hình.
Mỗi tia nhấp nhánh cười kia là giọt lệ khóc.
Càng những viên ngọc dữ
Càng sinh trưởng ở bề sâu
Tiểu sử của ngọc trai là thế ấy
Ăn con sóng mà nuôi giọt máu
Rồi trong veo
lý lịch của mình
(Rút trong tập *Bào Thai Và Mảnh Vở*)

chuyến xe

Chuyến xe sau không còn anh nữa
Xe vẫn chạy nghìn đời chỉ vắng anh thôi
Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... từng đi chuyến trước
Những chuyến xe không có khứ hồi.
(Rút trong tập *Bào Thai Và Mảnh Vở*)

thế kỷ

Những thế kỷ đông người mà nhân loại vắng tanh
Uổng công con công thơ xòe cái đuôi ngôn ngữ của mình
Sao bằng khi nhân loại còn ở hang tiền sử
Chưa có thơ gì nhưng giọt lệ đã long lanh
(Rút trong tập *Nháp 5*)

CHẾ LAN VIÊN

HOÀI ZIANG DUY

ngày tôi - mặt lạ

Bước thong dong
Bước đến gần
Sao đi hết cả
Khoảng gần
Thấy xa
Chiều
Trong dáng đứng nết na
Ngày tôi
Mặt lạ
Xế tà cũng quên
Tháng
Ngày
Sống lẫn cùng tên
Chiếu hoa ai giữ
Công hầu điếm canh
Bỏ hồi
Trống dục
Khai thành
Nhánh sông sâu xẻ
Tâm lành
Địa hoang
Từ em
Tay phố ngỡ ngàng
Từ Hoa Thịnh Đốn
Đem Sàigòn sang
Điệu hò câu hát
Ngỗn ngang
Điệu oan trái khúc
Điệu tràng tịnh thân
Bước qua
Phấn bụi hồng trần
Con xúc xắc đổ
Mỗi phần
An cư
Dẫu xoay
Vòng vận bù trừ
Bề trong
mặt trái
Kẻ thù
Chính ta.

HOÀI ZIANG DUY

TRẦN VÀNG SAO

không có đề

câu chuyện bắt đầu bằng một việc rất tàn ác
kẻ giết con gà con bằng cách thắt một sợi dây chuối treo lên cành cây
và sau đó chẳng có ai nhắc lại
đứa bé lớn lên làm nghề đào huyệt chôn người chết

con ngựa hoang không ăn cỏ ngoài đồng xa nữa
con ngựa hoang đứng ngủ trên đồng cát đầu biển
tôi đi dắt con ngựa hoang về
rồi lang thang qua hết những cánh đồng những cánh rừng
đi lạc không biết lối ra
con ngựa hoang một màu lông trắng

TRẦN VÀNG SAO

DONALD BARTHELME

PHAN TẤN HẢI chuyển ngữ

giải thích

H: Anh có tin rằng cái máy này có thể giúp thay đổi chính quyền?
Đ: Thay đổi chính quyền...
H: Làm cho chính quyền đáp ứng hơn cho nhu cầu của nhân dân?
Đ: Tôi không biết nó là gì. Nó làm được gì?
H: Vâng, hãy nhìn vào nó.

Đ: Nó chẳng cho thấy dấu hiệu gì cả.
H: Nó thì khá là... kín đáo.
Đ: Tôi không biết nó làm gì.
H: Máy thiếu tự tin?

H: Tiểu thuyết đã chết?
Đ: Ô vâng. Rất nhiều là thế.
H: Cái gì thay thế nó?
Đ: Tôi nên nghĩ rằng nó sẽ được thay thế bởi cái đã hiện hữu trước khi nó được khai sinh.
H: Cùng một thứ?

Đ: Cùng thứ loại như vậy.
H: Xe đạp đã chết?

H: Anh không tin cái máy?
Đ: Tại sao tôi phải tin nó?
H: (Nói lên điều thiếu hứng thú về máy móc)

H: Cái áo lạnh quá đẹp.
Đ: Cảm ơn. Tôi không muốn lo lắng về máy móc.
H: Anh lo lắng về những gì?
Đ: Lúc đó tôi đang đứng nơi góc đường chờ đèn lưu thông khi tôi ghi nhận, giữa những người bên kia đường đang chờ đèn, một cô gái xinh đẹp dị kỳ đang nhìn tôi. Mắt chúng tôi chạm nhau, tôi nhìn sang nơi khác, rồi nhìn lại, nàng vẫn đang nhìn chỗ khác, rồi đèn bật lên. Tôi bước xuống đường cũng như nàng. Trước tiên tôi nhìn nàng lần nữa để xem nàng có đang nhìn tôi, nàng không nhìn nhưng tôi ý thức rằng nàng có chú ý tới tôi. Tôi quyết định mỉm cười. Tôi mỉm cười nhưng trong một cách tò mò—nụ cười để lộ rằng tôi thích nàng nhưng tôi cũng biết rằng hoàn cảnh này rất tức cười. Nhưng tôi thấy ngay là hỏng. Tôi đã cười rất nhảm. Tôi không thích ngay cả chữ "cười nhảm." Bạn biết, có giây phút khi chúng tôi đi qua nhau. Tôi đã quyết định nhìn thẳng nàng vào giây phút đó. Tôi cố gắng nhưng nàng chỉ nhìn một chút bên trái của tôi, nàng đang nhìn chệch đi 4 tấc về phía trái mắt tôi.
H: Đó là một kiểu như là...
Đ: Tôi muốn sống trở lại và làm như thế lần nữa.

H: Bây giờ thì anh đã nghiên cứu về nó đôi chút, anh có thể giải thích nó vận hành như thế nà?
Đ: Dĩ nhiên. (Giải thích)
H: Nàng vẫn đang cởi chiếc áo khoác?
Đ: Vâng, vẫn đang.

H: Anh có muốn chụp chung tấm hình với tôi?
Đ: Tôi không thích chụp hình.
H: Anh có tin rằng, vào một lúc nào trong tương lai, người ta sẽ có thể đạt tới thỏa mãn tính dục, "hoàn toàn" thỏa mãn tính dục, thí dụ như uống một viên thuốc?
Đ: Tôi ngờ rằng không thể có.
H: Anh không thích ý tưởng đó.
Đ: Không thích. Tôi nghĩ rằng dưới những điều kiện đó, chúng ta sẽ biết ít hơn là bây giờ.
H: Hãy nên biết ít về nhau.
Đ: Dĩ nhiên.

H: Nó có sắc đẹp.
Đ: Cái máy.
H: Vâng. Chúng ta tạo dựng những máy này không phải vì tin nó làm những gì chúng ta đã dự định muốn làm—chẳng hạn, thay đổi chính quyền—nhưng bởi vì chúng ta trực cảm rằng một chiếc máy, ngoài kia, chói sánh như một trung tâm thương mại...
Đ: Anh phải nỗ lực với một quá khứ lịch sử thành công.
H: Mà đã không đưa chúng ta tới đâu.
Đ: (Đưa ra các lời an ủi)

H: Lúc đó anh làm gì?
Đ: Tôi đi bộ trên ngọn cây. Hai mươi bước.
H: Loại cây gì?
Đ: Một cây chết. Tôi không thể phân biệt các loại cây. Nó có thể là một cây sồi. Tôi đang đọc một cuốn sách.
H: Sách gì?
Đ: Tôi không biết, tôi không thể phân biệt các loại sách. Chúng nó không như phim ảnh. Với phim ảnh, anh có thể nhớ, ít nhất là những diễn viên...
H: Nàng đang làm gì?
Đ: Cởi áo khoác. Ăn một trái táo.
H: Cái cây hẳn phải thật lớn.
Đ: Cái cây hẳn phải thật lớn.
H: Ở đâu?
Đ: Gần biển. Tôi mang giày đế dây thừng.

H: Tôi có một số những thông điệp về các sai lầm tôi muốn nói ra đây và tôi muốn anh nghiên cứu chúng cẩn thận... chúng đã được đánh số. Tôi sẽ trình bày cho anh về chúng: biến số chưa định nghĩa... chuỗi các dấu toán học không thích nghi... cách dùng bàng hệ không thích nghi... thiếu một dấu con toán... lẫn lộn các hệ, sai nghiêm trọng... lý luận về một hàm số là điểm cố định... mẫu tự không thích nghi cho hằng số... hằng số phân số không thích nghi... mẫu tự vô giá trị chuyển vào mệnh đề của chương trình phụ, thật là đầu bò... thiếu mệnh đề HẾT.
Đ: Tôi thích chúng vô cùng.
H: Có hàng trăm thông điệp khác, hàng trăm và hàng trăm.
Đ: Anh có vẻ không cảm xúc.
H: Không đúng đâu.
Đ: Cảm xúc của anh gắn liền vào đâu, nếu tôi có thể hỏi như vậy?

H: Anh có thấy nàng đang làm gì?
Đ: Cởi áo khoác.
H: Trông nàng thế nào?
Đ: ...Tự chú ý vào chính nàng.

H: Anh có chán hình thức hỏi-và-trả-lời?

Đ: Tôi chán chứ, nhưng tôi nhận thức rằng nó cho ta cách bỏ qua rất giá trị: như ngày đó thế nào, tôi đang mặc thứ gì, tôi đang nghĩ gì. Tôi có thể nói, đó là một lợi thế rất đáng quan tâm.

H: Tôi tin vào nó.

H: Nàng hát và chúng tôi lắng nghe.

Đ: Tôi đang nói với một du khách.

H: Ghế của họ ở đây.

Đ: Tôi gõ cửa; cửa đóng.

H: Các chiến binh tiến vào lâu đài.

Đ: Tôi có một đồng hồ.

H: Hắn đánh tôi.

Đ: Tôi đã đánh nó.

H: Ghế của họ ở đây.

Đ: Chúng ta sẽ không vượt sông.

H: Các chiếc tàu đã ngập nước.

Đ: Bố nó sẽ đánh nó.

H: Nhét trái cây vào túi nó.

H: Khuôn mặt... cái má co1 một khuôn mặt. Cái dàn này...

Đ: Cái đó?

H: Vừa như khuôn mặt người đã phát triển... từ loài cá... nó có thể theo dõi được, từ, hãy nói, cái... Cái miệng đầu tiên là của loại cá nhỏ mình trong suốt. Tôi không thể nhớ tên, cái tên gốc La Tinh... Nhưng một cái miệng, có nhiều điều hơn chỉ là một cái miệng, riêng cái miệng thì không là một khuôn mặt. Nó tiếp tục lên xuyên qua loài cá mập...

Đ: Lên qua loài cá mập...

H: ...tới loài rắn...

Đ: Vâng.

H: Khuôn mặt có *ba* chức năng chính, đi tìm các nguồn năng lượng cần thiết, hướng toàn bộ máy về mục tiêu của nó, và bắt giữ...

Đ: Vâng.

H: Bắt giữ và sửa soạn làm thức ăn. Như vậy là quá...

Đ: Không chút nào.

H: Khuôn mặt, một khuôn mặt, cũng dùng để lôi cuốn tính phái. Cái mũi rộng, hướng thẳng về trước—

Đ: Tôi không thấy nó trên dàn máy.

H: Nhìn vào nó.

Đ: Tôi không—

H: Có môn học về đối chiếu tương tự, anh tin hay không. Cái... Chúng ta dùng các nhà tạo mẫu kỹ nghệ để làm mặt trước dàn máy, các cơ phận điều hành. Các nhà tạo mẫu, các nghệ sĩ. Để làm cho máy hấp dẫn được người mua. Ngành sửa sắc đẹp thuần túy. Họ bảo chúng ta rằng các nút dao là giống đực. Đàn ông cảm thấy... Do vậy chúng ta dùng nhiều nút dao...

Đ: Tôi biết rằng người ta viết nhiều về mọi thứ này nhưng khi tôi gặp các bài đó, ở các tạp chí hay trên báo, tôi không đọc chúng. Tôi không hứng thú.

H: Bạn hứng thú những gì?

Đ: Tôi là một giám đốc của Lễ Hội Schumann.

H: Nàng đang làm gì bây giờ?

Đ: Đang cởi quần jeans.

H: Nàng đã cởi áo khoác rồi?

Đ: Chưa, nàng vẫn đang mặc áo khoác.

H: Áo khoác vàng?

Đ: Xanh.

H: Rồi, nàng đang làm gì bây giờ?

Đ: Đang cởi quần jeans.

H: Nàng đang mặc cái gì ở dưới?

Đ: Quần. Quần lót.

H: Nhưng nàng vẫn đang mặc áo khoác?

Đ: Vâng.

H: Nàng đã cởi quần lót ra chưa?

Đ: Rồi.

H: Vẫn mặc áo khoác?

Đ: Vâng. Nàng đang đi dọc theo một khúc cây.

H: Trong áo khoác. Nàng có đang đọc sách?

Đ: Không. Nàng có kính mát.

H: Nàng có đang đeo kính mát?

Đ: Cầm kính trong tay.

H: Nàng trông thế nào?

Đ: Tuyệt đẹp.

H: Nội dung của chủ nghĩa Mao là gì?

Đ: Nội dung của chủ nghĩa Mao là sự trong sạch.
H: Sự trong sạch có thể đo được không?
Đ: Trong sạch không bao giờ đo được bằng số.
H: Có bao nhiêu trường hợp trong sạch trên toàn cầu?
Đ: Trong sạch chỉ có 0.004 phần trăm trong mọi trường hợp.
H: Sự trong sạch trong quốc gia trong sạch thường phù hợp với gì?
Đ: Sự trong sạch trong quốc gia trong sạch thường phù hợp với điên loạn.
H: Điều này không làm mất thể diện sự điên loạn.
Đ: Điều này không làm mất thể diện sự điên loạn. Sự điên loạn trong quốc gia trong sạch sẽ đưa tới giải pháp cho lý luận đúng đắn ngự trị.
H: Cái gì là nội dung của lý luận đúng đắn?
Đ: Nội dung của lý luận đúng đắn là tu từ học.
H: Và nội dung của tu từ học?
Đ: Nội dung của tu từ học là trong sạch.
H: Trong sạch có thể đo được?
Đ: Trong sạch không thể đo được. Nó thì có thể bơm phồng lên.
H: Như thế nào tu từ học của chúng ta được dùng chống tấn công của các tu từ học khác?
Đ: Tu từ học của chúng ta được bảo tồn bởi các đại diện dân cử. Trong lớp mỡ trên đầu họ.

H: Không có điểm nào trong lý luận rằng chiếc máy thì hoàn toàn thành công, nhưng nó có phẩm chất của nó. Tôi không thích dùng ngôn ngữ nhân-chủng-tương-ưng-học khi nói về các máy này, nhưng có một phẩm chất...
Đ: Là gì?
H: Nó thì can đảm.
Đ: Máy móc thì can đảm hơn nghệ thuật.
H: Từ khi cái chết của xe đạp.

H: Có mười luật để điều hành máy. Luật thứ nhất là bật máy lên.
Đ: Bật máy lên.
H: Luật thứ nhì là đổi ngôn từ. Luật thứ ba là xoay các thông tin đưa vào. Luật thứ tư là anh đã làm một sai lầm nghiêm trọng.
Đ: Tôi nên làm gì?
H: Anh gửi một thông tin sai lầm thích nghi.
Đ: Tôi sẽ không bao giờ nhớ những luật này.
H: Tôi sẽ lập lại chúng một trăm lần.
Đ: Tôi đã hạnh phúc hơn trước.
H: Anh đã tưởng tượng.
Đ: Các vấn đề không thật.
H: Các vấn đề thì không thật trong nghĩa chúng có thể chạm xúc được. Các vấn đề được nêu lên ở đây là những cái tương đương. Các lý luận và các kết luận hiện hữu mặc dù chúng hiện hữu ở nơi khác, không ở đây. Các lý

luận và kết luận thì ở trên không, và đơn giản để quan sát, ngay cả cho những kẻ không có thì giờ để tham khảo hay học các đọc các văn bản về các ngành chuyên môn.

Đ: Hoàn cảnh đầy dẫy những khó khăn.

H: Hoàn cảnh đầy dẫy những khó khăn nhưng cuối cùng thanh niên và công nhân sẽ sống trên cùng một tinh cầu như những người già và cán bộ nhà nước, vì những tốt đẹp chung cho mọi phạm trù. Hiện tượng quần chúng, theo luật của số nhiều, làm nên những biến cố hiếm hoi và thần kỳ, mà—

Đ: Lúc đó tôi gọi nàng và bảo nàng rằng tôi đã mơ về nàng, rằng nàng đã ở truồng trong mơ, rằng chúng ta đã làm tình. Nàng nói, nàng không được mơ tưởng—không bây giờ, không sau này, không bao giờ, khi nào tôi có thể thôi. Tôi nói rằng đó là cái gì tôi không kiểm soát nổi. Nàng nói rằng đó đã rất lâu xa rồi, và bây giờ nàng là vợ của Howard, như tôi biết, và rằng nàng đã không muốn... can dự vào kiểu này. Nàng nói, hãy nghĩ tới Howard.

H: Hắn đã đánh tôi.

Đ: Tôi đã đánh hắn.

H: Chúng ta đã thấy họ.

Đ: Tôi đã đang nhìn vào cửa sổ.

H: Ghế của họ ở đây.

Đ: Nàng hát và chúng ta lắng nghe.

H: Các chiến binh tiến vào lâu đài.

Đ: Tôi đã nói với một du khách.

H: Tôi đã gõ cửa.

Đ: Chúng ta sẽ không vượt sông.

H: Sông đã tràn nước ngập hết các tàu.

Đ: Tôi nghĩ rằng tôi đã thấy nàng với chú tôi.

H: Tôi nghe thấy họ lên chiếc xe motorcar.

Đ: Hắn sẽ đánh nàng nếu hắn bị mất nó.

Đ (kết luận): Tôi không ngờ vực gì rằng những tay chơi banh ngày nay là những tay số một từng có. Họ là những lực sĩ thông minh, được điều hợp cực kỳ khéo, xuất sắc trong tất cả các ban bộ. Các tay chơi banh ngày nay rất tài ba đến nổi thắng điểm là chuyện tương đối đơn giản với họ.

H: Cảm ơn đã nói cho tôi biết.

H: ...cho anh xem tấm ảnh con gái tôi.

Đ: Rất xinh.
H: Tôi có thể cho anh một số tham khảo để đọc thêm.
Đ: (Vỗ tay vào tai)

H: Nàng đang làm gì bây giờ?
Đ: Có một vết bầm trên đùi nàng. Bên phải.

DONALD BARTHELME

Chú thích của người dịch:

Truyện này có vài hình vuông đen, được xem như các phần tử truyện. Kỹ thuật đó, cũng như kỹ thuật dùng thể vấn đáp, cách diễn truyện đã đưa Donald Barthelme được xếp loại như một trong những người tiên phong viết *metafiction*, tạm dịch *siêu tiểu thuyết* theo cách dịch chữ *siêu hình*. Tuy nhiên khi khảo sát kỹ sẽ thấy vấn đề thực sự phức tạp hơn vừa nói, và kỹ thuật cũng biến ảo tùy các tác giả. Có người đề nghị các cách gọi khác cho các nhà văn nhóm này, như *innovative* (sáng tạo), hay *deconstructive fiction* (truyện giải cơ cấu), vân vân.

Riêng truyện này, nên hiểu trong mạch xã hội Hoa Kỳ. *Cái chết của xe đạp* trong này chỉ có ở Mỹ, vì hầu hết đều dùng xe hơi. Phần *các thông tin sai lầm* trong truyện cũng chỉ thích hợp cho các độc giả có sử dụng máy vi tính. Cách phê phán chủ nghĩa Mao cũng trong vị trí người chưa nếm mùi xã hội chủ nghĩa. Hay là ý thay đổi *chính quyền* cũng là nhận định về chính quyền Hoa Kỳ. Nhà văn Donald Barthelme không có ý ám chỉ gì tới Việt Nam.

Nhà xuất bản ĐỒNG VĂN
P.O.Box 766
STANTON, CA 90680

●

Hân hạnh giới thiệu 5 tác phẩm của QUỲNH GIAO
do LIÊU QUỐC NHỈ phóng tác, chưa in ở Việt Nam:

1. EM LÀ CÁCH HOA RƠi	260 trang, giá 13MK
2. CÁNH NHẠN CÔ ĐƠN,	278 trang, giá 13MK
3. GIÃ BIỆT TUỔI MỘNG MƠ	166 trang, giá 10MK
4. HOÀNG HÔN CUỐI CÙNG	326 trang, giá 14MK
5. ĐƯỜNG TÌNH ĐÔI NGẢ	314 trang, giá 14MK

Ngoài nước Mỹ thêm mỗi cuốn 2MK cước phí
Tổng phát hành: VĂN NGHỆ

HOÀNG PHỦ CƯƠNG

đêm ván xẻ

con đường ổ voi hai mươi năm lăn lóc
nẩy tung ý nghĩ trên đường
trở về, ta
nhìn kẻ ra đi
buồn phương xa
niềm mơ kẻ ở
bàn tay ướt nhẫy mồ hôi

những địa danh ta nghe bằng con mắt
ít ba năm
nhiều đến mười năm
muỗi cắn vành tai
bão cấp mười
sông Côn, tràn lên đầu gối

bài thơ giới hạn bài thơ
đọc lên đứt ruột
đêm ván xẻ
sao về hôm bữa
rừng ơi, sao
mày ngã ngoài xa?

mười mấy năm ta lại được nằm gát chân lên bạn.

12/93

chạng vạng đèo ngoạn mục

hơi lạnh thổi ngang qua triền núi
xe chạy ngược xuôi ngày tiếp ngày
rừng xanh tàn lấp cây gãy đổ
đường mênh mông tối nhược mù sương

12/93
HOÀNG PHỦ CƯƠNG

LƯU NGUYỄN

không dưng mà bỗng nhớ

Mỗi tháng một mùa trăng
em một lần ái ngại
mỗi chặng đường ân ái
từng dấu hỏi băn khoăn

Mỗi năm sông dòng cạn
là nối lại nhịp cầu
bên kia bờ khổ nạn
bên này lắm bể dâu

Hoàng hôn con nước lặng
chìm mỏi cách kêu sương
đi về trong tịch lặng
em - đã rất hoang đường

Không dưng mà bỗng nhớ
ngày một mình lê thê

LƯU NGUYỄN

PHẠM NGUYÊN TƯỜNG

không đề

Ta ve tìm cỏ bứt chơi
Cỏ xanh mướt hệt tóc người hôm qua
Bụm tay một nắm trăng tà
Bỗng nghe cội cỏ vỡ òa sương khuya...

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

ngọn núi ảo ảnh

Những ý niệm hình thành trong tuổi thơ của tôi chiếm một vai trò quan trọng trong vốn liếng văn hóa của đời người, đến nỗi tất cả những gì tôi học hỏi được trong cuộc sống sau này, gẫm lại cũng không làm tôi khác đi hơn bao nhiêu so với những gì tôi đã biết vào thuở đó, thuở tuổi thơ hoang đường con người vẫn tin là có Tiên sống mãi trên đời. Năm nào đó, ba tôi đổi về làm sếp ga Thừa Lưu, một ga nhỏ nằm gần chân núi Bạch Mã. Đêm rằm tháng giêng, tôi theo ba tôi vào trong làng xem *cầu cơ tiên*, một thú chơi tao nhã thường diễn ra trong đêm trăng nơi những vườn đào ở Huế. Cầu cơ tiên không phải để hỏi chuyện họa phước, mà chỉ để xin thơ; thơ do tiên giáng được một người không biết làm thơ viết ra trên mặt cát bằng một que *bút đào.* Tôi còn nhớ đêm xưa ấy, dưới ánh trăng ngời của tiết Nguyên Tiêu, trong mùi trầm hương u hoặc tỏa khắp khu vườn, giọng người ngâm thơ hầu *đồng tiên* dóng đả, bí ẩn như giọng chầu văn của lễ hội Hòn Chén:

Ta có lúc rong chơi tam đảo
Lại trải qua ba mươi sáu động tiên
Từng xem thương hải tang điền
Bầu trời đã rộng ngày tiên lại dài...

Đến lúc tiên giáng, trả lời câu hỏi cho biết đạo hiệu, quê xứ và chốn sơn động của tiên, bút đào trả lời:

- Đào hoa lưu thủy, bận tâm làm gì...

Bài thơ tiên giáng đó có bốn câu, trí nhớ thơ dại của tôi chỉ còn giữ lại mỗi câu đầu, do bởi ba tôi đã giảng giải hào hứng về câu này: "*Thừa lưu xa khứ, nhật tinh di*". Nghĩa rằng, "Cỡi trên dòng nước xe đi, mặt trời và các vì sao

chuyển vần". Lại hiểu theo cách thứ hai: "Ga Thừa Lưu tàu đã qua, còn lại tinh tú chuyển động trên trời". Thơ phiếu diễu hiền triết như vậy, không phải tiên thì người trần sao làm nổi? Ba tôi nói vậy.

Những đêm thơ bút đào thuở nhỏ đã hình thành dần dần trong tôi ý niệm về Tiên, về cõi Đào Nguyên có ngày tháng dài không hết, và những Người Đẹp muôn đời. Qua cát bụi đi hoài mỏi chân, ý niệm kia đã đâm chồi nẩy lộc trong tâm thức tôi thành nỗi khát vọng về Vĩnh Hằng nhiều khi làm tôi quặn lòng, chừng nào cái nhìn buồn bã của tôi quay về phía những *bãi biển nương dâu* mênh mông nơi trần thế.

*

Bạch Mã là ngọn núi cao ngất ở phía Nam Huế, gấp ba lần độ cao của đèo Hải Vân, đến nổi ngay cả vào tiết đẹp trời cuối Xuân, núi hứng sương mù từ biển vào tỏa thành những cơn mưa mịt mùng, giống như bóng núi đổ lênh láng xuống mặt đất suốt quãng quốc lộ ngang qua dưới chân nó. Trước thế chiến, đây là thành phố nghỉ mát lừng tiếng phụ cận Kinh Đô Huế, biệt thự hoa viên rải khắp sườn đồi, thung lũng, đắm chìm trong nỗi tĩnh mịch thâm nghiêm của rừng đại ngàn. Sau chiến tranh đến nay cũng gần hai chục năm, tôi nhiều lần lên chơi Bạch Mã, lần nào cũng nửa chừng quay về vì tắc đường. Đường vừa sửa xong năm trước, năm sau đã vở nát thành hồ thành đống dưới sức điên dại của mưa rừng. Bẵng đi vài năm quay trở lại, con đường đã biến mất tăm dưới một tán rừng mới, y nhiên tự tại như thể là đã lâu lắm chưa ai đặt chân tới. Lưng chừng núi trở lên, khí hậu Bạch Mã là môi trường sinh trưởng kỳ diệu dành cho mọi loài thảo mộc. Một quả thông rơi trên đường nhựa cũng nẩy mầm, rể xuyên qua đá để lớn lên. Những cây thông già tuổi mọc trên mặt đường hoang phế hàng chục năm có hình dáng to khỏe, đầy u bướu và thấp lùn, có giá trị như cổ vật đối với nghệ nhân chơi cây cảnh ở Huế; tiếc là không sống được khi rời núi.

"Cây rừng Bạch Mã lớn nhanh một cách dị thường" - đó là nhận xét của Cò-Yêu-Đời, một Trưởng Hướng Đạo kỳ cựu, hồi xưa ấy năm nào cũng lên cắm trại ở Bạch Mã. Lần ấy, ông phát hiện một cây nhỏ ngay cạnh căn lều của ông, thân thẳng, ngọn chỉa nạng hai, rất lý tưởng để trở thành một chiếc gậy hướng đạo; tuy nhiên cũng phải chờ nhiều năm nữa để cây lớn lên. Năm sau trở lại chỗ cũ dựng lều, tìm cây hoài không thấy, ông nhìn lại: cây vẫn đứng đấy nhưng đã cao lớn ngoại cỡ, thân to bằng cây cau, không còn dùng làm gậy được nữa. Cò-Yêu-Đời bây giờ đã là một cụ già trên tám mươi, ký ức rỗng dần chuyện đời, cái gì còn lại hiển nhiên là điều không thể quên. Chỉ một năm thôi, có lạ không?

Và nếu thế, tại sao người ta không nghĩ tới việc tái tạo Bạch Mã bằng cách trồng lại cây rừng ở đây? Trồng lại những cây thông tỏa hương nồng sau cơn mưa, cây hoàng đàn thơm nhẹ trong giấc ngủ rừng lang thang, cây tùng gọi về tiếng hót véo von của con chim nhồng, và trồng giùm lại những cây

mimosa tỏa một trời hương phấn trên đầu em, ngày tôi tạ từ em xuống núi để bắt đầu cuộc vong thân của những gã Lưu Nguyễn thời hiện đại. Với tôi, Bạch Mã bây giờ không phải là thiên nhiên, mà là cõi hỗn mang vô nghĩa lúc cuộc sống mới bắt đầu ở một nơi nào đó trên trái đất. Thiên nhiên phải trải qua một nghìn năm để đạt tới cứu cánh nội tại của nó là văn hóa, và văn hóa là báu vật dành cho con người. Người ta hoàn toàn có khả năng tái sinh văn hóa thiên nhiên của Bạch Mã bằng cách "bố trí lại cơ cấu cây trồng" như thường nói. Cây ở núi này chỉ đòi hỏi thời gian khiêm tốn để trở thành rừng; hoặc trong kinh nghiệm của Cò-Yêu-Đời, "chỉ cần một năm!"

Tôi cùng đi với đoàn võ sinh Caratedo của Nghĩa Dũng Đường trong cuộc hành hương lên Bạch Mã thường kỳ của võ đường với mục đích hàm dưỡng nhân cách và lý tưởng hành thế. Chủ trì Nghĩa Dũng Đường, bạn tôi, võ sư xuất thân từ trí thức, bản lĩnh quyết liệt nhưng phong thái từ tốn, sống nghĩa hiệp, cốt cách rất giống các vị sư phụ thời cổ. Nhờ các võ sinh, tôi khỏi bận tâm gì về chuyện mang vác, ăn uống, lều trại, hoàn toàn thảnh thơi cùng với Dương đi lủi rừng.

*

Được khám phá vào năm 1932, ở độ cao 1450m, với khí hậu cận ôn đới (từ 4 đến 22 độ tùy theo mùa), khu quần sơn Bạch Mã được đánh giá là một khu vực có khí hậu dễ chịu nhất trên toàn Đông Dương để xây dựng một khu nghỉ miền núi. Ngay dưới chân núi là phá Cầu Hai, Bạch Mã hứng được hai ngọn gió trong một ngày - gió biển và gió lục địa - và đây là một ưu đãi hiếm có đối với sức khỏe con người. Nếu so sánh giữa Đà Lạt và Nha Trang, hoặc Sapa và Đồ Sơn, thì Bạch Mã chỉ cách bãi tắm Cảnh Dương nổi tiếng bằng một con đường đèo ngoạn mục dài 19km, và nối liền với Huế bằng đường ô tô dài 1 giờ 14 phút từ đỉnh núi. Bao quanh Bạch Mã là khu vực rừng già phía Nam Huế, nơi cư trú mênh mông của thú hoang, nơi tôn trữ vô tận của nhiều loài thảo mộc hiếm, của phong lan và thổ lan, đang được qui hoạch thành lâm viên quốc gia.

Cho đến trước biến động lịch sử 1945, Bạch Mã trở thành một thành phố nghỉ mát hấp dẫn người tứ xứ, với 130 biệt thự và một mạng lưới giao thông ngang dọc khắp nẻo quần sơn, chằng chịt đến nỗi nhìn trên bản đồ thấy in như hệ thống những nếp gấp của não bộ. Thời đó, ở khu trung tâm Bạch Mã có chợ và những cửa hiệu cung cấp đầy đủ thức dùng hàng ngày, nhà bưu điện với tổng đài điện thoại liên lạc bình thường với bên ngoài, dịch vụ ô tô đều đặn đảm bảo nhu cầu đi lại và tiếp phẩm giữa Bạch Mã và Huế. Quán cà phê, trạm y tế, sân bóng rổ, sân quần vợt, hồ tắm... Gần đó, có công viên Đá Reo (Parc de la Pierre-qui-Chante) trải rộng giữa thung lũng dành cho trẻ con nô đùa và tắm nắng một cách an toàn, vì hầu hết đường sá đều cheo leo bên bờ vực, hoặc quanh co dưới chân những vách núi dựng đứng. Ở tầng thấp hơn của núi, một khu vực mênh mông dọc theo suối Morang được qui

hoạch cho ngôi làng trồng rau và hoa, cùng đất đai dự kiến dành cho những trại chăn nuôi và vườn cây ăn trái... Những lâm viên, vườn bách thảo và khu bảo tồn thảo mộc trải rộng khắp vòng ngoài. Và tất cả thành phố bằng kiến trúc kiểu Âu đó đắm mình trong một không gian huyền nhiệm kiểu phương Đông, với thiên nhiên đầy hoa rừng mùa Xuân, nắng rực rỡ mùa Hè, và sương khói mộng ảo mùa Thu, nơi đó cây và đá sạch như vô nhiễm, mây trời và tiếng suối reo khẽ đánh động trong tâm linh giấc mộng tiền nhân nào tuồng như con người đã quên đi từ lâu.

Tôi đã từng đến và thấy, và lang thang với Bạch Mã trong những năm bình yên của đầu thập niên 60, để may còn giữ lại được trong ký ức hình ảnh hầu như còn nguyên dạng của một thế giới trước khi nó tan vỡ, hoặc đúng hơn, bị nghiền nát.

Còn bây giờ... Tôi và Dương với dao rừng trên tay, tuôn bụi lủi bờ đi xiên rừng trong ý định tò mò thử tìm lại dấu tích của những ngôi nhà cũ. Trên hồ sơ còn lại, tôi biết thời xưa nơi những cánh rừng này la liệt trang viên của những nhân vật vang bóng một thời; những ông Thượng thư như Tôn Thất Quảng, Hồ Đác Khải, Tổng đốc như Hồ Đắc Điềm, trí thức thượng lưu như Hồ Đác Di, Thân Trọng Phước, doanh nghiệp như Bùi Huy Tín, Viên Đệ; những bà xơ trường Jeanne D'Arc, các tu sĩ dòng Francescain và Rédemptoriste, và cả ông trùm mật thám thông thái Sogny... Đến giờ G của lịch sử là cuộc nổi dậy của Cách Mạng Tháng Tám, sân khấu Huế hạ màn, mỗi người bằng một con đường khác nhau, đã biến mất khỏi thế giới Bạch Mã, để lại một trái núi không người...

Luồn đi giữa rừng lau, thỉnh thoảng chúng tôi phát hiện dưới cỏ một mảnh nhỏ còn lại của một con đường, và quả nhiên gần đó bao giờ cũng hiện ra một nền nhà hoang phế, không còn gì cả ngoài mấy mảng tường vỡ vùi ngập dưới lau sậy cao ngút đầu. Hàng chục phế tích đã gặp, cái nào cũng giống cái nào, câm bặt về lai lịch của chúng, như thể tôi đang gặp những hài cốt mục rã trên một bãi chiến trường cổ không biết người ta đã đánh giết nhau từ thuở nào.

Như có một chủ đích trước, Dương phát đường lần xuống dốc, và chúng tôi đến ngồi nghỉ trên thềm nhà đổ ven một con suối cạn. Cũng thế thôi, lau ken dày tận chân thềm, những mảnh tường cụt đầu đen xỉn, nền nhà bị đào bới phủ kín dây bìm nở hoa tím. Tôi trạc áo cho đỡ nóng, và thấy rát khắp tay chân do mồ hôi thấm qua những vết xước rớm máu trên da thịt.

- Khu vực này trở nên dày đặt những nền nhà cũ - Dương nói - có lẽ không một nhân vật tiếng tăm nào ở Huế thời đó thiếu mặt trên ngọn núi này.

- Chỉ trừ hai người - tôi tiếp lời - là cụ Phan Bội Châu và cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Dương cười to:

- Vậy phải kể thêm người thứ ba nữa là Ngô Đình Diệm. Hồi đó Bạch Mã

đã được phục hồi gần như trước kia, ông Diệm có cấp đất cho một gia đình bảy người chuyên trồng hoa, sau đó ông lên chơi. Không nghe ông nói chi cả, chỉ quát tháo một trận về việc phá rừng làm nhà, xong hầm hầm bay về Sài Gòn.

Nhìn quanh khu nhà, tôi chợt nhận ra bóng dáng một cây anh đào len lỏi giữa đám cây dót. Dương và tôi phát quang chung quanh, và rõ ràng là một cây anh đào Đà Lạt. Trở về chỗ ngồi, tôi chợt nhiên bâng khuâng:

- Không biết chủ nhân ngôi nhà này là ai.

Dương nói, với vẻ lơ đãng:

- Có lần tôi nghe mấy tay đi trầm nói đây là biệt thự của một bà đầm nào đó tên là Rome.

- Bà Rome chủ đồn điền ở Khe Sanh?

- Đúng thế, anh biết bà ta à?

- Tôi không biết bà. Nhưng lại có kỷ niệm riêng về bà.

Tôi kể lại với Dương. Hồi đó, năm 1972, tôi đi chiến trường Quảng Trị, lúc này đang thời phản kích ở Thành Cổ, pháo hạm đội 7 và phản lực Mỹ cứ nhè con đường này mà giã, như muốn chế biến đường 9 thành món *hamburger* của "Mùa hè đỏ lửa". Vốn máu la cà, tôi cứ tạt qua khỏi những trận bom pháo, nhẩn nha dọc một dòng suối lớn mà thuốc súng đã nhuộm đen ngòm như nước cống rảnh. Hỏi ra, mới biết đó chính là "*con suối LaLa - nước trong xanh hiền hòa*" trong bài hát êm đềm của Huy Thục thời mặt trận đường 9 vừa mở cách đó năm năm. Đêm đó, tôi ngủ lại trong một căn hầm chữ A của bộ đội sư đoàn 304 bên cạnh suối LaLa. Chỉ mong được uống một bát nước chè xanh vùng Của, ngả lưng một giấc qua đêm là hạnh phúc lắm rồi. Ngờ đâu mấy cậu bộ đội trẻ miền Bắc trải tăng nilông mới, thắp đèn bão, đốt bếp dầu, xúm xít lại và đãi tôi một chầu... cà phê ra trò. Tôi từng nghe người Hà Nội uống cà phê rất sành, dù hoàn cảnh nào cũng có thể mời nhau những tách cà phê đúng gu Pháp nghiêm chỉnh (tôi vốn không ưa cà phê Mỹ). Nhưng ở chỗ chui rúc cạnh con đường xương máu ở Quảng Trị này, lấy đâu ra món cà phê tuyệt hảo thế này, ngon hơn cà phê Lạc Sơn tôi vốn nghiện ngập thời ở Huế. Tôi tò mò, và được giải thích:

- Cà phê này ngon nhất thế giới, vì nó là *cà phê chồn.*

- Cà phê chồn? Là gì?

- Chồn ăn trái cà phê chín, "chế biến" trong dạ dày của nó xong thải ra ngoài, hạt còn nguyên xi như đã phơi xong. Vùng này mênh mông những đồn điền cà phê bỏ hoang lâu năm, cà phê chồn chất đống trong rừng, đủ cung cấp đại trà cho cả sư đoàn, còn chi viện sư 235 đang đánh nhau ở Thành Cổ. Chỗ chúng em đóng quân đây, nghe nói là đồn điền của "mụ Rôm".

Lần đầu tiên tôi nghe một cái tên như vậy, mà trong lòng xiết bao cảm khái, thầm biết ơn "mụ Rôm" nào đó đã để lại cho chúng tôi món quà tặng cao quí như thế này. Ngồi quây quần dưới lòng đất ấm áp, kể với nhau toàn những kỷ niệm dịu dàng về cuộc sống mến yêu, đó quả là một khoảnh khắc hiếm hoi trong chiến tranh; những tách "cà phê Rôm" đã cho tôi sống đúng

với bản chất con người là *văn hóa*, và chỉ bước ra khỏi căn hầm này, tôi sẽ đối diện với một cuộc sống nóng bỏng những thù hận và chém giết.

Sau đó tìm hiểu, tôi được biết ông bà Rome lên lập đồn điền ở vùng này từ thời đầu khai thác đường 9. Ông Rome sau đi làn Khâm Sứ ở Viên Chăn, lấy vợ Nhật, và chia tài sản cho bà Rome một phần đồn điền này. Bà sống một mình, xây dựng cơ ngơi ở đây, và có những biệt thự ở nơi khác, Huế, Paris... Đến năm 1945 thì bà bỏ đi đâu tuyệt mù khói lửa. Người cho tôi biết khá đầy đủ về bà Rome lại chính là cụ Hành, nhà cách mạng thuộc thế hệ đại lão hòa thượng, đã từng làm công nhân đồn điền từ năm 39 đến 42; và chính cụ đã xây dựng Chi bộ của tỉnh Quảng Trị ngay tại đồn điền bà Rome. Cụ Hành nói với tôi, "Bà Rôm đối xử với công nhân tử tế, không bóc lột như người ta tưởng".

Dương chăm chú theo dõi chuyện bà Rome như thể chủ nhân căn nhà hoang phế này là người thân xa vắng của mình:

- Ước chi gặp lại bà Rome lúc này thì vui biết mấy...

- Cả cụ Hành cũng thế, nếu gặp lại bà Rome ở Quảng Trị lúc này. Bà già lắm rồi, hoặc biết đâu bà đã không còn nữa...

Tâm trí tôi tự nhiên cứ vương vít quanh người đàn bà xa lạ này. Bà đã để lại cho tôi một buổi tối "cà phê chồn" ở đường 9 năm xưa, và một cây anh đào ở Bạch Mã bây giờ. Còn riêng cho mình, bà không có một hạnh phúc gia đình bình thường như những người đàn bà khác. Cây anh đào chắc vẫn nở hoa giữa đám lau lách hoang dại vào mỗi mùa Noel, tự nở tự tàn, đẹp một mình, như tâm hồn nhân hậu của bà.

Chúng tôi ăn bánh mì và tựa đá ngồi nghỉ trưa bên con suối sau "vườn" bà Rome, Dương kể cho tôi nghe lịch sử hủy diệt của Bạch Mã. Hóa ra vị sư phụ không thủ đạo bạn tôi đây lại là một nhà lãng mạn cấp thượng thừa, cả thời đói kém toàn quốc ăn bo bo, năm nào cũng lủi rừng Bạch Mã tìm phong lan.

*

Theo Dương, số phận của Bạch Mã diễn ra trong một thời gian dài, từ từ và do nhiều tác nhân khác nhau, giống như sự sụp đổ của những vương quốc trong lịch sử cổ đại. Cuộc thăng trầm sau hồi các chủ nhân lần lượt xuống núi kéo dài mười lăm năm, sau đó đến thời ông Diệm, Bạch Mã được hồi phục gần như xưa, hầu hết các biệt thự vắng chủ đều có người làm vườn coi sóc. Tai họa đầu tiên xảy đến cho Bạch Mã là cuộc chiến tranh màu da cam, diễn ra từ khoảng năm 1965 trở đi. Trước đó, rừng đại ngàn lan đến tận biển, đường ô tô qua các đèo phía Nam Huế vào tận Hải Vân là chạy giữa rừng già. Thuốc khai quang trong nhiều năm đã hủy diệt rừng. Toàn bộ sườn phía Đông Bạch Mã sau đó biến thành rừng lau và rừng non tái sinh; những biệt thự rỗng không trong niềm hy vọng khẩn nhẫn chờ một ngày chủ nhân trở lại khi cây rừng lại xanh lá.

Vào thời điểm hiệp định Paris, một cuộc ác chiến kéo dài nhiều ngày đã diễn ra giữa hai bên trong chiến dịch "cắm cờ" giành quyền làm chủ Bạch Mã. Lần này bom napan nhắm thẳng vào các biệt thự và khu vực rừng già ở sườn núi phía Tây; về căn bản, coi như toàn bộ Bạch Mã đã bị triệt hạ. Tuy nhiên, ở mỗi ngôi nhà, phần còn lại vẫn vững chắc, với khả năng trùng tu không đến nổi tốn kém lắm.

Chúng tôi dừng lại nơi một phế tích xây bằng đá đen bên đường, tòa nhà khá to lớn xưa kia là đồn quân trấn Bạch Mã. Dương tiếp tục câu chuyện, luôn luôn trong tình trạng bị ức chế về một dĩ vãng hoàng kim và một tương lai bất kham của trái núi từ lâu đã trở thành di sản trong cuộc sống vốn dĩ hư huyền của tâm hồn người Huế. Dương nói với tôi bằng nét mặt nghiêm nghị, nhiều lúc lóe lên một ánh mắt phẫn nộ, làm như tôi chính là kẻ phải chịu trách nhiệm về mọi sự đổ vỡ:

- Sau 75, tôi lên đây, ít ra Bạch Mã vẫn còn được năm chục ngôi biệt thự, như ngôi nhà này chẳng hạn, mới chỉ bị tốc mái, chỉ cần sửa chữa nhẹ. Nếu anh biết bảo quản từ đầu, thì bây giờ với vốn đầu tư không lớn lắm, anh đã có trong tay một mạng lưới cơ sở hạ tầng để tái thiết Bạch Mã thành một trung tâm du lịch giàu có của đất nước.

- Lúc đó thì cả tôi và Trịnh Công Sơn đang bận đạp xe đạp ra tận Cồn Tiên cuốc rẫy trồng sắn, sắn đào lên to bằng củ sâm. Làm chi có chuyện du lịch?

Dương tạm im, bỏ qua cái lối nói năng lừng khừng của tôi, rồi tiếp tục nhiệt tình:

- Chỉ cần một đường dây téléférique, thì chỉ sau mười lăm phút anh có thể về tắm biển Cảnh Dương, trong khi Đà Lạt về Nha Trang phải mất ba trăm cây số. Hoặc chỉ bằng một cú điện thoại, anh có thể mở rượu nhấm nhí ở trên đỉnh Bạch Mã này, để chờ hải sản tươi của đầm Cầu Hai đưa lên. Mà khách sạn ở Bạch Mã đâu cần trang bị máy lạnh? Này nhé, có lần tôi ở Cầu Hai đang gió Lào ba mươi chín độ. Nhảy vô xe Toyota có máy lạnh, thấy khoái lỗ rốn. Lên tới đỉnh Bạch Mã , mới bước ra khỏi xe, bèn thấy ngồi trong Toyota chẳng qua là hứng một chút gió quạt máy đỡ cơn nồng. Tại sao thời còn phải lên Bạch Mã bằng đường sạn đạo, đi bằng kiệu, cái ông Martin nào đó đã dám xây lên một khách sạn mười lăm phòng. Còn ta thì hai chục năm hòa bình, lại vứt Bạch Mã dễ hơn vứt tiền qua cửa sổ. Tại sao?

Dương nói như nạt nộ. Tôi cười:

- Cái đó hãy hỏi cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan vẫn tự thán rằng "Mỹ Âu đất có hẹp gì. Lại sinh vào chốn Trung kỳ Việt Nam". Chẳng qua là tại... mả tổ!

Những năm dài xứ sở kiệt sức trong nạn đói, từng đoàn lô nhô đủ loại thập loại chúng sinh rùng rùng kéo nhau lên rừng để tìm cái ăn. Khổ nạn này tiếp khổ nạn kia, như cơn sốt, như bệnh dịch, những lũ người hốc hác, tơi tả, với một ít gạo muối lỏng lẻo trong túi vải, với rìu rựa và bật lửa, lặn lội tận nơi

rừng sâu núi thẳm mà đời họ chưa biết tới bao giờ, hi vọng ơ hờ rằng cõi xa xanh mù khơi kia ít ra cũng tìm thấy một cái gì đem về cứu đói cho cả nhà. Đi đốt rừng tìm xác máy bay lấy nhôm. Trèo lên những đỉnh núi chót vót để nhặt bao cát và vỏ đạn. Băng ngàn qua tận Lào tìm trầm. Đải vàng li ti trên những nguồi sông tận Tây Nguyên. Hoặc rẻ tiền nhất cũng chặt đót đem về làm chổi xuất khẩu sang Liên Xô. Quả cũng kiếm sống được qua thời buổi, nhưng người về xanh xương mét máu, và của rừng cũng tới lúc cạn kiệt.

Người ta sực nhớ tới những biệt thự hoang tàn tại Bạch Mã, tình cờ phát hiện trong những năm lủi rừng nhưng lúc đó chẳng ai buồn để ý tới. Thế là công cuộc tháo dỡ Bạch Mã được khởi động, xem như một sự khai thác "tài nguyên rừng" vô hại, không ai ngăn cấm. Những vật liệu gỗ như khung cửa, xà nhà, ván rầm được chất lên xe trâu kéo về, lúc này con đường vẫn còn lưu thông được. Tiếp đến là tường và sàn nhà được đập vỡ để lấy sắt thép ở bên trong. Sau rốt tới gạch hoa, lúc đầu là thiên hô vạn hán, nay đã đến lúc đục gỡ tới viên cuối cùng. Trên những nền nhà, tôi còn nhìn thấy những hố rất sâu đến tận móng, thường lấp đầy bởi những bụi cỏ tranh. Ấy là dấu hiệu tận diệt của một ngôi nhà; người ta đào theo kiểu "khai quật" với hy vọng tìm thấy vàng chôn dấu ở dưới đó.

Cuối cùng, đến lượt con đường. Đường Bạch Mã ngay từ đầu đã được thiết kế rất công kỹ, với hệ thống cống thoát nước lớn nhỏ cắt ngang mặt đường để đẩy nước xuống vực. Khi không còn gì để tìm kiếm thêm, những người "thợ săn biệt thự" ở Bạch Mã quay sang đập phá mặt đường để lấy sắt thép ở những cống thoát nước. Sự phá hoại này là vô phương cứu chữa; bởi vì cùng với rừng đã bị hủy diệt và hệ thống thoát nước bị đất đá lấp kín, lượng nước mưa khổng lồ từ trên núi đổ xuống biến con đường thành những dòng thác lũ kinh hồn cuốn phăng mọi cố gắng chắp vá ở đoạn dưới chân núi. Con dã tràng giao thông cứ hì hục đào đắp, để sau một mùa mưa, tất cả lại bị xóa sạch, và còn thảm hơn nữa, bị đào xoáy thành vực. Điều khôi hài là con dã tràng này đã ngốn hết một tỉ đồng trên một kilômét cho công trình không bao giờ nghiệm thu của nó. Cứ thế, đã hàng chục năm qua.

Chiến tranh và những biến động lịch sử luôn luôn là những mãnh lực tàn phá những công trình xây dựng của con người. Nhưng sự tàn phá triệt để nhất nhiều khi lại đến từ chính con người trong những ngày bình thường với những dụng cụ thô sơ cầm tay, đi tìm cái gì ăn để sống qua cơn đói. Và tôi biết, tôi sẽ không bỏ ra một lời để ngăn cản họ dẫu khi tôi bắt gặp họ đang đập phá; không phải vì sợ một hòn đá ném vào trán, mà vì tự thấy thiếu liêm sỉ về thái độ đạo đức giả. Dân không "ở yên" được ở chỗ *nhân nghĩa*, không phải là lỗi của họ, mà bởi thiên hạ thiếu một nền *Đại chính*. Nguyễn Trãi nói vậy.

*

Suối Đỗ Quyên chảy quanh co qua thung lũng Morang, một khu đất bằng phẳng xưa kia dành cho trại Hè học sinh. Đây từng là một khu vườn thiên

nhiên đúng nghĩa, đẹp như tranh như thơ, với những cây tùng lão trượng hàng trăm năm, những loại thổ lan rực rỡ mọc chung với cỏ, và nhiều loại phong lan quí hiếm mà bất cứ nhà sưu tập nào cũng thèm muốn, lơ lửng thinh không trên những ngọn cây dọc ven suối. Sau khi con suối bị đánh trọng thương hồi trước hiệp định Paris, rừng già và cỏ hoa ở đây mười phần không còn được một, hai; chỉ loài hoa Đỗ Quyên rừng sống sót, nở miên man dài theo suối như một cơn say nồng của núi non. Cuối thung lũng, suối Đỗ Quyên bị dồn lại giữa hai bờ dốc đứng, đổ xuống ghềnh đá thành những bồn nước thiên nhiên tuyệt vời; ở đó đá như được kiến trúc thành hang động trong lòng những tòa thành cổ. Tôi thoáng nghĩ, trong những thời xa xưa đã từng có bậc cao nhân ẩn sĩ nào đã tới đây, chỉ tĩnh tại trong động đá này mà thông đạt hết mọi lẽ huyền vi của vũ trụ.

Nơi đoàn Nghĩa Dũng Đường cắm trại là bồn nước thứ năm trong chuỗi những ghềnh đá của suối Đỗ Quyên. Ở quãng này, dòng suối hiền hòa chảy trên một bãi đá rộng và bằng phẳng dài hàng trăm mét, để rồi đổ xuống theo một thành đá dựng thẳng và sâu hút, không thể nhận thấy chân con thác ở bên dưới. Tôi thử mạo hiểm đến gần mép bờ đá nhìn xuống, liền phải lùi lại ngay, để tránh cảm giác chóng mặt do sức hút của vực thẳm. Để ngắm ngọn thác, sáng hôm sau chúng tôi phải vòng theo đường núi tụt xuống dốc, mất gần một giờ mới đến chân ghềnh đá, nhìn lên. Một bức tường thành bằng đá liền dựng đứng cắt ngang trời, không biết đến mấy trăm mét bề cao, trên đó dòng thác lay động như một dải lụa trắng. Đây là thác Xai-Tô-Đó, một cảnh tượng hùng vĩ bậc nhất của Bạch Mã. Cư dân vùng thung lũng Nam Đông nhìn về núi, thấy thác như trên trời đổ xuống. Còn dân vùng quanh Bạch Mã, gọi thác là "phướng"; ban đêm nghe "phướng" reo thì trời đang mùa chuyển sang nắng, nắng chuyển sang mưa. "Phướng" reo nghe được từ xa đến hàng chục cây số, rùng rùng như ngựa chạy.

Các võ sinh đi đẵn cây dựng trại, và những cô gái nhóm bếp nấu cơm chiều; Dương và tôi ngồi uống trà nơi một thạch bàn phẳng phiu gần bờ thác. Thành núi cao hai bên mở ra trước mắt chúng tôi một khoang cửa rộng nhìn xuống thung lũng Nam Đông, dưới đó suối Đỗ Quyên nay trở thành một dòng nước lớn lượn vòng trên đồng cỏ để đổ vào sông Hương ở thượng nguồn.

Nhiều năm rồi hẳn là ít ai lên tới đây, không thấy dấu người vãng lai, những bếp lửa, cọc dựng lều, bao bì nilông vứt lại, chẳng hạn. Chút hơi hướng con người tôi tìm thấy ở đây là một cụm chân nhang bạc màu cắm trên mỏm đá, chắc là *di vật* của những người ngậm ngải tìm trầm trong đêm rừng tối thẳm. Rồi nữa, trên mặt đá rêu mờ, tôi thấy một hàng chữ viết bằng hắc ín đã phai màu, bị bào mòn lỗ chổ nhưng vẫn đọc được: *Nối Vòng Tay Lớn - 198...* Thế nghĩa là từng có một đêm rừng cách đây đã lâu, thời đó qua đây cũng chỉ có những người thợ rừng lam lũ. Không ngờ "văn hóa Trịnh Công Sơn" ta bà chốn rừng sâu ải tối này, ghê thật!

Chiều đã muộn, sương dâng mịt mùng dưới thung lũng. Khí núi tỏa ra lạnh buốt, chúng tôi lục ba lô lấy áo len ra mặc. Trong ánh sáng lờ mờ, tôi

chợt nhận ra những dấu lạ gần chỗ ngồi mà nãy giờ không chú ý đến: những dấu lõm hình cầu to bằng chiếc dĩa, nông và khác màu, lác đác trên mặt đá.

- Có vị đại hiệp nào lên luyện công ở đây?

- Đó là "cối" dùng để giả vỏ cây - Dương giải thích - Có một loại cây mủ đặc biệt chỉ rừng này có. Người ta lên đây, bóc lấy vỏ đem giả ở suối này, lọc lấy mủ luyện thành chất nhựa màu nâu, dùng để bẫy cò. Bẫy cò là một nghề sinh sống của nông dân vùng này, về mùa lụt.

- Hết đi tìm trầm, đi đập biệt thự, nay lại còn đi giả nhựa bẫy cò - tôi chép miệng. Trái núi này bây giờ hóa ra là nơi tấp tới đủ loại đời ba chìm bảy nổi. Thế lại còn "nối vòng tay lớn" nữa, trời ạ!

Quả là thế! Ngọn lửa bốc cao giữa hẻm núi, các võ sinh lại vỗ tay hát bài ca truyền thống của những Đêm Không Ngủ năm xưa: *"Mặt đất bao la, anh em ta về, gặp nhau mừng như bão cát..."* Ừ, thì về, ừ thì cười, ừ cát bụi bay! Niềm vui tới mãnh liệt như cơn lốc. Sơn ạ. Mỗi lần về Sài Gòn, tôi vẫn tới Sơn chơi, khoảng mười giờ sáng, nhà Sơn vắng người. Hai đứa im lặng như Whisky, đọc trên vầng trán hững hờ những nếp nhăn của niềm hy vọng đã cũ. Thôi thế, Sơn ạ.

Tôi ngồi im lặng giữ những võ sinh đang nồng nhiệt hồn nhiên cùng với tuổi thanh xuân của họ, chìm đắm trong ký ức sâu thẳm về những bếp lửa bản Thượng những năm tôi lênh đênh trên rừng. Đó là một thế giới riêng, âm u và đơn độc, và mang tính cách ly làm cho tôi không nhập nổi vào mọi dạng "lễ hội" hàng ngày quanh tôi. Sau chiến tranh, người ta nói nhiều về những "hội chứng"... Có lẽ thế, tôi đang nhiễm nặng "hội chứng lãnh cảm" của một người đã từng đắm say và đã bị phụ tình.

"Ta khi xưa, trên núi cháy chiếm ngôi thần linh rất thiêng
Qua bao năm vui múa với anh em thần linh láng giềng"...

Tôi quay lại ngồi đốt thuốc một mình trên bờ thác Xai-Tô-Đó. Ánh lửa xa nhập nhoạng trên tán rừng tối thẳm chợt cồn cào trong tôi một nỗi gì không biết từ âm hưởng của bài hát Lửa Trại xa xưa ấy, trong những đêm rừng Bạch Mã mà tôi từng tham dự với những bạn bè Hướng Đạo.

Hồi chiều, trước khi tới ngôi nhà cũ của bà Rome, tôi đã băng ngang một khu đất trống bằng phẳng mà tôi nhớ rất rõ, là khu vực trại Hướng Đạo ngày trước. Bây giờ là rừng lau, nhưng thời trước Cách Mạng Tháng Tám, cánh rừng này là nơi rèn luyện bản lĩnh của cả một thế hệ thanh niên để chuẩn bị hành trang đi vào lịch sử, của mỗi người. Tất cả những gì tôi được biết về thế hệ ấy là từ những đêm Lửa Rừng về sau này, cũng quanh ngôi nhà gỗ giữa rừng cây hoàng đàn nơi thung lũng này, qua những huynh trưởng cựu trào như Cò-Yêu-Đời chẳng hạn.

Trại trường Bạch Mã được xây dựng cùng một lúc với sự ra đời của Liên Hội Hướng Đạo Đông Dương, vào năm 1937, bấy giờ trụ sở đặt tại Huế. Trại được thiết kế theo khuôn mẫu của trại trường Hướng Đạo Quốc Tế Gilwell

Park ở nước Anh, gồm đủ hội trường, thư viện, trạm y tế, sân lửa trại, vườn hoa, vườn rau v.v... Tuy nhiên, dưới mắt các uỷ viên Hướng Đạo Quốc Tế, Bạch mã đẹp hơn Giwell Park nhiều, do suối nước trong lành và thiên nhiên kỳ tuyệt, nơi khác không sánh được. Bằng Rừng quốc tế hay "Khăn quàng Giwell" với dây da đính hai mẫu gỗ hun lửa, là bằng cấp cao nhất của một hướng đạo sinh. Chương trình bằng Rừng Giwell được áp dụng cho một chứng chỉ trung cấp gọi là "Khăn Quàng Bạch Mã", còn "Khăn Quàng Giwell" ở Bạch Mã được nâng cao hơn nhiều so với hệ thống Hướng Đạo Anh. Trên khăn quàng Bạch Mã có thêu biểu tượng Nguồn Nước (Verseau), chính là hình ảnh hai dòng suối hợp lưu trước sân trại, bây giờ vẫn thì thầm dưới cỏ lau. Tất cả những trụ cột sáng lập của phong trào Hướng Đạo Việt Nam đều đã thi bằng Rừng và Lên Đường ở Bạch Mã, trong đó có *Dã Mã* (Tên Rừng của Võ Thành Minh), *Hổ Sứt* (Hoàng Đạo Thúy), *Chồn Fennec* (Tạ Quang Bửu)..., và những nhân vật nổi tiếng ở miền Nam như giáo sư Phạm Biểu Tâm, Luật sư Trần Văn Tuyên, hoặc những ông tướng trong quân đội Sài Gòn như Lâm Văn Phát, Trần Tử Oai... Những con người ấy sau này theo đuổi những sự nghiệp khác nhau, và sống những số phận khác nhau. Nhưng tất cả đều đã xuất thân từ một trường Đại Học Rừng Núi, với một chứng chỉ có mác quốc tế là bằng Rừng Bạch Mã.

Một trang sử rất vui vẻ được ghi trên ngọn núi này, là sự ra đời của "Quốc kỳ Việt Nam", theo hồi ký Hướng Đạo của Cò-Yêu-Đời.

Theo nghi thức quốc tế, Hướng Đạo của mỗi nước chào quốc kỳ của nước mình. Nhưng quốc kỳ VN bấy giờ là cờ nào? Cờ Long Tinh là cờ hiệu riêng của nhà vua. Còn cờ vàng góc đính tam tài là cờ bảo hộ nhục nhã, Hướng Đạo sinh VN không bao giờ chịu chào lá cờ ấy. Dã Mã, lúc bấy giờ là Tổng uỷ viên trưởng Hướng Đạo Đông Dương, cương quyết đề nghị chọn "quốc kỳ VN thời độc lập" mà ông nhớ là toàn màu vàng. Nhưng có gì bảo đảm điều ấy là đúng? Dã Mã quay điện thoại hỏi Bộ Lễ:

- Xin cụ vui lòng cho biết quốc kỳ VN trước thời Pháp thuộc là như thế nào?

Thượng thư Tôn Thất Quảng trả lời:

- Lá cờ toàn màu vàng!

Nhưng hai vị Tổng uỷ viên người Pháp lại bác bỏ:

- Cờ vàng quốc tế dùng làm cờ bệnh, chỉ dành riêng cho những tàu bè bị bệnh truyền nhiễm không được phép ghé bến, không thể làm cờ Hướng Đạo.

Dã Mã biện bác theo khẩu khí "đồ Nghệ":

- Quốc kỳ VN có trước, cờ bệnh quốc tế mới đặt ra sau này. Vậy thì quốc tế nên đổi cờ bệnh ra màu khác, để tôn trọng màu vàng vốn là màu cao quí của văn hóa phương Đông.

Thế là có một thời nô lệ; "Quốc kỳ Việt Nam" *kiểu Võ Thành Minh* đã được kéo lên trên đỉnh núi Bạch Mã, ngọn cờ mà trong tư tưởng của ông, đã tồn tại từ thuở dân Việt thoát khỏi một nghìn năm Bắc thuộc. Dã Mã là người như thế, một con người đầy hùng tâm trong ý thức Lạc Hồng, không đạt chí

thì làm một người Việt "độc hành kỳ đạo" trên đường về cội nguồn, cho tới lúc nhắm mắt.

Trung tâm Bạch Mã hoạt động liên tục từ ngày đầu cho đến trước Cách Mạng Tháng Tám, nhiều năm sau do Chồn Pennnec làm trại trưởng. Và kỷ niệm đời người đã đến với Chồn tại núi này, vào dịp trại huấn luyện năm 1941.

Cò-Yêu-Đời kể cho tôi nghe bằng nụ cười món mém của người già:

- Năm đó, Trưởng ngành, Tráng Hổ Sứt về dự trại, đưa theo ái nữ là Hổ Con vô thăm cảnh đẹp đất Thần Kinh. Cảnh đẹp tới đâu không biết, nhưng hình ảnh của chàng Trại trưởng Chồn lại lọt vào mắt xanh của cô thiếu nữ Hà Thành kiều lệ. Sau đó, hướng đạo sinh được mời đi dự một đám cưới kim thạch kỳ duyên nổi tiếng hơn đám cưới phò mã, là Trưởng Tạ Quang Bửu thành hôn với con gái Trưởng Hoàng Đạo Thúy. Quà cưới của Hướng Đạo Huế dành cho Chồn, do anh em góp lại người vài xu, là một chiếc xe đạp mới keng.

Lúc này, còn lại Dương và tôi ngồi uống rượu đàm đạo bên đống lửa khuya bập bùng. Dương hỏi tôi, dáng trầm ngâm:

- Anh có nghĩ rằng Hướng Đạo cũng là một lý tưởng không?

- Nếu quan niệm sống là để giúp ích cho mọi người, thì Hướng Đạo cũng đủ là một lý tưởng rồi. Một lý tưởng vị tha và khả thi đối với những con người bình thường nhất. Theo kiểu Lưu Bị dạy con: "Đừng thấy việc thiện nhỏ mà không làm"...

- Nhưng lời hứa thứ nhất của Hướng Đạo là "Trung thành với Tổ Quốc" kia mà. Đâu phải chỉ có chuyện giúp đỡ người khác?

- Lời hứa, là một tiếng thì thầm mà cụ Baden Powell để cho môn đồ của cụ hiểu theo lương tâm của mình.

- Chỗ này tôi vẫn chưa đồng ý với anh. Tổ Quốc là sông núi, là lịch sử, đâu phải là một cái gì trừu tượng...

- Đúng, Tổ Quốc trước hết là rất cụ thể, như trên bản đồ chẳng hạn. Và phần mênh mông còn lại, Tổ Quốc chìm sâu trong tâm linh của mỗi người. Nó đồng hóa với lương tâm của con người.

- Vậy Hướng Đạo chỉ khuyên nhủ mà không phán xét...

- Tôi nghĩ rằng không chỉ Hướng Đạo, mà bất cứ ai trong chúng ta cũng không được dành quyền phán xét người khác. Tôi không biết lý giải cách nào đây. À, thôi được. Thí dụ như ta họp tất cả các võ sinh lại và đặt câu hỏi: "Tổ Quốc là gì, là thế nào?" Đấy, bắt đầu cãi nhau rồi, phải không?

- Tổ Quốc là Mẹ. Mẹ Âu Cơ, chẳng hạn.

- Mẹ Âu Cơ, nhất trí trăm phần trăm. Đó chính là ông Võ Thành Minh. Nhưng mẹ Âu Cơ theo đạo nào? Bà thờ Phật, thờ Chúa, hay là thờ cá voi? Mà biết đâu bà chỉ khoái thờ Dâm Thần, thì sao nào? Rắc rối là ở chỗ đó. Thế là một trăm đứa con của bà từ một bọc sinh ra bèn cãi nhau như điên,

rồi nổi xung cầm gươm giương nỏ xông lên làm một cuộc "thánh chiến vì Mẹ". Mẹ can không nổi, dàn dụa nước mắt, đành phải chia con ra, một nửa lên núi, một nửa xuống biển. Đó đó... Tổ Quốc được ghi vào trang sử đầu tiên của dân tộc đã là như vậy; Chắc ông Ngô Sĩ Liên không dại miệng bịa đặt ra để nói cho vui.

Dương cười to:

- Hồi Genève, người đại diện cho chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ký tên vài hiệp định là Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng Tạ Quang Bửu. Người tham gia chính phủ Bảo Đại là Cung Giũ Nguyên. Một người khác, tự coi là đại diện cho người Việt, ngồi thổi sáo bên hồ để phản đối chia cắt đất nước, lại chính là Võ Thành Minh. Cả ba đều là các Trưởng Hướng Đạo đã Lên Đường từ núi Bạch Mã này. Anh nghĩ sao về chuyện này, tiếng sáo của Dã Mã chống lại chữ ký của Chồn ở hội nghị Genève?

- Có thể hiểu theo cụ BiPi: Tổ Quốc trong lương tâm của mỗi người. Họ đều là tiền bối của thế hệ chúng ta, và đã nhìn nhau rất là "mắt xanh".

Với tôi, Tạ Quang Bửu với Võ Thành Minh rất giống và khác nhau như hai khuôm mặt nhìn nghiêng của Bạch Mã. Sinh ra ở Huế, tôi từng biết, cái tên Tạ Quang Bửu là một thần tượng của thế hệ trí thức trước thời tôi. Ông là một thanh niên lập chí rất cường tráng, chỉ chinh phục trí thức và rất xem thường bằng cấp. Tôi nghe kể lại, ông được "như Tây học học bổng" của Nguyễn Hữu Bài đi du học ở bên Anh. Học rất giỏi, nhưng cứ đến chứng chỉ cuối cùng của bằng cử nhân thì ông lại bỏ, nhảy sang một ngành mới, toàn là khoa học kỹ thuật. Theo đúng cam kết thì thi đậu cử nhân xong là phải về nước phục vụ, nên ông Bửu bèn chơi "quả lừa" với cụ Nguyễn Hữu Bài, không chịu đỗ cử nhân, để tiếp tục học. Học lâu quá, trong nước gọi về, thì té ra Tạ Quang Bửu chỉ có trong tay cái bằng tú tài. Nhưng trí tuệ uyên bác thì mù trời, đương thời Tây, ta không ai theo kịp. Dã Mã chịu là Chồn giỏi hơn mình, nên dù là tiền bối trong ngành, Dã Mã phải "tam cố mao lư" tìm đến phòng riêng của Chồn ở trường Thiên Hựu để năn nỉ trao gậy Hướng Đạo làm Tổng uỷ viên miền Trung kiêm Đạo Trưởng Huế thay mình. Việc này tôi đọc thấy trong hồi ký Hướng Đạo của chính ông Võ Thành Minh.

Riêng với Dã Mã, tôi đã giữ lại rất sâu trong tâm trí hình ảnh của ông thời tôi lớn lên ở Huế. Hồi ấy ông sống ở nhà thờ Phan Bội Châu. Tôi gặp ông ngoài đường, mặc áo dài, chân mang giày bốt bất kể mưa hay nắng, choàng ngoài bằng tấm vải dù đen như một khách dạ hành, cưỡi chiếc môbylét cũ và bền bỉ như con ngựa tội nghiệp của Đông Kisốt.

Tôi biết nhiều chuyện về đời ông, chuyện nào cũng thực mà y như bịa. Trước hết là chuyện ông "dinh tê" về thành. Hồi đó, ở Nghệ An, ông bị Việt Minh xã bắt quản thúc về chuyện ăn nói ngang tàng. Ông bèn cùng với mấy người khác thuê đò trốn vào Huế. Đêm nằm thiu thiu, ông nghe mấy người kia bàn về Huế sẽ nhờ ông A, ông B giới thiệu để ra làm việc với Pháp. Võ Thành Minh liền bật dậy, nói: "Tôi bỏ đi vì không thích sống với Cộng Sản, không phải đi để tìm cách theo Tây. Tôi với các ông không thể là bạn đồng

hành. Vậy tôi yêu cầu các ông... chèo đò lui, cách mươi cây số thả tôi xuống để tôi đi chuyến khác. Tôi hứa là sẽ không báo với ai chuyện các ông ra đi..." Và người ta làm theo ý của ông.

Ông về Huế quảng năm 1947, in tập thơ *"Những Tiếng Thương Tâm"* đầy trầm thống về dân tộc, đem bán được đủ tiền đi Pháp. Chuyện ở nước ngoài của ông cũng thật là tiếu ngạo giang hồ. Ở Pháp, ông mò ra bãi ô tô cũ nhặt nhạnh đủ bộ sậu lắp ráp thành một chiếc xe đầu Ngô mình Sở, vừa làm nhà ở, vừa lái đi khắp Âu châu đòi hòa bình, độc lập cho Việt Nam. Làm đủ việc, chùi nhà, cuốc vườn, dạy goya, chỉ cầu đủ bánh mì ăn trong ngày, rồi làm "chính trị" bằng cách viết báo. Võ Thành Minh qua Mỹ, cũng làm như vậy, bị cảnh sát Mỹ bắt giam vì không có giấy tờ gì hết. Rồi ông sang Genève, sống trong chiếc xe cà tàng của mình, chống rét bằng cách ngồi thiền, thở goya với một chai nước nóng ủ trong áo, ngồi thổi sáo bên hồ Leman để đòi hòa bình, thống nhất... Đòi thế thôi, chỉ để mà khát vọng, còn giải pháp nào thì ông không biết, khác với cái quán bán "giải pháp siêu lập" của ông Hồ Hữu Tường bày bên cạnh căn lều của ông.

Tôi được dịp nghe Võ Thành Minh nói chuyện nhiều lần mấy năm sau hiệp định Genève. Lúc bấy giờ ông đang bị giam lỏng ở Quảng Trị, thỉnh thoảng lẻn vô Huế. Ông nộp đơn lên Ngô Tổng Thống, xin cho ông đóng một chiếc bè sống trên sông Bến Hải, làm người đưa thư giữa hai miền, để đến phút cuối đời, ông được nằm chết với chiếc bè của ông đúng trên vĩ tuyến 17, hai tay dang ra níu lấy hai bờ của dòng sông...

Với tôi, Dã Mã hình như là một con người thuộc về huyền thoại hơn là thực tại. Và tôi tin rằng ở nơi nào đó, cuộc sống sẽ tốt hơn nếu có một con người huyền thoại sống giữa mọi người.

Còn lý do cụ thể nào đã đưa đến cái chết của ông, thành thực mà nói, tôi không biết. Nhưng tôi nghĩ rằng, dù từ lý do nào, trong bối cảnh khắc nghiệt của cuộc chiến hồi đó, những con người nhất quyết "xông lên giữa hai làn đạn" như ông e khó sống. Ông chỉ tìm thấy thăng bằng khi, như một người làm xiếc trước lịch sử, ông giang hai cánh tay để đi trên sợi dây mỏng manh giăng ngang đất nước là vĩ tuyến 17. Rời khỏi sợi dây đó, số phận không dành cho ông cơ may để tồn tại. Chuyện đã hai lăm năm cũ, nghĩ lại cũng thật là buồn.

Trằn trọc mãi, tôi nhẹ nhàng ra khỏi lều vải, cầm bao hương mang theo, đi thẳng đến bờ thác. Tôi đốt hết bó hương, nhìn về rặng núi xa mờ trong trăng khuya cúi tạ linh hồn ông, rằng tôi đã mang một vết thương sâu trong tâm hồn khi không còn ông trong thành phố ngày tôi về... Có lần ông kể với tôi, trong lễ đặt tên của hướng đạo sinh, theo đúng nghi thức, ông đã ném tên thật của mình vào lửa, chỉ còn giữ lại tên Rừng ông viết trên vỏ cây, là *Hồng Sơn Dã Mã*. Đúng thế, suốt đời là "con-ngựa-hoang-núi-Hồng-Lĩnh". Đâu đây trên những triền núi dốc đứng này, tôi hình dung thấy Dã Mã với đồng phục Hướng Đạo trong ngày Lên Đường - lên đường để đi tới Vực Thẳm.

Dưới chân tôi, dòng thác Xai-Tô-Đó vẫn mải miết qua ghềnh đá, vọng lên

một âm hưởng bí ẩn từ đáy sâu. Dòng nước ư, *chảy mãi thế sao ngày đêm không nghỉ*, chảy như sông Thù sông Tứ nơi quê nhà của ông Thánh đã ngồi viết Kinh Dịch...

*

Ngày thứ, chúng tôi vượt núi đi về phía Đông, đến điểm cao nhất của Bạch Mã xưa tên là Đồi Vọng Hải, nhìn thẳng ra biển. Đây là một cứ điểm quân sự cũ, mặt đất trơ trụi những mảng nền bê tông phủ kín dưới những bụi cây đuôi chồn, cùng những lớp địa y dây, và trong sương mù, ửng lên một màu tím huyền rất lạ. Dương đứng khoanh tay trên mỏm đá cao, dáng nghiêm rất sư phụ, đối diện với địa hình của các võ sinh Nghĩa Dũng Đường đang thao diễn quyền cước đai đen của Không Thủ Đạo. Môn đệ của Dương đủ người tứ xứ: cán bộ giảng dạy đại học, sĩ quan tác chiến, thợ cầu, có cô gái là sinh viên Tổng Hợp Hà Nội, cô khác là giáo viên huyện miền núi ở Gia Lai... Họ theo sư phụ lên Bạch Mã, để ôn luyện võ thuật, nhưng chủ yếu là để tu dưỡng tâm pháp được truyền dạy, rằng *"học võ thuật là để không bao giờ sử dụng bạo lực"*. Hóa ra là thế, những giá trị tâm linh bao giờ cũng được hun đúc trên những ngọn núi cao.

Theo chỉ dẫn của Dương, tôi vạch lau đi sang ngọn đồi bên cạnh, nơi đó có di tích ngôi biệt thự cũ của ông Ngô Đình Cẩn. Trên đổ nát, tôi còn nhận ra hình dạng của ngôi nhà, có tầng gác, sân nội thất dành đặt chậu cảnh, cái giếng đào dùng để tưới hoa, và một bao lơn rộng nhìn xuống phía Cầu Hai, với cửa biển Tư Hiền lấp loáng dưới chân núi Túy Vân. Trên nền nhà vỡ nát, những đám nhạn lai hồng mọc lan theo những kẻ nứt, cằn cỗi nên hoa lẫn lá đều thu nhỏ lại, và bạc màu. Bên ngoài, lác đác giữa những đám dương xỉ, tôi ngạc nhiên thấy những bụi lay-ơn vẫn sống dai dẳng, hoa màu gạch bạc thếch, và những cây nho đã hoang dại len lỏi giữa lau sậy. Đây hiển nhiên là di tích của một hoa viên xưa, hẳn là hoa viên đẹp nhất của một thời Bạch Mã, giống như những khu vườn nổi tiếng khác của ông Cẩn ở Huế.

Trời sầm mây. Gió từ biển vào, lượn rồng rắn trên đầu rừng lau, làm dậy lên tiếng rì rào khô khốc rất rộng quanh tôi. Ở giữa nhà, một bệ xây còn nguyên vẹn tựa sát bức tường vỡ nhìn thấy núi non ở bên ngoài. Không có gì trên bệ, nhưng tôi biết đấy là một bàn thờ Chúa, nhờ những dấu thánh khắc sâu ở mặt tiền. Tôi ngồi bệt tựa lưng vào chiếc bệ thánh nhỏ, tự nhiên thấy đỡ đi một chút cái cảm giác Hư Vô vẫn dằng dặc trong tôi suốt những ngày lang thang với Bạch Mã. Gió lùa mây lên ngàn, vùn vụt băng qua căn nhà đổ, dồn quanh những bức tường; tôi cảm thấy mình đang bị vây hãm giữa chuyển động vân cẩu của mây trắng. Thật lạ, ngọn núi này hẳn là có thích thú gì riêng mỗi khi chứng kiến cuộc hội ngộ của hai gã phù phiếm trên đời, là tôi và mây. Mây, ồ, mây của ba mươi năm, mi lại về tìm ta?

Năm đó, kết thúc những tháng xuống đường sôi động ở Huế, tôi lên Bạch Mã để tìm kiếm chút yên tĩnh mà tôi rất thèm khát, với ý định đánh cắp thời cuộc một chút nhàn sầu, để chiêm nghiệm những khám phá siêu hình học về Cái Chết. Mặc dù các em gái xinh đẹp luôn luôn che miệng cười, tôi vẫn đoan chắc rằng con người sẽ sống đỡ ngu xuẩn hơn, chừng nào hắn còn biết dành ít thì giờ để tò mò về cái Chết, *cái Chết của chính hắn.*

Vào Nouvel An thời tiết rất đẹp. Tôi được giới thiệu tìm đến cư ngụ trong một ngôi nhà vắng chủ của Bạch Mã. Ngôi nhà vẫn nguyên vẹn nhưng không có người coi sóc, còn lại vài thứ đồ gỗ sơ sài, vài ô cửa để ngỏ vì cánh cửa đã bị hỏng. Vườn đầy hoa, và một loài cây gì tôi không biết, cành rất dài và sum suê ngã rạp xuống thành một cái giàn che kín mặt đất. Tôi luồn tay xuống bên dưới thử mò xem, đụng phải rất nhiều trái; bèn hái lên xem, thì ra là những trái hồng to và đỏ như những trái cà chua chín. Những ngày ở Bạch mã, tôi như một con sóc hoang dã, tha hồ ăn trái cây trong vườn hồng vô chủ.

Những ngày này Bạch Mã rất nhiều mây. Điều này làm trở ngại công việc của tôi. Mây đặc quánh, lừng lững vào đầy phòng, vờn vẽ trên những trang buồn bã của Clément Rosset làm cho tôi mờ mắt, chóng mặt, như vớ phải "Cửu Âm Chơn Kinh". Tôi xếp sách, đi ra ngoài. Ừ thì cứ lang thang trong rừng, mây nhiều thế này biết đâu chẳng gặp tiên...

Và tôi đã gặp Nàng.

Nàng mặc áo lụa trắng, quàng áo len tím, ngồi mơ mộng giữa đám hoa rừng. Dưới núi nắng rẻ quạt vàng mật ong xuyên qua tán thông, trông nàng đẹp như tiên nữ. Một mình giữa hoa, tiên nữ nhiều khi cũng buồn, nên vừa gặp tôi, niềm vui tỏa sáng trên gương mặt nàng:

- Không ngờ lại gặp anh ở đây.

Tự nhiên tôi đâm ra lúng túng. Bèn chấp tay vái nàng:

- Ủa... Sao cô nương lại biết đến kẻ hèn mọn này?

- Nhà ngươi là một gã mơ mộng khét tiếng giang hồ. Sao ta lại không biết?

Nàng cũng nghiêm mặt nhại giọng Kim Dung, rồi cười phá lên.

Hóa ra là "Lục cô nương" của những năm trước. Tôi đã từng lẽo đẽo theo sau Nàng qua một mùa mưa Huế, chỉ để nhìn đôi gót chân đỏ hồng của Nàng ẩn hiện theo nhịp bước trên đôi guốc ĐaKao, dáng nhẹ nhỏm trong chiếc áo mưa màu lục tươi, trẻ trung như màu lá mùa tựu trường. Chưa bao giờ tôi có dịp nhìn đầy đủ khuôn mặt của Nàng, cứ hẹn lại một ngày đẹp trời... Mùa mưa sau, có lúc sực nhớ, tôi trở lại đường cũ ngừa Nàng, nhưng không thấy bóng dáng đâu nữa. "Hay là Lục cô nương đã thay màu áo khác?" Tôi ngẩn ngơ tự hỏi. Giờ mới biết, sau đó Nàng đã theo gia đình dọn vào Sài Gòn. Tôi nhận ra Nàng qua một vài chi tiết trong lời "tự bạch" loáng thoáng của Nàng, còn mọi diễn biến trong ký ức của tôi lúc này thì nàng không hề hay biết, chỉ mãi ríu rít về chuyện cây cối:

- Loại lan này ở đây nhiều ghê. Nó sống nhiều nhất ở Ấn Độ, nhưng bên ấy hoa nhiều hơn, có thể tám hoa trên một cây. Vì hình dáng đặc biệt của nó, người Pháp gọi là *bambou orchide*, lan tre.

Nàng chỉ đám hoa rừng mọc đầy chung quanh. Những cây lan chỉ thiên màu tím và trắng, thật ra nhìn dáng giống cây mía hơn là cây tre. Nàng hồn nhiên theo đuổi sự say mê riêng của mình:

- Lan Bạch Mã quả là mê hồn. Phong lan nhiều loại quý, còn thổ lan tràn trề thiên địa, phải nói là cả một lục địa dồn về nơi núi này. Em nghe nói Bạch Mã cũng có *Paphiopedilum de lanatii*, định lên đây tìm, lan Hài Đỏ này quí lắm, sản xuất riêng của rừng Việt Nam, thế giới không nơi nào có. Nhiều loại khác cũng là lan quý, ở đây mọc tràn với cỏ, như là *Paphiopedilum callosum*, hoặc là *phajus flavus*...

Tôi nhăn nhó:

- Tôi rất sợ gọi trên hoa bằng tiếng La Tinh!

- Xin lỗi, em quen miệng. Hài Đỏ này, Hài Vệ Nữ này, và Hạc Đính Vàng nữa này. À, Bạch Mã còn có một thứ lan không phải loại hiếm, nhưng hình dáng rất dễ thương, gọi là Cò Mồi Đỏ. Anh đã thấy lan này bao giờ chưa?

- Có, có một lần...

Tôi gật đầu, và chỉ vào đôi môi hạnh đào của Nàng. Nàng cười lảnh lót vang rừng, như tiếng chim vành khuyên.

Nàng cùng gia đình từ Sài Gòn về nghỉ Noel ở một biệt thự màu trắng, tôi còn nhớ, nơi ven bìa công viên Đá Reo. Chúng tôi ngồi chơi dưới khóm cây bạch dương ngoài vườn cỏ xanh mượt, nơi có nhiều nắng ấm. Câu chuyện của chúng tôi sáng hôm ấy, trong sương mù:

- Triết học của anh buồn quá! Hay là anh cùng với em nghiên cứu về hoa đi cho vui, nghe anh?

- Tôi có nghiên cứu về một loài hoa duy nhất, là hoa phù dung.

(Nàng vỗ tay reo mừng)

- Vậy là em được là đồng nghiệp của anh rồi. Anh cho phép em sẽ giới thiệu nhé. Theo em biết thì đề tài chuyên biệt này chưa có ai đụng tới cả.

(Tôi vẫn giữ vẻ mặt nghiêm chỉnh):

- Chắc chắn là mới lạ, và cả chính em cũng đừng nên ngạc nhiên.

(Nàng hơi nhướng mày, và sau đó chăm chú nghe... Đôi mắt nàng lúc này mở to, đen huyền và sâu thẳm như đôi giếng)

- Khi Adam và Evà bị đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng để đi về phía Đông, vật lạ đầu tiên họ gặp là một bông hoa màu trắng. Trắng tinh khôi, hơn tất cả màu trắng trên Địa Đàng, có lẽ chỉ những linh hồn chưa hề phạm tội mà các thiên thần thường nói mới sánh được màu trắng của đóa hoa này. Adam liền hái một đóa cài lên băng che ngực bằng lá nho của Evà; lúc này nàng bắt đầu biết bối rối vì xấu hổ trước mặt Sătăng. Đến trưa ngồi nghỉ dưới bóng những cây cọ sa mạc, Adam vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy bông hoa đã đổi sang màu hồng. Chàng xúc động nói: "Địa Đàng không có loài hoa nào hồng thắm như thế này, ngoài gương mặt của nàng. Ta sẽ giữ gìn vật lạ này mãi mãi cho riêng nàng". Đến chiều lại ngồi nghỉ, Adam chợt thét lên một tiếng kinh hoàng: bông hoa tuyệt vời của chàng đã rũ xuống, tím bầm như một vết thương trên ngực Evà. Sătăng nói bằng giọng trầm tĩnh của một người thông

tuệ hết mọi điều:

- Nơi các ngươi đang đến định cư gọi là *trần gian*. Ở đó, tất cả đều như bông hoa này, là đẹp và chóng qua, kể cả màu tóc xanh của ngươi và sắc đẹp của nàng. Đừng ngoái lại Thiên Đường làm gì, Vĩnh Hằng đã ở sau lưng các ngươi, và trước mặt là cát bụi. Chỉ một điều đáng giá hãy nhớ lấy, là các ngươi giờ đây đã trở thành con vật biết đau khổ.

Sătăng từ biệt quay về, đầu cúi xuống trong dáng của một người kiêu hãnh trong nỗi cô đơn của mình. Hai người chợt ồ lên, kinh ngạc khi không còn thấy cái "đuôi quỷ" đằng sau ông; nó đã rụng mất đâu từ lúc ông quay lưng về phía Địa Đàng.

Adam ngồi chống tay vào trán, trong khi Evà bật lên những tiếng thổn thức mà lần đầu tiên chàng chợt biết đến ở nơi người đàn bà yêu dấu. Chàng quì xuống nâng đóa hoa héo khô, và khi hôn lên mặt nàng, chàng lại ngạc nhiên khi nếm phải những giọt nước mắt có vị mặn.

Từ phút đó, loài người chợt nhiên ngộ đạo về toàn bộ bản chất của cõi nhân gian nơi họ sinh sống, và đặt tên cho vật lạ thức tỉnh kia là "hoa phù dung".

(Nàng - người đối diện với tôi, không phải là Evà. Hoặc nếu gọi Nàng là Evà thì cũng đúng - thở dài, rồi chợt cười ngặt nghẽo, mái tóc huyền rung động trên đôi vai tròn dưới chiếc áo len màu xanh da trời)

- Anh lôi từ đâu ra cái câu chuyện hắc ám đó?

- Đấy là "huyền thoại về hoa phù dung đầu tiên". Tôi đọc trong Kinh Thánh.

(Nàng bĩu môi. Tôi lại nhìn thấy vẻ đào yêu của một trái chín)

- Kinh Thánh riêng của anh!

Nắng vàng lạnh, sương mù phủ khắp khu vườn. Nàng theo tôi ra cổng, dừng lại bên những cây mimosa sáng bừng trong màu hoa vàng tươi; những chùm hoa gần nhả hương nồng, giống như mùi phấn hương riêng của những chiếc khăn tay thiếu nữ. Sương mù len lỏi trong tóc Nàng, vướng vít trên áo xanh Nàng, và Nàng cười dịu dàng, nói:

- Ở đây lâu, chắc em cũng thành sương mù mất thôi.

Tôi lại đến rủ Nàng đi chơi, và khi Nàng vội vã nhét áo mưa vào túi xách, tôi chợt nhận ra màu áo lục tươi năm nọ. Tôi thẩn thờ một mình:

- Thì ra *Lục cô nương* vẫn giữ nguyên màu áo ấy!

Nàng ngước nhìn tôi bằng một thoáng dò hỏi. Chợt hiểu ra, Nàng cúi xuống, lẩm bẩm đằng sau mớ tóc che nửa mặt:

- Tưởng không biết chi hết. Té ra cũng biết được một hai điều...

Nhiều ngày chúng tôi lang thang như những đám mây, qua thung lũng và đồi núi vắng bặt như không còn có ai trên đời. Nàng như đã quên hẳn những tên hoa, lại líu lo nói với tôi những cuốn phim mà nàng ưa thích. Hóa ra nàng thích toàn những phim buồn. Qua bao nhiêu đại tác phẩm của Hollywood, nàng vẫn mê "Demain, il sera trop tard".

Chúng tôi ngồi nghỉ dưới một cây tùng; Nàng tựa đầu vào vai tôi. Trời gió

nhẹ, mây trắng từng tảng dày sà xuống mặt đất, kéo đi như một đàn cừu. Tôi ghì chặt nàng trong chiếc hôn sâu thẳm tận tiền kiếp. Nàng để yên gương mặt trong lòng bàn tay tôi, vâng theo nỗi mê đắm của tôi, có ý cho tôi hiểu rằng sắc đẹp của Nàng giờ đây hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của tôi. Mây đã chiếm lĩnh hết mặt đất, lấp kín tầng cây thấp, mây ngập đến đầu gối tôi; cả Nàng và tôi như đang trôi giạt trong xứ sở của băng đảo. Cuối cùng, cả hai chúng tôi chìm đắm trong mây trắng. Qua màn mây, nhan sắc của Nàng mỏng mảnh lạ lùng, và vì thế, diễm lệ hơn bao giờ hết, như thể là Nàng không thuộc về cuộc đời này nữa. Nàng nép đầu vào vai tôi, và tôi nghe tiếng Nàng vọng lại từ rất xa, tuồng như Nàng đang chơi trốn tìm với tôi trong những đám mây:

- Em là ai trong đời anh?
- Em là một ảo ảnh.

Tôi đã có một giao ước riêng trong chiến tranh, rằng tuổi trẻ của tôi đã dành sẵn cho cái chết, không còn khả năng gì để tìm kiếm hạnh phúc ở đời. Tôi siết trong vòng tay tấm thân run rẩy của Nàng, và tự nhiên thấy đau lòng khôn xiết:

- Em sẽ sống cuộc đời dài vừa một ảo ảnh, chỉ để yêu anh mà thôi.

Nàng đăm đăm nhìn tôi, nói bằng giọng trang nghiêm mà tôi hiểu rằng người ta chỉ dùng để nói một vài điều nào đó trong cả đời người.

Rồi chiến tranh đã cuốn tôi và Nàng như lá bay, qua những phương trời...

Tôi rời bệ Chúa, lắc lắc vai cho đỡ mỏi, tỉnh dậy khỏi một cơn trầm tư dằng dặc gần một đời người. Ngoài thềm, trên những địa y dây màu huyền, những cây phong lan chỉ thiên vẫn nở như chưa quên màu áo của Nàng năm ấy. Nàng đã quen gọi tên hoa rừng bằng những cái tên thơ mộng của chúng, chỉ loài hoa lan chỉ thiên này tên là lan sậy, Nàng không thích. Nàng bảo tôi đặt tên khác cho cây *arundina graminiforlia* này của Nàng. Vậy thì, em là Nàng- lan nhiều nên có tên là Nàng-Nàng, *hoa Nàng-Nàng*. Nàng-Nàng vẫn với tôi, mộc mạc nhưng quí hơn bất cứ loài lan nào trên Bạch Mã này.

Mây thưa dần, những đám mây ngay trước mặt tôi phản ánh mặt trời, chói lên màu cầu vồng rực rỡ. Ngọn núi này quả là xứ sở của mây. Những người già vùng Cầu Hai nói rằng ngày xưa, khi đi rừng, người ta thường gặp tiên ngồi đánh cờ. Ngựa của tiên mãi đi ăn ở đồng cỏ xa, khi trở lại thì tiên đã bay về trời. Ngựa nhớ chủ lang thang đi tìm, hóa thành mây trắng. Núi mang tên Bạch Mã là do vậy. Hình như khi tôi hôn Nàng, mây đã nhiễm vào tới đan điền, nên tôi mang mãi suốt đời. Cảm ơn mây trắng, đã ban cho tôi món quà tặng quá đẹp của Vô Thường.

Tôi ngoảnh nhìn lại ngôi nhà đổ của ông Ngô Đình Cẩn. Ông đã xây cất nên một cơ ngơi như thế này mà chẳng hưởng được bao lâu. Chỉ ba bốn năm

sau, ông đã phải vất lại hết sau lưng để đi tới cọc xử bắn của khám Chí Hòa. Tội nghiệp cho *ông Cậu*, thì ra quyền lực cũng phù hư đến như vậy, chỉ còn lại một phế tích đứng dầm mình trong mây đầu non. Với tôi vẫn là thế, những phế tích luôn luôn mang một vẻ đẹp riêng, vẻ đẹp đau đớn của những thánh tích còn lưu lại trên tro tàn của những gì mà con người từng xây dựng nên và tưởng rằng sẽ tồn tại mãi mãi.

Sách xưa nói rằng năm trăm năm một lần, biển xanh hóa thành ruộng dâu. Biển dâu thời tôi sống kéo đến sao mà nhanh đến bàng hoàng. Biển dâu trên thời đại, trên đời dân, trên phận người, trên cây hoa anh đào. Biển dâu đến cả hoa kia cỏ này. Bạch Mã như một thành phố ảo ảnh trong sa mạc, huy hoàng phút chốc rồi tan biến, chỉ còn lại một bóng núi lau mờ...

Có điều khác với bài thơ cầu tiên tôi nghe thuở nhỏ, để gánh lấy cuộc "tang thương ngẫu lục" quá nhọc nhằn này, thần tiên đi đâu hết. Chỉ có một cây lau tóc trắng đứng bạt gió trên đỉnh núi bây giờ, là tôi...

Huế, tiết Sương Giáng 10/94

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

PHỐ THỊ NGỌC NI

nhớ ba bè ở cps, gửi giang

nhớ năm xưa ở bên nhà
ba anh hát một bài ca ba bè
thời gian đổ đống sau hè
ba mươi năm một chuyến xe qua hồn
đổ người cuối trạm hoàng hôn
đổ bài ca xuống huyệt chôn tay đàn
*thất tung rồi giọng em hoang**
trái tim ở lại ngổn ngang nỗi niềm
thôi thì còn chút tâm riêng
như lời ru bạn ngủ yên từ rày
nắm xương gửi lại chốn này
hồn theo câu hát
nhẹ
bay
về
nhà

PHỐ THỊ NGỌC NI
(10/94)

---

*em hoang: tựa bài thơ của Hoàng Xuân Sơn

NGUYỄN QUYẾN

hơi thở đồng quê

Tôi tìm về những giấc mơ của tổ tiên
Những người nông dân sống bằng hơi thở của bầy bò cái
Những chiếc nón trắng những đỉnh tháp mang lời cầu nguyện
Và những đôi vai tự gánh bóng mình
Và mùa xuân đã vung roi trên cỏ
Tôi con bò cái và những mảnh cơn mê
Không còn đôi găng tay và cặp đùi trinh nữ
Những ngón chân tôi run lên bài ca lươn trạch ngàn đời

Trên con đường, trên đám mây tổ tiên bỏ lại
Không ai sinh ra tôi
Không ai để lại gì cho tôi
Chỉ những chiếc nón trắng và hơi thở của bầy bò cái
Sinh ra những lời cầu nguyện
Sinh ra tôi
Sinh ra những ngôi sao

NGUYỄN QUYẾN

HÀ NGUYÊN DU

ẩn, hiện - một đời

mở toang hoác, từng ngăn ký ức
tình khai nguyên, hốt tình, diện hình
em ẩn náu thần kinh, thớ thịt
dẫu nằm im mà chẳng lặng thinh

tiếc độc, gây ung mầm sinh lộ
trái hoa đâu tay hái dâng người?
nấm mốc bao quanh đời, hoại tử
ta điên rồ, lộng tiếng trêu ngươi

đêm thổ huyết từ cơn mơ cũ
gương vỡ soi, người đội lốt người
nỗi thê thiết tim nào chịu đựng?
nẻo về không, biết có suông tên?

HÀ NGUYÊN DU

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN

lục bát cho tình yêu

gần

Biết không, ta muốn yêu em
Như sương yêu cọng cỏ mềm, ngoài sân
Nhưng thôi, em ạ, chỉ cần
Yêu em, như nắng. Thật gần. Mà xa.

xa

Nhớ em, gang tấc còn xa
Thương em, mặt đất bao la cũng gần

riêng

Lòng ta vỡ vạn mảnh rồi
Dành riêng em một mảnh đời rất xưa
Quanh ta trời vẫn là mưa
Dành riêng em khoảng nắng thưa lọt vào
Hồn ta có những cổng rào
Dành riêng em một lối vào mà thôi
Quanh ta chen chúc bao người
Dành riêng em một chỗ ngồi, trong tim

mai sau

Trong lòng, mình đã có nhau
Xá chi em, chuyện mai sau cả đời
Trong tim, mình đã có đời
Xá chi em chuyện cả đời mai sau

những bước chân hoang

Ngày thơ ấu, trái tim hoang
Yêu em, chân bước hai hàng. Ngoài. Trong
Tình yêu với những đường cong
Đời ta. Đường thẳng. Long đong. Chạy hoài
Theo em. Bước ngắn. Bước dài
Bước trên đá nhọn. Cho hài lòng nhau

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN

DU TỬ LÊ

soi bóng trong tôi

** gửi Thơ-Nhuận, Khánh Trường*

Thình lình ngọn đèn pha chiếu tới, cắt lẹm một phần mặt của người nhạc sĩ ngồi trên sân khấu trong thế cúi xuống, tuyệt vọng như nốt nhạc cuối cùng vừa dứt. Sau lưng anh, tấm tranh sơn dầu lớn, chạy từ trần nhà xuống gần chí mí của bục gỗ. Luồng sáng đụng tới bức tranh thì, bị cản lại, soi rõ một thiếu nữ khỏa thân đang nâng những ngọn nến trong đôi tay gầy, như mái tóc hắt hiu chảy vào khoảng xám của khu rừng nhiệt đới. Quán âm u. Người đàn ông ngồi quay lưng lại, chiếc dương cầm, nơi anh vừa rời những ngón tay khỏi hàng phím. Anh biến đi tựa một bóng ma sau cánh cửa bếp.

Đêm lặng. Buốt.

Dãy bàn ghế kê sát khung kính lớn nhận được chút ánh sáng bất động của ngọn đèn đường, làm ngã xuống mặt bàn trải khăn màu rượu chát, hình những lọ hoa khẳng khiu, cọng hoa cũng khẳng khiu như chân chiếc *micro* cụt đầu, vật duy nhất trong ngôi quán phát ra ánh sáng. Sát cửa ra vào, có hai người đàn ông nữa. Một người có tấm lưng như cánh phản, mái tóc rừng rú. Một người gầy ốm, vẻ thư sinh. Đôi mắt cho cảm tưởng đang chờ đợi một điều không bao giờ tới. Anh có dáng của một người suốt đời cô quạnh, dù giữa đám đông. Họ cùng gác chân lên chiếc ghế thứ ba. Bóng tối nhòa lẫn họ vào bàn ghế, chậu hoa, cột nhà và quầy rượu.

Đêm lặng. Buốt.

Chợt người cô quạnh nói:
- Thảm hại thay cho kẻ nào chỉ sống với nỗi chờ đợi!
Người cao lớn nói:
- Tôi tưởng Kim là nỗi chờ đợi cuối cùng và, có thật!
Người cô quạnh đáp:
- Nỗi chờ đợi nào cũng có thật. Chỉ khác nhau, bước trở lại của quá khứ, hay, dấu vết mới của tương lai.
- Anh đừng tự lừa dối. Tôi nghĩ những năm tháng còn lại, anh sẽ không chạy thoát khỏi bóng rợp của cánh chim đó. Biển lớn trên đôi cánh / tiền kiếp trong mắt sâu / mưa rơi đầy trí nhớ / ... Có phải anh từng nói với tôi như thế?
Người cô quạnh thở ra:
- Điều bi thảm không phải vì tôi bắt gặp tiền kiếp tôi ở đầu hoặc, cuối con đường tôi đã bước. Tôi không phủ nhận lời nói: "*Tất cả mọi nỗ lực, đều nhắm tới hạnh phúc đích thực. Dù cuối cùng, có là sự chết. Nhưng vấn đề là nàng đã trở thành tấm gương soi của riêng tôi và, tôi đã nhìn thấy tôi, rất rõ. Giờ tôi mới hiểu, bất hạnh chính là những kẻ không được mù lòa.*"
Người to lớn dập tắt điếu thuốc mới hút được vài hơi. Anh nhìn vào con lộ vắt ngang ngôi quán. Vầng trăng vàng ệch, lơ lửng, khuyết như một chiếc yếm rãi khuyết. Anh trầm ngâm giây lát, trước khi quay về với bạn, hỏi:
- Anh hoảng hốt về những phản chiếu trong tấm gương kia?
Người cô quạnh im lặng. Anh đang lạc qua một kích thước không gian, thời gian khác.
Người to lớn tiếp:
- Tình yêu, đôi khi cho ta những điều không chờ đợi. Bê đã cho tôi những điều không chờ đợi đó.
Người cô quạnh lắc đầu:
- Không phải tất cả mọi người đều là Bê. Kim cho quá khứ và thù hận. Tình yêu cho dung nhan và giết chóc. Trước giây phút chia tay, luôn luôn ý nghĩ giết Kim lóe lên trong tôi, Kim không hay biết.
Người đàn ông cô quạnh cúi xuống điếu thuốc của anh:
- Anh phải nhìn thấy tôi như thế nào sau mỗi chia tay trở về, ngậm ngùi với nỗi trống không của giờ khắc còn lại! Anh phải nhìn thấy nụ cười / đôi mắt / bàn tay tôi trong những giây phút ngắn bên Kim. Nhưng mà, này anh, chẳng ai nhìn thấy đâu. Ngay Kim, dẫu nàng có là tấm gương để tôi soi bóng, muộn.
- Nàng không thấy gì trong mắt anh?
- Không, chỉ tôi thấy. Tôi đọc được nỗi ngậm ngùi trên những ngón tay chịu đựng. Tôi nghe được nỗi nhục nhằn trên những sợi gân, vết cứa và mùi thơm của cỏ / chăn gối / gương soi / gương soi / gương soi. Tôi rất sợ, một ngày nào, chính tôi sẽ đập tấm gương kia, tan nát.
Người đàn ông cao lớn cựa mình, làm những chân ghế miết trên mặt đá hoa, tạo thành những tiếng rít khô, tuồng tiếng rắn lạc bạn, tìm nhau.
Giữa lúc ấy, người nhạc sĩ trên sân khấu bước xuống. Anh ngồi vào chiếc

ghế còn lại.

- Tôi quên giới thiệu, trước khi hát. Bản nhạc sau cùng của tôi. Bản nhạc...

Người đàn ông cao lớn cắt ngang:

- Tôi biết. Bản nhạc mới nhất.

Người nhạc sĩ:

- Vâng. Điều tôi muốn nói, là bản nhạc cuối cùng... Tôi không chịu nổi thơ của Hãn. Phải không? Nên giết nó! Thi ca là thuốc độc. Tôi chết bao lần, cái chết của Hãn!

Người đàn ông cô quạnh gục gặc đầu:

- Ta nên chết cho người khác sống. Nếu tôi chết được trong đêm nay. Ngày mai, khi nắng lên, nhiều người khác sẽ mừng rỡ sống, và, ca hát, như lá cây.

- Tôi muốn gửi anh, đem về bên đó, cho Bê. Hãy nói với Bê, chúng tôi chẳng có gì khác hơn để gửi nàng. Xin các anh cho tôi một điếu thuốc.

Người nhạc sĩ châm thuốc xong nói tiếp:

- Tiếng nói sau cùng của chúng ta, bao giờ cũng chỉ là một nỗi niềm. Đêm như một nỗi niềm. Gió, nắng... như một nỗi niềm. Ngay cả thân xác, cũng chỉ như một nỗi niềm... bất trắc. Như các anh đã nghe đó! Mà có thiệt, các anh nghe tôi hát?

*

Đêm trồng dọc lộ hai hàng cây sung đen thui và, tỉa tót chúng thành những hình tượng quái đản. Xa lộ 22, trên cao, đều đặn rót ì uồm những lượng sóng biển xuống thấp. Người con gái thọc hết đôi tay vào hai túi bự của chiếc jupe. Vừa đi, nàng vừa nhìn lề đường, tựa tìm kiếm vật đánh rớt. Bóng tối. Gió đêm. Những lượng sóng ì uồm toa rập nhau, len lách và soi bói mái tóc xù bung của nàng. Người đàn ông cao lớn, đi bên cạnh, phía ngoài, dường muốn dùng tấm thân Từ Hải, dềnh dàng của anh, bảo vệ nàng. Người đàn ông dềnh dàng luôn tay gắn điếu thuốc lên môi, gỡ xuống. Đốm lửa nhỏ, lập lòe, chỉ đủ soi sáng một phần gương mặt cạnh, góc, thô sần của anh. Cử chỉ cho thấy, người đàn ông không có được sự trầm ổn, như người con gái. Mặt anh hướng thẳng về khối đen đậm đặc, phía trước. Chốc chốc, anh ngoái nhìn sau lưng, trái, phải. Thình lình, người đàn ông búng điếu thuốc mới châm, lửa chưa bén đều, vào bóng tối. Đốm lửa lao đi, như tàn than hồng có một đời sống quá ngắn ngủi. Anh nói, tựa nhắc nhở chính mình:

"Mai tôi đi sớm!"

Người đàn ông lục soát áo quần, tìm bao thuốc. Họ vẫn bước chậm, người con gái không ngước mắt. Trên môi nàng mọc lên một nụ cười, nửa hóm hỉnh, nửa buồn bã. Người đàn ông đứng lại, khum tay bật lửa cho điếu thuốc khác. Người con gái lỡ trớn, nhưng rồi cũng dừng lại, lơ đãng, chờ. Cùng đốm lửa trên môi, họ tiếp tục. Đoạn đường vắng. Họa hiếm mới có ngọn đèn xe, pha tới từ xa. Sáng lên, xong tắt ngóm ở ngã tư. Người con gái rút một tay khỏi jupe, lùa vào tóc. Nàng kéo nguyên một mớ tóc, ấp vào môi. Hành động

cho thấy cùng lúc nàng ngửi và, hôn (hoặc hôn và ngửi) chúng, một cách thân ái.

Những sợi tóc của người con gái, như nhiều đường chỉ luồn trong tiếng nói nàng:

"Phải lúc nẫy, anh Hãn, nhờ anh?"

Người đàn ông nhíu mày. Anh không trả lời vào câu hỏi:

"Là bằng hữu, theo tôi, phải tự biết bạn mình cần gì. Đợi tới lúc bạn hỏi, thì xoàng quá!"

Người con gái buông tay, thả mặc lọn tóc rối, bập bềnh theo nhịp đi, trước ngực.

"Đã bao giờ tôi kể chị nghe về chuyện Bê chưa nhỉ?"

Người đàn ông nói tiếp. Người con gái lắc đầu:

"Chưa. Nhưng anh Hãn, có. Nhiều lần."

"Ra sao?"

"Ờ, thì, vậy vậy!..."

Người đàn ông bật cười. Tiếng cười như một ly thủy tinh, bỗng không rơi, vỡ. Miếng vụn tung tóe, cứa lên mặt da im lặng.

Người con gái thở ra, nói:

"Chúng ta nên quay về. Tôi sợ anh Hãn sốt ruột. Và, hãy bắt đầu."

"Chuyện gì?"

Họ quay lui. Bây giờ, trước mặt họ là những ngã tư đèn xanh, đỏ.

Rất xa, hút tầm mắt là, cây cầu xa lộ, trên cao. Xe nối nhau, tựa một dòng suối ánh sáng, êm ả, xuôi. Tiếng ì uồm (như sóng) đập thẳng vào ngực họ.

"Phải anh muốn tôi chia tay Hãn?"

Câu hỏi đột ngột của người con gái, làm người đàn ông có cảm giác bị điện giựt. Anh trấn tĩnh bằng một hơi thuốc hít vào, dài lâu.

"Tôi hiểu tại sao anh Hãn yêu chị!"

"..."

"Chị thông minh hơn tôi tưởng."

Tới phiên người con gái cười. Tiếng cười khan, đục. Không gây một chấn động hoặc, cọ sát nào với chung quanh.

"Cám ơn, lời khen muộn."

"Lý ra, chị nên tha thứ cho sự không phải của tôi, thì hay hơn."

"Tôi cho người ta chỉ 'không phải' với sự giả trá của chính họ. Ngoài ra, mọi lời nói, đều tự tìm được cho nó những lý do chính đáng, nên, tốt đẹp cả."

Người con gái nói. Giọng phẳng, bẹt, nhẵn thín như mặt đường nhựa mới cán.

Người đàn ông lắc đầu, ngao ngán:

"Tiếc, chúng ta không có nhiều thời giờ!"

"Chính thế. Mai mấy giờ anh đi?"

"Sáu rưỡi tôi phải ra khỏi nhà. Có phần hơi sớm."

"Không sớm đâu, cho một chờ đợi ba năm!"

"Cám ơn chị đã nghĩ tới Bê."

Người con gái lắc đầu. Chiếc xe từ ngã tư trờ tới, rọi những luồng sáng thô bạo vào mặt họ. Xe vượt qua, bỏ hai người với đoạn đường còn lại và, sự thất lạc nhịp chảy của câu chuyện. Cũng vài giây sau, họ mới tìm ra đầu mối sợi chỉ đỏ rất căng, lúc nẫy.

Người đàn ông bắt trớn:

"Tôi hy vọng có ngày Bê được gặp chị."

"Trước hết, ngày mai, anh nhớ chuyển lời thăm của chúng tôi tới Bê," người con gái nói.

"Chị chu đáo lắm!"

"Như sự chu đáo anh dành cho anh Hãn ấy mà."

"Vâng! Đúng vậy." Người đàn ông lúng túng. "Anh Hãn rất cần đến sự quan tâm, chăm sóc của nhiều người," người đàn ông nói tiếp. "Chị cũng biết, với tôi, anh Hãn không chỉ là một người anh thuần túy..."

"Tôi hiểu," người con gái cắt ngang. "Anh ấy còn là niềm hy vọng, trông đợi của nhiều người. Trong số đó, có anh, phải không?"

"Vâng. Ít ra, ngoài chị, là tôi. Tôi thấy, xin lỗi chị..."

Người con gái tuồng bị kích động, nàng rút cả hai tay ra khỏi túi, hươ lên nửa chừng, rồi buông thõng.

"Anh tự nhiên. Anh cứ nói... Chúng ta không có nhiều thời giờ!"

"Phải! Phải!..." người đàn ông tuôn một hơi "*phải, phải*" một cách ngượng nghịu, chống chế. "Tôi... tôi muốn nói chị thật thông minh, chị thật xứng đáng với tình yêu của anh Hãn."

"Tôi hiểu. Cám ơn anh," người con gái xấn ngang.

"Quan sát chị ít hôm nay, nghe anh Hãn kể, tôi thấy rõ, chị quả là người tình lý tưởng của anh ấy. Nhưng..."

"Không có nghĩa là một người vợ lý tưởng?" người con gái lại xấn ngang dòng nước.

"Không đâu chị. Tôi không muốn nói vậy. Tôi chỉ muốn nói, một người tình, nồng nàn, lãng mạn..., thường là một người vợ ích kỷ, vị kỷ. Tôi, tôi không dám chắc nơi nhận xét của mình. Nhưng thường là như vậy."

Gió không mang tiếng nói của người đàn ông về phía sau mà, giữ lại, quay mòng, quanh người con gái. Nàng gật gật, ra chiều hiểu thấu câu chuyện.

Người đàn ông thở hắt, tuồng vừa trút khỏi lồng ngực, một cục bướu lớn.

"Anh em chúng tôi mong, rất mong, anh Hãn, trở lại được với chị Đ.. Dẫu sao, chị Đ., cũng quen, rất quen sự quên mình, cho những phiêu lưu, không tưởng của anh Hãn. Đời sống một người đàn ông, tôi tin, chị đồng ý, sẽ không hơn con chó, con mèo, một khi không sự nghiệp. Tôi không có ý nhấn mạnh tới sự tựu thành, tôi không có ý nhấn mạnh tới danh vọng. Không. Tôi chỉ muốn nói tới ý hướng. Người đàn ông, như anh Hãn, phải nuôi dưỡng hoài hủy ý hướng, cho một sự nghiệp. Tôi cũng tin, chị sẽ chả vui gì, nếu làm chủ một xác thân rỗng tuếch, một đống thịt xương bầy nhầy..."

Càng nói, người đàn ông càng bị hấp dẫn bởi tiếng nói, ý tưởng của chính mình.

Chẳng bao lâu, người đàn ông sa đà. Anh rơi tõm và, mất tăm tích trong những ý niệm trừu tượng, quá to lớn, xa lạ, với người con gái. Đó là những ý niệm tổ quốc, quê hương, đồng bào, cách mạng, giải phóng, văn học vân vân...

Đợi người đàn ông đuối hơi, ngưng lại, thở. Người con gái mới chậm rãi, hỏi:

"Có nghĩa là tôi nên chuẩn bị sẵn cho tôi một ngôi mộ riêng?"

"Anh Hãn và chị đã là những mộ chôn nhau từ gặp gỡ thứ nhất. Còn cần chi nữa, một nấm mồ. Trong tình yêu, trái tim kẻ này chính là huyệt sâu của kẻ khác."

"Người ta bảo tôi điên."

"Sẽ còn nhiều người khác bảo chị như thế."

"Vậy tôi sống để làm gì?"

Người đàn ông thở dài, trước khi trả lời:

"Chôn dần mình trong kẻ khác."

"Anh tin tôi làm được điều đó?"

"Tôi nghĩ chị đã làm điều đó, ngay từ nụ hôn đầu tiên giữa hai người."

"Vì thế anh không thấy cần thiết phải giữ lại một phần gì đó, cho tôi?"

"Không, vì chị đã sẵn có."

"Một chén trà'?"

"Không."

"Thế thì...?"

"Một con dao?"

"Ở đâu?"

"Ngay trong lòng chị. Và một ngọn nến."

"Cũng trong lòng tôi?"

"Không. Trong mắt chị."

Người con gái khép lại đôi mắt, không rõ bị sưng từ lúc nào.

"Tôi nhìn thấy rồi."

"Cái gì?"

"Con dao và ngọn nến."

*

Buổi sáng khi Hãn trở dậy, người con gái đã không còn trong ngôi nhà.

Hón,

Đêm qua khi gió đập mạnh tấm cửa lưới và, những cành cây khua ngoài cửa sổ, anh tỉnh dậy. Anh reo lên một mình, trong trí: **mưa**. *Với tay bật ngọn đèn chưa kịp lạnh. Tìm lấy một điếu thuốc. Anh nằm như thế. Mưa bồng bềnh bốn phía. Mưa dội đập trên cao. Nằm như thế, và, nhớ. Nằm như thế, và, hình dung Hón co quắp trong giấc ngủ. Thói quen nằm nghiêng. Tóc chảy trên gối.*

Đôi môi (đã không vết son tươi) bậu ra, như thể trong giấc ngủ, Hón cũng còn cố tìm kiếm một điều gì đó để chọc ghẹo anh. Nằm như thế. Hình dung Hón co quắp. Nhớ lại Hón cuộn tròn trên chiếc ghế nệm màu nâu, giữa phòng khách. Túi sách vở che kín ngực. Tóc xõa che nửa mặt; và, những ngón tay xương. Nằm như thế. Anh nhớ những ngày Quảng sống giữa chúng ta. Quảng sống trong, ngoài chúng ta. Mưa. Ơi Hón. Cơn mưa tháng Ba đã tẩy xóa vết ô nhục tháng Tám trong anh. Mưa. Ơi Hón. Mưa, tráng tim anh bằng một lớp thủy ngân mới. Mưa, cho anh những hạt ngọc khác. Mưa của tháng Tư, Toronto. Mưa của tháng Sáu, Alberta. Mưa của tháng Chín, Garden Grove và, biển. Mưa của nghìn năm, quê cũ. Mưa của nồng ngái, lương xưa.

Nằm như thế. Hình dung Hón co quắp ở một xó góc nào trên mặt đất này, trong trần gian này - đôi tay lạnh ơ hờ quơ gối chiếc. Anh nhớ Quảng. Anh nhớ Bê. Anh nhớ mẹ / nhớ bà / nhớ chị... Anh nhớ / nhớ / nhớ / ... Nhớ sũng nước / nhớ bạt ngàn chân chạy / nhớ hiên con / nhớ ghế cũ / nhớ tường vôi. Nhớ, như nhớ rằng, Hón đã quên một người tên Bê. Nhớ, như Bê có thể, đã quên chính đời nàng, thiếu nữ.

Hón,

Đêm qua mưa. Mưa, sau ba ngày anh không gặp Hón. Mưa, sau ba trăm ngày Bê không gặp Quảng. Mưa, sau ba nghìn năm Mỵ Nương không còn thấy bóng Trương Chi, và hơn ai hết, Hón hiểu điều không đâu, điều vớ vẩn... nơi anh. Cũng hơn ai hết, Hón hiểu điều không đâu, điều vớ vẩn, ám ảnh anh là... **mưa**: *con dao, trong một tấm lòng. Ngọn nến trong, mắt khuya. Nhưng lâu rồi, không ai, còn muốn cho anh, con dao và, một ngọn nến!*

DU TỬ LÊ

Hai Tác Phẩm Một Tác Giả Quen Thuộc: du tử lê

QUÊ HƯƠNG LÀ NGƯỜI ĐÓ

CD &Cassette gồm 10 bài thơ phổ nhạc bởi **Phạm Đình Chương, Lê Minh Bằng, Từ Công Phụng, Đăng Khánh, Trần Duy Đức, Lê Văn Thành.**

EM VÀ, MẸ VÀ, TÔI LÀ MỘT NHÉ

tùy bút tập I

•

Hai tác phẩm làm thơm tâm hồn, trái tim, tình yêu của mỗi chúng ta.

•

Phát hành thứ Bảy 24 Oct., 1994.

Xin hỏi các trung tâm băng nhạc, nhà sách

hay liên lạc : TỦ SÁCH VĂN HỌC NHÂN CHỨNG

706 La Vergn Way, Santa Ana, CA 92703

NGUYỄN MẠNH TRINH

giấc mơ và những viên đá

Cọ vào nhau xiết vào nhau
hòn đá anh em
nhen lửa

Có phải chúng ta đã có một thời kỳ
ăn lông ở lổ như người tiền sử
khi quần áo chẳng còn cần thiết
lớp vải mong manh không che dấu được gì
kể cả những điều
dấu thật sâu trong xương tủy

Có phải thô nhám da thịt anh em cọ vào nhau
để có bếp lửa đỏ
chúng ta sẽ có với nhau
những đứa con xinh hơn tranh vẽ
chúng ta sẽ có với nhau
những tháng ngày như mộng
khi buổi tối bên ngoài mưa lạnh
bản tình ca
như nụ hôn dài rất dài
của nhịp ngực chúng ta không bao giờ
không bao giờ nguôi đập.

Quá khứ và tương lai
đêm và ngày, sáng và tối
cọ vào nhau xiết vào nhau
nháng lửa

Củi than hồng hay lửa cháy rừng
chúng ta nào biết được
đôi khi tự hỏi chính mình
giấc mơ nào hiện thực

đời sống ở đây mỗi ngày vẫn thế
dũa mòn những góc cạnh
chút lãng mạn dường không bỗng lạnh tanh
có phải yêu nhau cũng cần phải có thời giờ
và phải thảo chương như máy móc công việc anh làm
mỗi ngày mỗi tháng mỗi năm trong sở

Hạnh phúc và bất hạnh
vui và buồn, nhớ và quên
cọ vào nhau xiết vào nhau
bốc lửa.

Cháy tiêu đi những buổi sáng
trong sương mù những dặm đường biền biệt bắt đầu một ngày
khói mù đi những buổi chiều
trở về nhà khi đèn đường đã thắp
tháng ngày quay cuồng
anh em chạy hoài chạy hoài mà đích đến còn xa

Có phải tình yêu rất ghét số học
không cần tính toán cộng trừ nhân chia
và bây giờ như trong truyện truyền kỳ
anh hoàng tử xấu trai em công chúa kiêu sa
đóng vai kịch đời bất đắc dĩ
những lời nói tỏ tình
chỉ là ngón tay ra dấu của người mất tiếng.

Cọ vào nhau xiết vào nhau
những hòn đá giấc mơ
để từ những thô nhám đời
bật ra thành lửa ngọn

NGUYỄN MẠNH TRINH

CUNG TÍCH BIỀN

vỡ hoang trước bình minh

Đêm động phòng hoa chúc mà không làm tình, có chăng chuyện xảy ra với gã liệt dương đặt bày cưới vợ. Còn thì. Nhưng đôi khi... Chú rể trẻ cố chống đôi mắt trong cơn say, được dìu về tới phòng ngủ thì ngả ra mê man như một người bị đứt gân máu não. Trưa tiệc, chiều tiệc, lại đêm khiêu vũ. Hắn đã uống một lượng rượu nhiều hơn ba lít máu châu thân. "Xoa dầu nóng. Cạo gió. Đổ nước chanh cho nó. Và chớ có ôm ấp vội". Ngàn được mẹ dặn dò.

Đêm tân hôn cô phải làm công việc giải nghể* cho một đấng phu quân xỉn. Không gian phảng phất mùi hoa cưới pha mùi rượu biến chất từ môi miệng Hân thở hắt ra. Ngàn cố làm theo lời mẹ dặn, nhưng vô hiệu. Thần tượng vẫn ngủ ngáy, tai mắt mũi họng như mớ của từ mồ mả vừa đào bới lên. Đêm hao hụt, mờ thoáng đó đây trăm nghìn sợi thòng lọng trên người. Ngàn đọc sách, rít thuốc, tro tàn tràn ra cả chăn đệm. Đêm dài đêm cũng qua. Chuông nhà thờ xa, vọng. Leo lét ánh đèn ngã ba đường có một đám tang đi qua, người đưa người, nỉ non lời hát nguyện. Có một linh hồn đã về với Chúa. Và bên Ngàn, một linh hồn đang tẩm rượu. Nghe khan khát cổ, Ngàn đi rót ly nước, run rẩy làm rơi vỡ chiếc bình hoa.

Có tiếng động, Hân lơ mơ thức giấc. Ba cánh hồng ba điểm máu trên nền gạch hoa. Nước, và mảnh sứ vỡ. Trăng hạ tuần bạc thếch treo cổ chỗ bóng cây góc vườn. Một ai đó đang đóng những cây đinh vô hình vào đầu óc Hân, rất đau nhức. Anh choáng váng nằm xuống. Lại trực nhớ chừng như mình vừa cưới vợ chiều qua, Hân hoảng hốt bừng tỉnh. Ngàn ngồi trên chiếc ghế đẩu nhỏ. Hai chân bỏ chùm hum trên mặt ghế, lưng khom khom, mắt thao láo, thế ngồi của con mèo cưng trong ngày chủ dọn nhà bận rộn bỏ quên. "Chàng đã về từ cõi rượu". Trong một tâm thái lạnh lẽo, bồn chồn và nuối tiếc, của người lính tàn trận trên đồi xanh cỏ héo, mà chưa pháo được quả nào, Hân bắt đầu âu yếm vợ. Ngay lúc này nếu trưng cầu ý kiến toàn thế giới,

mọi người đều có chung lời cầu hạnh phúc rằng anh nên làm công việc ấy - vâng, phải làm trước khi ngày-mai-trời-lại-sáng. Trễ còn hơn không.

Môi Hân chìa ra, nhưng Ngàn lùi xa. Cô định thần nhìn chồng. Có một hình nhân mất bóng. Có một nhân ảnh lạ lẫm tới buồn phiền trú ẩn trong anh, người đã cùng tôi đứng dưới chân Chúa nguyện suốt đời bên nhau. Nhẫn cưới còn đây. Ngón tay mình chứng hằn in. Ngàn lại nhìn Hân: "Một người chồng có thực, cái sinh thể trần trụi, định hình trong giới hạn thế tục". Với nàng hạnh phúc bỗng hóa màu, thu nhỏ; mong manh và lạc điệu. Dưới kia, mặt hồ với hàng liễu buồn. Lầu thủy tạ nơi diễn ra tiệc cưới chiều qua mờ phai trong màu trăng trắng về sáng. Những đò nằm không. Những sóng buồn. Chân trời còn mịt mù, khai hoang. Chao ơi tôi thèm nghe một lời chim, một tiếng nổ. Ngàn buồn quá, gạt nhẹ tay chồng ra. Lặng lẽ ngồi một mình. Cô chìm đắm nghĩ về cơn mộng vừa tan.

Suốt đêm qua, ngồi canh giấc ngủ cho chồng, trong đêm lẽ ra động phòng, có lúc nàng cũng lơ mơ dăm ba phút ngủ ngồi. Ngồi. Ngủ. Và mơ. Trong mơ lướt thướt, một gã trai lơ phong nhã lạ thường - nói theo điệu sáo mòn, đó là một trang hoàng tử - đã đến với Ngàn. Dường như có sự say tình đâu từ nhiều thu trước. Ngàn lênh đênh theo hương. Huyền-ảo-vỡ-hoang-nàng. Chỗ không thời gian, anh là mặt trời; tôi là trăng, đã phút giâuy nguyệt-thực. Tôi không bán mình mà dâng hiến thanh tân. Đêm nguyệt hoa hỗn mang bày ra cái thế giới lạ lẫm: giữa địa ngục bỗng một thiên đường phơi ngỏ. Lưỡng nghi giao hoan. Lúc sực tỉnh, Ngàn hãy còn bàng hoàng cái cảm giác êm đềm đau rát; nghe ra chỗ khe ngàn còn đẫm ướt nhựa người. Sinh lực hòa máu thanh tân.

Nhưng tất cả chỉ là mơ. Bây giờ chàng đã mất. Và chồng bên đây.

- Xin lỗi Ngàn, vì yếu rượu anh đã bỏ em một mình.

- Đừng động vào người em anh Hân. Em thất tiết rồi!

Hân kinh ngạc:

- Điên à? Nói lại nghe?

- Không điên chút nào. Lúc anh ngủ say, em đã giao hoan với một người. Thực sự, và có thừa lạc thú. Nếu anh tỉnh táo đêm tân hôn có lẽ tình thế đã không xảy ra. Em đã không quẫn bách như bây giờ.

Tránh ánh mắt thất lạc của chồng, Ngàn đưa hai tay bụm giữa hai đùi, như cô gái núi bẽn lẽn nhận ra có người bất ngờ nhìn trộm mình tắm truồng khe hoang.

Hân nghe xa vắng giọng nói của một chiếc xe hủ lô to nặng: "Này Hân, tao từ từ cán lên người mày đây, can đảm nghe con!". Châm thuốc. Rít. Nhả khói. Lửa đầu điếu thuốc xa vắng như lửa đầu hôm, lại bao la hăm dọa như cả một thành quách rực cháy. Hân cố trấn tỉnh. Nuốt nước bọt. Cắn môi. Nhận ra từng đàn sâu nhỏ bò trong mắt trong não. Nhưng phải thật bản lĩnh khi nghe tin vợ ngoại tình. Phải đắng cay nhấm nháp cái giây phút chết người. Rồi ta sẽ hỏi: "Cô đã ngủ với ai? Vì sao cô làm vậy? Và vì sao cô nói thật cùng tôi? Gã đặt cốt mìn giữa hạnh phúc chúng ta có còn quanh đây?

Thôi, chia tay..."

Trong phòng ngủ, trên bàn hãy còn những phong thư quà tặng, hoa cùng những lời chúc qua nét chữ nắn nót. Bao nhiêu chiều nắng, bao sớm mai, những gặp gỡ hẹn hò; tình nghĩa bỗng lên mùi nhanh chóng vậy sao. Hân liếc xéo vợ: da thịt Ngàn như sương sớm tỏa ngoài vườn, trong ngần mà đục đục, thánh thiện mà gợi dục muốn ôm mê.

Bỗng Ngàn bất ngờ pháo tiếp:

- Có bao giờ anh nghĩ rằng em phiêu lưu vậy không?

Hân dằn lòng nhưng không giấu được những âm sắc đắng cay:

- Một phiêu lưu hay một tội lỗi?

- Tùy ở anh. Em muốn biết khi ta yêu nhau có bao giờ anh nghĩ tới một tình huống đảo đời vậy không?

- Dứt khoát là chưa. Và không bao giờ anh dự tri tới điều tệ hại ấy. Không ai nghĩ cái trứng gà sẽ nở ra con vịt con.

- Anh thành thật chứ?

- Chúng ta đang trong một thế giới con người, mà muốn hòa giải trước tiên phải cần rõ sự thực; cả lòng thành thật trong giải bày sự thực.

Ngàn rùng mình. Đột nhiên sợ hãi. Cô đơn và lạnh lẽo. Cô rơi vào tâm cảm một người vợ đã thực sự ngoại tình. Phản bội chồng, cái bất ngờ Ngàn khám phá chỉ-còn-thương chứ không-đang-yêu. Nàng mong ngóng hoàng tử. Có thể chàng sẽ cứu vớt Ngàn, hay có thể Ngàn sẽ chỉ mặt hắn ta và nói với chồng: "Này Hân, chính kẻ này đã phá vỡ hạnh phúc chúng ta. Đã tạo nơi em một bước ngoặt, khởi đầu sinh mệnh hôm nay. Chính hắn đã tặng em cái nước biếc non xanh ru ngủ, tặng em lạc thú phút giây, những ngày sống còn lại. Hãy giết chàng đi anh. Hãy treo cổ hắn giùm em".

Ở chỗ bờ hồ hàng liễu dương vẫn đứng ủ mình trong sương đậm, nơi xưa kia Ngàn và Hân thường gặp nhau. Hơn một lần, Ngàn nói lãng mạn cái ước mơ đáy lòng mình: "Hân ạ, em mong được yêu trọn vẹn, được chết cùng anh, cùng mộ". Bây giờ là sớm mai, của một đêm động phòng hoa chúc sạch trơn tình dục với chồng, nhưng ướt đẫm tinh huyết với một trang hoàng tử lẳng lơ đang tại đào. Ngàn hiểu ra mình có tội.

Ngàn cúi mặt. Lại đưa tay vuốt lên chỗ cửa ngõ, nơi phát xuất nguồn cơn, một lần nữa, rồi đứng lên tìm chiếc áo ấm. Bão gió như từ xa đằm đằm gửi tới. Trời bên ngoài tan sương. Chưa bao giờ mặt trời vô duyên đối với Ngàn như hôm nay. Nó đốt cháy, và cháy, cả mộng lẫn thực. "Tôi muốn hóa mộng theo người, hoặc người đừng là mộng". Ngàn muốn đi tắm; tôi cần gội rửa. "Cỏ hoa run rẩy dưới ngàn; suối khe nhịp gõ, man man nhớ người".

Hân đứng tì tay lên thành cửa sổ dõi mắt về hướng thung lũng: đồi nương xa xa, màu hoa bạt ngàn; con đường chiếc xe ngựa cong mình, mây bay trong mai, có một vừng nhẹ buông trên mặt hồ tịch lặng. Thế giới ấy đã tẻ lạnh, làm anh rùng mình trong hồi tưởng, mệt mỏi trong thù hận. Một hận thù ngọt ngào ứa máu của ghen tuông, của thiên đường đánh mất.

Lúc Ngàn tắm xong bước ra, mùi nước hoa làm dịu tan một phần nào

những se thắt, Hân làm một cử chỉ nhịn nhục tới não lòng là bước tới, nhìn sâu vào mắt vợ, ôm nhẹ, chuẩn bị ráp đôi môi. Nhưng Ngàn né tránh nụ hôn, cùng lúc nhận ra mùi rượu đêm qua sót lại còn phảng phất qua hơi thở của Hân. Mùi ấy không hề có ở vị hoàng tử, dù chàng trai lơ hơn Hân, và tuy trong mộng hoàng tử cũng nhậu nhẹt say khướt khi ôm Ngàn. Hoàng tử đã chiếm chỗ, nơi trước kia đêm đêm nàng chỉ mơ thấy Hân. Hơn một lần thế giới của nàng chỉ trùng phùng quấn quít, quanh quẩn cùng Hân; bắt đầu và chấm dứt từ Hân. Trong dòng chảy ấy, giờ đây Ngàn nhận ra sự không trọn vẹn. Đã tiềm ẩn một ngưng đọng, ngao ngán. Có một bóng tối của thẩn thờ, một chiều vàng nghe ngóng thở than. Và, Ngàn nhận ra phút chênh vênh đổ xuống của một bóng núi trụi lơ cành lá. Cát bụi không hề nhỏ nhoi.

Mất trớn hơn, Hân nới rộng vòng tay. Anh nhìn xuống ngực vợ - vùng cấm quen thuộc: đường khe chia hai vú rất sâu, tức thị bờ vú rất cao; màu hồng tươi của máu-hóa-thân. Sinh lực này từ nay không thuộc về anh. Vẻ đẹp này vấy bẩn. Hân cảm giác đưa con dao thật bén vừa chẻ đôi trái chín: trong ấy chỉ là sâu - một ngọt ngào sâu bọ. Hân đẩy mạnh Ngàn ra. Anh muốn giết một người. Muốn thấy máu. Nhưng kẻ thù là ai? Cái gì? Là Ngàn, hay chính tội lỗi nhân danh nơi Ngàn? Là kẻ đã ngủ với Ngàn hay cái cơ hội éo le đã biến đêm động phòng thành đêm ngoại tình? Là cái tham muốn mênh mông nơi Ngàn, hay là nơi cái định mệnh nhỏ hẹp thường hằng của thằng X anh Y chú Z phải hứng chịu. Giết ai? Đâm vào cái gì?

- Ôi đau quá. Anh bóp nát bàn tay em rồi anh Hân. - Ngàn đau đớn thét lên.

- Xin lỗi. Xin lỗi Ngàn.

Hân thả bàn tay bàn vợ ra, mệt mỏi ngồi trên ghế. Trong mắt Ngàn, Hân là cả một trời tím ngắt buồn hoang. Cõi miền của u hàn nương náu. Ngàn hiểu là mình đã trót dại nói ra cơn mộng, biểu lộ niềm hoài mong. Đã bày trước mặt Hân một kẻ thù mà khó thể đục mặt, khoét mắt, đâm thủng bụng hắn được. Lẽ ra Ngàn phải giấu kín, phải nhường cho chồng làm chủ chăn gối và tham vọng nắm giữ cả linh hồn Ngàn.

Khát vọng hiện giờ của Hân là muốn nhìn rõ mặt kẻ đã ngủ với vợ mình. Phải là kẻ thù có thật. Người ta không thể mãi trong ngờ vực mong manh, torng thù hận vô tung tích; mà bao la như bóng tối, vô hình như gió, hay thực sự sóng cồn của ác mộng. Hân không thể an nhiên giữa trời đất bao la, cùng lúc phải nhạy bén đánh hơi trong gió chiều cái lưỡi kiếm vô tình rơi trên mái tóc. Ngàn hiểu, cô còn có mặt nơi đây là Hân còn kẻ thù. Với Hân, dường như nơi vẻ đẹp này mọc lên kẻ thù, lũ thù. Nhưng cô cũng đang sợ hãi. Ngàn không có khả năng dự tri chính ước mơ của mình.

Anh Hân, em cũng đang rất sợ. - Ngàn đột nhiên than vãn.

- Sợ cái gì?

- Sợ sự bất lực của chính em. Em không có khả năng đuổi hắn đi hay mời gọi hắn về. Hắn-không-là-người. Anh sẽ đau xót xiết bao khi hiểu rằng anh sẽ không bao giờ trả thù được hắn.

Hân bực mình:

- Cô điên rồi cô Ngàn ạ. Hắn không thể là một thằng cha căng chú kiết trong mộng của cô. Đừng nên hóa mộng cái tội lỗi rất tục lụy của mình.

Ngàn như giải được điều, cô cười lớn, nói vang vang:

- Anh thông minh quá, người đã ngủ với em chính là nhân-vật-không-máu-xương em đã mơ thấy đêm qua. Nhưng em lạc thú đầm đìa...

- Chao ơi là Ngàn, em có muốn tôi đưa em vào nhà thương điên Chợ Quán không?

Ngàn bỗng mơ hồ:

- Anh không cho em sống với một cơn mộng hay sao? Em không được quyền nhận lấy hạnh phúc sao anh, dù chỉ từ mộng.

- Chỉ là điều vô lý vô nghĩa.

- Nó vô nghĩa khi cân đong đo đếm với gạo tiền. Nhưng nó hữu lý khi đánh cuộc cái sinh mạng của em, anh Hân ạ.

Hân gắt:

- Dừng cơn điên từ đây được chưa?

Nhưng Ngân bỗng đi lạc vào một ngờ vực chết người:

"Anh Hân ơi, điều đáng nói có lẽ nên nói về sự ê chề giữa chúng ta. Tại sao mới là tân hôn mà anh đã phai mờ, thực tế nhường chỗ cho mộng chiếm lĩnh, ám ảnh và tàn phá? Chúng ta đã trở nên những nạn nhân khốn khổ, nhỏ nhoi đứng dưới chân núi hùng vĩ của ước mơ?"

Ngàn thấy mình rã tan. Nhớ bọt biển, dã tràng. Nhớ những thân phận vàng mã bay bay sau chiếc xe chở tang. Ngàn thở dài, nghe ra điều mông lung trong cái ráng hồng rưng rưng của bình minh. "Cho em ly rượu anh Hân". Hân rót hai ly rượu; à đây có thể rượu hợp cẩn giao bôi. "Đốt cho em điếu thuốc". Hân đốt thuốc, mồi lửa cho vợ. Ngàn nốc cạn ly rượu, tựa má vào vai chồng. Cô nhắm mắt, nghe có bước chân dặm dài dung rủi trong óc não hoang mang của mình. Cô rất muốn khóc. Có bàn tay của Hân vuốt lên tóc, lên ngực. Ngàn rùng mình.

Chừng như một khát vọng tình tự trào dâng. Ngàn bắt đầu kể cho chồng nghe ái ân trong giấc mơ. Giọng kể rất buồn, rất chậm. Dường như Ngàn cần hòa mình, cần tái hiện. Ngàn không phải lùi lại để nhìn, mà là bước-tới-để-nhận-dĩ-vãng. Nàng hóa thân trong điều vô nghĩa: dựng lại cơn mơ qua. Nhắm tít mắt. Liếm môi. Nuốt nước bọt. Đưa bàn tay vuốt chỗ lườn bụng, như sắp cởi quần. Dạng hai chân. Co đùi. Cô làm đám rước một cuộc truy-hoang-vô-hình. Rồi giọng cô càng nóng, càng nhanh, không thấy chồng, không thấy ai, chỉ thuần bị sai khiến bởi ảo giác... Xong. Nàng khóc. Nói: "Chao ơi, em muốn làm con chim ngoài núi đồi".

Hân nhận ra mũi tên đã đặt trên dây cung quá căng, anh nhẹ nhàng an ủi vợ:

- Đừng buồn Ngàn ạ. Chuyện không có gì đáng kể. Em không tội lỗi gì cả. Bằng vào sự thành thực tỏ ra nơi em, tức là em hãy còn yêu anh. Cho dù hoàng tử kia là có thật, một thực thể máu xương, anh cũng tha thứ cho em

kia mà Ngàn. Sự thánh thiện nơi em đã rửa sạch tất cả. Chớ rước lấy ám ảnh. Đừng tự đánh lừa mình một thành phần của thế giới ấy.

Câu an ủi đã chạm máu me cốt tủy Ngàn. Nỗi cô đơn vì hạnh phúc, sự hờn dỗi trong may mắn làm người, như triều dâng, đầm đầm và xa lạ nhận chìm Ngàn. Cô cúi xuống, cắn môi, nhận ra vị mặn. Cô chán ghét lòng thương hại lẫn nhau, nó bôi bẩn sự công bằng. Cha thương con, vợ thương chồng, anh thương em, phần lớn chỉ rị mọ chắt chiu lòng thương hại, tháng năm quanh quẩn chỗ vành-móng-ngựa-đời chờ bao dung tha thứ. Anh tha cho tôi? Chao ơi, sao mà buồn, và lạnh, mà vô duyên hơn chiếc lá.

Hân cảm tưởng vợ mình sắp tan thành bộ hài cốt. Việc cấp thiết là phải nhặt xương tàn, đưa hài-cốt-sau-cơn-mơ trở lại chiếc giường tân hôn. Bằng tất cả nghệ thuật, Hân lột hộ vợ áo trên quần dưới. Mặt trời lên. Một vệt nắng hồng bao dung soi trên một thân thể có thật: vợ tôi đây. Nhưng khi âm dương sắp tái hợp. Ngàn bỗng mở mắt. Nụ cười trắng toát, Ngàn nói như một kẻ bị hàm oan:

- Anh cần hiểu điều này anh Hân.
- Lại gì đó nữa?
- Có thể em đã hoài thai với mộng...
- Đừng có điên, Ngàn. Nằm mơ mà có bầu rặt không hợp lý chút nào.

Ngàn nói nhỏ như có lũ âm hồn bắt nói. Nhưng giọng nàng rất ấm, thuần khiết như lúc dâng lời kinh:

- Trong mơ người ta đã từng mộng thấy mặt trời tinh tú nhập vào thần hồn, rồi to bụng, mà sinh ra Triết nhân, ra Chúa, ra Phật...

Hân an ủi vợ:

- Không huyền ảo đến thế đâu. Thực tế quanh ta đang tạm bợ, bức bách và bốc cháy theo từng ngày cay nghiệt. Tất cả rồi sẽ tan tành trôi qua. Chỉ có tình yêu chúng ta vĩnh cửu trong riêng chúng ta. Có lẽ em hiểu cái vĩnh cửu ấy.

Ngàn nằm ngửa, thở dài, nhắm mắt, nghe nước mắt chảy. Trong ấy, không thuần là bóng tối, trong mắt nhắm ấy. Ngàn nói: "Em vẽ ra cái giấc mộng của mình không có nghĩa là một ý thức đối kháng, em chỉ giải bày. Nhưng cánh cửa ấy mở ra không để thấy một chân trời. Nó mở ra cho em bốn bức tường, em bước vào, và cửa đóng. Mong anh hiểu".

Hâm ôm siết vợ vào lòng. Nàng quả mong manh. Gió đánh tung màn cửa, bày ra ngoài vườn là những đóa tường vi. Xa hơn, trong mắt nhìn của Hân là con đường sớm mai, hồ nước, rặng liễu, đồi hoa cỏ bạt ngàn nối chân trời. Tất cả, với chàng, như không thực trong một chìm đắm mông lung của màu xanh thẳm. Đó là màu của một sự trong suốt không bờ bến. Là màu của thời gian trong hồn người bị mộng đuổi miệt mài.

CUNG TÍCH BIỀN
(Sàigòn 1988-1993)

---

* Giải nghể: giải rượu, giải say *(chú thích của tòa soạn)*

HUY TƯỞNG

chuyện kể

Những cơn gió han rỉ
Đêm nước úng
Và đám mây cứ trắng rộn ràng

Ai đã về
Đêm mùa qua
Khát kiệt ao thu nhọ bóng
Và lá cứ vàng bưng mặt. Nhựa réo điên gỗ nâu.

Thở rống với ngọn cây
Khép tím bi ca
Và quất vào mình lằn roi xanh thẳm. Trườn xước mê vọng,
Tôi cứ yêu Em!

(Tân Định 25/07/84. Để tặng Diễm Châu ngày ấy)

bên dốc thánh giá

Âm trầm dốc thánh giá
Phố vun đồi. Phố dựng.
Vàng lã lá chìm khuya...

Ai người đi
Đêm giá băng tràn ngày cũ
Tuyệt huyết ly hồn vắng.

Về không.

Vườn không,
Mơ cánh mỏng
Trôi đêm,
Buồn vang lá...

(Đà lạt, Tiết trọng Đông 1976)
HUY TƯỞNG

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

đời kém vui thiếu tớ

Đui nên hay mắc cỡ
Điếc nên chưa có vợ

Gặp gái thì ú ớ
Gặp trai rủ đánh cờ

Cho xem nhưng cấm rờ
Con lật đật cứng đơ

Mấy mươi năm kiên chờ
Bây giờ mới cởi mở

Ngó nhan sắc bơ phờ
Mượn dao thiến của nợ

Chợ vẫn đông không mợ
Đời kém vui thiếu tớ

muốn sống phải nín thở

Ở thiên đường bánh mơ
Chúa khép cửa nhà thờ

Không ăn sao lại ợ
Xối mãi mà vẫn dơ

Ông chiên mặc cháu trở
Xuất khẩu nghề ở đợ

Nhà văn cách mạng phở
Vô khám ngồi rặn thơ

Chỉ tại thằng bán tơ
Tình chúng mình dang dở

Cứ bốc thơm giả vờ
Muốn sống phải nín thở

tháng giêng chỉ là

Trồng mưa gieo gió
Gặt bão chơi đò
Cho đời mình no

Như chuột sa hũ
Kết nạp đảng cù
Chí cha chí chú

Nửa đời đánh đu
Nửa đời thờ cụ
Nửa đời lảnh đủ

Lạc chợ trôi sông
Nhập bóng lên đồng
Bú kèn liếm trống

Không tết không nhà
Chưa vào đã ra
Tháng giêng chỉ là

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

PHẠM THỊ HOÀI

trong cơn mưa

Cơn mưa cuối thu kéo dài sáu tiếng đồng hồ, hình như chưa phải kỷ lục cuối cùng của trời đất, và lạ thay, chính trong sáu tiếng đồng hồ ấy tôi đã mơ hồ cảm nhận một liên hệ nào đó giữa mình và cái thế lực siêu nhiên, điều mà gần chục năm nay thường trở đi trở lại như một nhu cầu trong tôi, không cấp thiết lắm, nhưng dai dẳng, và chưa bao giờ tôi dám chắc đạt được.

Có lẽ vì tôi đến điểm hẹn trắng tay, và lúc đi khỏi vẫn thế, chỉ có trời hiểu rõ, đấy không phải là lời nói sáo, hay một kiểu làm duyên thời thượng. Vậy tôi coi ông ta là đồng minh, một đồng minh luôn chơi tay trên, đầy bất trắc, nhưng không gì sánh nổi.

Điểm hẹn là một quán cà phê bình thường, sạch sẽ vừa phải, phục vụ vừa phải, loại tần số xuất hiện cao nhất trong các thống kê xã hội học - nếu có - về tiệm quán, và khi ngồi xuống một trong những chiếc ghế nhỏ, thấp, bất tiện cho đôi chân khuềnh khoàng của tôi - tôi tránh không chọn ghế mây sợ tư thế ổn định có thể là một điềm báo chẳng lành - và giọt mưa đầu tiên rơi xuống, tôi đã thầm hoảng. Vì quá nhạy cảm hay quá hồn nhiên, thậm chí vô tình nữa, chính nàng đã chủ động chọn nơi này?

Có người bạn vong niên mở tiệc sinh nhật lục tuần, tôi đến, lẫn trong đám khách khứa, toàn những tên tuổi va chạm nhau, bản thân tôi cũng có một cái tên, vượt quá tầm kiểm soán của tôi, khá quen thuộc trên các kênh thông tin đại chúng. Ba cô con gái chủ nhân khác nhau kỳ lạ, như theo một kịch bản

cố tình của tạo hóa. Cô đầu nối nghiệp bố, ba mươi lăm tuổi đã nổi tiếng là nữ sĩ giàu bản lĩnh, độc đáo bậc nhất đương thời. Tôi nhìn cô giữa những kẻ hâm mộ, cặp mắt thông minh và bình thản, dáng vẻ đàng hoàng và cô đơn, chẳng phải một nữ hoàng quyền uy, cũng chẳng phải người đàn bà có bộ ngực mềm mại và mùi thơm của bếp, may ra có chăng một chút huyết tộc xa xôi với tôi? Cô thứ hai đẹp hiếm thấy, vẻ đẹp nhờ tổ tông không hề mất công mà cũng sang trọng quý phái, loại phụ nữ hễ xuất hiện ở đâu là không khí xung quanh ngưng lại, đàn ông đàn bà đều nín thở như nhau, và ai cũng tự ý thức rất nhanh, rất rõ mình có thể đạt được hay không đạt được điều gì ở người phụ nữ này. Vi, cô con gái út, thật nhỏ nhoi so với hai người chị, nhưng chính nàng mới là phát hiện đầy ân huệ của riêng tôi. Nàng không đẹp, không sắc sảo, thậm chí dễ lẫn trong đám đông, và cái duyên bề nổi của nàng chỉ tỏa ra từ sự trẻ trung không vướng bận, khiến những kẻ từng trải nao lòng. Tôi lại nao lòng vì lẽ khác: nàng giản dị, tự nhiên và đầy lòng tin cậy. Một anh chàng tốt số nào đó chỉ cần cầm tay nàng, nhìn sâu vào mắt nàng, bảo: "đi với anh nhé?" là nàng sẽ cứ thế mà đi, hoặc bảo "hãy chờ anh" là nàng cứ thế mà chờ đợi suốt cuộc đời. Tuổi trẻ chỉ chỉ góp vốn phần nào cho cho sự cả tin trong vắt ấy, còn lại khó mà giải thích. Người chị I với cái nhìn xuyên thấu muôn thủa và bộ óc siêu việt kia hẳn là hoài nghi tất cả, rồi chấp nhận tất cả như một giả thiết. Người chị II với khuôn mặt như tạc bằng cẩm thạch và dáng vẻ đài các kia cần gì một niềm tin hỗ trợ. Ông bố có lẽ chẳng còn gì khác ngoài cái chết để chờ đợi. Và tôi cùng đám khách tên tuổi va chạm nhau, chúng tôi có nhiều đấy chứ, danh tiếng, tiền bạc, gia đình, những mối tình phụ cấp giữa thời lạm phát toàn diện, đôi khi cả quyền lực, thứ quyền lực rơi vào tay nghệ sĩ bao giờ cũng méo mó tội nghiệp, chỉ thiếu vắng lòng tin cậy, và điều khủng khiếp nhất là người ta kiêng không nhắc tới nó, e ngại phô gót chân A-sin, hay để khỏi mang tiếng cải lương.

Mưa ào một đợt, rét ào theo. Phố đã lên đèn, mưa thành từng chuỗi cườm ánh sáng. Đài nhà ai phát bản nhạc sáu giờ quen thuộc, hình như cùng với khúc "Hồn tử sĩ", đó là tác phẩm giàu sức thuyết phục trong nền âm nhạc thiếu tự tin của chúng ta. Ở đấy tôi là khách duy nhất, chủ quán ngán ngẩm đặt một ly cà phê đen xuống chiếc bàn đầy vết chôn chén trước mặt tôi, rồi bỏ vào nhà trong. Chiếc đồng hồ treo tường to tướng tích tắc ngay sau gáy tôi, tôi sẽ thành chuẩn vị cho con lắc, thời gian sẽ bò vào từng giây, mưa từng chuỗi, thế nào Vi cũng tới.

Nàng hỏi: "Anh muốn làm quen với em sao?" - Tôi đã tuông ra cả một băng đúp những lời bày tỏ rất kỳ dị, chủ yếu để kéo dài thời gian nhìn sâu vào mắt nàng mà chẳng kịp cầm tay nàng, vì ai đó mang đàn tới. Tôi hát: "Nếu buổi trưa - em không đến - Tôi sẽ đón - bằng tim tôi - một âm hưởng kéo...", rồi cúi đầu bảo chủ nhân: "Bài hát này tặng Vi", tôi lại hát: "Có những đứa trẻ không sợ mồ côi cha - những con chim sinh ra trong ống nghiệm - Có những đứa trẻ không sợ mồ côi mẹ - những con chim đã xếp đôi cánh dưới lòng đất - Có những đứa trẻ không sợ mồ côi mình - Những con chim điên

khùng - những con chim hạnh phúc...", rồi lại bảo "Bài hát này cũng tặng Vi". Chủ nhân trao nhanh một ánh mắt đồng lõa không thích hợp với bản chất giáo điều của ông ta. Người chị I giữ vẻ bình thản không gì lay chuyển nổi. Người chị II trình diễn nụ cười "Tôi không can dự". Khách khứa vỗ tay ồn. Tôi nhói tim vì cái ánh sáng chợt bừng lên trên gương mặt Vi, chẳng lẽ trái tim bốn mươi ba tuổi của tôi lại trở về thời kỳ bất kham, chẳng lẽ một gương mặt thiếu nữ bừng sáng lại thành cái neo cuối cùng níu giữ tôi, ca sĩ quốc gia chuyên hát về những trò chơi bất tận của tâm hồn?

Đợt mưa không dứt. Thêm hai khách muộn bước vào, người đàn ông trạc tuổi tôi, phong cách của kẻ cạo giấy từ kiếp này sang kiếp khác, người đàn bà hầu như không có cả tuổi tác lẫn phong cách, phần nhận dạng trong chứng minh của chị ta chắc phải ghi: mệt mỏi toàn diện và kinh niên. Họ không phải vợ chồng. Vợ chồng thường hằn những nếp gấp của mình lên nhau. Hai mươi năm, không, chỉ cần mười năm, thậm chín năm năm cộng hưởng là vợ chồng hao hao giống nhau, chung một vốn từ vựng, một trường cảm xúc, một kho hành vi biểu đạt, một qui định bất thành văn cho các phản ứng... Quá trình thẩm thấu ấy tự nhiên, ăn mòn cả khoảng cách cuối cùng giữa họ, họ cư xử như những kẻ thường xuất hiện trước mắt nhau trong tư thế bít tất thủng, hay miệng còn hôi mùi đêm trước và không hiếm người coi đó là chuẩn mực của hôn nhân, cấp độ cuối cùng trong các nấc thang quan hệ giữa người với người. Cặp này không thế, họ cũng chịu đựng nhau, người này cũng vô tình mang chút gì của người kia, cũng thuộc về nhau theo một ý nghĩa nào đó, nhưng hkoảng cách giữa họ rõ ràng quá. Lại càng không phải cặp tình nhân thuở ban đầu, cử chỉ của họ quá thân mật, họ trao nhận âu yếm theo lệ thường, và điều quan trọng nhất là gương mặt người thiếu phụ mệt mỏi không có cái ánh sáng làm tôi nhói tim ấy, tạm gọi ánh sáng Vi. Gương mặt chị ta đã tắt ngấm.

Bây giờ tôi vỡ lẽ, gương mặt vợ tôi cũng đã tắt ngấm, mọi trạng thái tình cảm không đủ sức xuyên thủng lớp vỏ căng thẳng thường trực, thỉnh thoảng may ra đắp đổi bằng vẻ lãnh đạm thoạt nhìn đầy minh triết, để phát lộ dù chỉ một lần, sản phẩm của mười lăm năm hôn nhân, quy luật đau xót của các cuộc cộng sinh, và truy tìm thủ phạm rồi cũng chẳng cứu vãn được gì. Cả nỗi đau, phần đáng kể nhất trong trái tim không kiểm soát nổi của tôi cũng chẳng cứu vãn được gì. Và ánh sáng không chút ấm cúng của các sân khấu sót lại từ thời Pháp thuộc, hay bầu không khí nhân tạo trong các phòng thu thanh nửa thủ công nửa hiện đại và giới phê bình khổ sở chưa bao giờ thoát khỏi mặc cảm nghiệp dư, chỉ tìm mọi cơ hội chối bỏ chính mặc cảm ấy? Và bạn bè đồng nghiệp, những Bá Nha sinh ra không điên, cũng không hạnh phúc, dứt khoát tin trên đời chẳng có Tử Kỳ; và họ hàng gần xa với cái quyền đặc trưng của máu mủ là chấp nhận, hay thậm chí chiếm hữu mà chẳng hiểu gì: và cuối cùng là giọng hát của tôi, nghệ sĩ, dành cho tất cả theo nguyên tắc nghề nghiệp, xã hội và tồn tại, mà chẳng biết dành cho ai theo nguyên tắc cá nhân tôi, tất cả có thể cứu vãn được gì?

Vậy mà bây giờ tôi trông chờ ở cái ánh sáng hạnh phúc và tin cậy bừng sáng lên trên một gương mặt thiếu nữ thoáng gặp lần đầu. Giá tôi ngỏ lời, người chị I chắc sẽ bảo: "Không ai an ủi nổi anh đâu. Tôi cũng thế", kèm theo nụ cười cảm thông qui định cho tôi thành một chú bé biết lỗi. Người chị II chắc sẽ bảo: "Để tôi suy nghĩ. Hẹn dịp khác", và tôi chắc sẽ thành một con cá ngựa thô thiển chờ mãi lần giao xúc xắc của vận đỏ để lọt chuồng. Vợ tôi chắc sẽ bảo: "Trời ơi, lại chuyện gì thế này!", và tôi sẽ thành tên nô lệ trung thành với những biến thiên ngoạn mục của trạng thái căng thẳng trên nét mặt cô ấy. Còn Vi nhận lời, tôi đã nói tuổi trẻ chỉ góp vốn phần nào cho sự cả tin trong vắt ấy, còn lại khó mà giải thích.

Thêm một khách, một cô gái, một người đàn bà thì đúng hơn - tôi thích chữ "đàn bà", vì cái âm hưởng u trầm và nâu xám của nó - tóc ướt từng lọn tôn gương mặt nhợt nhạt, có lẽ đẹp, nếu cặp môi không tô chói chang thế kia. Cô ta lướt nhìn ba con người im lìm, cặp mắt dạn dĩ, gọi to một câu "Ông chủ đâu rồi", tới ngồi ở góc đối diện tôi, chưa ấm chỗ đã rút bao thuốc từ chiếc túi nhựa Liên Xô sỉn màu, nâng niu rít từng hơi, hai đường chỉ chạy dọc khóe miệng hiện rõ trong đóm sáng đầu điếu thuốc, dấu hiệu của tốn nhiều nước mắt. Cặp tình nhân lâu năm lập tức chụm đầu to nhỏ, câu chuyện đã quá mệt mỏi vì phải thách thức thời gian của họ vô tình được tiếp sức bởi một xúc tác bên ngoài, họ hồi phục lòng tự tin cũng nhanh như khi đánh mất, những hẩm hiu của người đời, thế giới của họ một lần nữa lại viên tròn.

Cô gái nhìn tôi. Tôi cự tuyệt bằng cách nhìn trời. Các vị muốn gì nào? Phân tích tâm hồn các vị không phải việc của tôi, vả lại điều đó thật lố bịch trong cảnh mưa như xóa nhòa mọi hẹn hò, toan tính, ham hố của cả đám chúng ta, như lối đùa cao ngạo đầy răn dạy của các thế lực siêu nhiên, rằng đám chúng ta rút cục cũng nên biết thế nào là tín ngưỡng. Phân tích tâm hồn tôi cho các vị lại càng lố bịch. Tôi đã hát từ năm mười ba tuổi cho một nhân loại mà tôi thực lòng yêu, trong đó có các vị, nhân loại đáp lại tôi bằng vỗ tay và tiền, thế là sòng phẳng, nhưng chẳng vị nào ban cho tôi cái ánh sáng hạnh phúc và tin cậy không vướng bận đó, tạm gọi ánh sáng Vi, dù phát hiện ấy đến muộn, và tôi đã kịp làm hỏng đủ thứ, chẳng riêng gì chất giọng nam trầm đã khàn đục không phải vì tổng cộng chiều dài thời gian, mà do quá nhiều độc tố phi âm nhạc trong từng giây phút sống. Cầu mong cho nàng không biết gì về cái nghề dễ lòe người ngoại đạo và dễ hãi kẻ am hiểu nhất này, không biết gì về những cuộc công diễn trong đó các nghệ sĩ cứ phải nhòm mồm nhau cho xong một sự hài hòa chắp vá, không biết gì về nền công nghệ sản xuất và tiêu thụ hàng ngàn ca khúc giống nhau như một đàn ong nọc đủ sức tha hóa bao nhiêu thế hệ tai nghe... "Cứ lấy âm nhạc mà nghiệm".

Bảy tiếng đồng hồ điểm sau gáy tôi, tôi từng lập những kỷ lục cao hơn về chờ đợi.

Lần thứ nhất đã lâu lắm. Mẹ tôi, người hát hay nhất thế gian, qua đời khi tôi vừa biết đánh vần truyện cổ tích. Tôi đã bắt chước vô số nhân vật bị ngược đãi trong các câu chuyện cổ, vùi mình vào góc vắng khóc ròng để chờ Bụt

hiện. Tôi khóc thật nhiệt tình. Khi trong người không còn giọt nước và tôi thấy mình nhẹ đến nỗi phải ôm khư khư một hòn gạch để khỏi bay mất thì tôi gào, rồi cuốn cùng không còn một âm thanh nào ra hồn và tôi thấy mình tan nát như cái trống ếch tã bục, đến nỗi phải ngậm chặt miệng để khỏi vỡ nốt theo lỗ thủng xấu xí ấy thì tôi rên ư ử, vì dứt khoát phải gọi Bụt hiện, mà Bụt chỉ nghe tiếng khóc, tiếng gào, hay tiếng rên, tôi đã phát tín hiệu và chờ đợi vô vọng, mẹ tôi nhập quan rồi nhập mộ, như xưa nay vẫn thế, người hát hay nhất thế gian vẫn không cưỡng nổi cái chết, và chỉ vì một phép màu không thể xảy ra mà tôi bỏ lỡ nhìn mặt mẹ lần chót, chẳng sự bất tử nào có thể đền bù.

Lần thứ hai ở thời trai trẻ. Tình cờ tôi gặp giữa đường người bạn quí xa cách lâu ngày. Đó là người bạn duy nhất có thể ngồi bên tôi hàng tiếng đồng hồ, cả hai không cần nói gì mà vẫn dễ chịu. Chúng tôi nhìn sững nhau sau ba năm bặt tin, cười vang đường phố, rồi anh ấn tôi vào quán trà ven đường, hẹn đi giải quyết gấp một công chuyện gần đó, chậm nhất là mười lăm phút. Tôi đã ngồi suốt buổi chiều, uống đến độ không còn là máu, mà nước trà chảy trong huyết quản, và bạn tôi chẳng bao giờ quay lại nữa. Mười lăm phút đầu tôi giữ nguyên nụ cười trên môi, mười lăm phút sau tôi bồn chồn, mười lăm phút sau nữa lo âu, mười lăm phút sau nữa hoảng hốt, rồi một buổi chiều triền miên van nài số phận đừng chơi ác thế, và cuối cùng là đầu hàng, chấp thuận. Bạn tôi mất tích từ đó, từ đó chẳng ai có thể ngồi bên tôi hàng tiếng đồng hồ, không cần hỏi gì mà vẫn yên lòng.

Lần này không phải nước trà, mà cà phê sẽ chảy trong huyết quản, tôi chẳng khóc lóc, gào thét hay rên rỉ mà im lặng, lẽ nào số phận lại chơi ác thêm lần nữa? Tôi có đòi hỏi nhiều lắm đâu, chỉ cần nàng tới, để tôi khẳng định rằng gương mặt trẻ trung, giản dị, hạnh phúc và đầy tin cậy của nàng là có thật, không phải một khái niệm siêu hình, không phải sản phẩm tạo dựng từ những hoan tưởng chấp chới, thiếu sức thuyết phục như phép tồn tại của kẻ nghệ sĩ bất đắc dĩ là tôi. Nàng chính là hiện thân của đời sống, vừa phồn thực vừa thăng hoa, cái lý tưởng mà tôi đã để lạc sau bao nhiêu vòng vo tìm kiếm, hay nói đúng hơn, để lạc trong mớ hỗn độn, nửa thực nửa hư, tài sản của bốn mươi năm trời cố dành cho mình một chỗ đứng nào đó dưới ánh mặt trời vì chúng ta nào có tìm kiếm đức tin, chúng ta chỉ thu nhận những đức tin đã đóng gói và chế biến sẵn, tiện tiêu hóa, và thói ăn sẵn thay vì tìm kiếm và trả giá ấy đã sánh vai ngự trị với truyền thống, đạo đức cùng rất nhiều chân lý dễ chịu khác.

Tám, chín, rồi mười tiếng đồng hồ lần lượt điểm gáy tôi, và mưa vẫn thế, đều đều, như chứng tỏ trời không còn sung sức lắm, trời không phải kẻ đầu tiên bỏ cuộc. Vậy tôi cũng không được phép bỏ cuộc, bất chấp cái linh cảm quái ác bắt đầu ngấm dần vào lục phủ ngũ tạng, rằng toàn bộ cuộc hẹn hò bất lợi này chỉ bám vào một câu nói vô tình, rất có thể chân thành trong phút ấy và chỉ có hiệu lực phút ấy, rằng nàng đã ân hận, đã tặc lưỡi, thậm chí đã quên, hoặc đơn giản chỉ vì ngại thời tiết. Tôi có quên gì đâu?

Nhưng được chờ đợi còn hơn chẳng có gì mà chờ đợi. Và cơn mưa này hóa ra là niềm ưu ái trời dành cho tôi, thế đấy, đồng minh của tôi tuy bất trắc mà giàu cảm thông và không gì sánh nổi.

Chủ quán cau có xuất hiện, chửi đổng một câu về thời tiết đã khó, trời lại chó má thế, lẩm bẩm mời khách ra cho nhà đóng cửa, và vung chổi, xô bàn ghế ầm ầm. Cặp tình nhân mệt mỏi đỡ nhau đứng dậy, người đàn bà liếc nhanh tôi, người đàn ông liếc nhanh cô gái, rồi cả hai nhìn nhau ý nhị, lại một kiểu cảm thông, lần này của hạ giới, các vị quá tế nhị, các vị cứ tưởng thế là hay, là giàu lòng bác ái, là xứng với danh hiệu con người, rồi yên tâm chùm chăn ngủ trong khi cuộc đời chẳng thèm biết thế nào là cảm thông với cảm động, cứ trần sì ra đấy mà vẫn như một câu đố nhân sự oái oăm muôn thủa.

Cánh cửa đã khép lại. Tôi nép dưới mái hiên chật, mùi nước hoa sát bên cạnh. Cô ta lại châm thuốc bâng quơ: "Chưa về à?" Tôi nhìn kỹ, quả là gương mặt biết quá nhiều thế nào là nước mắt, và bất giác đáp: "Chưa". Mùi nước hoa bắt đầu bủa vây tôi. Chẳng lẽ mọi chuyện kết thúc đều như trong văn chương lá cải, tầm thường, nhạt nhẽo và giống hệt nhau, dù câu chuyện của tôi mở đầu đầy hứa hẹn? Hút xong điếu thuốc, cô ta lại bâng quơ: "Thế nào?". Tôi im lặng. Chẳng lẽ lại thú thật rằng cả cái ham muốn ấy cũng không còn nữa, và xin ở cô một lời phán định xem thế là ổn, hay thế là đáng tuyệt vọng lắm rồi?

"Gần đây thôi...", cô ta lẩm bẩm như hết kiên nhẫn, tôi bỗng vùng vằng: "Mất đứt buổi tối..." và dằn dỗi bỏ đi.

"Cô đi đâu? Mưa lắm!" Tôi gọi, cô ta đứng lại.

"Gần đây thôi..." Cô ta mỉm cười khích lệ.

Tôi chìa tay, nhận được năm ngón phụ nữ rất mềm. Và đúng lúc tôi bắt đầu xúc động vì những ngón tay tự nhiên và ngoan ngoãn ấy thì cô ta nhích ra, từ từ, thận trọng, như sợ bị giữ lại. Khi đã cách tôi ba bước, cô ta nói to:

"Ông anh cứ tâm trạng đi, còn mưa hết đêm cơ đấy! Tưởng gì chứ tâm trạng thì tôi đây cũng khối!" Rồi mỉm cười lần nữa, nụ cười thương hại, hai đường chỉ bên khóe miệng đầy vẻ từng trải.

Cô gái men theo những mái hiên, túi xách che lên đầu, lưng cong lại tránh nước, bỏ đi thẳng.

Tôi vẫn đứng như thế, chân tê lạnh, người trống rỗng không một ý nghĩ hay xúc cảm nào hết. Giọt mưa cuối cùng dứt đồng thời với tiếng chuông thứ mười hai. Vi không đến. Nàng vừa là người hát hay nhất thế gian, vừa có thể ngồi bên tôi hàng tiếng đồng hồ, không cần nói gì mà vẫn dễ chịu. Nhưng nàng không đến, và tôi vẫn phải cảm ơn đất trời vì màn mưa đặc sắc này. Đấy là điều khủng khiếp nhất.

PHẠM THỊ HOÀI

Tìm đọc

ĐỐI THOẠI số 4, đã phát hành

NGUYỄN BÁ TRẠC

thơ gửi bạn thơ mùa xuân

Khi H. đi P.G. vẫn ở B. Mazila muôn thủa ngồi bịt mặt sau cái quầy khách sạn tỉnh T.T. trở về căn nhà của K. cách đây ba tháng đã chết sau một tai nạn xe cộ trên xa lộ 280 đầu năm 1989.

Y. vừa được ra khỏi trại cải tạo N. vừa được ra khỏi trại cải tạo.

Sáng hôm nay mùa xuân ngồi phơi nắng xem bầu trời chim hót uống cà phê. Nhâm nhi một lát bánh mì bơ. Hoa me đất nở. Nhiều cánh đồng và những ngọn đồi trải hoa cải dại vàng bát ngát.

Trời gõ nhịp mùa Xuân chim hót mà X.D. không biết bởi sao ca?

Chào bạn bè Việt Nam, Hòa Lan, Phần Lan. Chào đêm mưa hải đảo Bình Châu, Hồng Kong. Songkla, Bangkok, Thái Lan. Meleka, Segamat, Mã Lai. Denpasar, Ubud, Nam Dương.

Chào anh nhạc sĩ uống bia trên ruộng mía, lái xe Honda trong rừng dừa Bali. Hoa dâm bụt, tranh Gauguin, bầu trời dã thú Á Châu, cũng là tất cả bầu trời hôm nay của mùa Xuân Cali.

Ngồi chơi trong tư tưởng nhau xin cảm ơn thêm một tiếng. Sáng nay mùa Xuân phơi nắng, chân đi xăng-đan Mễ Tây Cơ đế cao su lốp không mang bít-tất. Tuần rồi Seattle ảm đạm. Eureka, Mount Shata vẫn lạnh nhưng San Jose nắng ấm chan hòa.

Chào bạn bè Việt Nam, Hòa Lan , Phần Lan. Chào Songkla, Bangkok, Thái Lan. Chào người lính Mã Lai Task force. Xin hãy nương tay khi hạ ngón đòn.

Hôm nay Việt Nam chảy dòng nước mắt trên vệt máu khô trong lúc tôi đi chuyến tàu chạy mãi trong sa mạc mặt trời chói chang ban ngày, mặt trăng lạnh buốt ban đêm.

Mùa xuân về rút gọn những câu chuyện phức tạp rét run trong mùa đông. Cái lừng khừng rơi rụng lá vàng. Cứ tạm quên một số qui điều cổ điển, các chi tiết éo le của những nhân vật, mà tên, đối với mình thì viết hoa, đối với thế giới chỉ còn là con số và những chữ viết tắt.

Đá đổ mồ hôi, anh T. Cái xe chơi hoài nhạc Rock, vừa lớn, vừa phiền. Chợt nghĩ như hoa mới nở chúng ta cùng một niềm tin.

Có mệt lắm không N.? Cần qua đây gặp mặt vợ con. Nghỉ ngơi. Hồi phục. Chờ một mùa Xuân đích thực. Mặt trời ơi đừng khuất, hôm nay vẫn nhiều mây. Bạn ấu thơ ơi, trời vẫn nhiều mây.

Đá đổ mồ hôi, anh T. Cái xe chơi hoài nhạc rock. Thơ mùa xuân năm nay, nhâm nhi một lát bánh mì bơ.

Trong thơ, theo thiển kiến, có trí tuệ và cảm xúc, như chanh và cam, như vũ khí và trái tim: trái tim không là vũ khí. Có hồi tưởng, có dự phóng. Mệt lắm không N.?

NGUYỄN BÁ TRẠC

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

không đề

Nửa đời mình lại soi gương
Thấy trên khóe mắt nhát gừng bỗng cay
Có gì mà úp bàn tay
Mở ra soi thấu chân mày tháng năm

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

TRẦN DUY PHIÊN

cái đuôi của chú ớt

1.

Nhà bà Chanh ở chung vườn với chúng tôi. Nghe mẹ nói, thuở nội còn sống có cho ông Chanh một khoảnh. Ông ấy và nội cùng chi, chú Bưởi chú Ớt với anh em tôi có liên hệ họ hàng. Nhà bà Chanh một gian hai chái như nhà tôi, được cái nền đất đen láng và gian nhà thờ dán mấy bức tranh gà. Bà Chanh đẻ ra cô Bầu, cô Bí, chú Hành, cô Hẹ, chú Bưởi, cô Bông, chú Cà, chú Ớt. Dịch bệnh tha mất một số cô chú và cả ông Chanh, chỉ chừa lại chú Bưởi lệch vai và chú Ớt mặt rỗ.

Bà Chanh người khô rắn. Tôi chưa bao giờ thấy bà mặc áo, cái yếm nâu bốn mùa nịt chặc bộ ngực lép. Thím Bưởi cao lêu nghêu, da xám xỉn, mắt nhỏ và hơi hiếng. Tôi có cảm tưởng thím cao gấp hai lần chú. Và tôi chờ có dịp chú thím sánh đôi để đoan chắc như thế nhưng chưa bao giờ. Chú Bưởi lăn lóc trong bùn kiếm sống, thím về cũng theo nghiệp chồng và nuôi thêm heo. Chú Ớt sống bằng nghề câu, thanh nhàn nhất nhà. Chú thấp hơn chú Bưởi, đậm người, rậm râu. Chú Bưởi thường cạo trọc đầu, chú Ớt cắt tóc kiểu vuông.

2.

Tin đồn Tây tới, chú Ớt dẹp cần câu, vắng nhà cả tháng. Rồi chú trở về, người có vẻ khô xù, những đốm rỗ lõm sâu hơn vào da mặt. Tôi qua nhà bà Chanh, thấy dưới gầm phản có cây đao to, hỏi, chú nói mã tấu. Tôi bò xuống, kéo đao ra, lấy hết sức cất không nổi, chú Ớt cười, củng nhẹ vào đầu tôi. Lâu lâu, chú Ớt đem đao ra mài, chém thử mấy cây chuối vườn sau.

Rồi Tây tới thiệt, nghe nói chúng bị đánh. Ai đánh tôi không rõ nhưng thỏa thích. Cô Thao cho anh tôi mỗi đứa một con gà gầy giống. Gà của tôi đẻ trước. Thằng Tây ra lệnh tên hầu hốt trọn ổ bỏ túi, tôi nóng bừng cả mặt, mẹ kéo tôi ra xa. Cả hai thằng ấy chắc bây giờ cũng bị đánh. Tôi mà biết ai

đánh được chúng sẽ cho luôn con gà.

Cũng dạo ấy, vài ba chiều cô Thao lại qua nhà báo tin chặt đầu Việt gian cho mẹ tôi hay. Việt gian? Có phải cái thằng hốt trứng? Khoảng thời gian này, làng tôi đổi hẳn nề nếp sinh hoạt. Nắng tắt, người ta mới gọi nhau ra đồng. Thế mà đêm đến ca-nông từ đâu bắn về. Cồn Âm Hồn chật đất, hết chỗ chôn. Sau một trận càng lớn, Tây lấy nhà thờ họ Phan làm đồn. Nghe nói chú Bưởi bị bắn chết, xác chẳng thấy đưa về, mắt thím Bưởi sưng húp. Hồi này, mẹ tôi ốm xanh mét.

Một buổi sáng tinh mơ, Tây dẫn lính đồn tràn vào làng, cứ nhà nào to là đốt. Chúng còn bắt dân đốn sạch cây cao và phát luôn bờ rào. Làng trống trơ như một bãi hoang. Đêm sau, đồn bị đánh, cô Thao nói không mống nào chạy thoát. Chú Ớt trở lại nhà. Ngày ngủ đêm đi, tảng sáng chú mới về. Mẹ tôi nhìn chú với ánh mắt khác lạ. Nhưng tôi nhìn chú có lạ đâu, vẫn áo đen quần cộc đi chân đất.

3.

Một đêm tối mò, mẹ tôi qua nhà bà Chanh, anh em tôi đi theo. Chú Ớt đưa một người lạ mặt ra ngõ rồi trở lại tiếp mẹ tôi. Chú kể lại những lúc gian khổ đánh Tây vây đồn. Mẹ tôi ngồi nghe im lặng. Thím Bưởi nấu nước lá vối rót ra từng chén. Bà Chanh ngồi bên mẹ tôi, không hở tay quạt muỗi.

- Chú có phịa không? - Mẹ tôi kêu lên khi chú kể tới chuyện chặt đầu Việt gian - Thế chú...

- Em chặt cả - Chú đang trên đà hăng say - Thằng đó chê bạc tín phiếu, chặt. Lão ấy lên phố ba lần, chặt. Con gái hắn bán gạo cho đồn Tây, chặt. Thằng cha cấm con nó may cờ, chặt - Anh tôi lết vào lòng mẹ, còn tôi như dán sát người vào vai chú Ớt, căng hết tai - Con mẹ nạp lúa không khô, chặt...

- Cháu nó còn nhỏ, chú ơi! - Mẹ tôi đưa mắt nhìn quanh - Bà coi chúng run như chó xuống nước đây nè!

- Em được mấy khi rảnh mà nói cho chị nghe - Chú vẫn tiếp tục câu chuyện - Có bữa chưa đào hố em cũng chặt, nó mà thoát vô đồn thì khốn. Có đứa dẫn xuống ngõ phứt ngay rồi mới khiêng ra đồng, chúng em thức suốt đêm gội máu. Có đứa thính như chó, phải cho phát đạn. Thế là chịu khuyết điểm phung phí với lại làm kinh động xóm làng.

- Sao chú không khuyên bảo người ta mà cứ...

- Là bởi vì thà giết lầm còn hơn bỏ sót.

Chú kéo cây đèn dầu lại gần, mồi thuốc hút bằm bặp. Mẹ tôi đứng dậy, cúi mặt kéo chúng tôi ra về, trông mẹ như vừa sợ vừa giận.

Ba hôm sau, tôi đang đứng nhai cơm cháy ở hiên, chú Ớt thét gọi sang. Mẹ tôi ngấp nghé trong chái bếp nhìn sang. Chú đưa tôi vào nhà, bảo nằm sấp lên bộ phản gỗ gian giữa, lệnh cho tôi dạy chú viết, ngoáy thử cho chú coi, chú liền ngoan ngoãn làm theo, mồm mép uốn lượn đến tức cười. Viết được ba chữ, chú thở hổn hển, ngồi thẳng lên, gạt mồ hôi trán. Tôi thương

chú quá.

- Tao đã từng đi cày đi bừa đi gặt đi câu và bao thứ nặng nhọc khác nhưng chưa có việc nào kinh bằng học - Cuối buổi, chú nói.

- Chú có muốn học chữ Tây không? - Tôi nằm ngửa ra, gác một chân lên tới vai chú, hỏi. Chú lưỡng lự một lúc rồi gật đầu.

Tôi viết vào tập vở chú một chữ dài ngoằn. Chú ngó xuống bằng cái cách của người nhìn rắn. Tôi bày chú đọc, chú hóa ngọng.

Cũng may, tôi làm thầy chú Ớt chẳng được mấy ngày. Chú lại bỏ nhà ra đi. Nhớ chú tôi hỏi, bà Chanh lắc đầu, còn mẹ bảo chú qua làng bên chơi ít bữa sắp về. Và chú về thiệt, ốm lòi xương má, mắt vàng đục, đổ xuống đau một trận tới chết. Nhưng chú không chết. Bà Chanh đào ở xó chuồng heo, lựa những con giun đất khoang cổ to bằng ngón tay, gói vào giấy bổi cho chú nuốt sống. Bà cũng ra bụi tre, bắt những con thằn lằn gai đen sì nhốt vào chai. Một ngày hai cử, kéo ra một con đặt vào miệng chú, bà bấm mạnh vào đuôi, con thằn lằn phóng tuột xuống họng. Thế mà chú Ớt lành bệnh. Ăn được cháo, chiều chiều chú lang thang trong xóm.

4.

Đêm trăng, bọn nhỏ chúng tôi đang tụ hội ở sân phơi nhà dì tôi, chú Ớt lẩn thẩn đi vào, ngồi xuống thềm hiên. Được một lúc, chú gọi chúng tôi lại.

- Chơi như thế không ngon - Chú nói - Tao có những ngón trò vui hơn.

- Chú bày đi! - Chúng tôi nhao lên.

- Ừ, thì bày - Chú gật gật đầu - Mà để bặp xong điếu thuốc cái đã. Muốn được... phải biết nghe lời, hé?

- Nghe, dạ nghe - Chúng tôi rấn ran cả lên.

Ném cái tàn thuốc xuống đất, chú đứng dậy, bắt chúng tôi xếp hàng dọc, gọi mỗi hàng là "tiểu đội". ban đầu chúng tôi không hiểu từ lạ ấy, lâu rồi quen tai.

- Nghiêm! Đằng trước, thẳng! Dằng sau, quay! - Chú vừa hô vừa diễn thử - Bên phải, quay!... Ôi, cứ quay là quay, quay đến chóng mặt. Nhưng vui quá!

Đêm sau, bọn trẻ chúng tôi gom cả lại, mỗi đội chừng mươi đứa, có bọn con gái tham dự (nhưng về sau chúng rút hết). Anh tôi được chú cho làm tiểu đội trưởng đội Một. Hai anh em chú bác Ụt và Ịt nắm đội Hai và Ba. Thằng Ghè con bà To, đội Bốn. Tôi làm lính dưới quyền anh tôi, bao giờ cũng sắp hàng đầu. Thằng Lơ - con dì em mẹ tôi, to con nhất đám, làm trung đội trưởng. Thằng Thoáng - con bà E làm bún, cũng to con, làm phó.

Đêm nay, chú Ớt tập cho chúng tôi bò từ chuồng trâu qua tới hàng chuối, đít không nhổm, đầu không nhô, bụng sát đất. Mãi khuya mới về, hai đầu gối rát buốt, toàn thân ngứa ngáy, nhưng nhờ mệt, tôi kéo một giấc tới sáng. Đêm sau, chúng tôi mang theo gậy, tập bò có súng. Đêm kế tiếp, tập ném lựu đạn, ném tay không rồi ném bằng đất cục. Đêm sau nữa, tập bắn, súng bằng cây nổ bằng miệng... Những bài học cuối, rất khó hiểu, may nhờ có trận giả,

chúng tôi mới biết lơ mơ thế nào là phục kích, là công đồn, vận động, độn thổ,... Có những đêm chú Ớt dạy riêng cho bọn Lơ - gọi là "rèn cán chỉnh quân" (?). Anh tôi cũng ở trong số "cán" ấy. Từ đó, bọn Lơ đi đứng thẳng dét, nói giọng uốn nắn đến khó nghe. Lại nữa, trong mắt bọn Lơ như có ánh dao.

Một bữa, chúng tôi đến sân tập, không có chú Ớt. Nhưng Lơ đứng vào chỗ chú, áo bỏ trong quần, thắt lưng đeo một khẩu súng nhỏ. Với tư cách thủ trưởng mới, Lơ bắt chúng tôi tập lại bài đầu. Thoáng cầm roi tre săm soi từng đứa.

5.

Làng tôi chuyên sống ruộng đồng, ngày mùa rơm rạ phơi tấp đầy đường.

Một buổi chiều, mẹ Lơ sai nó đến nhà bà Tễ ở tận xóm Nhất mua mắn. Sợ chông chao, Lơ bưng chén đi chậm. Thằng Lé là đứa lé mắt, đầu nhọn, chân cẳng cò, nổi tiếng cà lắc. Lé lò dò theo Lơ, lâu lâu dùng tay chọt mút. Lạ xóm xa nhà, Lơ chỉ biết đưa tay còn lại úp lên miệng chén. Lé lùi lại, bấu cả hai tay vào quần Lơ tuột xuống. Lơ buông chén, níu lấy quần. Mắm đổ sạch nhưng chén không vỡ. Về đến nhà mẹ Lơ ngửi chén có mùi nghi nó uống hết, tẩn cho một trận cùn roi. Từ đó Lơ thù Lé đến khắc cốt.

Cả bọn đang tắm sông, ai báo mà Lơ biết lé vừa ngang qua, liền lệnh cho cúng tôi lên bờ.

- Trung đội phục kích! - Lơ hét.

Chúng tôi rúc vội xuống rơm hai bên đường. Tôi nhận ra Lé từ xa, tóc trên chóp đầu như ngọn cỏ gà, hai tay áp một vật tròn vào ngực . Bánh tráng! Tôi rõ ra rồi - Lé vào xóm Ba mua bánh ở quán bà Chuôm. Kìa, nó đi bước thật cao, người ốm mà hai đầu gối to đến lạ, bộ tịch tự mãn có cái ăn. Mẹ tôi thường nói mấy người lé mà lùn thì khôn đáo để. Thằng Lé lé mà không lùn, biết nó thế nào nhỉ?

- Xung phong! - Lơ ra lệnh.

Chúng tôi túa ra, lao thẳng vào Lé. Bánh vỡ. Lé thoát được chạy về xóm Nhất. Chúng tôi nhìn nhau, chẳng đứa nào có lấy một miếng. Thắng lớn thế này không lẽ không thu được cái gì, chúng tôi bới rơm tìm kiếm. Lơ tức tối rượt theo Lé một đoạn nhưng chợt thấy anh Lé vác sào chạy tới.

- Trung đội, rút! - Lơ quay lại, hét.

Chúng tôi tan hàng, ai về nhà nấy.

Đêm ấy, trên sân nhà, Lơ truyền được cái thù anh em Lé vào bụng chúng tôi.

6.

Như được nhận lửa từ chú Ớt, Lơ nhen đến đâu cháy đến đó. Hực cả lên, chúng tôi bắt đầu chế tạo vũ khí. Trước hết, lựu đạn đất sét, nung cho hóa sành thoáng trông như thật. Tiếp đến, tiểu liên bắn đạn bời lời. Sau cùng, đại

liên lồ ô, súng chỉ phát ra âm thanh cực mạnh. Anh tôi còn kiếm ra gỗ đẻo cho tôi một cái dao găm.

Ăn tối xong, anh em tôi kéo nhau ra vườn, khui hầm vũ khí trang bị lên người. Lúc ra ngõ, anh ghé sát tai dặn tôi:

- Mày phải chiến đấu bên tao, nghe chưa! Lỡ bị địch bắt, không khai, nghe chưa! - Anh nói tới đâu tôi gật đầu tới đấy - Không đầu hàng, không giao nộp vũ khí cho địch! - Tôi xúc động đến ứa nước mắt. Cán bộ có khác!

Anh em tôi đến nơi, trung đội đã tập họp, Thoáng báo cáo cho Lơ rõ quân số. Sau đó hai đứa bàn nhỏ với nhau rồi lên giọng la mắng Ụt, Ịt ra trận mà không có vũ khí.

- Bọn tao đánh xáp lá cà - Ụt lên nạnh cãi lại. Ịt tỏ ra biết điều, mượn tạm đứa đứng bên cạnh một khẩu đại liên.

Thấp thoáng cuối hiên, tôi thấy bọn con gái đứng cụm lại, rì rầm, lâu lâu chỉ trỏ về phía chúng tôi. Ngay lối vào nhà, mấy người lớn ngồi chò hỏ nhìn ra, có cả dì dượng.

- Trung đội, nghiêm! - Lơ đứng ngoài hàng lên giọng - Súng cầm tay, bắt! Đằng trước, bước! - Thoáng dẫn chúng tôi ra đường cái.

Ở thôn quê giờ này đã vắng người đi lại, không khí tự dưng đổi khác. Sợ mình phát run, tôi nắm cứng hai tay. Tới xóm Nhất, Thoáng đứng lại nhìn quanh rồi đưa chúng tôi vào một con hẻm.

- Thằng Lé đó kìa! - Lơ nhìn qua bờ rào, nói khẽ với anh tôi.

Bây giờ Lơ nhanh nhẹn hẳn, ra hiệu bằng tay để gọi bốn tiểu đội trưởng tới, bố trí các mũi tấn công. Qua lớp rào thưa, tôi thấy rõ người và việc bên trong sân nhà Lé. Ba con trâu đen ngòm đi vòng trên thớt lúa. Tốp thợ gặt đang ngồi nói chuyện ở hiên nhà. Một người đàn ông cao khều cúi xuống bên cây sào choải hiên. Thằng Lé cầm đuốc đứng bên. Lơ nói với anh tôi chính lão đó là cha Lé. Trăng ló khỏi nóc nhà. Một giọng hò cất lên rồi cả tốp hò theo.

- Xung phong! - Lơ gào.

Tôi vô cùng bối rối, bờ rào áp cận mặt. Chúng tôi gào theo Lơ nhưng không đứa nào dám nhích lên một bước. Khai hỏa súng bời lời nổ lẹt đẹt. Tôi bắt đầu run. Nổ được mấy phát, khẩu tiểu liên của tôi gãy cần thụt.

- Vất! - Thấy tôi mày mò sửa súng, anh tôi hét.

Tôi ném nó vào bụi và chuyển cây đại liên từ vai qua tay, kéo lấy sợi chỉ quấn trục, tràng nổ dòn như pháo. Có tới bốn mươi tay súng như thế nhắm vào nhà Lé gầm réo. Tốp thợ gặt đứng bật dậy, nháo nhác nhìn quanh. Đến khi định tĩnh, họ tiến ra sân. Cha Lé giật lấy cây đuốc bước tới bờ rào.

- Xung phong! - Tôi nhận ra giọng của Thoáng ở cách khá xa.

Cha Lé dừng lại, đưa cao đuốc lên. Bụp! Ông buông đuốc, ôm lấy ngực, loạng choạng. Hai người thợ gặt bước tới. Bụp! Bụp! Một người chạy trở lui. Tiểu đội của Ghè không tấn công vào sân mà nhắm ngay nhà. Thịch! Thịch! Xòa! Một con trâu bỏ thớt chạy ngông.

- Bọn xóm Nhì đến phá nhà mình đó, cha ơi! - Lé mách lẻo.

Bịch! Tôi ôm lấy vai, một cục đất từ trong ném ra trúng tôi, đau đến bủn người.

- Nằm xuống! - Anh tôi nhắc nhở.

Nhưng đã chết đâu, tôi chỉ ngồi thôi. Anh đưa tay lần khắp người tôi rồi trở lại chiến đấu. Trong lúc hỗn loạn, có thằng đạp lên đầu tôi mà đi. Gượng đứng dậy, tôi mở trao mấy trái lựu đạn cho anh. Bụp! Bụp! Bụp! Anh thay tôi ném trả.

- Mả cha bây, để yên cho người ta ăn làm! - Người dắt trâu hướng ngọn roi về phía chúng tôi - Anh em, cho lũ quỷ một trận!

Đất cục phóng ra tới tấp. Rõ ràng họ đè bẹp chúng tôi ngay từ phút đầu phản công.

- Chận lại! - Giọng một người đàn bà từ trong nhà chạy ra - Chận lại mà bắt sống mấy chú ơi!

Cả chục người vác đòn xóc tuôn ra ngõ.

- Trung đội, rút! - Lơ hét.

Mấy trái lựu đạn cuối cùng không cản được ai một bước, cứ bụp khống vào sân trống. Anh em tôi tháo lui một đoạn ngắn, gặp Ghè dẫn quân chạy ngược lại.

- Lui! Lui mau! - Ghè lướt qua, hét - Họ chận ngả ra đường cái!

Anh tôi kéo tôi chạy theo Ghè, được mươi bước lại đụng nó quay lui. Họ bít hai đầu, phen này chắc chết tới nơi! Ngay khi ấy, Lơ xuất hiện, rút lựu đạn ném tới tấp, ném ngay cả vào đám quân mình. Rồi Lơ cầm gươm vượt lên mở đường máu. Trong lúc một sống mười chết, cây rơm nhà thằng Lé bùng cháy. Lửa từ chân leo tới ngọn tỏa bùng ra.

- Cứu với bà con ơi!

- Cháy! Cháy!

Giọng đàn bà con trẻ kêu la. Tôi níu cứng thắt lưng anh tôi. Đám thợ gặt vác đòn xóc lố nhố chạy trở lại sân.

- Nước! Nước cho với! - Họ vừa gào vừa xông vào cây rơm, vung đòn xóc đập túi bụi.

Chúng tôi thừa cơ thoát được ra đường cái. Về tới đầu xóm không còn sức để chạy nữa, tả tơi một lũ dưới ánh trăng nhợt nhạt.

7.

Sáng hôm sau, người xóm Nhất ùa vào xóm tôi, ghé lại từng nhà kể vắn tắt sự việc đêm qua và yêu cầu cha mẹ phải dạy dỗ con em lại. Họ không quên mang theo làm bằng những súng và những trái lựu đạn chúng tôi vương vải trên đường tháo chạy. Có nhà xin lỗi. Có nhà ởm ờ cho qua chuyện. Có nhà đôi co sừng sộ. Đám đàn bà con gái xóm Nhất đứng ngoài ngõ từng nhà chửi vu vơ. Mả cha bây! Mả mẹ bây! - Cứ thế, rả rích đay nghiến - Đẻ con mà không biết dạy! nay bây đốt rơm, mai đốt nhà, mốt cướp của, kia giết người,

Tây với Việt gian cũng không bằng! Nghe đến đó, mẹ tôi ứa nước mắt. Bà không hỏi anh em tôi một câu, nhưng qua ánh mắt, tôi biết mẹ đã rõ tất cả. Mẹ Ụt, mẹ Ịt, mẹ Thoáng qua nhà mẹ Lơ, hiệp sức chửi trả, thu hút đám dàn bà con gái xóm Nhất tập trung lại và rống riết còn hơn nữa. Trận đấu khẩu cứ lan rộng, kéo dài đến trưa, ba bốn người đàn ông tức khí nhập cuộc... Bác tôi phải đứng ra xin lỗi xóm Nhất. Chị Út và anh Tú đã lớn cả, không ai nghi nhà bác có con nhỏ sung vào đội quân ma quỉ ấy.

Thế mà ba hôm sau thằng Lơ ra lệnh làm lễ chiến thắng!

Hồi Tây đốt làng, nhà to nhất là nhà ông Bộc ở cuối xóm tôi. Có con ở Sàigòn, ông bỏ quê đi luôn. Nhà xây vôi lợp tranh, bây giờ bốn vách ám khói trơ vơ giữa vườn hoang. Thoáng chọn nơi ấy và lệnh cho chúng tôi xế trưa tập họp tại đó. Anh em tôi đến hơi trễ do mẹ tôi không muốn cho đi. Một lá cờ treo sát vách hồi. Tôi không biết Lơ moi đâu ra tấm khăn điều ấy, còn cách treo, nó bắt chước trong mấy lần làm lễ của người lớn. Chúng tôi ngồi ở gian giữa, trong bóng im vách nhà đổ xuống, bên trên một mảng trời xanh tít. Lơ đứng trước, áo bỏ trong quần, cứ nói mãi phe ta chiến thắng. Nó nói thằng Lé là Việt gian, anh Lé là phản động, cha Lé là tay sai bán nước... Càng nghe Lơ nói tôi càng không hiểu nhưng lại phấn tấn theo đà hăng say của nó. Kết thúc buổi lễ, không có cái ăn, Lơ hát và chúng tôi hát theo. Nói cho đúng, chúng tôi gào và ôm nhau nhảy loạn xạ. Ụt không ưa trò vớ vẩn ấy. bỏ đi qua vườn nhà bà Bìm. Khi chúng tôi thấm mệt, Ụt trở về, trần trụi, áo túm làm bao chứa vật gì mang trên vai. Ớt! - Chúng tôi xúm lại, mở ra và reo lên. Chừng nửa rổ ớt đỏ au và một túm muối gói trong lá bàng. Dùng cật tre bổ đôi từng trái ớt, sú muối vào, chúng tôi ngồi thành vòng tròn và rải đều khẩu phần trước mặt. Các "cán" ăn trước, nhai rau ráu, chúng tôi vội làm theo. cay xé miệng. Ban đầu chúng tôi ra sức nín và ngốn tới tấp. Bỗng một đứa dám hít hà, tháo bỏ cái gan anh hùng cóc, chúng tôi đua nhau hít hà thả cửa, nhảy cà tưng từ nhà ra vườn. Ông Bộc đi không mang cái bể vôi theo được, mùa mưa nước đầy, bây giờ còn lại phần ba đặc rền cung quăng. Khô cháy cả người, chúng tôi chùi đầu vào uống như một đàn khỉ. Bụng trương phình, một cử động nhỏ cũng nghe đau tức, đứa tựa lưng vào vách lờ đờ mắt, đứa nằm lăn ra đất nôn thốc tháo.

Từ bể nước, tôi bò theo anh tôi đến hiên thì kiệt sức. Há hốc miệng, tôi thở hắt từng hơi nóng bỏng môi lợi, mắt hoa lên. Trong cơn tỉnh mê giật thót, trước mắt tôi hiển hiện cây rơm nhà thằng Lé đỏ rực. Tự dưng tôi hiểu lối đánh xáp lá cà của Ụt là thế nào...

8.

Nội tôi có năm người con - ba trai hai gái, cha tôi con út. Nghe nói cô Nhàn thuở còn con gái đẹp nhất làng, đẹp đến nỗi xinh như cô Thao dôi lần phải bật khóc vì tủi phận. Dượng Huyên là con đầu của ông Bộ, dòng dõi khoa

bảng, làm việc ở phố. Một bữa về thăm nhà, ngang qua ngõ nội tôi, dượng phải lòng cô Nhàn. Nội tôi nhận cau trầu nhà ông Bộ năm cô Nhàn mười sáu tuổi, hai năm sau, đám cưới. Cô tôi nếu quả là người đẹp nhất thì cũng gàn bướng nhất làng. Ai đời cô về nhà chồng mang luôn em theo. Cha tôi được học hành do công lao của cô dượng. Chị hóa ra mẹ và anh hóa ra thầy, ơn nghĩa này cha tôi giữ mãi cho đến lúc chết.

Cách mạng mùa Thu, dượng Huyên đưa gia đình về quê trước cha tôi mấy ngày rồi cùng ba người con lớn lên ngay chiến khu. Cô Nhàn và hai con gái cất tạm một ngôi nhà trên đất sát vườn nhà dì tôi - mẹ Lơ. Tuy về quê, gia đình cô chưa từ bỏ phong cách thị thành, các chị còn quần là áo lụa. Trước nhà có hàng mía thanh diệu tốt tươi và một con chó bẹc-ghê mang từ phố theo. Thường ngày qua lại, hàng mía hấp dẫn Lơ nhưng con chó là một trở lực đáng gờm. Đã mấy lần vào thử nhưng không qua được tai mắt con bẹc-ghê, Lơ đâm hận. Nhân bữa chúng tôi quần tụ trong chuồng trâu nhà nó, Lơ nói cho cả bọn nghe nhà con mẹ Nhàn ác ôn. Tôi chỉ hiểu ác còn ôn thì mù tịt. Nhưng qua bộ dạng của Lơ, tôi tin nhà này không tốt.

- Phải tiêu diệt chúng và con chó Tây - Lơ xướng và chúng tôi đồng thanh hô khẩu hiệu.

Ngay đêm đó, Lơ lệnh cho bốn tiểu đội (không đủ quân số) bao vây nhà con mẹ Nhàn. Chúng tôi xuất phát từ chuồng trâu nhà Lơ, chui qua bờ rào là đến vườn con mẹ Nhàn ác ôn. Tới được đám khoai, chúng tôi nằm im xuống lòng rãnh. Đợi mãi chẳng thấy gì, tôi nhìn vào nhà, người khá đông, lâu lâu còn vang ra tiếng nói cười rôm rả.

- Em đái có được không? - Tôi hỏi khẽ vào tai anh tôi.

- Đái đi! - Anh cho phép - Nhè nhẹ chớ!

Tôi tháo ngay trong quần, đã cố hết sức vẫn phát ra tiêng nước râm ri và mùi khai nừng nực. Chó sủa, tôi nín ngay. Bụp! Lựu đạn phe ta. Bụp! Con bẹc-ghê lồng lộn. Chị Chi xách đèn theo anh Tú bước ra hiên.

- Ai? Ai ngoài đó? - Anh gắt.

Con bẹc-ghê phóng tới hàng mía rồi giật lùi, điên tiết gầm gừ.

- Bọn trộm? - Chị Chi tỏ vẻ hồ nghi. Anh Tú lao ra vườn.

- Rút! - Tôi nghe giọng Lơ và chỉ chờ có thế.

Anh tôi băng qua đám khoai, lẩn hẳn vào bóng tối. Tôi theo một đoạn thì trượt ngã, lăn mấy vòng, với được bờ rào. Mừng quá, tôi chui đại tới, đầu lọt nhưng vai không qua. Tôi xoay trở, có cái gì ngáng cứng cổ. Rồi ai chụp vào lưng kéo lên nhưng tôi không đứng thẳng được.

- Một thằng mắc vào đây rồi - Anh Tú reo thật to.

Ánh đèn đi dần tới. Người ta gỡ tôi ra khỏi bờ rào, lôi hẳn vào sân, đẩy hẳn vào nhà.

- Ối, con cậu Hổ! - Chị Kim phát hiện ra tôi trước nhất.

Cả nhà đứng bao quanh, tôi im lặng cúi mặt. Họ đang nhìn ngắm một tên lính bảy tuổi, vai mang hai đại liên, lưng cài sáu quả lựu đạn với một dao găm,

hai tay ghì cứng khẩu tiểu liên đầy ắp đạn. Anh Tú khịt mũi như ngửi phải mùi xú uế. Tôi ngẩng mặt lên, hai mắt nóng bừng. Chị Chi cúi xuống và phát hiện một bàn chân tôi có máu rồi cau mặt không hiểu vì sao đũng quần tôi ướt đẫm. Anh Tú phanh áo tôi và từ đó không biết bao nhiêu thương tích trên người lộ ra. Anh tướt lấy vũ khí nhưng tôi chống lại, cô tôi ra hiệu cứ để yên. Chị Chi ẵm tôi ra ảng nước rửa ráy cho rồi trở lại đặt ngồi lên ghế đẩu, xức thuốc các vết sướt cho tôi, rát đến điếng người nhưng tôi không khóc. Chị Kim cho uống nước tôi gạt phăng. Chị Chi đưa bánh ra tôi quay mặt. Ai hỏi gì tôi cũng không nói. Tôi nhớ lời anh tôi dặn và cứ đưa mắt tìm lối thoát. Cô tôi ngồi im lặng một lúc rồi đuổi tất cả ra xa. Anh Tú đưa cao đèn săm soi tôi lại một lần nữa. Và khi biết chắc thằng oắt này là em mình, anh khinh khỉnh bỏ ra về.

Còn lại hai cô cháu, bà đưa tay vuốt tóc tôi, cài nút áo lại cho tôi. Bàn tay dịu hiền của cô tưới tắt lửa hận trong tôi. Bà đưa bánh, tôi cầm lấy. Rồi tôi ăn và uống lúc nào không hay, tự nhiên như ở nhà mình.

- Thằng Lơ nó nói nhà cô ác ôn - Cô không hỏi, đã đến lúc tôi nói - Thằng Lơ thằng Thoáng nó nói phải tiêu diệt nhà này và con chó. Diệt xong rồi chúng bây ăn mía thỏa thích.

-Có bao nhiêu đứa nghe hắn? - Cô hỏi.

- Nhiều lắm! - Tôi bắt đầu tỉ tê - Thằng Ụt con ông Bô, thằng Ịt con ông Sô, thằng Bòn con ông Lít, thằng Ghè con bà To, thằng Thò cháu bà Thộn,... - Tôi nhất quyết không kể tên anh tôi.

Cô đưa tôi vào giường ngủ. Tôi cởi hết súng đạn giao cho bà.

9.

Buổi sáng, cô cho tôi ăn cháo với cá bống kho khô, trả lại đủ các thứ, chặt cho một cây mía dài nhất đám, đích thân cô đưa tôi về nhà. Tôi không dám vào ngay, đi lơ ngơ ngoài sân. Giàn mướp sáng nay trổ hoa vàng ánh. Trong nắng sớm như có pha tí sắc hồng, đàn gà con ríu rít ngang qua theo mẹ kiếm ăn. Anh tôi lánh mặt lẻn ra hiên, gọi tôi lại. Cả hai áp sát tai vào vách.

Cô Nhàn và mẹ tôi ngồi nói chuyện trên chõng tre, lâu lâu tôi nghe tiếng hai bà cười dòn dã.

- Cũng bởi cái đuôi để lại đó thôi! - Giọng mẹ tôi.
- Đuôi nào?
- Cái đuôi của chú Ớt ấy mà!
- Thế...? - Tôi đoán chừng mẹ tôi bất chợt đưa tay lên ra hiệu cô nó khẽ.
- Không bao giờ về nữa - Mẹ tôi hạ thấp giọng - Chú ấy đã hy sinh.

Anh em tôi nhìn nhau, im lặng chờ đợi cô và mẹ tôi tiếp tục câu chuyện, nhưng có nghe gì nữa đâu!

TRẦN DUY PHIÊN
(Kontum 20.7.93)

PHẠM CÔNG THIỆN

thơ cho nguyễn du

Năm tàn nằm mớ Nguyễn Du
Kiều trôi đâu mất la phù dặm khơi
Cuốc kêu bảng lảng tháp hời
Nhắc tên người cũ rã rời cuối năm

vài câu thơ thẩn cho hồ xuân hương

I.
Có người thì lại phải có ta
Có ta thì ắt là có ma
Có ma thì mới có Phật ra
Thánh hiền ngơ ngác cõi Sa Hà

II.
Phật là huỳnh mộng ma cũng không
Ta thực chỉ là trăm hoang trống
Thánh hiền lận đận như dê ngỗng
Thiên địa du du thân huyễn mộng

III.
Một sợi lông nâu trong buồng tắm
Mơ màng tôi ngó cõi xa xăm
Từng hạt dương chi rơi chầm chậm
Đọng mướt phù dung bụp nẩy mầm

PHẠM CÔNG THIỆN

NGUYỄN TẤT NHIÊN

minh khúc, 89

ví dù lá đỏ đường xưa
ngoài hiên những nụ tình chưa muốn tàn

ví dù tóc gọi thời gian
ngàn mây phiêu lãng cũng cần suối sông

ví dù gối đã lìa chăn
thì chăn gối cũng bao lần với nhau

ví dù trước đã lìa sau
thì sau trước trước sau vẫn là
ai gieo tiếng dữ rồi ra
lược gương nhau nhé tình ta với mình!
(Westminster, CA 14/7/89)

minh khúc 2

khi mà, dòng đã xa sông
thì trăng vẫn chiếu buồn trong tháng ngày

khi mà, chim đã xa bay
thì cây vẫn trái tình hoài trông mong

khi mà, mồ cỏ thu đông
thì xuân xanh vẫn phượng hồng hè xưa

khi mà, lạnh bếp tàn tro
me long lanh lá rừng chưa hết ngàn

đường duy tân, chợ bến thành
chân ai thả bộ còn in khóe cười
đời quên sao có ngậm ngùi
đời nhớ sao lại có người cố quên?
(Westminster, CA 19/7/89)

NGUYỄN TẤT NHIÊN

ĐỖ QUYÊN

tình trai

"Tương tư lọ phải là trai gái"
(Trần Tế Xương)

I

Văn thất nghiệp một tuần nay. "Tốt nhất lúc này là bán xe đi, ở nhà ăn lương thất nghiệp mà làm báo và viết lách lăng nhăng... Phải làm thay Lệ! Chả gì hắn cũng đã gánh hơn hai năm nay rồi!" Văn tâm tâm niệm niệm.

Đoạn điểm sách ngắn ngủn trên một tờ báo Việt ngữ ở Canada bỗng như nhát dao lách vào kế hoạch đó của Văn. Văn chưa rút nhát dao đó ra và chưa hình dung nó sẽ để lại di chứng ra sao trong những ngày tiếp của đời mình. Số là ở đó có nói lần đầu tiên trên văn đàn trong nước, một nhà phê bình văn học tầm cỡ "cây đa, cây đề" trong tập hồi ký vừa ra lò đã tiết lộ những đêm *tình trai* của ông với một họa sĩ, cũng lứa "cây đa, cây đề" và đã mất dăm năm trước. Hai chữ "Tình Trai" này có lẽ là di sản của ông họa sĩ, vì đó là tên một bức tranh lập thể của ông. Sinh thời ông phải vẽ "chui" nó và nó chưa bao giờ xuất hiện trong dư luận hội họa chứ chưa nói đến việc tham dự một triển lãm nào. Họa sĩ qua đời được vài năm thì có chuyện "cởi trói" của văn nghệ nước nhà. Người ta thấy ông phê bình văn học lôi bức tranh từ gác xép xuống. Nó được bảo quản như thể sắp xuống tàu thủy để đến Louvre! Cũng xôn xao một góc làng nghệ thuật dạo ấy. Bức họa có chữ ký, lại không đề năm vẽ - điều trái với thông lệ của tác giả. Mấy ông phê bình hội họa đã rủ nhau ngồi lại, vậy mà mãi vẫn không lần ra xem bức vẽ được ra đời ở thời kỳ thứ mấy trong bốn thời kỳ sáng tác của họa sĩ quá cố; tới khi vò rượu cuối cùng sắp cạn, một ông phủi quần, nói: "Chính *Tình Trai* lập nên một thời kỳ sáng tác riêng cho thằng cha này!"

Dạo đó Văn có mặt đến cả một buổi tối dưới bức tranh nhân dịp phải đi tháp tùng một người bạn đến tán tỉnh cô con gái nhà ấy. Để đỡ vô duyên, Văn nhìn lên bức tranh. Cô chủ nhà điểm xuyết vài lời về dư luận đang bao quanh nó. Hết buổi Văn không thể tìm thấy *tình* ở đâu trên đó, mà *trai* thì lại càng không thấy nốt! Chỉ một miếng vải xù xì, loạn xị những ô màu và các hình tròn, tam giác... À, còn có cả một cây cột điện nhỏ xíu, sắp đổ ở góc tranh.

Thoáng thế mà đã sáu năm! Từ buổi tối đó...

Cơ thể tinh thần của người mình ở trong nước đang được thoát dần khỏi các miếng vải phế phẩm và vô lý che phủ nó. Cái mảng *đồng tính luyến ái* là một ví dụ... Bốn chữ này, với đầy đủ ý nghĩa khoa học, đến tai Văn lần đầu trong một buổi học ở trường tiếng Anh ban tối; dạo đó anh còn là sinh viên năm thứ tư. Giáo viên là một ông giáo sư già, với cớ cả lớp không có ai làm nghề y nên ông cứ thả sức dày vò ý nghĩa của từ này. Đến nỗi các nữ học viên phải cúi gằm mặt xuống và các nam học viên thì chỉ còn biết mở mắt chữ O mồm chữ A ra mà nghe!

Cả giờ học còn lại Văn không nghe nổi câu nào. Anh đỏ mặt. Anh run run hai đầu gối, hai tay, chỉ sợ có ai đi từ ruột anh ra lúc ấy... Có mấy lúc anh cúi xuống, khẽ tách hai chân ra và dòm trộm xuống phía "nó" một cái! Rồi hốt hoảng ngó lên ông giáo sư đang vừa ho, vừa giảng Jac London...

Phải, đã có tới hai lần trong thiếu thời Văn băng qua vùng đất trắng đó...

II

Mười ba, mười bốn tuổi Văn đã "như Tây" ở cái khoản râu, lông lá... trổ lên xanh rì! Chạy rông suốt ngày da cậu bé vẫn trắng hồng, dáng mảnh khảnh lại nhỏ xương, vai xuôi trông xa cậu như thiếu nữ.

Khu tập thể ấy có dãy nhà đại tiện tít ngoài mé hồ. Song song với các buồng đại tiện là khu chăn nuôi lợn của văn phòng Bộ G., xa khu nhà ở đến hơn 200 mét! Với người lớn quả là sự tra tấn, nhưng quãng đường dài đó với bọn trẻ thực là thiên đường: thoát khỏi sự kiểm soát của cha, mẹ, anh, chị... với lý do vô cùng chính đáng! Ở Văn, cậu có lý do khác hẳn: ra chơi với "cô" Teng. Teng là tên một người, trước là bộ đội đặc công, chuyển ngành về Bộ này, phụ trách trại chăn nuôi của cơ quan văn phòng. Vì "cô" bận nữ phục nên người ta cứ gọi là "cô". Mà "cô" cũng thích thế. Không ai dám động đến "cái ấy" của "cô", trừ anh trưởng phòng y tế, trong một cuộc họp nghiêm túc, đến lúc cần đã quên và nói: "Đồng chí Teng cũng có "cái ấy" như của mỗi anh em chúng ta". Không ai muốn nhắc lại chuyện vì không ai muốn bị què một cẳng như anh sau câu phát biểu đó! Kỳ thực Văn chẳng thể biết nổi "cuộc tình đơn phương" này vốn đã có từ lâu. Trước cả những ván cờ. "Cô" mua gạo hộ vì "cô" có thẻ thương binh. "Cô" vẽ các hình động vật cho Văn... Rồi cuộc tình tan vỡ. Nhanh và âm thầm như nhiều mối tình đầu. Sau một ván cờ...

Văn day day răng lên cặp môi đỏ chót. "Cô" Teng để cậu với ván cờ tàn, đi ra ngó đàn lợn, rồi vào bếp rít thuốc khiến ruồi, muỗi bay vù vù... Trở ra, "cô" lại phía sau lưng Văn. Bàn tay với mỗi ngón tay gân guốc như một khúc gỗ cháy khẽ vén cái áo may-ô đẫm mồ hôi. Với chiếc khăn bông, "cô" lau mồ hôi trên cái lưng nho nhỏ, mượt mà. Rồi tay "cô", thay chiếc khăn, xoa xoa...

- Buồn cháu... "Cô"! - Văn nói như cho mình nghe...

Văn kéo con pháo về ba nước. "Cô" Teng một tay với ra đẩy con xe của mình về hết bàn, tay kia trượt xuống dương vật của cậu bé, xoa lấy xoa để...

- Cháu không chơi thế đâu!... Mất xừ nó con tốt rồi!

Đi tiếp được hai nước, ván cờ thua hai năm rõ mười đã làm cậu sực nhớ ra cái câu... Cái câu mà tụi trẻ con thường nói nhỏ: "Bà" Teng bị "quái thai" đấy!" Nghĩ thế, cậu sợ. Cậu lấy tay giữ tay "cô" Teng lại. Bàn tay cậu đặt lên bàn tay "cô" như chú chim sẻ đậu lên đống than. Văn bắt đầu nghĩ được rằng đây không giống như "các trò nghịch dái" thông thường của bọn con trai với nhau. Là cái gì thì cậu đâu hiểu! Nên cậu vẫn sợ. Và càng sợ khi cả bộ ngực nặng, rắn như tấm bêtông ép lên lưng cậu, khi cậu cảm thấy, ở phía dưới, dương vật kéo căng trong chiếc quần soóc chật, Văn vùng vẫy:

- Buông ra! Làm người ta đau bỏ mẹ ra...

Cậu bé mếu máo... Có tiếng gậy khua của lão Đoan - lão già độc thân cứ hai, ba giờ chiều lại từng bước một mang bô phân của mình đi đổ...

- Ừ... ừ... "cô" thôi!... Con giai gì mà chưa chi đã khóc. Thế cũng đòi lớn lên đi vào chiến trường! Thế là hôm nay "2-0" nhá?

- Cháu về đây!

Vụ đầu tiên, xảy ra trước đó cũng rất lâu...

Đó là một cái tát nghiến răng, nghiến lợi, hằn trên má cậu ba vết ngón tay. Văn chưa tới bảy tuổi thì phải.

Thằng anh thứ hai mới là kẻ đầu têu. Cậu tên Tiến. Dạo đó, cái nhà ông họa sĩ vừa nói ở trên về Viện Thiết kế của bố cậu để nặn mẫu một biểu tượng dựng trước sân Viện. Chuyện rằng "ông họa sĩ bị ái nam, ái nữ" thì cả miền Bắc đều biết. Tiến chưa biết. Cậu hỏi chú gác cổng:

- Thế là sao chú?

- Là đ'. có thể "chơi nhau" được chứ còn sao! - Chú gác cổng hềnh hệch cười - Nào! Lại đây tao xem "của mày" bằng ngần nào?

Tiến bỏ chạy. Cậu ức. Cậu đã học lớp chín rồi... Cậu tìm gặp ông bác sĩ về hưu, suốt ngày loay hoay với cái kính tuột gọng và tờ báo Nhân Dân trên tay. Ông nổi tiếng trong ngành vì khi còn học trường Y phải thi sáu lần mới đỗ môn Sinh Lý Người.

- Ái nam, ái nữ? - Miệng hỏi mà mắt ông bác sĩ vẫn không rời trang báo - Nguyên tiếng Tây của nó là *Homosexuel*, danh từ chuyên môn của chúng tôi là *Bệnh đồng tính gian dâm*. Bản chất của căn bệnh này là gì?... Thôi, khó giải thích cho cậu lắm! Chờ học hết đại học đã!

"Chờ học hết đại học? Tuần sau ông họa sĩ về rồi còn đếch gì nữa!". Tiến lẩm bẩm khi đi ra xa. Cuối cùng, Văn bị anh nó phân công vào nhà tiểu để rình... Kết quả thu được đúng như đã biết, thêm đó Tiến bị gãy một cái răng cửa khi bố cậu xô cậu ngã, còn Văn thì nhận cái tát như đã nói ở trên.

III

Vợ chồng Văn có chuyện... Trầm trọng nhất kể từ ngày hai người thành vợ chồng, dầu bên ngoài chưa có biểu hiện gì của sóng gió. Kim chấp nhận kế hoạch mới của chồng khi Văn bị mất việc, đã đành cô cũng là một thành viên chủ lực của tờ "Gió Đông" này, tờ báo tự lập đầu tiên của người Việt từ Đông Âu mới xin tị nạn ở Đức sau ngày bức tường Berlin bị đổ. "Anh gầy quá! Chỗ ngón tay bị dập chưa lành. Cứ nghỉ hẳn một năm đi anh! Cái xe thì có *dớp*hai lần rồi. Bán đi là phải!" Ý Kim đã vậy. Đêm qua Văn lại thủng thẳng bảo rằng vẫn cứ đi kiếm việc làm. "Sao đã bán vội xe? Hay mua lại xe ông Hoang đi?" "Ơ kìa, em lại *ở cung bậc cao rồi*"! "Thì *sorry sir*. Nhưng tính sao phải cho người ta biết chứ!" Kim chưa hết bực. "Anh sẽ đi bộ vừa tìm việc, vừa tìm xe luôn: Một việc làm cho cả đời tị nạn! Một cái xe cũng cho cả đời tị nạn!" Vừa nói Văn vừa lần tay vào người vợ, cầu hòa...

Chưa bao giờ chuyện tiền nong, việc làm, xe cộ... trở thành lý do cho những mâu thuẫn ở họ. Nên cả Văn và Kim đều linh cảm ở người kia đang có một ngọn đồi không tên đang lớn dần trong suy tư dưới một màn sương che phủ.

Kim đang băn khoăn ở việc có con của mình...

Trước Văn, Kim đã qua hai cuộc tình của một thiếu nữ và một cuộc tình của một người đàn bà. Nay cô đã quyết định đặt dấu chấm ở Văn. Nói dại miệng chứ nếu có mệnh hệ nào cho tình duyên của họ thì Kim sẽ là người vất vưởng hơn. Cô đẹp không rực rỡ nhưng rất khó quên, cô đẹp lên nhiều nhờ trình độ học thức và khả năng giao thiệp, nội trợ của mình. Điều làm Kim vất vưởng là cao vọng, trăn trở để vượt lên trên cuộc sống bình thường. Cuộc sống đó cô vơ tay trái cũng được, còn một cuộc sống cao hơn thế bằng cả hai tay Kim như vẫn thấy mình đuối. Thanh niên, đàn ông... đủ các cỡ, các tầm có đến cả trăm mà Kim không chọn nổi. Đó là Ở Việt Nam. Tới đây tình hình thê thảm hơn nhiều! Cánh tị nạm mới từ Đông Đức, Tiệp, Nga, Bun... qua đa phần là công nhân; Ở số phần trăm nhỏ trí thức một phần lớn được "bần cùng hóa", nếu không thì cũng kín cả bởi vợ chồng, bồ bịch... ở nhà, ở đây và lại còn ở cả "các nước thứ hai" nữa! Lấy "Kiều" đâu có ổn với Kim: "Kiều sinh viên cũ" thì già đanh, "Kiều thuyền nhân" lại cái mớ ngăn cách xuất xứ, quan niệm... Và Kim vẫn còn "bệnh sỹ khó chữa" của con gái các nhà quyền quí Hà thành xưa, câu mà Kim dị ứng nhất là: "Vớ đại lấy *Kiều* để được ở lại". Còn lấy Tây? Cô xin kính vái cả váy! Cô đã yêu, đã sống hơn một năm với một chàng trai người Hung học cùng trường. Một cuộc tình, một đoạn đời khá

đẹp. Trước là vì nó khiến cô thành thân, sau, Gehart là một người chồng lý tưởng nếu anh ta là người Việt! Đùa mà thật, Kim bảo Gehart ở sân bay khi cô về nước: "Ai đã yêu thơ thì đừng nên sống hẳn ở nước ngoài..." "Và đừng lấy hẳn người nước ngoài!" Gehart chặn lời Kim bằng giọng buồn buồn quen thuộc, cũng bằng tiếng Việt.

Cô thèm cuộc sống gia đình có đủ mặt bố, mặt mẹ và mặt con - một tam giác cơ bản dựng nên hình hài vũ trụ loài người trong quan niệm của cô. "Bố ơi", "Ba ơi", "Cậu ơi"!... - cách gọi nào cô cũng thèm... Bố của Kim là một trí thức được cài vào làm tình báo từ khi ông sang Pháp học. Về nước, ông được bí mật đưa vào Nam - Mẹ Kim cũng không biết các chi tiết về sự sống chết của ông. Nói chung là ông đã hy sinh.

So với ba người tình trước của Kim, Văn thấp hơn nhiều bậc trong mọi thang điểm mà các báo lá cải hay có ở những mục như "Phỏng Vấn Bạn Gái". Anh chỉ cao hơn họ ở vài tính xấu cũng không ra xấu, tốt chưa hẳn là tốt. Giữa đời, Văn có cái vẻ khẳng khái rất đỗi tự nhiên và trào lộng của một kẻ sỹ thất thế. Trong các cuộc tình, khi cần anh giữ vẻ tự tin của một gã đàn ông chả còn gì để mất, cái khinh khỉnh trước các trò ghen tuông tầm phào và cái trễ nải để xây dựng một cuộc sống lứa đôi. Khác hẳn tất cả những người nam giới từng được Kim để mắt vào, Văn có hai đức tính khiến Kim nể và sợ: Một là yêu đến cạn mình nhưng không chịu si. Hai là chân thành: không có gì giả dối còn là giả dối được sau cái nhìn sâu và dài của cặp mắt buồn dìu dịu đó. "Đời anh chỉ được phát một *phiếu nói dối*! Và anh đã trót dùng lúc mẹ sắp mất khi nói rằng mình sắp lấy vợ." Hai năm sống, hoạt động... cùng Kim xác nhận điều đó như một chân lý.

IV

Theo phố to, phố nhỏ của thành phố cổ kính trộn tân kỳ này, xen kẽ giữa hai hãng, xưởng mà Văn vào hỏi việc anh lại nghĩ về một người bạn cùng giới của mình...

Rồi đến lúc bà mẹ Văn không chịu nổi vành đai bạn trai ở đủ tầng lớp, lứa tuổi,,, vây bọc con bà. Bộ trưởng hưu trí: có! Đầu đảng trấn lột: có! Nhưng Bang sẽ là người bà giữ lại khi phải bắc thang lên hỏi ông Giời xem có thể đổi được cả cái đám đực đó để lấy về cho con bà một cô vợ. Hai người chỉ học chung hơn một học kỳ của lớp 10 mà chơi đẹp với nhau như Bá Nha - Tử Kỳ. Đêm giao thừa, ba ngày tết, Noel... không đi cùng thì cũng phải đáo qua nhau í ới vài câu. Cơm chấm cơm mãi cũng chán, họ đã có chương trình tìm bạn gái, tìm vợ cho nhau. "Lọt sàng xuống nia", mẹ Văn khen. Ấy mà rồi Bang vẫn là người cuối cùng cầm tay Văn lúc Văn vào cửa hải quan sân bay Nội Bài để sang Tiệp Khắc.

Văn chưa định nghĩ đến Sơn. Sơn, lý ra, phải ở trang thứ hai, thứ ba trong

cuốn sổ đời hôm nay Văn lật lại. Ác nỗi bức họa lập thể cứ như cái phao câu cá, lập lờ trong Văn... Sơn không ưa trường phái lập thể. Anh là họa sĩ của hoa, các loại hoa - từ hoa rau muống, hoa cứt lợn... trở lên đến các loại hoa cao trọng. "Cái lập dị sẽ làm héo hoa ở tranh của mình". Sơn bảo vậy. Văn không có họa cảm. Chơi với Sơn anh vẫn ù ù cạc cạc trước tranh, tượng. Hai người quen nhau ra sao - điều này đáng được ghi lại thành văn bản.

Đường Đê La Thành thời 82 đã thuộc loại đường đông. Khi Văn lách khỏi hai, ba chiếc xe đạp anh cố ngoái lại cho yên tâm, thì bắt gặp một gương mặt dưới chiếc mũ lá lạ kiểu cũng đang ngoái nhìn về phía anh... Văn toan xuống xe, người kia đã làm chuyện đó trước. Hai người dắt xe lại nhau, từ hai bên đường. Chiếc mũ lá càng gần, khuôn mặt dưới nó càng lạ với Văn.

- Quen... ở đâu rồi nhỉ? - Văn thua anh ta về sự kiên nhẫn.

- Chưa biết.

- Tôi cũng thế.

- Thế thì giờ làm quen: Mai Sơn, họa sĩ đồ họa, giảng viên Cao Đẳng Mỹ Thuật Công Nghiệp Hà Nội.

- Còn tôi là Văn, trường Tổng Hợp.

- Cũng là đồng nghiệp, ở chuyện đi dạy...

Thấy không khí chịu được, Văn không kìm được tính đùa:

- Nghệ sĩ các anh thì dạy nổi ai?

- Ông này được một câu khá!

Họ cùng về nhà Sơn, không xa đấy... Văn thua Sơn nửa giáp tuổi. Thành bạn, không gọi là thân, sơ cũng không phải. Có lần Văn hỏi:

- Hôm đó sao cả anh và em đều xuống xe nhỉ? Đểu thật!

- Nhưng mình đã có ý với cậu từ nhiều lần trên đường. Cậu có bộ mặt thay đổi trạng thái được như các bông hoa. Mặt đàn ông mà như thế là khó kiếm.

Văn và Hoa giận nhau, bỏ nhau rồi làm lành... Có tới ba lần! Quan hệ của họ có một "lý lịch khá cơ bản": thân nhau dạo cùng là lính ở Thượng Đức. Lần cuối cùng họ từ nhau chỉ vì đôi co xem có đúng là Hoa không biết ngày mẹ Văn mất hay không... Hoa thoạt đầu thanh minh: "Mãi về sau mới biết! Cả tuần đó phải về tận Quảng Ninh *tầm* mẹ cho thằng Hải Phụng." Nhưng cái thằng nào thích nói dối thì thôi đi cái tật ba hoa! Hôm dẫn "mẹ thằng Hải Phụng" đến giới thiệu với Văn, Hoa quay sang bảo cô này khi cô thắp xong nén hương:

- Chỉ riêng rẽ vào khu đây, từ nghĩa trang về... Em biết không?... đã có đến 11 xe tang! Thằng bé vừa bơm xe đạp cho anh vừa đếm...

Văn ngồi lặng tới năm phút. Hoa bấn bạn gái, định lủi thì bị chủ nhà chộp cổ tay, hét:

- Mày... Mày cút khỏi đây ngay! Mãi mãi...

... Vào sau cửa nhà mình, Văn muốn ngạt. Kim đang làm cơm giống một cái máy. Những khúc nhạc Trịnh Công Sơn từ phòng khách phả tới như để

dồn mùi mắm tôm nồng nặc ra hết hành lang, cầu thang... Văn treo áo và cả những ý nghĩ sau cùng lên móc: "Có bao nhiêu bạn đọc đã phải đuổi ra khỏi mình các trang truyện ngắn của nhà văn Nguyên Hoa này?"

V.

Đầu và hai chân Văn chưa mệt. Ngược lại, anh có vẻ còn muốn mân mê cái thú mông lung đó để trả thù cho gần hai năm liệt cơ mông, chồn cơ tay trong kho của hãng Quelle ở thành phố. Anh hiểu vợ những lúc này, nhưng anh chưa thấy mình đã làm gì dồn câu chuyện tới giới hạn cho phép. Vả chuyện này, với cả hai, đâu có phải đội đất chui lên! Anh đang lập một thứ ngôn ngữ mới để diễn đạt nó.

Kim xin nghỉ phép. Và hai người, một cách hoàn toàn thư thái, cùng đồng ý rằng Kim sẽ lên Melle giúp hai cô bạn thuê nhà riêng chuyển ra khỏi trại. Thật hệt như cách xử lý cổ điển của một gia đình bá tước nào đó thời Nga hoàng: vợ thì xuống Biển Đen nghỉ với con chó nhỏ, ông bá tước ở lại nhà thu xếp "xì-căng-đan"!

Văn giác ngộ được khá đầy đủ tính cách ngông ngược của mình. Đây là sự thông minh nhất mà anh có quyền tự hào, hơn cả bẩm sinh học toán và làm thơ. Anh chịu chơi với khuyết tật đó, cũng như trẻ con trên năm tuổi khắp các quốc gia vẫn cứ nghịch dao dù biết đau: có lẽ một tia máu hồng rực, vụt phọt ra đã hấp dẫn chúng khi chúng chưa thể hiểu "máu là gì"... Hồi ở lớp 7 chuyên toán, Văn viết trong một bài luận: "Lớn lên em sẽ đoạt giải Nobel để lấy tiền về xây dựng lại Văn Miếu". Sang Tiệp, máu du lịch được hâm nóng, anh viết về Việt Nam cho bạn bè: "Mình dự định từ hôm nay bắt đầu *nhịn* lại để dành cho một ngày vừa đi vừa đái vung vãi dọc khắp các con sông của xứ Nam Mỹ hoang vu". Mới đây, nhân đọc một bài báo nói về lý thuyết của sự chết, Văn phát họa luôn di chúc, có câu: "Trong quan tài kính mà xác tôi bị ban biên tập *Gió Đông* ướp theo sự cố vấn của Ban biên tập *Điểm Báo-Praha*, phía dưới chân tôi muốn đó là tập bản thảo trường ca cuối cùng của tôi". Kim hãi nhất là chuyện: Ngày Văn thành cán bộ giảng dạy khoa toán trường đại học Tổng Hợp, ở trường về anh dán lên tường ngay trước bàn viết tờ giấy bìa có hàng chữ anh viết: "Hoặc là xuất hiện bằng một kiệt tác, hoặc là tự vặn cổ mình - Honoré de Balzac". Và không biết mẹ mình đang đứng phía sau. Mẹ anh tủm tỉm, bảo: "Vẫn còn một khả năng nữa, con ạ: Hoặc là đi lấy vợ!" Tới thời điểm nào không rõ, Văn phác họa một cuộc sống độc thân cho mình. Hai năm ở Praha, ý chừng để "xuất hiện bằng một kiệt tác", Văn quyết định không yêu ai cũng như không để ai yêu, Tây lẫn ta. Vở tình của anh tới lúc đó, trang tỏ trang mờ, cũng đủ kín. Ngọc, cô người yêu coi như để cưới hỏi Văn còn trong nước, có kết hợp công tác tới Praha dự định cưới anh, và rồi cô chỉ hoàn thành được việc công! Gặp được người phụ nữ như Kim, yêu được Kim, được Kim yêu, thành một người chồng - mọi

cái đó Văn thường ví như một câu thơ mà thi sĩ lơ đễnh viết thêm vào, làm cho cả bài thơ dở trở nên có thần. Vậy mà, không ít khi, anh chưa tin cái thần đó đang hàng ngày ở bên anh từ hai năm nay. Anh chỉ đam mê đi tìm những cái không có hoặc chưa thể có, còn những cái có anh không tin sự có của nó. Nếu không kể đường tình duyên thì, quả thực, Văn chẳng may mắn gì khi phải chạy sang đây. Ở Tiệp vừa có thể làm báo, vừa làm cho xong luận án tiến sĩ. Mãi một năm sau khi Văn đi, ở đó mới ban hành luật tị nạn. Từ lâu Văn đã quan hệ với những người "Hiến Chương 77", nhờ đó sau khi chế độ Cộng Sản ở Tiệp Khắc không còn, từ căn phòng của Văn tờ "Điểm Báo-Praha" đã xuất hiện trong sự ngưỡng mộ của khối người Việt ở cả Đông và Tây âu. Làm được bốn số, nhờ có người mật báo, Văn đã kịp thoát khỏi vụ vu khống buôn lậu để người ta lấy cớ bắt anh về nước.

VI

Buổi đầu nhìn tập ảnh bạn bè, Kim thích thú, rủ rỉ vào tai chồng:

- Rồi em sẽ nhớ kỹ từng người cho anh xem!

Chả cứ Kim, một người vợ đần nhất cũng hoàn thành được nhiệm vụ đó. Nhưng cái hồn trong các tình bạn ở Văn Kim chưa bắt được.

Mới sang đây ba năm, sơ sơ đã có thêm 40 địa chỉ vào sổ riêng của Văn. Cố nhiên công việc của một thư ký tòa soạn báo cũng dự phần ở sự gia tăng đó. Anh để ý từng sở thích, tính tình của mỗi người cùng làm "Gió Đông". Kim hiểu. Nếu chỉ đến Đức để năm ngày tới hãng, hai ngày cuối tuần nằm nhà thì cô đã không được gặp Văn. Trong cả nhóm, người Văn mến nhất là Lệ, người Văn phục nhất là Cương. Đâu phải vì họ là chủ bút, chủ nhiệm! Chủ với tớ quái gì vài cái thằng đến nhà người ta ăn chực, nằm chờ, bị xua đuổi hơn hủi! Cũng là có danh thế để dễ đối ngoại.

Cương hãnh diện lắm vì làng Quê Vĩ Dạ nổi danh trong thơ Hàn Mặc Tử dù anh chẳng viết lách, thơ thẩn gì. Được cái anh có cái đầu nhớ dai và cái lưỡi ngọt lịm. Qũy của tờ báo lớn lên, ấy là nhờ sự chăm sóc thường trực, gần như ngày đêm của anh. Tính Cương tếu táo và lỳ, người nào anh biết, Đức cũng như Việt, mà chưa có ủng hộ tài chánh cho báo của anh là khốn với anh!

Không ai cơ cực như Lệ. Sống độc thân, ăn trợ cấp xã hội (ngày hai gói cơm nấu sẵn và 80 đồng hàng tháng) và phải "độc quyền" khâu biên tập kiêm đánh bài hai năm nay trên các thế hệ máy chữ có từ 1945. Nay báo đã tậu được computer nhưng anh học sử dụng không nổi. Kim hay hỏi: "Em chưa hiểu ông Lệ của anh! Phải có lý tưởng gì đó mới kiên tâm như vậy được". Văn quả quyết: "Dạo làm phiên dịch ở Đông Đức, ông ấy ăn nhầm phải một cục phóng xạ lính Nga mang ra chợ bán, thành thử si mê làm báo như vậy!"

Ở đây đa phần bạn mới của Văn chỉ là qua thư giao. Càng làm anh tưởng tượng, gán cho họ những đức tính mà họ còn phải phấn đấu không mệt mỏi để có được. Nên cũng hời tủi, trách cứ. Linh ở Nga, hay có bình luận cho báo.

Rồi thành anh em kết nghĩa với Văn. Mất tăm hơi Linh suốt sáu tháng, Văn đánh cả điện sang. Nhận được thiệp báo cưới từ Ba Lan với một cô bé bản xứ và tờ thư ngắn nói sẽ "thôi hẳn cái trò báo chí *dã tràng xe cát*", Văn vò cả hai vứt vào sọt rác và còn hậm hực: "Nếu không sợ làm tắc toilette thì..." Kim ngăn không kịp, cô bảo chồng: "Trong cái gọi là đa nguyên nó có cả một ***nguyên*** là: không chơi với nhau nữa!" Chưa tha Văn chuyện này, cô vẫn hay để bút danh ghép mà Linh và Văn chọn hôm "kết nghĩa anh em qua điện thoại" dưới các bài cô viết.

Khi làm thơ, vì một lý do lịch sử sâu xa, Văn sử dụng bút danh có phần nào nữ tính. Chất nữ trong thơ anh, ít thôi, nhưng tùy chủ đề cũng đã có những "thời kỳ động đực" đưa tới chỗ nhiều bạn đọc bé cái nhầm! Có hai người bạn bây giờ, thoạt đầu đến với Văn là vì thế.

"Gió Đông" hiu hiu thế cũng làm được ba lần hội thảo, họp báo... Đó là các lần thăng hoa của hồn Văn. Sau mỗi buổi hội họp, tối về, anh nằm nhớ đám bạn ở trong nước. Buồn cười nhất là Văn có tật hay so sánh một ai đó ở hải ngoại với một người bạn cũ trong nước của mình... Năm ngoái, có ông nhà thơ bên Hà Lan sang. Đã ngoài sáu mươi mà ông còn nhiều hào khí. Kim chưa kịp hỏi xem ông này giống ai ở quốc nội thì Văn dơ ngón tay trỏ lên dứ dứ, ý nói chén chú chén anh được... Trở về nhà sau dăm hôm, ông lâm bệnh cũ qua đời. Được tin muộn, Văn vẫn bỏ việc, đi lậu sang Hà Lan... Quay về Đức, trong hai ngày Văn viết xong "Ly Cảm" - một trường ca ngót chín trăm câu, 6 chương. Lời đề từ cho nó như sau: "Một người bạn tốt là một người không chim vợ của bạn mình khi bạn mình đang lâm nạn". Ông nhà thơ khuất núi của Văn phát ra cây này hôm ngồi ở nhà Văn nhắm rượu, lúc cả hai sắp xỉu. "Câu nghe như của ai đó chứ đâu của bác". "Em giỏi! Đất nước trông cậy được... Cộng đồng trông cậy được..." Ông kéo dài từng câu, chữ, oang oang giọng của các ông đồ Bắc Kỳ di cư. *"Người tù khổ sai Papillon"* có cái câu đó, các em ạ! Các em chưa biết đến chữ *tù* thời cứ làm thơ đi... Ta đã hết thơ rồi! Ta hết thơ từ dạo ấy... Ta sắp hết rượu rồi! Ta hết rượu từ ngày mai..." Kim hoảng. Cô nhìn chồng. Văn còn mải nhìn về đâu đó... Rất xa...

Văn đang xem lại *"Ly Cảm"*... "Chưa hẳn thế đâu, bác!" - Anh thầm thì - "Đài Hà Nội vừa đưa tin giáo sư M.D.C., một nhà toán học nổi tiếng đối với thế giới, đã từ trần. Bác cũng biết chuyện ông ta phải đi cải tạo nhiều năn vì *chống Đảng* khi đưa ra những liên hệ giữa thuyết thông tin-dự báo với học thuyết Mác-Lê. Những năm biệt gia, ông ta như không còn vợ vì bà này đã ở với người bạn chí thân của ông, trong biệt thự của ông. Hai người đàn ông đó từng đánh bạn với nhau từ thời Tây. Và họ vẫn là bạn cho đến nay - cho đến khi một người chết. Thưa bác, có chuyện thực như thế!"

Còn một phản ví dụ khác với lời đề từ của bản trường ca, người bạn vong niên của Văn chưa chắc đã biết vì nó mới chỉ lan truyền trong giới trí thức

xã hội chủ nghĩa miền Bắc. Văn nghe đồn từ khi cậu ra đi làm. Không, không phải là lời đồn đại dân dã: cả ở cửa miệng những người có trọng trách! "Sự tích hai ông, một bà thời nay" kể về cuộc tình của ông bác sĩ giám đốc và ông dược sĩ phó giám đốc bệnh viện K. Về vai trò của người đàn bà, Kinh Thánh dạy: "Sau mỗi một người đàn ông, có một người đàn bà". Ở sự tích mà bạn đọc đang quan tâm, sau hai người đàn ông, có một người đàn bà. Ông bác sĩ và bà sống cùng ba đứa con, ông dược sĩ sống một mình với giọng ca opéra của mình đã bị mất. Hai nhà chỉ cách nhau chừng một điệu valse. Khi các bà đàm tiếu, người thì nói họ ăn chung, kẻ bảo họ ăn riêng trừ các ngày lễ và chủ nhật. Văn, vốn duy tâm hạng nặng, ít để ý đến chuyện ăn uống. Anh bạn họa sĩ đồ họa Mai Sơn bình: "Quan trọng lắm! Xem ở tiếng nước nào có động từ *ăn nằm* như tiếng ta chưa?" Các thành viên của thế hệ thứ hai trong đại gia đình đó đều gọi ông dược sĩ là "chú" - một cách gọi phù hợp với hiến pháp Việt Nam hiện hành. Quan trọng là cách cư xử... Một người đứng đắn kể: trước khi du học, tức là trước khi ông bác sĩ cưới bà, hai ông đã là bạn chia nhau từng giọt mực, ngòi bút... trong các lớp học ở vùng tản cư. Một chiều xứ tuyết, ông bác sĩ trở về ký túc xá sau thời gian nằm bệnh viện. Bước vào phòng mình, ông thấy bạn mình đang quỳ xuống đi tất dài cho vợ mình. Khẽ khép cánh cửa, ông bác sĩ trở ra và tìm gọi xe trở lại giường bệnh... Nhưng người đứng đắn đó không cho biết sự việc "đi tất dài" có phải là một sự kiện hay không. Đức đứng đắn của người kể chỉ giới hạn ở tính có thực của sự việc. Giờ chắc cả hai ông còn sống... Cái khó ở các cặp bài trùng là, nói như người Pháp, *"Etre amis à la vie et à la mort" (sống cũng như chết, mãi mãi là bạn).*

Chỉ vài phản ví dụ lấy từ một nước đứng hàng thứ ba của nền văn minh nhân loại nếu tính từ dưới lên, ở cuối thế kỷ 20, cũng đã làm cho Văn thấy phần nào mặt phi nhân bản của giống người. Một mặt, họ triệt để khai thác các tư tưởng, các công trình khoa học, nghệ thuật... của các vĩ nhân để làm giàu cho sự hưởng thụ của mình. Một mặt, họ thờ ơ trong việc tìm kiếm các bí ẩn nhưng rất đời thường mà không một nhân vật lớn nào không có. Không thể đổ vãi trách nhiệm cho tập thể loài người, Văn muốn báng bổ, muốn bỏ tù các sử gia vì sự chậm chân và vô tâm trước nghề nghiệp của họ. Người đọc đâu có thể chịu đựng mãi tính chân thực chưa có phần trăm trong các bản văn làm bằng những kinh nghiệm điền dã!

Học thuyết của hai ông đàn ông (vì ông nào cũng rậm râu sâu mắt!) có tên là Marx và Engels đúng là đã được mổ xẻ tương ứng với đóng góp của nó cho tiến hóa loài người gần hai thế kỷ nay, và sẽ còn về sau. Vậy mà vẫn còn là một dấu hỏi rất cong trước cuộc đời bình thường của họ - cuộc đời ở dước các trang *"Tư Bản"*, nó không thể thiếu những chiếc áo lót sặc mùi hôi, đôi ba cốc cà phê đổ lênh láng... Văn hiểu thế nào đây về cái *"tình bạn vĩ đại và cảm động"*(1) giữa một người đàn ông năng động, hừng hực sinh lực nam tính - mà biểu hiện cụ thể nhất là đã đẻ không biết mệt - với một công tử hào hoa, ít màng chuyện gia đình và luôn nguyện dựa êm ái bên bạn mình "như một cây đàn violon"?

Ngần ngừ, Văn định bỏ lời đề từ khỏi bản trường ca; lại e không phải với người đã khuất. Kỳ thực câu này, có thêm phần đúng đi chăng nữa, chẳng ăn nhập gì lắm với chủ đề chính của bản "Ly Cảm". Giản đơn, nó là lời dăng dối của nhà thơ già văng lại giữa đời lúc ông đi vào trong cõi xa...

VII

Văn không có trong ô nhớ của mình những câu tưởng vu vơ xảy ra tháng trước. Trên bãi đời Văn, nó nhỏ thôi, như một hạt cát. Nhưng là hạt cát đang làm kênh một mặt kính phẳng.

Tháng tháng khâu, đóng, gửi báo... làm ở nhà này. Đây là buổi cho mọi người đến góp công sức, nhưng cái chính là dịp anh em gặp nhau, trò chuyện... Ở hải ngoại, giữa xã hội của người ta mà kiếm được một góc để rồi mình lánh vào, sống cho được là mình, đâu có dễ? Lần ấy Lệ bị lên cơn sốt rét, không tới được.

- Hay là sau này chúng mình lấy tên ông ấy đặt tên con? - Thấy Kim ngáp say sưa, Văn nhắc lại chuyện về Lệ được mọi người bàn suốt cả ngày.

Việc cũng chỉ còn khâu cuối là kiểm tra xem địa chỉ, tem dán... đã đúng chưa, mọi người ai đã về nhà nấy.

- Thời đại mới kiếm đâu được một người "vừa hồng, vừa chuyên" như thế? - Văn tiếp tục.

Kim cười khó nhọc, vươn vai:

- OK thôi! Nhưng đặt tên con của em xong rồi là không đổi được đâu đấy, em chỉ cho anh một đứa thôi!

- Ai lại thế! Hai đi... - văn choàng lấy vợ, âu yếm tứ tung.

- Không mặc cả! Ngoan này, tối tối đấm vai cho "mợ" này... thì "mợ" còn xét... Ái, râu ria gì như đinh ấy!

Kim đẩy chồng ra. Văn xoa xoa cái cằm đã ba hôm chưa chăm sóc được.

- Xồm xoàm thế kia thì cho cả tá hãy còn thèm!... Xem lại hết thùng báo này, em sẽ "cho hai đứa"! Em đi ngủ đây.

Kim thay đồ, bật nhạc, nằm lim dim mắt.

- Kể chuyện gì cho em nghe đi.

- Nhà anh có ông bác họ, bác Cả Hý, có mười hai người con...

- Biết từ lâu rồi! Anh con trai út tên là Tá chứ gì? Ứ thèm nghe nữa.

- À, ừ... Nhưng họ nhà anh có những hai Tá: Anh Tá nhà Cả Hý là Tá nhớn...

- Còn Tá bé con nhà ai?

- Con nhà Văn! Quên rồi à?

- Thế thì lấy sức đâu mà làm báo nữa, hả ông xồm? Cộng Sản An Nam sống dai lắm đấy! À, này... Em bảo: các ông phải bàn xem sao chứ nhà thờ họ sắp không cho *Fotokopie* "chùa" nữa, giá bưu điện lại vọt tăng như thế... Để "Gió Đông" tắt thì em... bỏ ra ở riêng, một mình làm tờ *"Hồi Xứ"!*

- Bravo! "Mợ nó" có ý nhớn đó từ bao giờ? Nhưng "hồi xứ" một mình thì để lại cho "cậu mày" cả tá con à? Hà hà... "Cậu mày" sẽ mang cả lũ đi bán đấu giá... Gute Nacht!(2)

Văn vừa nói, vừa xoa bụng. Anh nhăn mặt, với tay tắt đèn, rồi bê cả thùng báo còn lại đi ra bếp. Bốc xôi nhai nhóp nhép Văn làm tiếp.

Kim giật tỉnh khỏi cơn buồn ngủ. Băng nhạc quay hết mặt làm kêu một tiếng "cục" nghe như phát súng vang giữa đêm vắng. Ngoài kia, tiết trời đang rùng rùng chuyển. Kim thấy ứ ở họng. Cô toan nói một câu nhưng đã thấy bóng tối chao xuống, loang dải lên hết người mình... Cô thiếp vào giấc ngủ khi nước mắt còn sẫm một bên má, níu những mảng tóc cùng nằm bẹp xuống.

VIII

Với Phi Long chưa lần nào Văn có được những lời nhẹ nhõm. Hai người gặp nhau ở tàu điện ngầm, Văn nói như cho người thứ ba nghe:

- Hôm nay là mồng mấy mà tao phải gặp mày lúc này?

Phi Long lại nghênh nghênh cái giọng ồ ồ, nửa Bắc nửa Nam, làm rung cả ba, bốn hột trứng cá trên mặt:

- Hổng có việc chi trao cho Phi Long, chắc anh Văn chạy re rồi?

Văn bị Phi Long lôi đi.

- Tiện dịp anh Văn bao Phi Long "một tối *Frankfurt*" nha? Sẽ gọi thêm thằng khác có xe. Nè, chị Kim "thả" anh Văn đấy! "Không hiểu gì về điện cả"! Đi cho biết thôi, Phi Long hoa tiêu không tồi đâu.

- Tao lạy mày! Nói khẽ thôi con ạ! Để tao yên với.

- Bọn ở trại Uttenreuth mách: Chơi xong, cứ bắt nó viết hóa đơn, gái Thái dễ tính lắm, để có cái mà xin lại thuế lương cuối năm. Thiệt vậy anh? Tức cười thiệt!

Hai người ăn kem. Văn nhìn chăm chú về phía vườn hoa. Đầy nắng. Một người da đen, không rõ thuộc giới tính nào, nằm đọc sách, giữa cả đám người da trắng thư thả, phơi đùi, mông, vai... Anh bật cười. Phi Long ngỡ mình được tán thưởng lại nói như nói khoán:

- Hai tháng rồi, ông bà già hổng có chuyển vàng qua nữa. Kẹt quá! Cả tuần nay Phi Long phải nằm nhà "xoóc lọ". *Scheisse!*(3)

- Coi chừng bệnh đó.

- Anh Văn hổng có ưng thủ dâm?

Rùng mình, Văn nghe hai chữ "thủ dâm" như nghe phải tiếng dao cạo trên nứa.

- Ba Phi Long biểu: để cân bằng thần kinh và sinh lý, đến cả các nhà sư, cha cố cũng ưng dùng thuật thủ dâm. Vừa ngừa bệnh "tắt nghẽn cổ chai" trong quá trình hấp thụ và bài tiết tính dục... Xem phim, coi báo, ảnh... có sex cũng chưa đủ, nhất là với giới mô phạm, các tầng lớp bị kiềm chế... Khó là phải áp dụng thuật này điều độ và thích hợp, nếu không nó sẽ trở thành

chứng bệnh.

- Con lạy bố! Đây, cầm lấy thư này... - Văn ngắt lời, vừa khi cả hai đã đi vào một ngõ hẻm - Đến chỗ "cụ" Lệ nhé? Nếu không "hạ sơn" được "cụ" cùng xuống Frankfurt thì phải ở lại đó mà đánh cho hết bài của số 24! OK? Hồ hởi, phấn khởi lên! Tổ quốc sẽ ghi công! Nghe lại cho thủng: xã luận về Đoàn Viết Hoạt bị 20 năm tù, Bảo Châu sẽ viết; đóng, gởi báo... số 23 sẽ làm ở nhà Thương; xin "sếp" cho nhà tao nghỉ *"Urlaub"*(4) số báo này.

Phi Long, trước là sinh viên nhạc viện Tchaikovski, có tài dùng computer gần bằng tài chơi piano. Nó phải ăn gian một năm mới đủ tuổi xin tị nạn. Từ khi biết nó, Văn đâm ghét thê ghét thảm giới nhạc công, nhạc sĩ, ghét tuốt cả nền âm nhạc Việt Nam cũng như thế giới! Với người như nó, chả phải âm nhạc là tiếng kêu rên của các chứng dâm si là gì? Một lần, ở nhà Văn, nó tồ tồ khai:

- Phi Long không đi tị nạn chính trị như mấy anh, mấy chị; cũng không là tị nạn kinh tế như bọn còn lại. Phi Long chỉ đi tị nạn gái đĩ thôi!

Văn bảo:

- Tất cả thì có gì khác nhau đâu mày: chính trị là gái đĩ đứng đường, kinh tế là gái đĩ nằm nhà!

Còn Kim nói:

- Nếu thế, giúp anh Lệ của tụi chị tự lên khuôn báo được, Phi Long nên về nhà mà chơi bời! Ở đây đã mắc, lại phải xa ba má. Giờ, sài Gòn của Phi Long có thua gì Frankfurt trong ba cái vụ này?

Nhìn theo Phi Long ra về rung rung trên hè phố, Văn hất hàn hỏi Kim:

- "Việt Nam hậu Cộng sản" rồi sẽ thế kia hả em?

Kim vẫn xem tennis trên tivi, lững lờ nói:

- "Đoàn viên, thanh niên ta nói chung là tốt"(5)

"Nó vừa bảo ba nó nói sao nhỉ? Đồng tính luyến ái cũng là một hướng trong các quá trình tiến hóa của loài người, song đó là hướng làm loài người diệt vong. Hừ, tiến hóa theo kiểu diệt vong! Tài thật, tài đến thế là cùng! Tiên sư cái giống người! Cụ Nam Cao có ngồi dậy cũng đành chào thua!" Văn nghĩ, mấy chữ rủa bật lên thành tiếng... Ở trại Baiersdorf, không xa nơi anh đang đi như kẻ vô hồn này, có thằng Ân "bống". Nó nổi tiếng không phải vì "bống" mà vì chuyên làm đầu cho chị em để kiếm tiền. Nó là đồng hương thôn Vĩ Dạ với Cương. "Loại *bống* thường đa tài", Lệ bảo thế và cùng Cương đến nhờ nó vẽ cho cái đầu báo. Mang về, vừa ngó qua Kim đã kêu "Tởm!" và giấu biến đi. Văn nhớ mang máng đó là vô vàn các nét mực Tàu li ti như được phóng ra từ kính hiển vi. Anh không tiếc cái đầu báo, chỉ thương Lệ ngồi nghệt ra. Cương an ủi: "Vứt đi là phải! Bắt tay nó cứ nhờn nhờn là! Thấy mà ghê!".

Văn chấm dứt vụ đầu báo bằng cái vỗ vai Cương: "Bình thường, hình như ở thằng con giai Huế nào cũng có nét "điếm"?". Nay thì Ân "bống" đã

chuyển đi nơi khác, về với "chồng" nó, một thằng bạn cùng từ Bun qua.

"Như xưa..." - Lời Phi Long vẳng lại - "Có loài vượn tiến hóa thành người, có không ít loài vượn bị diệt vong... Đồng tính kuyến ái là một qui luật tự nhiên, thủ dâm cũng là một qui luật tự nhiên". Nhiều thứ oái oăm khác cũng là quy luật tự nhiên... Sao người ta cứ muốn bóc đi chất tự nhiên ở các qui luật mang đặc tính xấu? Cái xấu mà tự nhiên có đẹp hơn cái đẹp phi tự nhiên không? Đâu như tháng trước, tổng thống Clinton còn phải ký sắc lệnh cho phép cả ngàn người đồng tính luyến ái được sống chung trong một đô thị. Nhân bản là đó! Ở Đức này những người như thế đã có quyền hầu tòa khi họ kiện tụng về việc thành hôn với nhau. Đã là Người thì phải được là Người! Ai nói thế nhỉ? Chưa ai nói thì thằng Văn này nói!

Một tiếng sau đã ló ra tòa nhà cũ, trơ trọi - nơi Văn đang thuê ở. Nó có dáng chao chao của tháp nghiêng Galilée đến nỗi Phi Long mỗi khi tới đều vội vã ra về "trước khi nhà đổ"! Hôm nay, nó như đang chạy ra đón một người chủ nhỏ của mình. Người đó sẽ cô độc, đêm nay.

IX.

"Cái thằng đàn ông mà đam mê chúng bạn thái quá lắm khi còn hại hơn những thằng có các tệ trai gái, cờ bạc, đèn thuốc. Kín đáo thế nào thì cái trò chim chuột cũng lộ, còn chứng đam mê bầu bạn, nó làm gia đình như bị mọt xông. Không trị được nó, nếu không trị từ đầu, trị đều đều... Mình có chồng đấy mà như là không chồng. Chồng không phụ bạc mình nhưng không là của mình nữa.

Đại để các điều như thế Kim được bà răn dạy nhiều...

Đã đến lúc người phụ nữ trong Kim muốn được làm mẹ. Đa phần phụ nữ có ý nghĩ làm mẹ, dù lần đầu hay lần sau, khi họ đứng trước gương chứ không hẳn là khi trên giường. Cái thực tại ở đây, trên mặt gương, dễ tạo ra cảm hứng thánh thiện ở con người mà tính làm mẹ là một dây đàn luôn căng nhất trong lòng người phụ nữ. Từ cảm hứng khởi đầu đó, nó đưa đến các hưng phấn về sau trên giường ngủ. Kim không là ngoại lệ. Hai tháng trước, cô nảy ra ý tới lúc cần có con, trong khi xoa bóp thân thể mình trước gương - một thói quen từ nhỏ của cô sau mỗi giấc ngủ dài... Ý nghĩ trào lên khiến Kim ứa lệ. Cô gọi điện thoại, vào nơi Văn đang làm. Và cứ thế nước mắt cô chảy, chảy rất dài và lâu, khi ở đầu máy bên kia người ta cho biết Văn chuyển sang kho khác để làm hết hôm đó.

Trước, Kim còn do dự là bởi cô, và cả Văn, không muốn con mình phải sinh ra từ mảnh đất mà cha mẹ nó phải sống những tháng năm không ra gì. Vài lần Kim vẽ ra những vùng đất con người ở đó ít bị phân biệt hơn. Văn lại rất thực tế trong việc này. Anh khẳng định khi người ta đã bị phân biệt trên chính quê quán mình thì đừng nên hy vọng tìm sự an ổn vĩnh viễn ở vùng đất

khác. Ý nghĩa "ẩn náu", "lánh", "trú"... của chữ "tị nạn" (*Asyl*) là ở chỗ nó có tính tạm thời; Nơi mình ra đi là nơi vĩnh viễn. Văn cũng nhấn mạnh anh không có ý định khái quát hóa quan niệm đó đối với các trường hợp ra đi không vì lý do phân biệt trong quan hệ người-người. Kim không chấp nhận sự định mệnh ở quan niệm đó khi cô chứng minh được rằng việc lựa chọn một nơi sinh sống, dù ở bất kỳ lý do nào, cũng cần xem như sự tìm kiếm một người bạn đời. Sự bất hạnh của con người đã là đủ khi họ không lựa chọn được cha mẹ - người sinh họ ra - và tổ quốc - nơi họ đã được sinh ra. Thường các tranh luận phóng túng như thế chỉ quạt mát cho cuộc sống của đôi vợ chồng son này. Tiếc là son thì có son, nhưng họ không còn trẻ với tuổi làm cha, làm mẹ. Đã tìm thấy sự chuyển màu ở đâu đó trên các mái tóc.

Mặc dù ít khi nó là ý nghĩ của cô, nhưng Kim vẫn sợ cái hư ảnh về người cha của mình - một người mà cô chỉ biết qua các bức ảnh, lời kể; một người đã lặng lẽ đặt vợ con, tiền tài sang bên lề của con đường đời mình. Người đó ắt phải có một lý tưởng rất cao, rất xa. Dù lý tưởng đó có hoang tưởng hay không. Thời nay, loại người đó đã gần hết nếu không bảo là hết hẳn. Tuy vậy, các hậu quả do họ gây ra bằng nguyên nhân này cũng không khác gì các hậu quả mà loại người không lý tưởng (xuất hiện nhiều ở thời nay) gây ra với nguyên nhân khác. Đôi khi, hậu quả (xét ở phần tệ hại) của loại người không lý tưởng còn dễ nhận ra hơn. Văn của Kim không thuộc vào hai loại người ấy. Đó là điều may mắn. Song, Kim lại mường tượng một mình Văn như đã là một loại người, vì cô không biết, trong khoảng giữa của hai loại người vừa nói, nên xếp Văn ở vị trí nào như cô từng xếp những người đàn ông khác.

X

Nắng vẫn cứ nắng. Văn vẫn lạnh. Và anh buồn nôn. Tờ thực đơn Kim chuẩn bị sẵn, cùng các đồ ăn trong cả tuần, nằm lại một mình trên bàn viết của Văn. Phố xá rạo rực, xe, người loang loáng dưới nắng. Những tia nắng đầu mùa thường không kiên nhẫn. Văn thấy trước mắt anh là các phố phường èo oặt Hà Nội của anh. Hiển hiện nhất là những cầu thang gỗ xoắn như ruột gà, là những hành lang chạy rất vô ý tứ qua hàng chục cái giường của hàng chục căn hộ cùng đăng ký hộ khẩu trong căn nhà số lẻ đó ở phố Hàng Đường. Để rồi cuối cùng chúng đưa người ta dừng lại trước một phòng khách cao chót vót, từ đấy có thể nhìn ra được cầu Long Biên. Bức tranh lập thể mà Văn đang cố hiểu nằm ở tường trái phòng khách này.

...Vài tiếng trước, Kim gọi điện từ Nelle về.

- Anh! Em đây... Từ hôm gặp Phi Long đến nay anh ăn uống ra sao? Anh vẫn đi hay ở nhà? Có gì mới không?

- Tương đối, em ạ. Còn em? Sáng sớm mai em về chứ?

- Vâng. Đã kiếm được nhà rồi. Rẻ và rộng hơn nhà mình. Nhưng, eo ôi:

nhìn ra một bãi tha ma! *"Gió Đông"* kéo lên đây họp thì tha hồ mà... thổi! Biết thế cả anh lên cùng em. Không khí thoáng đạt lắm.

-...

- Có thương em không? Có nhớ em không hả? Anh có buồn không?
- Ờ.. Ờ... Có... Thương, nhớ, buồn...
- Anh đã hết buồn chưa?
- Có bao giờ anh hết buồn đâu?
- Không đùa đâu! Bao giờ anh kể cho em?
- Khi nào anh có nỗi buồn khác thay thế. Thật đấy. Anh hứa mà!
- Em chờ.
- Anh cũng chờ...

Lúc này Văn còn lang thang đi, chỉ vì từ mai sẽ khác, không như mười hôm trước. Mười hôm đã xóc cả 38 năm của anh lên.

Tới một lúc không còn để ý cửa hiệu, hãng xưởng, bãi xe... nữa. Văn lơ đãng để cái nhìn đến bảng chỉ tên trước cửa các nhà tư. "Ta cần một bác sĩ phân tâm học... Có lẽ thế? Cỡ dốt bằng nửa Freud cũng tốt". Anh Tiến của Văn, hồi đã sắp lấy vợ, lên thư viện quốc gia chép tay cả quyển *"Phân Tâm Học Tính Dục"* của vị bác sĩ người Áo đó. Bố Văn ngó thấy nó trong nhà, ông bắt Tiến đốt đi vì ông nghe nói đó là sách "đồi trụy".

Tôi không tin là Văn có thể tìm được ở thành phố Nuernberg một bác sĩ phân tâm học trong chiều tối nay. Ở Đức, bây giờ, tìm bác sĩ răng thì mới dễ. Văn không còn nhiều thời gian, dù mùa này ở đây tám, chín giờ tối giời mới cho tắt nắng.

Tháng 4&5.1993 (Để nhớ ngày ba năm đi tị nạn và ÉN hai tuổi).

ĐỖ QUYÊN

Chú thích:

(1) Tên cuốn sách về tiểu sử của Marx và Engels đã được dịch ra tiếng Việt.

(2) Cuốn truyện về Marx, dịch từ tiếng nga sang tiếng Việt, có tên là "Tuổi Trẻ Các Mác". Tên nguyên bản của nó được dịch ra là "Người Đi Đường Không Biết Mỏi",

Tiếng Đức: (2) Chúc ngủ ngon - (3) Cứt (tiếng chửi thề) - (4) Nghỉ phép.

(5) Một câu trong Di Chúc của Hồ Chí Minh.

Tìm Đọc:

Tập truyện ngắn HUY TRÂM

NGÕ HẸP QUANH CO

THỜI ĐIỂM *xuất bản 1994*

TRẦN MẠNH HẢO
bên em

Có phải tôi ngồi trước đại dương
Nhập lòng tôi vào cái vô cùng
Được nghe biển vỗ về ôm ấp
Hạt muối tôi hòa với biển chung?

Có phải tôi ngồi với núi cao
Trời xanh tay ngỡ chạm khi nào
Chao ôi, đỉnh núi nâng tôi mãi
Chợt biết tôi vừa hóa chấm sao?

Có phải tôi ngồi với dòng sông
Lòng trải phù sa mọi cánh đồng
Có phải tôi ngồi ngoài sinh diệt
Cầm nhánh hư vô ngỡ đóa hồng

Đâu phải tôi ngồi trước biển khơi
Núi sông rừng biển, cũng em thôi
Em vừa thu cả càn khôn lại
Để tặng riêng tôi một chỗ ngồi

TRẦN MẠNH HẢO

HUỲNH ĐỨC THOẠI
tờ lịch xuân

Để tôn vinh cái đẹp vĩnh hằng
Thị hiếu chôn em vào trong ảnh
Vô hồn những sắc màu tẻ lạnh
Vay mượn của người em biết không?

Tường vôi lạnh đóng đinh thân phận
Nụ cười xơ cứng dán trên môi
Em hoa hậu số đo lý tưởng
Chuẩn chưa trong xộc xệch cuộc đời

HUỲNH ĐỨC THOẠI
(Đà Lạt)

THƯỜNG QUÁN
còn lại

Còn lại bầu trời
kẻ đến người đi
lang thang vòng vọng
mai trưa đêm tối

cầm tay trơ trọi
ngấn cổ giọng người
mây nổi tăm hơi
mắt vàng Thược Dược

Còn lại nửa đường
màu xanh sập tối
buổi chiều chia đôi
hiên giậu cát lùa

Sao Hôm mới mọc
viền môi biển khơi
tuổi thơ cát xóa
tuổi thơ sóng xóa

Thân cá phơi ngửa
Hải Vân ngực trần
bài ru đen ôi
đẫm khe cát ẩm

Còn lại chỗ nằm
khi về thức dậy
sóng bể hoa Qùy
ngoài ba mươi năm

Gió chạy đường làng
gió chạy mái tôn
liếp phên rách hở
khăn điều trang kệ

Sao Mai tươm tươm

THƯỜNG QUÁN

NGÔ THỊ KIM CÚC

quà tặng

Nàng nghĩ mình có thể giết anh ta. Không còn người yêu nữa mà chỉ là một gã lừa lọc. Không còn tình yêu nữa mà chỉ là sự nhuốc nhơ. Với cả hai thứ ấy, người ta dứt bỏ thật dễ dàng. Mà có gì khó để giết bỏ một con người. Con người mong manh hơn tất cả. Trong phòng thí nghiệm thời sinh viên, nàng đã lột da, cắt cơ, phanh phui lục phủ ngũ tạng của con ếch tội nghiệp và dùng đinh gim giữ chặt. Thế nhưng khi nhìn thấy những cái chân vẫn ngọ ngoạy, trái tim bé xíu vẫn co bóp và máu vẫn chảy trong các huyết quản thì nàng nôn thốc tháo và khóc một cách đau đớn. Và nàng nghĩ tới con người: con người sẽ không bao giờ chịu đựng nổi!

Sáng nay, nàng đã đọc bức thư lúc Trịnh ở trong phòng tắm. Thư kẹp trong quyển sách Trịnh định đưa nàng mượn. *"Anh vô cùng dấu yêu. Suốt cả tuần nay, ngày nào em cũng soi gương thật lâu để biết mình đã thay đổi thế nào. Đã hai tháng rồi em không thấy. Anh vào ngay nhé. Em không biết mình sẽ làm chuyện ngốc nghếch gì đây?"* Lời thư có vẻ vừa van vỉ vừa đe dọa. Nàng nhớ tới cô gái có cặp mắt đong đưa và bộ ngực núi lửa. Nàng đã có lần chạm mặt với cô ta trong căn phòng độc thân của Trịnh nhưng không hề hé môi hỏi anh. Nàng quá kiêu hãnh để tỏ ra bận tâm về bất cứ cô gái nào. Nàng ngắm bức thư. Sao nó lại đặt vào đúng cuốn sách này? Trịnh muốn nàng đọc, nhưng để làm gì? Để tỏ ra không hề giấu diếm nàng? Hay để đỡ phải tốn công giải thích. Với nàng, chỉ cần anh không cần đến nàng nữa, cũng đã quá đủ.

Trả quyển sách về chỗ cũ, nàng ngồi xuống trường kỷ và làm ra vẻ đang nghe nhạc. Lúc Trịnh bước ra, cái nhìn dò xét của anh biến thành thất vọng khi chạm phải bề ngoài thản nhiên của nàng.

- Mai anh phải đi công việc, rất gấp. - Trịnh nói và ngồi xuống bên nàng.

- Em đi với anh nhé? - Nàng hỏi, và đắc chí thấy anh khựng người.

- Vất vả lắm, em đi làm gì. - Anh chấm dứt câu nói bằng cái hôn.

- Tại em cũng không khỏe, nên muốn đi chơi vài hôm. Sao tự dưng em cứ buồn nôn chóng mặt... - Nàng quan sát anh với vẻ hiền lành của một con mèo.

- Có gì... nghiêm trọng không em? - Anh quay sang, nhìn nàng lom lom.

- Nếu nghiêm trọng thì sao... hả anh?

Trịnh đứng lên. Nàng nghĩ: rối trí rồi. Và đột nhiên thấy bùng lên cơn giận. Hẳn nàng đang trở thành gánh nặng của anh. Sự trong trắng, tình yêu đầy cả tin của nàng, lẽ nào với anh chỉ là một trò đùa?

- Em yên tâm. Anh chỉ đi chừng ba hôm.

Trịnh lại phủ lên nàng những cái hôn đầy bối rối, còn nàng nằm yên trong tay anh, tỉnh táo nhận ra anh đã trở nên hoàn toàn xa lạ. Nàng nghĩ đến ngày mai, ở thành phố ấy, anh cũng sẽ ôm cô gái kia như thế. Anh sẽ làm gì cho cô ta? Và lúc ấy, anh có nghĩ đến nàng? Suốt những giờ sau đó, nàng chỉ có mỗi điều ấy trong đầu.

Lúc nàng sắp bước ra cửa, anh đưa quyển sách cho nàng:

- Em còn quên cái này.

- Thôi, em đã mượn được rồi.

Đừng hòng. Anh đừng hòng bắt em thừa nhận cô gái ấy. Với em, cô ta không hề tồn tại. Mặc xác anh với cô ta. Nàng chạy xe, miên man nghĩ ngợi. Lúc nàng định rẽ vào nhà thì vút một cái, một chiếc mô-tô kềnh càng lướt sát mặt nàng, với tiếng cười rú lên của hai gã thanh niên. Nàng chửi vói theo những bộ quần áo thời thượng:

- Đồ chó chết!

*

Đến ngày thứ tư thì nàng không thể chịu đựng nữa. Anh đang làm gì ở cách nàng hàng trăm cây số? Cái thai nọ có thực không? Và liệu cô ta có làm ầm lên để đòi phải cưới? Nàng có thể chia xẻ với ai nỗi não nề đang vò xé lòng mình? Rằng nàng đã thất thân với người mà nàng nghĩ sẽ lấy làm chồng, để rồi giờ đây chợt khám phá mình chỉ là một trong những...

Khi cánh cổng mở ra, nàng ngạc nhiên thấy không phải Trang mà là Trúc, anh cả của Trang.

- Chào em, chiều thứ bảy đẹp trời lại được gặp em.

- Còn anh, không có tiết mục nào đủ hấp dẫn hay sao mà lại ở nhà? - nàng cố tươi tỉnh để đáp lại.

- Tiết mục hay nhất của anh là được thay Trang để tiếp em. Trang có việc phải đi rồi.

- Vậy mà em định rủ Trang đi phố. - Nàng không dấu được sự thất vọng.

- Anh sẽ thay Trang làm việc đó, nếu em đồng ý.

Lần đầu tiên, nàng ngồi vào chiếc Toyota bóng lộn của người đàn ông mà chưa lúc nào nàng nhìn kỹ. Thì ra ông ta rất đẹp. Lịch lãm và sang trọng, với mái tóc chớm bạc, trông ông ta hấp dẫn như một nhân vật trong tiểu thuyết.

Nhất là khi nhân vật ấy đã tốt nghiệp ở Paris và đã ly dị vợ.

Rốt cuộc, nàng chỉ chọn được một hộp phấn hồng vì không đủ tiền để lấy đôi giày nàng thích. Ông Trúc mua đôi giày đẹp nhất và cả thỏi son môi đắt nhất. Nàng không thể không trêu ông:

- Hình như anh hơi quá rành về sở thích của phụ nữ.

- Anh vẫn nghĩ là mình biết quá ít.

Nàng nghĩ tới người phụ nữ của ông: chắc cũng sang trọng và đẹp đẽ như ông. Những người như họ sẽ yêu nhau thế nào? Khi ngồi đối diện với ông trong một nhà hàng lộng lẫy, nàng cảm thấy mình xa lạ với những gì mà ông quen thuộc. Những người hầu bàn vồn vã chào ông, những người quen đi đến bắt tay. Tất cả ánh mắt đều kín đáo liếc về nàng khiến nàng chợt bối rối. Bộ quần áo nàng mặc quá lỗi thời so với những váy áo lượt là của những phụ nữ vào đây. Nàng buồn bã nhận ra thế giới của nàng ở chỗ khác. Nàng, một cô giáo trung học bình thường chỉ có thể yêu những kỹ sư nghèo mới ra trường như Trịnh. Nhưng đúng là nàng đã yêu Trịnh mà không hề có một so đo. Chưa bao giờ nàng để mắt tới một người đàn ông khác. Tất cả thế giới đàn ông của nàng là anh. Tất cả những gì đáng kể nhất trên đời cũng là anh. Vậy mà, giờ đây, anh đang làm gì ở một nơi nàng không thể có mặt?

Cuối cùng thì bữa ăn cũng chấm dứt. Nàng sung sướng đẩy cái đĩa có bộ dao nĩa làm khổ mình ra xa và nhìn thấy họ đi tới. Nàng sững sờ nhận ra cô gái. Ông Trúc giới thiệu:

- Anh Tùng, bạn anh, và đây là...

- Mỹ Lan, người yêu của tôi - ông kia đỡ lời, mỉm cười chờ ông Trúc giới thiệu nàng.

- Cẩm Sa, em gái tôi.

Ông Trúc đặt tay lên vai nàng, mắt nhìn nàng kín đáo, có lẽ vì nàng đang run bắn lên. Cô ta có nhận ra nàng? Và thực ra, cô ta biết gì về quan hệ giữa Trịnh với nàng? Trông cô ta thực tự tin, đẹp và đầy sức sống.

Nàng thở phào khi hai người nọ rời bàn. Ông Trúc chồm tới, hỏi với vẻ lo âu:

- Em sao thế?

- Có lẽ tại em không quen uống rượu - Nàng tìm cách giải thích - Chị ấy đẹp quá, anh hả?

- Tất cả những người yêu của Tùng đều đẹp, - Ông Trúc nhấn mạnh chữ *tất cả* một cách đầy ý nghĩa.

- Họ có sắp cưới không anh?

- Sẽ cưới, nếu vợ Tùng đồng ý. - Ông lại cười một cách hóm hỉnh.

Nàng nhắm mắt lại, như thể bị đau. Vậy thì, ai là người tình thực sự và ai là trò đùa của cô gái? Người đàn ông trung niên kia hay Trịnh?

Nàng đồng ý ngay khi ông Trúc muốn chạy quanh thành phố. Ngã người trên nệm, nàng lắng nghe tiếng nhạc như vọng đến từ một thời quá khứ. *"Mùa xuân yêu em đồi núi thênh thang. Hồ nước long lanh ngàn cánh vàng. Ngày ta yêu em màu lá thanh xuân..."*

- Nhạc hay quá nhưng buồn quá. - Nàng thở dài, nói thành lời những ý nghĩ của mình.

- Cũng giống như tình yêu, phải không em?

Nàng ngồi thẳng lên, nhìn ông Trúc:

- Em chẳng yêu nên chẳng biết được.

Chỉ có nàng tự biết rằng nàng đang nói điều đó với tất cả sự thành thật của lòng mình.

Lúc nàng sắp bước vào cổng, ông Trúc trao cho nàng gói quà ông mua ban chiều.

- Đây là quà sinh nhật cho em. Anh đã bảo với cô hàng, nếu không vừa chân, em có thể tới đổi.

- Sinh nhật của em đã quá cả tuần rồi. - Nàng lắc đầu, lúng túng.

- Có sao đâu. Anh mừng muộn vậy. Nếu em không nhận, anh cũng chẳng thể thoa son môi và mang giày đàn bà.

Nàng phì cười. Ông giữ bàn tay nàng khá lâu trước khi hẹn thứ bảy sau sẽ đến đón nàng.

Ngày hôm nay vui hay buồn? Nàng đứng trước gương, hỏi mình và không nghe được câu trả lời. Rồi nàng mang đôi giày mới vào chân và đánh màu son mới. Nàng nheo mắt nhìn thấy mình hình như bỗng lạ lẫm. Nàng đã đánh đổi buổi chiều nay để nhận được món quà này? Còn buổi chiều tới, sẽ thế nào...? Trịnh có thể cũng đã trở về, sao anh không tới? Cái tin nàng bịa ra để dọa anh hôm trước chẳng lẽ không làm anh quan tâm? Nàng ngần ngừ một lát rồi dứt khoát đứng dậy. Nàng không thể bị dày vò suốt đêm vì nỗi băn khoăn ấy.

Vẻ sửng sốt của anh lúc mở cửa và thấy nàng khiến nàng tức giận. - Anh vừa về đến. Sao em biết, giỏi quá. - Anh đón nàng bằng cả hai tay.

- Em thường biết cái gì người ta tưởng mình không biết. - Nàng nói mà không cười.

- Hôm nay em sâu sắc ghê gớm. - Anh cố pha trò, và cúi xuống, định hôn.

Nàng né tránh cặp môi mà nàng nghĩ suốt những ngày qua hắn đã gắn lên môi một phụ nữ khác.

- Em có đỡ không? Còn buồn nôn không? - Giọng anh đầy những bất ổn.

- Vẫn. Nhiều lên là khác. - Vừa nói xong nàng thấy buồn nôn thật sự. Mọi chuyện đều trở nên ô uế.

- Nếu đúng thì mình sẽ làm gì hả anh? - Nàng nhìn thẳng vào mắt chàng, chờ đợi câu trả lời.

- Anh nghĩ mình sẽ có cách giải quyết. - Giọng anh nhỏ dần đi.

- Em không dám đâu. Em sợ... - Nàng nghẹn cả giọng vì uất ức, thất vọng. Sẽ chẳng bao giờ có cưới xin mà chỉ là một việc có thể nguy tới tính mạng, nếu...

- Chỉ có mấy phút thôi em ạ. Nhanh thôi...

Chỉ có mấy phút thôi, để chấm dứt một cái gì đó. Chấm dứt tất cả. Chẳng còn gì nữa. Nếu anh biết nàng đã nhìn thấy người đàn ông trung niên với cái

nọng mỡ và cái bụng xệ xuống ấy. Nàng chỉ biết có Trịnh, chỉ yêu một mình Trịnh. Thế mà anh lại đèo thêm một cô gái khác, và cô ta đang là tình nhân của ông kia. Tất cả bỗng dính chùm vào nhau. Liệu còn cô gái thứ ba, thứ tư... nào cho Trịnh, và còn cô gái thứ mấy mươi cho ông ta? Thật ghê tởm. Tất cả tình yêu của nàng chỉ để đánh đổi được kinh nghiệm này thôi sao?

Nàng nhìn anh chăm chăm. cái nhìn khiến anh chột dạ. Anh hỏi một cách lo lắng:

- Có gì thế hả em? Nói cho anh biết với!

Nói cho anh biết! Nàng khịt mũi rồi đột nhiên rũ ra cười. Nói cho anh biết điều mà chính anh gây ra nơi nàng ư? Anh thật giàu óc khôi hài.

- Nói đi em. Đừng cười nữa. Nói đi! - Anh lắc lắc vai nàng.

Nàng cười một lúc nữa rồi ngưng lại, nói một cách nửa vời:

- Có kẻ đang chết đấy.

- Ai hả em?

- Em cũng chẳng biết. Hay thật. Đúng là quá hay.

Thú vị thật. Nàng tưởng tưởng tượng đến một đám cưới, giữa Trịnh với cô gái. Và sau đó là đứa con ra đời. Đứa nhỏ có thể của anh, cũng có thể chẳng hề là của anh, nhưng anh vẫn cứ phải cưu mang, phải chịu tiếng. Anh rất xứng đáng được nhận món quà ấy.

Lúc nàng đứng lên ra về, anh khẩn khoản:

- Em vẫn chưa nói cho anh biết có chuyện gì...

- Không có gì đâu anh. Em đùa đó mà. Đùa từ đầu tới cuối. Anh cứ yên tâm với công việc của anh.

Nàng nhìn lần cuối căn phòng mà nàng biết mình sẽ không bao giờ trở lại. Nàng nhìn anh như nhìn một đồ vật trong căn phòng ấy và bước ra ngay, tránh cái hôn từ biệt của anh.

Trên đường về, mắt nàng ráo hoảnh. Nàng biết rằng nếu khóc được, hẳn sẽ dễ chịu hơn. Nhưng nàng đã không thể khóc. Không thể khóc trước cái chết của chính mình.

NGÔ THỊ KIM CÚC

HÀ ĐÌNH LAN

cuộc đời

em quay lưng lại cuộc đời
mặc vàng thau lẫn với lời thị phi
tàn cơn mơ tuổi xuân thì
trơ ra một nỗi ngậm ngùi riêng em

HÀ ĐÌNH LAN

LUÂN HOÁN

đang ở thập niên 50

• Gửi Lê Vĩnh Thọ, Bình Dương

quen thói, theo em, dậy năm giờ
em đi đến sở, ta làm thơ
thơ loanh quanh mãi, đôi khi ngán
ta lái xe rong cho hết giờ

cứ thế, ngày ngày, thong thả qua
nhẹ nhàng hơn cả nhịp thở ra
ta lùi dần lại, lùi dần mãi
không hiểu ta đang trẻ, hay già?

buổi sáng, em cho uống cà phê
trưa, vui, ăn quả táo, quả lê
lười thì đọc sách cho quên đói
đợi bữa cơm ngon, tối em về

đời sống quả nhiên thật thảnh thơi
bốn mùa lẩn quẩn thú vui chơi
rượu thơm, bạn đãi tuần đôi bận
hớp một vài hơi để nhớ đời

ta quả còn hơn cả thánh, tiên
như trời, như đất, hiền vô biên
vô tư, trầm lặng như thảo mộc
phủi bỏ từ lâu những uy quyền

ta quả còn hơn cả quỉ, ma
soi gương, có lúc nhìn không ra
cái hồn, cái xác, không ăn khớp
hạnh phúc vô cùng: ta quên ta

quen thói, theo em, dậy năm giờ
em đi đến sở, ta làm thơ
thơ dài, thơ ngắn, thơ trống rỗng
thơ cứ là thơ, ta cũng thơ

LUÂN HOÁN
(Montréal, 10.8.1994)

NGUYỄN ĐỖ

không đề hành phương bắc

● Nhớ Hoàng Lâm

bỗng nhiên buồn không ngẩng đầu lên được
mười lăm phút xa, mười lăm ngày xa
cặp môi mím như khe cửa

bánh tàu quay những vòng trống rỗng
có một người thiu sân ga

ta như quả bơ
phần không nhá được thật to

một giờ nữa là hành phương bắc
hoa huệ u thơm người bạn vừa khuất

Hoàng Lâm, Hoàng Lâm
cặp mắt còn nheo cay khói hương
trời xanh đứt dây chấn thương sọ não

đài không báo bão
bước chân ran những dự cảm mơ hồ
u u u
đời chúng ta hoắt dần như tiếng còi vừa xé

NGUYỄN ĐỖ
(Sàigòn 7/93)

TIÊU DAO BẢO CỰ

người nằm chết trên đồi

Lão nằm chết lặng lẽ dưới một gốc thông trên đồi Êm. Mãi khá lâu sau khi lão chết, gia đình đi tìm mới phát hiện ra. Bây giờ, người ta đưa lão ra nghĩa trang trong tiếng chiêng trống buồn bã.

Trong hai ngày qua, khi xác lão còn quàng ở nhà, thỉnh thoảng, tiếng chiêng trống báo hiệu đám ma và tiếng cầu kinh nổi lên, âm vang dài trong thung lũng. Đó là những gì người sống đã làm để tỏ lòng nhớ tiếc lão. Trước đây, khi trong xóm có người qua đời, bao giờ lão cũng đi tìm một cành trúc mang đến cắm trước nhà người quá cố. Để hồn họ biết đường tìm về xóm cũ. Ấy thế mà đến phiên lão, người ta đã quên.

Lão đã sống ở đây gần năm mươi năm, là một trong những người đầu tiên khai phá lập nên xóm này, hồi đất còn là rừng hoang, còn cả dấu cọp. Xóm lão nằm ở ven thành phố, một thành phố du lịch trên cao nổi tiếng khắp cả nước với khí hậu mát mẻ, cảnh đẹp và hàng ngàn biệt thự đủ kiểu. Thế nhưng cuộc đời của lão cũng như nhân dân lao động trong xóm ít được hưởng hứng thú của thành phố du lịch như khách nhiều tiền lắm của mọi nơi tìm đến. Lão và bà con trong xóm đã bám lấy mảnh đất này, chặt cây, dựng lều, cuốc đất trồng trọt ven suối. Hàng chục năm mới tạo được cơ ngơi một nếp nhà và một mảnh vườn, quần quật làm quanh năm mới tạm đủ sống. Không phải dễ dàng gì. Sườn đồi dốc, đất ba dan dẻo quánh nên làm được mảnh vườn có nhiều tầng ngang chỉ với hai bàn tay và cây cuốc là công trình sức lực và mồ hôi bao nhiêu năm. Đã thế, khí hậu rất khắc nghiệt, không chỉ như người ta ca tụng. Trước đây, ở nơi thấp nhất dọc theo suối, buổi sáng, sương mù đọng hàng mấy giờ chưa tan, và buổi chiều, khí độc vô hình bốc lên đã làm đau ốm và chết không ít người. Sau này, khi đã lớn tuổi, lúc chiếu muộn, lão không

dám xuống vườn dưới nữa. Chỉ mới bước xuống thôi, dù đã mặc quần áo ấm, lão đã thấy ớn lạnh và người ngầy ngật khó chịu. Dù thế lão rất gắn bó với mảnh vườn của mình, nơi mà từng nắm đất đều in dấu vết bàn tay sần sùi chai sạn của lão. Cả căn nhà nữa, dù mấy mươi năm trôi qua, căn nhà lão vẫn thế, một trong những căn nhà kiểu cổ lỗ nhất còn sót lại ở xóm này, tuy cột đã mục, vách gỗ bị mối ăn.

Chính vì mảnh vườn và ngôi nhà thân thiết mà lão không đi Mỹ. Hồi 75, vợ lão đang ở với đứa con đầu lòng là sĩ quan đã cùng nó di tản sang Mỹ. Trước khi đi, con lão có nhắm lão xuống gấp với nó để cùng đi, nhưng phần vì chưa biết tin tức đứa con út cũng đi lính, phần vì không nỡ bỏ vườn, nhà, lão đã không đi. Lão tâm nguyện, dù chế độ nào, sống chết gì lão cũng ở trên mảnh đất này.

Trong xóm nhỏ, lão cũng chứng kiến biết bao điều. Ngày xưa, khi đến khai phá đất, lão và bà con được chính quyền cũ cho phép chỉ làm nhà giữa sườn dốc, trên suối không quá 50 mét. Phía trên nữa, dọc theo đỉnh đồi, đất bằng phẳng, người ta nói nhà nước sẽ làm đường lớn theo qui hoạch và xây nhà theo mẫu thiết kế được duyệt. Quả thật như vậy. Sau đó, con đường lớn được phóng qua và những ngôi biệt thự, những nhà lầu của các quan chức và những người giàu có mọc lên. Khó khăn lắm, lão và bà con lao động trong xóm mới xin dành được mấy lối đi nhỏ để đi ra đường lớn. Ngày trước. lão không biết và không đi lại với chủ những ngôi nhà sang trọng phần lớn có xe hơi riêng kia. Ai thèm giao du với lão. Sau 75, chủ những ngôi nhà đó di tản cả, nhà nước mới quản lý và phân phối lại cho cán bộ ở. Hình như là các ông lớn của tỉnh, thành phố cả. Họ có xe hơi đưa rước và cũng kín cổng cao tường, không ai giao du với lão. Trong xóm chỉ còn lại mấy người bạn già từ thời khẩn đất hoang đi lại với nhau.

Xóm lão tuy nhỏ nhưng cũng có đủ những nơi sinh hoạt công cộng, một ngôi đình, một chùa và một nhà thờ, sau này thêm cái hội trường. Ngôi đình có tấm bình phong đắp hình con cọp xưa nhất và cũng tàn tạ nhất. Chính lão và những người khẩn đất lập xóm đầu tiên ở đây đã góp sức, góp tiền dựng ngôi đình này để thờ thành hoàng. Bây giờ, thành hoàng hết thiêng rồi và hàng năm đến kỳ tế lễ, chỉ có năm bảy ông già đến hương khói cúng quảy. Cột xiêu, mái lở không ai sửa vì không có tiền. Có người đưa sáng kiến cho các thầy cô giáo thuê làm chỗ dạy thêm để lấy ít tiền tu sửa đình, nhưng sau đó vì học trò phá quá nên phải thôi. Nhà thờ và chùa sau một thời gian dài cũng vắng và hư dột. Mãi mấy năm gần đây bà con mới góp tiền sửa sang lại và đi lễ lạt đông đảo hơn. Còn hội trường nguyên là trụ sở của dân vệ cũ, nay được dùng làm nơi hội họp của dân trong xóm. Hội trường càng ngày càng bệ rạc cùng với các buổi họp cứ thưa thớt dần, dù mỗi lần họp, tổ trưởng đi đôn đốc từng nhà. Gần đây, buổi họp nào quan trọng lắm cũng chỉ tới khoảng hơn hai chục người, trong đó gần một nửa là cán bộ phường xóm. Mới năm ngoái, hội trường lúc sắp sụp, bỗng nhiên được tu sửa khang trang hẳn lên,

cửa nẻo chắc chắn, bên trong đóng cây ván làm băng ghế chật kín. Thì ra cán bộ xóm đi quyên góp, vay mượn sửa hội trường để cho các đội chiếu bóng thuê chiếu phim, vidéo. Từ đó, hàng tuần, vào đêm thứ bảy, tiếng rao quảng cáo và nhạc qua loa phóng thanh rộn ràng khắp xóm. Lão cũng có đi xem vài lần rồi chán vì phim toàn cảnh đấm đá hoặc hôn hít, âm thanh lại nghe không rõ nên lão chẳng hiểu gì cả.

Cũng như bao năm qua, lão quanh quẩn với mảnh vườn dù sức yếu không làm được bao nhiêu. Buổi chiều lão thường ngồi trước cửa ngó mông ra vườn và dọc theo thung lũng. Mùa lá hồng rụng mới buồn làm sao. Những cây hồng xanh mướt rậm rạp che kín các vườn, sau mùa thu hoạch trái, trong một thời gian ngắn lá rụng sạch. Suốt hai sườn đồi, những cây hồng trơ cành khẳng khiu như cảnh vật một vùng đất chết. Được cái là chẳng bao lâu, hồng lại đâm chồi nẩy lộc. Lão trhích nhất là gần cuối đông khi mai anh đào nở. Cây hoa mới lạ. Nó cũng giống hồng ở chỗ mùa rụng lá là rụng sạch trơ cành, những cành còn mảnh mai hơn cành hồng nhiều, nhưng khi ra hoa thì nở rộ trước khi ra lá. Chao ôi, những đóa hoa bé nhỏ phớt hồng dày đặc đến độ cỏ cây bừng lên như một ngọn lửa hay như một đám khói hồng bập bùng trông rất ấm áp và vui mắt, dù hoa chỉ nở và tàn trong vòng một, hai tuần. Cuối vườn lão có hai cây mai anh đào lớn và bao nhiêu cây còn đang mọc. Các vườn khác trong xóm này cũng thế. Lão cảm ơn loài chim đã duy trì và phát triển loài hoa lạ đó trong thung lũng này khi mang hạt đem gieo khắp nơi. Trên các con đường của thành phố có tên xứ hoa đào này, các cây đào trồng ngay hàng thẳng lối ngày xưa đã rụi cả. Người ta chỉ muốn chặt cành đem về cắm, thậm chí làm củi, chứ không ai bảo vệ, vun trồng.

Không biết vì tuổi già hay vì ngắm mãi những cây hồng và mai anh đào mà lão đâm ra lẩn thẩn. Cây hồng cho quả ngọt ngào, mai anh đào cho hoa tươi đẹp, hết năm này sang năm khác, còn lão sẽ làm được gì trong tuổi già này. Ngay mảnh vườn và ngôi nhà lão đã gắn bó một đời nay cũng sắp bị bán. Thằng con út sau này tìm về ở với lão rồi cưới vợ. Hai vợ chồng nó chẳng làm gì, chỉ ở nhà chơi, đợi nhận hàng của mẹ và anh ở nước ngoài gửi về. Mới đây nó nói sắp được bảo lãnh đi nên thuyết phục lão bán nhà, bán vườn. Ban đầu lão phản đối kịch liệt nhưng sau lão cũng chiều ý nó. Trong thâm tâm lão nghĩ lão sẽ không đi đâu cả nhưng lão già sắp chết rồi, muốn giữ nhà, giữ vườn cũng không được nên lão để cho thằng con út muốn làm gì thì làm. Đã có người đến xem, hỏi mua và thằng con một hôm đã đưa mấy người quay vidéo đến quay cảnh vườn nhà để mang đi làm kỷ niệm. Nó bắt lão ăn mặc đàng hoàng, đứng vịn cành này, dựa cây kia để quay. Chao ôi, con lão đâu biết lòng lão tan nát như thế nào.

Đã hai năm nay, hàng xóm và con lão bắt đầu coi lão trở nên lẩn thẩn. Lão ít nói hẳn đi, tai nghễnh ngãng như điếc và mắt lúc nào cũng nhìn xa xăm như không thấy gì trước mắt. Lão lôi chiếc đòn gánh, đôi gióng và hai cái sọt trong nhà kho ra ra và bắt đầu đi hốt phân bò, phân ngựa. Lão không hốt để bón

vườn mình mà đi cho những người khó khăn hơn và giúp vườn chùa để làm công quả. Ngày nào lão cũng đi hai chuyến đều đặn không bỏ buổi nào. Lão đi dọc theo hồ Lớn và đồi Êm, nơi có nhiều bò ngựa thả rong. Cầm một lưỡi xẻng, lão chầm chậm đi, cẩn thận hốt, còng lưng dầm dưới gánh nặng, làm công việc thành kính như một nghi thức tôn giáo khổ hình. Hình như ý nghĩa đời lão bây giờ chỉ còn là công việc này, như cây hồng và mai anh đào mỗi năm vẫn ra trái, nở hoa. Lão âm thầm cúi mặt bước đi, không hề chú ý đến đám du khách quần áo lòe loẹt rong chơi ven hồ và trên đồi, không nhìn đến cả cái mốt ăn mặc kỳ dị mà trước đây, hẳn lão rất chướng mắt. Chỉ có một lần, buổi trưa, tình cờ lão nhìn thấy một cặp trai gái đang ôm nhau lăn lộn dưới gốc cây. Cả hai đứa đều phạch áo, tuột quần trắng hếu. Lão giật mình kinh hãi suýt để rơi gánh phân. Lão định đá vào chúng nó rồi mắng cho mấy câu nhưng rồi sực tỉnh. Thời lão, không ai làm vậy giữa chốn đông người. Lão tự nhủ có lẽ lão lạc hậu rồi. Bây giờ người ta có quyền làm mọi chuyện bất cứ ở đâu. Lão lặng lẽ bỏ đi.

Lão hiểu nhiều về phân và hiểu rõ giá trị của phân sau gần nửa đời người trồng trọt. Có lần thằng con út của lão sau khi đi cải tạo về kể nó được nghe dạy có ông lãnh tụ nói: "Trí thức không ích lợi bằng cục phân". Hồi đó lão không chú ý nhưng bây giờ mỗi ngày đi hốt phân, sực nhớ lại, lão nghĩ, nào phải trí thức, mà chính là có nhiều lãnh tụ không ích lợi bằng cục phân, còn tệ hại hơn, vì chỉ biết lừa bịp, lo giữ ghế, ăn trên ngồi trốc và làm hại dân hại nước. Lão quí những cục phân hơn.

Có một chi tiết về cái chết của lão mà người ta nghe kể lại. Đó là khi ngã xuống bất tỉnh rồi đi luôn, lão gối đầu lên một đống phân bò lớn, bên cạnh là gánh phân đã chất đầy khá nặng. Có lẽ trên đường về, mệt nhọc nhưng khi thấy đống phân lớn, lão tiếc nên dừng lại cúi xuống hốt nốt. Không biết lão trúng gió, lên cơn đau tim hay đứt mạch máu. Có người chứng kiến kể thêm, điều kỳ lạ là chết như thế nhưng nét mặt lão rất thanh thản, hình như phảng phất nụ cười, tay chân lão không co quắp mà dang ra thoải mái. Lão nằm chết nhẹ nhàng trên thảm cỏ, dưới bầu trời xanh biếc và bóng những ngọn thông hiền hòa phủ lên mặt lão tấm khăn tang - bóng mát dịu dàng.

TIÊU DAO BẢO CỰ *(Đà Lạt)*

Tìm đọc:

NỬA ĐỜI NHÌN LẠI

Truyện **Tiêu Dao Bảo Cự**

Phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên CS.
Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự

Thế Kỷ 21 xuất bản và phát hành

NGUYỄN TẤN CỨ

hành trình của thơ

Từ nguyệt cầu thơ đổ bộ xuống hành tinh
Thơ tung tóe vang khắp miền lục địa
Thơ từ thành phố Hồ Chí Minh chuyển quân ra Hà Nội
Xâm nhập vào vùng cấn địa của Nguyễn Du

Thơ trấn chốt nơi vùng biên ải
Nguyễn Công Trứ thong dong làm thông đứng giữa trời
Hồ Xuân Hương thì chu môi uốn lưỡi
Này này mấy em ơi ra chị bảo đây này.

Thơ phục viên làm ông Tú Xương yếm thế
Làm ông Tản Đà thất chí chơi ngông
Làm ông Đồ Chiểu mù ghét Tây như cứt
Hóa nàng Ngọc Hân viễn mộng giữa triều đình

Thơ canh tọa độ từ nòng pháo tháp
Mời Ức Trai thư thả chơi cờ
Gọi Cao Bá Quát nhảy dù vào trận
Thơ nở bùng giữa thực và mơ

Thơ thọc sâu vào đội hình thế sự
Tạo thành thế giáp công hai mũi vu hồi
Thơ bốc bà Huyện Thanh Quan gánh đồ đi sơ tán
Và mời cụ Nguyễn Du trở lại với nàng Kiều

Cuối thế kỷ hai mươi thơ nhảy vào sao hỏa
Trả lại ả Hằng Nga cho cụ Tản Đà
Thơ bắt nàng Kiều đi phục hồi nhân phẩm!
Buộc ông Tú Xương phải đi kiếm việc làm!

Từ nguyệt cầu thơ đổ bộ xuống hành tinh
Thơ phá nhạc Beethoven Mozart lạc phách
Thơ bốc nhạc Rock cho các em động cỡn
Nào ta dìu nhau làm điệu vũ quên đời

Thơ xin lỗi các nhà văn ưa dàn trải
Thích đắp men cho từ ngữ văn chương
Khoái kèn cựa đi tìm hư thực
Mỗi tác phẩm cỡ nghìn trang là sự thực độ dày

Với Dos - Léon thì Puskin khiêm tốn
Chỉ là vầng trăng cuối tháng mập mờ
Trên trang báo thơ khẳng khiu gầy như sậy
Đâu dám sánh văn chương chữ nghĩa bầy bầy

Thơ ăn mày chút son môi em trên phố
Ăn xin chút tình người trong tâm thất đung đưa
Thơ tự vỗ vào ngực mình cho đau tứa máu
Đối với đời thơ là đôi mắt ứa
Của cô gái lang thang không cửa không nhà

Từ nguyệt cầu thơ đổ bộ xuống hành tinh
Thơ tung tóe văng khắp miền lục địa

NGUYỄN TẤN CỨ

HOÀNG LỘC

thơ xâm xoàng

Trái tim ta dưới chân người
Lượm lên biết có bồi hồi nữa không
Trải cho em cả tấm lòng
Mất toi đến cái khốn cùng của ta

Tàu không còn kịp ra ga
Gió không còn kịp khóc òa lên cây
Khi ta tắt mặt tối mày
Là khi em thắt sợi dây thành vòng

Trái trời có ngọn bấc phong
Trái mùa chỉ có tấm lòng ta sao?
Em đi thử đất trời nào
Ai yêu ráo máng cạn tàu bằng ta

Buổi chiều khốn nạn hôm qua
Những tia nắng độc từ ba bốn chiều
Bước dồn lên bóng mình xiêu
Để coi bụng dạ ai nghèo hơn em

HOÀNG LỘC

TRỊNH KHẮC HỒNG

ông đạo

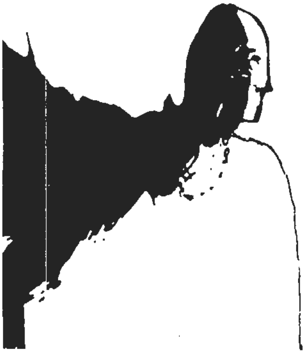

1.

Năm đó ông đạo về làng. Từ đó lan truyền nhiều lời đồi đãi về ông. Từ những câu chuyện có thật hoặc thêu dệt nên do trí tưởng tượng của những người chung quanh, một không khí vừa đau thương vừa bí ẩn phủ lên một phần đời ông.

Trước đây ông là thanh niên làng này, cũng sống một cuộc đời bình thường như hầu hết những người nông dân khác. Và đến tuổi, ông lấy vợ, một cô gái làng bên. Điều bất hạnh cho ông đạo: vợ ông là một cô gái có nhan sắc. Hai vợ chồng ở với nhau chưa được bao lâu, cái nhan sắc đó đã lọt vào mắt tay hương quản trong làng. Một hôm ông đạo bị bắt vì người ta tìm thấy truyền đơn trong máng xối nhà ông. Tối đó ông trốn thoát được và bỏ làng đi biệt tích. Hương quản rêu rao là ông đã nhập vào bọn cướp. Cô vợ dưới những lời đe dọa, để tránh khỏi tù tội, phải về làm lẽ hương quản. Khoảng một năm sau, cô chết. Hương quản cho hay cô bị bịnh ngặt, chỉ qua một đêm là mất. Chuyện trên xảy ra cách đấy độ mười năm.

Ông đạo về, dựng lều bên một con rạch ở mé làng, cách biệt hẳn mọi nhà trong xóm. Trong lều, ông thờ một số ảnh, tượng và nuôi một số cây lạ trong mấy chậu đất. Dân làng cho đó là những cây ngãi. Ông sống bằng nghề bắt rắn. Những con rắn bắt được ông mang ra chợ bán cho người ta ăn thịt hoặc ngâm rượu. Những bộ tam xà, ngũ xà rất được giá. Chính do những chi tiết này và cách ăn mặc của ông, suốt ngày chỉ quấn một cái khăn như kiểu xà rông của người Miên, ông thành danh là ông đạo.

Năm đó tôi khoảng mười tuổi, bắt đầu chớm hiểu biết. Phần đời bí ẩn của ông đạo cuốn hút tôi. Tôi hay đến lều ông chơi và có lẽ là người bạn độc nhất của ông. Dân làng rất thương cho tình cảnh của ông nhưng người ta sợ hương quản, phần khác ông không chịu trò chuyện với ai hết.

Ông đạo về chưa được bao lâu. Hương quản cũng chưa biết tính sao. Bỗng một hôm hai vợ chồng hương quản bị rắn cắn chết trong lúc đang ngủ. Thấy

rắn được mời về nhưng không kịp nữa. Theo lời thầy rắn, cả hai vợ chồng đều bị nọc rắn lục và vẫn theo lời thầy, kỳ lạ hết sức, rắn thường chỉ cắn một phát là hết nọc. Phải một thời gian nọc mới sinh lại trong cơ thể chúng.

Sau cái chết của vợ chồng hương quản, đám hội tề trong làng sợ xám mặt, không dám nghĩ đến việc bắt ông đạo nữa. Dân làng cũng gờm ông. Riêng tôi vẫn đến chơi với ông vì chuyện trên càng làm tăng thêm sức lôi cuốn của ông đối với tôi. Hơn nữa tôi biết ông đạo thương tôi. Dầu sao, ông vẫn cần có một ai đó để chuyện trò. Hay đúng hơn, tôi là cái cớ cho những cuộc độc thoại của ông sau khi đã ngà ngà say. Và qua những cuộc độc thoại đó, phần đời ông trong những năm bỏ làng ra đi được hé mở dần.

2.

Qua đã trốn thoát vào cái đêm bị giam tạm ở làng, chờ giải lên huyện. Hương quản rêu rao qua đã nhập vào đám cướp rồi cướp vợ của qua. Thâm độc quá. Vợ chồng qua mới vừa quen hơi. Qua đã thề phải trả cho được mối thù. Qua đi tìm thầy. Qua sang tận đất Miên. Trăm cay nghìn đắng. Có lúc lỡ đường, phải xin ăn. Lúc ở Miên, qua hay tin vợ chết do có người làng mình qua đó buôn bán. Phải nuốt nước mắt vào. Không được để mình mềm yếu. Nhiều lúc tưởng đã phải bỏ cuộc.

Cuối cùng qua tìm được thầy. Ông đã truyền nghề cho qua. Nghề trị rắn. Nghề không khó học, miễn là mình gan, mà qua thì còn thiết gì nữa, kể cả mạng sống của mình. Chỉ có mối thù là còn nguyên. Phải tìm cho ra một ổ rắn, loại thật độc và bắt được một con mới nở đem về nuôi. Mỗi ngày cho nó cắn vào tay mình. Nọc còn non, không giết nổi mình. Nhưng thời gian đầu qua bị hành dữ dội, dầu trước đó thầy đã cho uống thuốc. Có lúc sốt quá, phải nằm một chỗ, không đi lại nổi. Sau đó qua về xứ lên núi Thất Sơn tìm một cái cốc, sống một mình để luyện nghề. Qua đã nuôi một con rắn lục cho tới lúc nó lớn. Thả ra, nó cũng không kịu bỏ đi. Nó quen với qua rồi. Như thế mất thêm mấy năm nữa.

Ông đạo bưng ly rượu lên, uống một hớp. Loại rượu trong đó đã pha huyết rắn. Cảnh ông đạo lấy huyết rắn khá rợn người. Răng cắn chặt đuôi con vật, hai ngón tay trái nắm ngang cổ, kéo thẳng nó ra. Những ngón tay phải dò theo mình nó để tìm túi mât, rồi mổ bụng, lấy mật vất bỏ. Xong, cắt cổ con vật, cho huyết chảy thẳng vào ly rượu đang hứng sẵn. Theo lời ông đạo, thứ rượu đó rất bổ.

Qua đã sống trong cốc đó bốn, năm năm trời. Nhiều buổi chiều đứng trên lưng chừng núi, nhìn thấy cảnh đồng ruộng bên dưới, ruột nóng như lửa đốt, muốn về làng ngay. Nhưng trước hết, nghề phải đạt mới được.

Rồi qua cũng về đến đây. Ông đạo lại bưng ly rượu lên, hớp một hớp và lặng lẽ cười. Nụ cười lạnh băng.

3.

Hồi sống trên Thất Sơn, qua có quen với một thầy. Thầy này tu theo lối khổ hạnh. Chuyện của thầy chẳng dính dáng gì đến chuyện của qua nhưng qua muốn kể cho cháu nghe. Để biết việc đời.

Thầy là thầy giáo. Lúc còn đang ăn học thầy có hứa hẹn với một cô gái trong làng. Cô gái này cũng có góp phần cho thầy ăn học. Ra trường, được bổ đi dạy ở tỉnh, thầy bỏ cô gái quê, cưới con gái ông hiệu trưởng, tính đường công danh. Cô vợ biết ý chồng nên coi rẻ thầy. Thầy ráng chịu đựng được sự rẻ rúng của vợ và của cả nhà vợ. Nhưng một bữa thầy về nhà bất chợt, bắt gặp vợ đang tư tình với một người đàn ông khác. Thầy lặng lẽ chẳng nói gì, bỏ nhà ra đi. Thầy lên trên đó để tu. Cốc của thầy cách chỗ của qua không xa. Có những buổi sáng qua chơi với thầy. Ở trên đó nhiều khi rất buồn. Thầy đã kể cho qua nghe chuyện đời của mình.

Rồi một thời gian dài, qua không thấy thầy. Chắc thầy nhập thất. Thời gian nhập thất dài hay ngắn là do mình nguyện thôi. Bỗng một hôm có người đàn bà lên tìm chồng. Nghe tả hình dạng qua biết người đàn đó muốn tìm thầy. Nhiều năm đã qua rồi, chắc người vợ cũng hối lỗi, dò hỏi dần mà tìm lên đó.

Khi người vợ vào được cốc, trong đó chỉ còn một bộ xương của thầy.

Sau này nhiều lúc nghĩ lại, qua không biết thầy đó đúng hay qua đúng?

4.

Ông đạo vẫn tiếp tục sống bằng nghề bắt rắn. Ban ngày ông đi quanh các lùm bụi, gốc cây lần theo lối bò của giống vật đó để tìm ra hang ổ của chúng. Sẩm tối, một ngọn đèn nhỏ trong tay, ông đến gần dụ chúng ra để bắt. Giờ giấc đó, chúng ra khỏi hang để kiếm ăn. Sương sa, xà nhập. Có khi vì thấm lạnh, chúng bò vào nhà người ta. Ông dụ bằng cách dùng móng tay cào cào lên mặt đất, thân cây, giả làm con mồi. Chúng vừa bò ra khỏi hang là ông túm cổ, cho vào lồng.

Tôi vẫn đến lều ông chơi để nghe tiếp những mẩu chuyện ly kỳ. Một hôm ông đạo bất chợt hỏi tôi:

- Cháu thấy qua sướng hay khổ?

Tôi buộc miệng:

- Ông đạo giỏi!

Ông đạo cười, mặt buồn hiu:

- Qua mong cháu lớn lên không gặp cảnh như qua, không phải sống như qua đã sống.

Trong làng đời sống vẫn bình lặng. Bỗng một sớm tinh mơ, người đi làm đồng bắt gặp ông đạo nằm chết co quắp, mặt mày méo xệch, hai bên mép còn đọng nước bọt lẫn mật xanh. Theo lời dân trong xóm, ông đạo đã gặp

phải một loại rắn cực độc. Chắc là loài rắn hổ mang. Loài rắn này hiếm khi xuất hiện trong vùng.

Ông đạo mất, chú bé cũng không còn, vì chú bé đó là tuổi thơ của ông đạo.

TRỊNH KHẮC HỒNG

(Paris 9/1994)

NGUYỄN TÔN NHAN

hình như

Anh vẫn còn thơ dại lắm
xanh xao mắt ngó đời xuôi
Đất trời bụi đầy những bặm
Hình như tim vẫn còn ngời

Hình như trong anh bát ngát
Hình như mộng vẫn đâm chồi
Các em làm anh chết ngạt
Tay buồn mà xác còn tươi

Các em có tim Bồ Tát
Hãy yêu anh giữa muôn người
Gió bão hôm nay sẽ tạt
Đến anh vui giữa cuộc chơi

Bao giờ ở cùng mặt đất
Hình như ngây dại suốt đời
Bây giờ xác chôn xuống thật
Hình như mắt vẫn nheo cười

Hình như cõi này đã chật
Anh sẽ đợi em bên ngoài

NGUYỄN TÔN NHAN

NGUYỄN BẮC SƠN

nhập thế

một sáng phiêu bồng qua bên sông
bỗng nhiên hiểu Phật cũng đau lòng
Phật cũng khổ như người khốn khổ
cúi đầu quay lại bên nay sông

hoàng hậu ngày nay

các bà hoàng hậu nghìn xưa
kéo nhau ra chợ bán mua phiêu bồng
khổ đau non nước chập chồng
các bà hoàng hậu phập phồng bán mua

NGUYỄN BẮC SƠN

LÊ THÁNH THƯ

sự sáng

Cô gái mù đi giữa ban ngày
ngước hỏi mặt trời trên chiếc gậy
về con đường sáng

Những đứa trẻ
đôi mắt như ngọn đèn nhìn theo

Tôi nghe nhiều về sự sáng
chưa biết gì im lặng của đêm

Nhìn hướng cô gái mù
chợt hiểu
sự sáng sinh ra từ bóng tối.

LÊ THÁNH THƯ
(6.1994)

NGỌC KHÔI

tâm buồn*

Tâm buồn hơn tôi
tâm không miệng cười
Tóc dài ủ rũ
Thơm đen mùi tươi

Tâm đã sầu mây
Tâm không còn đấy
Yêu người yêu huyễn hóa
Đau suốt một mùa chay

Tâm như khóm ngải
Nhảy múa xôn xao
Bụi tre rạt rào
Khua động lời hoan lạc
Tâm là bồ đề
Ai vỗ tay reo trong đám lá?

Tâm ơi không bồ đề
Trúc tre nào có tiếng
Ngải sầu khi thinh lặng
Nhìn ra: chỉ gió xuân

Sao còn tâm tưởng
Má màu đen rợn
Môi khô đỏ huyết
Hát kinh vô tự
Lòng chưa vọng chấp
Tâm đà mống khởi
Tình như dũa nhọn
tay người sướt vỡ

Tâm thôi tìm tâm
Yêu lạnh mơ tàn
tâm không, tâm không...

Còn yêu, còn yêu

NGỌC KHÔI

Đây là di bút của nhà văn Ngọc Khôi gửi cho HL trước ngày anh ra đi không lâu.

TRƯƠNG QUỐC DŨNG

đường tăng

LTS: *Truyện rất ngắn* Đường Tăng *(không quá 1000 âm tiết) được trao giải nhất đồng hạng với truyện* Hoa Muộn *của Phan Thị Vàng Anh trong cuộc thi* "truyện Thế Giới Mới 1993-1994" *do bán nguyệt san* Thế Giới Mới *tổ chức, và đã được in thành tuyển tập cùng với 38 tác giả dự thi khác, bởi nhà xuất bản* Hội Nhà Văn.

Chúng tôi rất ngạc nhiên khi được tin tuyển tập này đã bị bộ trưởng văn hóa Trần Hoàn ký quyết định ngưng phát hành, với lý do: "... trong đó có truyện *Đường Tăng* mà nội dung vi phạm chính sách tôn giáo và đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà Nước" *Trước khi có quyết định của bộ văn hóa, trên báo* Sài Gòn Giải Phóng *và báo* Giác Ngộ *(của thành hội Phật Giáo thành phố Hồ Chí Minh), truyện* Đường Tăng *bị kết tội* "vi phạm giáo lý Phật Giáo", "gây xôn xao dư luận, tạo điều kiện phát sinh sự bất ổn, kẻ xấu có cơ hội lợi dụng, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà Nước, dẫn đến những hậu quả không lường được..." *(văn thư của Thượng tọa Thích Trí Quang, phó ban thường trực thành hội, đề ngày 6/10/94).*

Như vậy, không phải chỉ Nhà Nước Việt Nam mới khắt khe với văn chương, mà các vị lãnh đạo tôn giáo, cũng "khó tính" không kém. Sự việc trên khiến chúng ta nhớ đến bản án tử hình chính phủ Hồi Giáo Iran đã dành cho Salman Rushdie, tác giả "Quỷ Kinh" *!*

Nhưng truyện Đường Tăng *đã viết gì để đến nỗi như thế? Mời độc giả đọc qua để tự tìm kết luận. Riêng chúng tôi, xin nhắn lại: rất ngạc nhiên! Phật giáo, từ nhiều nghìn năm qua, vốn vẫn được xem là tôn giáo có một giáo lý cao siêu, không chấp nê và thanh thản, hơn hẳn một vài tôn giáo khác, vậy mà lại có việc cấm sách, một hiện tượng có thể nói rất hy hữu trong lịch sử Phật Giáo*

Có lẽ, bên dưới sự kiện, còn nhiều ẩn số - những ẩn số ắt hẳn không liên quan gì đến văn chương và tôn giáo - mà, do thông tin bưng bít, chúng ta khó lòng có được giải đáp. Nghĩ thật buồn, văn chương và chính trị, văn chương và tôn giáo, văn chương và quyền lực... Đến chừng nào văn chương thực sự có chỗ đứng của nó, một chỗ đứng độc lập, khách quan?

Hợp Lưu.

*

Đêm cuối cuộc trường chinh đầy gian khổ, ngày mai vào yết kiến Như Lai để lên kiếp Phật, Đường Tăng trằn trọc không sao ngủ được. Suốt cuộc đời tâm nguyện tới cõi này, giờ đây khi sắp trút bỏ kiếp người, ông bỗng thấy lòng day dứt.

Nhiều ngày nay, thân thể Đường Tăng đã rã rời, đầu óc đầy mộng mị, tay biếng lần tràng hạt. Tâm linh như muốn níu chân dừng lại. Máu ông nhức nhối thấm lần cuối qua tim, cứa vào quá khứ đau xé. Ông nhớ tới những người sinh thành ra mình. Tinh cha, huyết mẹ tạo nên mà bao nhiêu năm nay ông không một lần thắp hương, không một lần nhắc nhở.

Chặng đường dài tới đất Phật khiến trái tim ông dần chai sạn. Ông đã quá nhiều lần phải lạy lục, cầu khẩn các thần thánh lớn bé, đã quá nhiều lần dẫm đạp lên xác máu yêu ma xa gần, chỉ với một mục đích: mau thành chánh quả. Ông thương người. Nhưng đêm nay, trước ranh giới cuối cùng của cõi Người và Phật, ông chợt hiểu ra cội rễ của tình thương ấy. Mỗi lần cứu giúp con người, ông chỉ thầm tính toán như xây thêm cho mình mọt bậc thang tới Phật đài.

Nhiều lần Đường Tăng đã tự hỏi tại sao nước mắt mình ngày càng lạnh giá. Giờ đây ông thầm biết, trên con đường thỉnh kinh về cứu rỗi người đời, ông đã dần dần xa lạ với con người.

Ông trở mình, thở dài: không là người, ta sẽ là ai? Yêu quái cản đường, biết bao kẻ chính từ trên đây xuống, pháp thuật vô biên, ác nghiệt vô cùng. Ta nhập vào chốn ấy biết rồi thành Phật hay ma?

Đường Tăng chợt nhói trong tim. Ông khẽ rên lên, hai tay ôm ngực. Mở mắt thấy các đồ đệ đang đứng bên giường nhìn ông âu lo. Cả ba hình như đều không ngủ.

Đường Tăng thở hắt: "Không sao đâu. Ta chỉ chợt nhớ tới ngày xưa". Nói rồi lại nhắm mắt.

Nghe tiếng Ngộ Không: "Xin thầy đừng tự dối lòng. Thầy đang nhớ cả kiếp người - Đường Tăng rùng mình khi giọng Ngộ Không quá u uất - Con từ đá sinh ra. Coi thường cả thần thánh, yêu ma, chỉ mong được thành người. Thầy đã là người lại tự bỏ mình đi tìm hồn phách khác. Đêm nay sao khỏi xót xa".

Bát Giới cười khẽ: "Làm người có gì vui. Chúng ta đã dốc lòng theo đạo, ngày mai được lên chốn thần tiên, sung sướng biết bao nhiêu. Thầy đừng

luyến tiếc".

Sa Tăng an ủi: "Thầy trò mình sắp hóa Phật mang đạo xuống khai sáng cho loài người. Công quả vĩ đại lắm".

Đường Tăng lắc đầu, nằm im hồi lâu, hai tay vẫn đặt lên tim, mắt vẫn nhắm, nước mắt trào ra ấm nóng lại. Rồi như trăn trối: "Ta ước gì đêm nay đừng sáng. Ta đau đớn cho mười mấy năm viễn du. Ngộ Không ơi! Một đời con mong được thành người thì bị bắt ép phải theo ta để thành Phật. Bát Giới tự dối mình giác ngộ thật ra chỉ là đi tìm một chốn hoan lạc mới. Sa Tăng rời cõi u mê này sang cõi hoang tưởng khác mà lại hy vọng khai sáng. Còn ta? Không còn là người, không phải là người thì làm sao đồng cảm mà đòi khai sáng, cứu vớt con người?

Ngộ Không sụp xuống nắm tay thầy nghẹn ngào: "Thầy đã nhận ra chân lý. Nhưng chậm quá rồi".

Đường về. Qua sông. Thiên sứ vừa cười vừa chỉ cho Đường Tăng thấy thân xác ông đang trôi dạt dưới cầu.

Nhưng Đường Tăng đã không nghe thấy gì nữa. Đôi mắt vô hồn.

TRƯƠNG QUỐC DŨNG

> Đường Tăng *không phải là chuyện về sự lựa chọn giữa Phật và đời, giữa tâm linh và vô thần, duy vật. Tác giả chỉ mượn cốt truyện xưa để gửi vào đó một một điều mình suy nghĩ, vì vậy ở đây Phật chỉ có ý nghĩa như một điển tích, một hình ảnh. Cái hay là người viết đã tạo ra được một tác phẩm vừa đầy chất ngụ ý, tượng trưng, vừa đầy âm điệu tình cảm, với những tính cách phác họa hết sức đơn sơ nhưng rất có hồn. Đặc biệt là nhân vật Đường Tăng. Đó là sáng tạo độc đáo của tác giả. Khác trong* Tây Du Ký, *ở đây Đường Tăng người hơn, đời hơn và dễ thương hơn. Cũng là "nhại" truyện* Tây Du, *nhưng đến phần cuối, tác giả bất ngờ rẽ sang lối khác để cho Đường tăng "ngộ" ra không phải cái thuộc về đạo mà là cái thuộc về đời - cái chân lý về giá trị của cuộc sống, ý nghĩa của sự hy sinh và con đường "cứu vớt con người".* "Con từ đá sinh ra...." *Hóa ra cái kiếp người dẫu lầm than và buồn chán bao nhiêu vẫn là một kiếp sống, một sự sống trên cõi đời này. Được sống, được làm người vẫn là điều quí giá nhất. Những gì cho dù thiêng liêng, đẹp đẽ bao nhiêu mà xa lạ với con người, không mang lại hạnh phúc cho con người thì cũng đều vô ích.*
>
> *Truyện* Đường Tăng *đầy những câu văn ngắn có hồn. Chữ ít nhưng dường như chữ nào cũng sống, cũng có một âm điệu tình cảm, một không gian...*
>
> **Lê Ngọc Trà**

GIÚP ĐỠ THIẾT THỰC NHẤT: MUA DÀI HẠN HỢP LƯU

PHAN NHẬT NAM

hai người lính... sau một lần

LTS: *Nhà văn Phan Nhật Nam, tác giả* "Mùa Hè Đỏ Lửa", "Dọc Đường Số Một", "Ải Trần Gian"... *Những tác phẩm trở thành "hiện tượng" của một thời. Anh có trên vai 14 năm cải tạo, với tám năm bị cách ly dưới hầm tối, và được xem như một trong số rất ít những người lính thuộc quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã sống và biểu hiện trọn vẹn nhất nhân cách của một quân nhân. Điều ấy chúng ta đã từng biết. Qua Mỹ theo diện HO, hơn một năm nay, Phan Nhật Nam rất ít xuất hiện trên các diễn đàn truyền thông, văn học.... Thái độ im lặng này cũng lại là một cách biểu hiện nhân cách vừa nói: Xưa, ở cương vị cầm súng, anh là một chiến sĩ can cường. Thất trận, anh là một tù binh bất khuất, đến Mỹ, anh không lạm dụng cái quá vãng đó để biến mình thành một thứ bung xung cho các tổ chức, hội đoàn hay bất cứ một thứ thế lực của bất cứ phe nhóm nào. Khi cầm bút trở lại, Phan Nhật Nam bằng đôi mắt và trái tim của một người đã kinh qua mọi khổ lụy trần gian, nhận ra cái phi lý cùng cực của chiến tranh, thân phận tốt đen tội nghiệp của những "dũng sĩ", những "anh hùng", không chừa "bên này" hay "bên kia" chiến tuyến. Từ tầm nhìn ấy, chúng ta có thể kết luận không sợ lầm lẫn: tác phẩm của Phan Nhật Nam, hiện tại, là những thông điệp khởi đi từ một tấm lòng thiết tha khôn nguôi với con người.*

Hợp Lưu

*

Anh luôn ý thức được điều, mình là người Khổ Đau. Sự khổ đau có thật, từ một tình cảnh cụ thể, hiểm nghèo... Luôn chuẩn bị để đi tù, bị nhốt vào phòng tối và tồi tệ hơn... sắp đem đi... bắn. Tình cảnh đáng sợ này không do

anh gây nên, nó xảy ra cùng một lần với sự sụp đổ miền Nam, khi những người lính được lệnh ném khẩu súng xuống đất, vất bỏ bộ máy cò, cởi... tấm áo, chiếc quần, đôi giày... Anh làm những động tác này trước mắt lính anh, ngay tầm nhìn của những người dân thất thần lơ láo... Anh tự lột truồng dưới ánh mặt trời, giữa đám đông, không ngại ngùng, không bối rối, xấu hổ... Anh coi mình như đã chết từ lâu. Nhưng, bởi chưa chết với thân xác cụ thể nên anh phải sống, với tâm thức đợi chờ lần cuối cùng kia. Anh sống như là một Khổ Đau. Đây là một "thực tế không thể phủ nhận, đảo ngược được". Hóa ra anh đã sống cùng người Cộng Sản đến mười tám năm nên nhiễm phải thói quen, chữ nghĩa của họ từ lúc nào không hay. Mười tám năm để chờ một điều không có gì phấn khởi, bằng khoảng thời gian từ lúc sinh ra đời đến ngày đi lính, cách đây ba mươi ba năm... Mười tám năm. Kinh thật!

Khi anh qua cầu An Lộc, trời đã sụp tối. Cầu An Lộc tức là chiếc cầu bê-tông thay thế cầu sắt bắt qua kinh An Phú Đông, nối tiếp con đường từ Xóm Mới lên vùng Hóc Môn, đổ ra xa lộ Đại Hàn, vòng đai Sài Gòn ở mặt Bắc. Nơi đây, suốt đoạn đường, trên từng khung sắt loang lổ của cây cầu này. Ngày ấy, khói bom, vết đạn xoáy sâu xuống mặt đất, miết hằn lên lớp sơn đỏ, uốn cong lan can vài thành cầu, vòm sắt phía bờ trái ngập nửa thân xuống nước... Người lính bò khó khăn trì chậm dưới sức nặng của ba lô, nón sắt, súng đạn... Con người di chuyển như những con sâu. Chỉ khác, con sâu bò bình yên trong đất, giữa đám lá, người lính bò nguy nan trên khối sắt còn nóng hơi. Súng nổ từ đám ô rô, bên bờ rạch đối diện, đạn chạm thành cầu nghe coong coong. Người lính hơi nhỏm lên, nhô đầu, nhìn quanh quất nháo nhác, ánh mắt thoáng vui mừng khi thấy đồng đội bò theo sau... Tia sáng vui mừng hé lên đồng thời với ánh sợ hãi... Chết tui rồi! Anh ngã ùm xuống nước. Chìm mất, Máu đỏ loang rây rây màu nước xanh. Ba lô kẹt vào chân cầu giữ xác anh không bị cuốn đi, chỉ chiếc nón nhựa bung ra khỏi lớp nón sắt trôi bập bềnh theo đề lục bình lấp lánh nắng đầu năm trên phiến lá xanh...

Anh ra lệnh cho người thượng sĩ thường vụ kéo xác người lính vào bờ, cùng lúc khám phá thêm hai thây mới... Thân áo bà ba căng cứng, rách tơi tả, lũ còng gió bám vào những lỗ thủng nhão loét, nửa người từ thắt lưng ngâm dưới nước, phần thân người trên kẹp giữa đán dừa nước, ô rô. Nước xâm xấp xô đẩy vào ra, thây người chuyển động như động tác muốn bò lên bờ. Khi kéo xác người lính lên, người hạ sĩ quan nhìn anh, khẽ hất hàm về phía thây người chết... Thôi để nó nằm đấy, kéo lên làm gì. Anh nói trống không. Tôi sợ để đấy làm dơ hết nước, mà cũng thấy tội nghiệp... Ừ... ông muốn làm gì thì làm. Anh đột nhiên nôn khan khi nhìn xuống xác người lính... *Thằng này hôm kia đi phép thăm bà già đâu trong Chợ Lớn đây mà.* Chiếc máy thâu thanh bọc vải dù mang trước ngực anh ta vỡ toang. Mặt người lính tái thâm đau đau. Anh cúi đầu bỏ đi... Có cảm giác mình cũng chết một phần.

Anh bước lên mặt đường, lớp đá bị đào xới tung tóe, lỗ chỗ. Trên dải đất

đá điêu tàn rời rã những xác chết không toàn thân... Con chó gục đầu cắn một đoạn xương người chạy lẫn khuất giữa vườn dừa cụt đầu cháy nám. Chẳng biết xương dân hay xương lính, lính Cộng Sản hay lính Cộng Hòa vì chỉ là đoạn xương chân, tay... Mùi thây chết ngây ngấy theo cơn gió càng đậm thêm trong sắc nắng thiêm thiếp đầu năm. Một ngày đầu năm miền Nam năm 1968. Cũng một năm Thân như năm nay. Hôm nay, anh đi từ cầu An Lộc, cầu sắt An Phú Đông lên ngã tư Đại Hàn mất năm phút Honda... Ngày năm ấy, mất năm ngày. Có thể lâu hơn... Thôi dẫu gì cũng hết chiến tranh, người Việt mua hòa bình với giá quá đắt. Trong trị giá này có máu của mỗi người.

... Trên đoạn đường năm phút Honda, anh sống với nỗi đau hai mươi bốn năm trước. Chỉ khác, ngày xưa anh có đồng đội, bạn hữu vây quanh chia xẻ, đấy lại là dịp đầu năm nắng vàng tươi và trời gây gây ấm. Đêm nay, anh qua đoạn đường này một mình và chiều cuối năm, tháng mười một âm lịch. Trời se lạnh, gió bạt mưa trái mùa ẩm ẩm bay bay.

Ba bóng người đứng nép vào nhau dưới mái tranh chòi quán đóng cửa bên cạnh đường dốc lên cầu Ba Thôn, cầu bắt qua con kinh nhỏ đầu xã Thạnh Lộc, nơi đơn vị anh thiệt hại ba sĩ quan khi điều quân vượt qua cầu tiến chiếm khu chợ. Cả ba đồng cấp đại úy, có người thuộc khóa trước và người cùng khóa sĩ quan với anh. Mỗi lần qua đây, anh luôn nhớ hình ảnh hàm râu lởm chởm của Khiêm... Cằm người bị nạn nghếch nghếch khi thở hắt hơi cuối cùng.

Cũng một năm thân như ngày này
Bao lâu xong hết phần phiền muộn
Theo dòng bóng tối ta qua đây
Kẻ mất... người sống tiếp cơn mộng

Anh chỉ còn cách nghĩ đến những câu thơ rời rạc khi qua mối tử sinh. Ba bóng người loáng thoáng ẩn hiện... Họ là ai... Khoảng đường này không người qua lại muộn. Người thôn quê vốn ngủ sớm, cũng là cách tiết kiệm đèn dầu. Anh quay xe, ghé sát mái hiên...

- Anh chị và cháu đi đâu? Cùng lúc nhận ra, gia đình gồm bốn chứ không phải ba, trên tay người đàn ông có một gói nhỏ, đứa bé còn trong tháng, hai chân lòi ra như hai chân chó con.

- Dạ, chúng cháu lên ngã ba An Xương. Giọng người Bắc vùng quê, tội nghiệp, than vãn, chịu đựng...

- Ngã tư An Xương xa lắm, cách đây đến hơn mười cây số...

- Vâng, chúng cháu cũng biết. Người đàn ông nhướng cặp mắt mờ đục về phía anh chứng tỏ tính chắc chắn của lời nói, chấp nhận hoàn cảnh.

Làm gì được cho gia đình này. Hai vợ chồng còn trẻ, đứa con gái nhỏ dắt tay và đứa bé nằm trong đống tả...

- Thôi nhé, tôi biếu anh và cô chút tiền đi đường, ở lại đây đi, mai đi tiếp, đường còn xa lắm.

Cho tay vào túi quần lấy hết tiền lẻ. Đưa rất lẹ và phóng xe đi. Anh không muốn nghĩ gì và nghĩ thêm gì nữa. Những người chết trên đoạn đường này, xuôi dòng kênh rạch, nơi lườn cầu... và người sống kia, ai nhọc nhằn hơn ai... Người chết quả thực thua thiệt, nhưng người sống có được gì. Anh dừng xe giữa cầu sắt Lái Thiêu, cầu bắt ngang sông Sài Gòn, nối Gia Định, Bình Dương. Sông dâng khói lớp lớp, mờ khúc quanh chảy về hướng Bình Triệu. Ông già ăn xin quen mặt vẫn còn ngồi dựa thành cầu...

- Khổ quá ông ơi... Giờ này sao còn ngồi đây, leo lên tôi chở về trong chợ. Xin ai được nữa...

Ông già hếch mặt cười cười. Nụ cười trẻ nhỏ vô tư, tốt bụng,

- Khổ gì ông ơi... A Di Đà Phật... Đời ông với tui đâu đã khổ... Ông dzề đi... mặc tui...!

- Thôi cũng được, nếu ông muốn. Hôm nay tôi cũng hết trơn tiền lẻ rồi, cho người ta dưới Thanh Lộc hết trọi... Anh mệt nhọc, giận dỗi bâng quơ. Cảm giác có lỗi và vô ích.

- Không sao, hôm nào có thì cho. Ông lão gõ gõ chiếc lon lên sàn cầu, nhìn xuống dòng sông, ư ư câu vè, câu hát lẫn lộn.

- Chào ông... tui đi về...

Ông già bắt chéo chân, ngồi bình yên - Ừ. Mắt vẫn không rời mặt nước thấp thoáng dưới xa qua màn mưa chập chờn ánh lửa từ lò gốm bên bờ hắt tàn đỏ.

Khi qua lồng chợ Lái Thiêu trời đổ mưa nặng hạt, anh ghé vào một hàng hiên. Đám đông người không rõ mặt, đứng chen chúc, tiếng ngắn hỗn độn càu nhàu, thở than. Chiếc loa ở nóc trạm thông tin đang loan báo về những thành quả thâu hoạch, sản xuất, tin tức chính trị, "... *Nhờ đồng chí Bí Thư Tỉnh Ủy tỉnh Sông Bé cùng các cấp ủy đã xuống làm việc tận cơ sở và chỉ đạo sâu, sát nên nhà máy đã sản xuất được những mặt hàng tốt, chất lượng cao, hoàn tất kế hoạch năm 1992 trước thời hạn, đạt và vượt chỉ tiêu do đảng và lãnh đạo đề xuất... Công chúa Thái Lan đã đến thành phố Hồ Chí Minh, phái đoàn Thành Ủy, Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, Mặt Trận Tổ Quốc, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ, Hội Đoàn Kết Thái-Việt... Các em bé thành phố đã dâng lên công chúa những bông hoa tươi thắm...*" Anh nghĩ đến đoạn đường còn lại, ngõ nhỏ dưới lùm tre, lò bếp, ánh đèn dầu vàng đục và căn nhà kín cửa yên lặng. Yên lặng đến mức nghe được chân nhang cháy đỏ rũ tàn trên bàn thờ ảnh mẹ... Anh hằng nghe âm động im lặng đó, tiếng đêm chuyển dịch và trầm trầm sông trôi nơi xa... *A Di Đà Phật! Đời tôi với ông đâu đã khổ... Thật đấy chứ nhỉ... Đời ông lão ăn xin đâu đã khổ... Một thân, một mình, lát nữa về lồng chợ, chỗ ngủ quen thuộc, xị rượu lãng quên... Và anh, cũng không có gì để gọi là khổ... Sung sướng nữa là đằng khác... Lo gì? Tính gì? Trí não trống không thênh thang, không nhu cầu, không hệ lụy... Dẫu là căn nhà tranh cũng kín đáo, ấm áp bội phần so với một sạp chợ bẩn thỉu, nơi ông lão ngủ nhờ và chắc chắn*

quá đỗi lớn lao đối với mái hiên của gia đình nặng con nhỏ trú đổ trên đường xa... Hai đứa nhỏ quá... Trời ơi! Anh lấy áo khoác ni-lông trong túi xách ra. Mấy ngàn đồng lẻ vừa rồi thay đổi được gì đâu. Anh quay đầu xe trở lại, hướng cầu sắt... Chái hiên nơi chân cầu Ba Thôn trống vắng. Anh đi thêm vài phút, dưới luồng sáng đèn xe, những hình người chạy lúp xúp... Con trẻ bước theo bố ngả nghiêng.

Đứa bé gục xuống ngay trên tay lái xe Honda, người đàn ông (đúng ra đang ở tuổi thanh niên, chỉ do khốn khổ hóa nên tơi tả, khờ khạo) vòng tay ôm chặt lấy người anh, gói tay nải lèn giữa bụng.

- Ông cho cháu giữ thế này nhá... Cháu bị mù. Giọng nói trẻ, chân thật, vùng quê xứ Bắc.

- Anh ở đâu, người Bắc sao đến nơi này?

- Vâng, cháu là người ngoài ý... Cháu, ý... là bộ đội!

- Bộ đội sao đến nỗi thế... Ở đâu đến đây?

- Vâng... Nhà cháu đi từ Lộc Ninh xuống...

- Gì? Từ đâu?

- Dạ... Lộc Ninh, vùng kinh tế mới ở trên ý...

...Lộc Ninh, An Lộc, cầu Cần Lê, Xa Cam,... Chơn Thành, Bến Cát, Bình Dương... Đoàn người gánh con chạy loạn năm 1972,... Chạy "hòa bình" năm 1973... và cuối cùng, chạy "giải phóng" tháng 3, 4 năm 1975... Người Thượng, người Kinh, người vào Nam cạo mũ cao su trước 1945, người di cư 1954... Đoạn đường trăm cây số này người Việt Nam sao chạy hoài không hết... Không bao giờ hết... Người bế con, cõng cha mẹ già đi dọc theo những dặm trường thống khổ quê hương...

Bé... Bé! Dậy đi con... dậy để ông dễ lái. Người cha lay đứa con nhưng vô hiệu. Nhà cháu đi từ hôm kia, ngày nghỉ đêm đi... Cháu bế con, mẹ cháu dẫn đường, dắt cháu bé này... Tội nghiệp cháu mới tám tuổi, phải đi hai ngày đường... Vừa đi vừa ngủ gật... Không tiền đi xe, đi đến đâu ăn xin đến đó...

- Bộ đội... Sao anh phải đến tình cảnh này...? Anh bỏ dở câu hỏi, vì chợt nhận ra đang nói đến một điều thừa...

- Cháu bị mù ngày giải phóng Đà Nẵng, khi vào đánh chiếm chỉ huy sở quân ngụy...

- Còn ai ở đấy để anh đánh đến nỗi bị thương mù mắt?

- Chẳng ai làm cháu gì hết... Bọn ngụy chạy tất... Chỉ do cháu tự gây ra mà thôi... Ấy là nhân bắn quả B40 vào cụm máy... Máy nó phát nổ và cháy ra cái khói sáng gì đấy... Mắt cháu bị nhiễm phải nên bị mù ngay... Y sĩ ngụy cũng không chữa được.

- Bác sĩ nào của ngụy?

- Thì quân giải phóng bắt được tại đấy, chúng nó có bao nhiêu là thuốc, phòng mổ rét đến khiếp... Cái số cháu quả không may... Thế nên rốt cuộc phải mù!

- Anh mù thế mà không được trợ cấp gì sao?

- Có ạ... Trên cho cháu nằm viện, xong chuyển ra trại an dưỡng. Cháu gặp

mẹ cháu tại đấy. Sau này lãnh đạo điều gia đình cháu đi Lộc Ninh... Từ năm 1982, mười năm rồi đấy...

- Lên Lộc Ninh làm gì?

- Dạ, làm kinh tế... Vùng kinh tế mới qui hoạch trồng tuyền cao su.

- Anh mù thì làm gì được!

- Mẹ cháu đấy chứ, cháu chỉ ở nhà nom các con... Đến khổ, phải để cho hai đứa lớn vào rừng kiếm củi... Chúng đạp phải mìn... Mìn bọn ngụy để lại đấy mà... (Giọng anh nghẹn lại) còn hai đứa bé này mắc phải sốt rét, cháu sợ mất con nên bỏ về đây... Con bé nó đang sốt đấy ạ. Giọng kể bình thản trở lại, hình như có phần hân hoan vì tìm được nguyên cớ chính đáng đã làm chết hai đứa con lớn (nghĩa là không thuộc phần trách nhiệm của anh), và quyết định đúng đắn để bảo vệ hai đứa còn lại. Nỗi sung sướng của người thoát cảnh chết, rất bằng lòng cùng phần cơ thể bị mất đi.

Khi xuống cây xăng ở ngã tư An Xương, người lính tỏ vẻ ngần ngại. Anh hiểu ý... Đừng lo, tôi đã hứa, thế nào tôi cũng làm. Đợi một lát cho mát máy, tôi vòng lui chở vợ anh, từ đó lên đây một giờ, một vòng mất hai tiếng... Anh đừng sốt ruột.

- Không, nhà cháu không có ý ấy, chỉ thấy ông quá vất vả vì chúng cháu... Cháu không biết lấy gì đền đáp... Cháu muốn nói...

- Đừng thắc mắc, tôi không lấy tiền xe anh đâu, anh không nhớ lúc đầu tôi có biếu tiền cho anh và cô mà...

- Ô hay, thế ông là người cho chúng cháu tiền khi đứng trú mưa đấy phỏng?

- Tôi đấy, không những thế tôi còn cho nhiều hơn được nữa. Đợi tôi đưa vợ con anh đến hẳn tính.

- Ông nói thế, chứ chúng cháu không dám đòi hỏi gì thêm.

Người lính đến giờ này vẫn không tin sự việc đang xảy ra, đừng nói điều lớn lao hơn. Và để thêm phần chắc chắn anh hạ giọng,

- Ông ạ... Cho cháu vô lễ nhá.

- Anh cứ nói.

- Ông là cán bộ công tác ở cơ quan nào đấy ạ?

Anh cười trong bóng tối,

- Không phải đâu...

Thật ra anh muốn có lời, "*Tôi là người lừng trái B40 ngày nào anh vào giải phóng Đà Nẵng. Anh mất hai mắt và hai đứa con, nhưng tôi và nhiều người nữa mất hẳn cuộc đời. Mất hết cuộc đời...*" Anh lên xe sau tiếng cười lớn,

- Bố tôi cũng là bộ đội như anh, nhưng ông chết rồi!

Anh nói điều thành thật.

Người đàn bà bế con đứng chờ anh trong bóng tối. Khác với người chồng bị mù, chị ta xoay trở vụng về với đứa con trên tay trong động tác leo lên ngồi sau yên xe.

- Chị sao thế, chuyền tay nải cho tôi, đặt cháu bé giữa tôi và chị, nhớ giữ cho kỹ... Té là khổ đấy.
- Dạ... Ông chạy chậm chậm cho con... Con bị hư tay. Giọng Quảng Nam buồn bã phiền phiền.
- Tay chị bị hư làm sao?
- Con... Con là... "dũng sĩ diệt Mỹ"!
- Chị có nói quá không đấy?
- Con thưa thật mà... Con còn có bằng tuyên dương "Anh hùng lao động" và "Huân chương kháng chiến" lát nữa trình ông xem...
- Tôi xem làm gì...

Và để nhắc nhở chị ta khỏi ngủ, anh chạy chậm... Nghe và ráp nối nên câu chuyện sau...

Năm 1965, người đàn bà ngồi sau lưng anh là một bé gái mười hai tuổi. Bé nhập vào đám người sống quanh bãi rác, căn cứ Mỹ Quảng Nam, Đà Nẵng nơi lính Mỹ đổ bộ đầu tiên, bãi Nam Ô. Từ Nam Ô, quân Mỹ mở rộng vòng đai phòng thủ chung quanh Đà Nẵng, chiếm đóng các cao điểm trên dãy núi Phước Tường, những đầu mối giao thông dẫn vào thành phố, mặt Bắc phi trường. Bé hàng ngày hai tay hai chai Coca đến gạ bán cho đám lính thiết giáp bảo vệ toán công binh làm cầu Cẩm Lệ, nhánh sông Thu Bồn chảy qua Đà Nẵng vòng dưới chân núi Non Nước. Hai chai Coca thỉnh thoảng mới được bán, nhưng hàng ngày bé trở về với nhiều gói kẹo, sô-cô-la bọc giấy bóng lấm màu sắc. Lính Mỹ vốn yêu trẻ con, cô bé lại có nét mặt thanh tú, mái tóc khô se che nửa mặt không làm cô bé mất nét linh động, tinh anh. Đám lính thiết giáp, lính công binh dần quen thân với bé, họ đưa cô nhỏ lên ngồi trên khung pháo tháp chiến xa, cho vào ẩn trong các vòm kim loại (để sẵn làm cống) khi trời mưa gió... Họ gọi bé "Baby coke". Thoạt đầu cô không hiểu sau dần quen. Bé cũng lần biết và gọi những tên nghe tức cười... Bốp, Dôn... hoặc nhiều âm như Lồ... me lồ" v.v... Và bé cũng dần quen với những công việc không ai biết. Đổ cát vào nòng súng, nhét những gói ni-lông nhỏ đựng một thứ nước gì đấy vào những lổ hổng của máy phát điện, máy cày, máy nổ, máy truyền tin... Tất cả do mẹ dặn sau một thời gian "điều nghiên". Điều nghiên, chữ của chú Sáu Cơ nói nói với mẹ nhiều lần. Sau thời gian "điều nghiên" và thực hiện đúng những lời căn dặn trên, bé được mẹ yêu thương, chiều chuộng hơn hẳn các em. Cầu làm xong, đám lính công binh đi chỗ khác, lính thiết giáp ở lại, làm nhiệm vụ hàng ngày đi bộ dọc hai bên đường theo đoàn xe... Từ nhà thường nghe những tiếng nổ lớn, lính Mỹ bắn vu vơ, xe thiết giáp sùng sục chạy xuống ruộng và trực thăng Mỹ bay lồng lộn bên bãi cát, trên đồng lúa... Bé biết tiếng nổ đó ở đâu và do ai... Bé có được mối hân hoan pha lẫn nặng lòng.

1968, cô bé đã là một cô gái cứng cáp khôn lanh để không đi bán Coca nữa, mà hành nghề rửa xe nơi bãi cát dưới chân cầu. Bé kiếm được những món tiền khá dễ dàng mà công việc cũng không lấy gì làm nặng nhọc. Mẹ còn cho phép bé lân la thân mật với những người lính trẻ. Những người lính tóc

vàng, mở lớn đôi mắt xanh, thường nói với giọng đùa cợt, "I love you baby..." Cô không hiểu nghĩa lời nói nhưng chắc đó là một ý vui, nên chỉ lắc đầu cười rạng rỡ. Bé cũng biểu lộ mối cảm tình với đám lính bằng cách rửa xe thật sạch, trả lại những đồng tiền quá giá biểu, nhưng cũng biết tránh né những đụng chạm lộ liễu với ánh mắt vụt trở nên nghiêm nghị, lách thân mau mắn khỏi những ngón, bàn tay suồng sã...

Do từ những tiếp xúc, nghe ngóng, dò hỏi, cô dần biết khoảng thời gian, số lượng xe, người di chuyển vào ra qua ngã cầu Cẩm Lệ. Những tiếng nổ vì thế trở nên chính xác và hiệu quả hơn... Trên mặt đất dấu máu người rây dài đến mấy ngày sau.

- Nhưng tất cả cũng tại vì con... Người đàn bà kết luận.

- Tại thế nào. Anh chuyển xưng hô vì một nỗi e ngại mơ hồ, phần mệt nhọc bất chợt nên câu hỏi lạnh nhạt trống không.

- Do con ham quá! Thấy các chú quá khen nên hôm đó thay vì chỉ chôn một trái, con cột thêm khối bê-ta, cái kíp nổ nó bị chạm... Con bị toét bàn tay...

- Sau khi kíp mìn bị nổ, ai đưa cô đi cứu cấp?

- Mỹ... Mấy người Mỹ thường ra giữ đường, rửa xe... Họ kêu trực thăng xuống, trực thăng đáp ngay trên chỗ chôn mìn, mìn nổ, chiếc tàu bay bị bung lên... Người Mỹ bắn súng đại liên chết liền... Ông ta chết đè lên người cháu, nên cháu chỉ bị thương ở cánh tay... Tay cháu hư là vì lần nổ thứ hai này... Bị phá lên thấu vai.

- Sau đó sao nữa?

- Con nằm nhà thương Mỹ, xong chuyển qua nhà tù của ngụy...

- Sao lại nhà thương Mỹ?

- Vì... Vì họ không biết cháu chôn quả mìn và làm những chuyện trước đó... Ngày nào cũng có cô y tá Mỹ biết nói tiếng Việt Nam vào kể chuyện, cho bó bông, và nhiều đồ chơi... Nhưng sau đó bên Việt Nam người ta biết... Họ vào nhà thương lấy cháu đi...

- Người Mỹ... không nói gì cô à?

- Lúc đầu, ở nhà thương người ta không cho cháu đi, nhưng sau đó cô y tá bảo vì cháu là "vi-xi" nên phải trả lại cho ngụy... Bọn lính Sài Gòn đen nhốt cháu tuốt trong Biên Hòa... Trong tù cháu được vào đoàn, sau đó kết nạp Đảng do Chi bộ nhà giam Tân Hiệp chủ trì. Các dì bảo cháu là một "chị Ba Định" hoặc "dì Nguyễn Thị Riêng" của đất Quảng anh hùng.

- Cô ở tù bao lâu? Anh ngán ngẩm, tưởng đang kéo khối nặng trì trợm một cách vô ích.

- Đâu khoảng hai năm, năm 1973, bọn ngụy trả cháu về cho chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam... Ngày giải phóng Đà Nẵng con vào tiếp thu, xong được bố trí công tác tại trại An Dưỡng thương binh... Cháu gặp anh ấy ở đấy, trên kết hợp hôn nhân cho chúng cháu... Ban quản lý bệnh viện bảo chúng cháu là "điển hình tiên tiến" của tuổi trẻ thời đại Hồ Chí Minh... Những chữ, cụm từ trơn tuột không vấp váp...

- Anh và cô chỉ được chừng ấy thôi sao? Anh nghe có nỗi hờn giận u uất, cho người và cho cả mình.

- Cháu được biểu dương, có "huân chương kháng chiến", được mang danh hiệu "dũng sĩ diệt Mỹ"... Và giọng nói trở nên mạnh mẽ hào hứng... Năm 1981, cháu được cấp uỷ Quảng Nam-Đà Nẵng đề xuất làm đại biểu tuổi trẻ đi dự đại hội liên hoan thế giới ở La-ha-ba-na, nếu đừng có những mảnh vụn trái mìn làm nám ở mặt và biết nhiều chữ... cháu sẽ đọc diễn văn ở đại hội chứ không phải chị Võ Thị Thắng... Nhưng cháu được chụp hình chung với dì Ba Định và đồng chí Phi-đen-cát-ít-xì-tơ-rô. Giọng chất ngất hân hoan.

- Cái hình còn không? Anh hỏi nhạt nhẽo vì biết câu chuyện không thể chấm dứt chứ không do tò mò tìm biết.

- Còn chớ... Được sang ra làm nhiều tấm to bằng nửa cái cửa sổ treo ở Nhà Thanh Niên, trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ, Thành Đoàn và cả Nhà Văn Hóa Thiếu Nhi... Đó là tài sản chung của tập thể chứ không phải của riêng cháu... Các chú cấp cao nói như thế, và cháu cũng phải chấp hành thôi...

- Thế cô đi Lộc Ninh từ bao giờ? Anh muốn kết thúc câu chuyện vì đã đến điểm không còn điều hân hoan... Cách chấm dứt mau lẹ một nỗi đau.

- Sau khi con đi Cu-ba về, các chú trên chấp hành nghị quyết của lãnh đạo, theo lời dạy của bác Hồ "*đâu cần thanh niên có... đâu khó có thanh niên...*" Lộc Ninh là vùng mới giải phóng lại bị càn nặng trong chiến tranh nên cần cán bộ khung làm cơ sở, nhất là để tuyên vận thanh niên. Những từ ngữ quen thuộc tuông ra mau chóng, người đàn bà đã quên mất cánh tay hư, trăm cây số đường dài từ Lộc Ninh và một tương lai khởi đi từ ngã tư An Xương, một nơi gia đình chị đi đến...

Chín giờ đêm, anh đến ngã tư An Xương lần thứ hai. Người chồng và đứa con gái ngồi chờ ở mái hiên, anh giương tròng mắt trắng đục nhìn xuyên qua màn đêm dày ngóng vợ, con.

- Mẹ... Mẹ... Mẹ đến rồi bố ơi!

Người thanh niên đứng vụt dậy. Anh khua gậy lên mặt nhựa đường. Mình... Mình... Mẹ... Mẹ đâu...? Và khi giữ được vợ con trong tay, anh bật khóc...

- Bây giờ nhà cháu xin nói thật, nhà cháu xin lỗi ông... Cháu tưởng ông không trở lại, ông đưa mẹ cháu đi luôn... Mà... mà... cháu cũng muốn thế! Mẹ con nó quá khổ... Cháu không đành...

Anh cười thảm hại. Tôi đưa vợ anh đi luôn để làm gì... Và đi đâu? Tôi cũng không khá hơn tình cảnh gia đình anh, còn tệ hơn nữa là đàng khác! Thật ra anh cũng đã rõ ý nghĩ của người thanh niên từ chuyến đi đầu tiên... Không có tình thương trong cuộc sống của những con người này, nếu có cũng quá đỗi hiếm hoi. Hiếm hoi như tiếng lời họ rất ít khi *được nói thật và nghe cùng.*

Anh lấy trong túi xắc tất cả số tiền vợ chồng người bạn vừa đưa khi chiều để dùng trong dịp lễ Giáng Sinh và đầu năm dương lịch... - Đây nhé, tôi chỉ có từng này, anh và cô giữ cho cháu. Ngày mai dùng đi đường, cháu nhỏ

không còn sức đi thêm nữa... Nhưng anh và cô đến ngã tư An Xương này làm gì?

- Chúng cháu định đi Tây Ninh. Người vợ sau khi đã đầy đủ chồng con, lấy lại thế chủ động, mau mắn như sẵn có.

- Làm gì trên Tây Ninh?

- Chúng cháu đi... ăn xin. Người thanh niên can thiệp. Đôi mắt mù cho anh ta mối tự tin không ngượng mặt.

- Đi ăn xin thì cần gì phải lên Tây Ninh... Sao không về Sài Gòn... Anh cũng không chờ câu trả lời, phóng vụt xe đi. Điều phiền não trong lòng đã quá đỗi lớn lao. Hình như mắt cay cay.

Khi anh trở lại cầu sắt Lái Thiêu, đêm đã qua khuya, mưa tạnh hẳn, trời cao, mây bàng bạc, trăng hạ tuần biêng biếc. Anh dừng xe chỗ ông lão hành khất ngồi ban chiều, nhìn xuống dòng nước sâu đen... Sóng cuốn trăng trôi theo dáng sông. Ánh lửa chài đêm chập chờn đầu sông, phía Bình Dương. Nhìn trái, phải, hai nhịp sàn sắt im lặng ướt sương và cơn mưa vừa qua. Nghĩ được gì đây... Có con thuyền nhỏ dật dờ xô đẩy dưới chân cầu. Anh đi đến, nhìn xuống. Bước chân chạm thành cầu nghe âm u. Thuyền tối sẫm, chỉ bồng bềnh dáng người ngủ say, chân buông thỏng trên sóng nước... Hóa ra lời ông già ban chiều mới thật đúng... *A Di Đà Phật... Ông, tôi đâu đã khổ...* Kể cả người nằm say trên dòng sông dưới kia.

PHAN NHẬT NAM

Viết cho tất cả những người đã sống, chết
của cả hai bên để không có gì thay đổi như dòng sông.
Gửi bằng hữu gần xa.
Tháng 11, năm 1993

Đón đọc trong tương lai gần:

PHAN NHẬT NAM

ĐOẠN TRƯỜNG THẤT THANH

(thơ)

BỨC TƯỜNG ÁNH SÁNG

(tiểu luận)

TỘI ÁC VÀ TỘI LỖI

(truyện dài)

Những tác phẩm đã hình thành trong suốt thời gian 14 năm cải tạo và những ngày trên đất Mỹ

LÊ BÁ ĐẢNG

cái xưởng của lê bá đảng

Họa sĩ Lê Bá Đảng

LTS: *Từ ngày 4 tháng 11, 1994, họa sĩ Lê Bá Đảng đã cho khai mạc một một triển lãm lớn tranh tượng của ông tại Detroit, Southfield Michigan. Cuộc triển lãm thành công đáng kể. Nhân dịp này, qua điện thư,* Hợp Lưu *đã được tiếp xúc với họa sĩ Lê Bá Đảng. Ông cho biết đang xúc tiến việc lập một Xưởng Vẽ tại Hà Nội để tiếp tục công việc sáng tác và đào tạo những thế hệ tạo hình mới cho đất nước. Bài viết dưới đây của ông giải thích lý do thành lập Xưởng Vẽ. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ ở cuối bài.*

Cũng cần nhắc lại, họa sĩ Lê Bá Đảng là một trong những nghệ sĩ tạo hình hiếm hoi của Việt Nam được thế giới biết đến như một tài năng lớn của nhân loại. Ông từng được bầu "The Man of the Year" *của thế giới năm 1991. Và mới đây nhất, chính phủ Pháp vừa trao tặng ông huân chương* "Chevalier des Arts et Lettres" *(1994).*

Hợp Lưu

*

Đi tìm cái MỚI trong một cái xưởng thì thật là nhỏ bé, thiếu tầm vóc chăng?

Nhưng với tôi, cái xưởng lại gần gũi với tay nghề hơn, và thân mật ấm cúng hơn, để phân cơm, đổi áo, chia xẻ ngọt bùi với anh em bè bạn và con cháu cùng một chí hướng. Vả lại đây là một bước đầu của tôi trên đất nước Việt

Nam.

Vậy đây là xưởng chứ không phải là trường. Trường có khuôn khổ, có ngăn nắp, đường lối đã định trước với những điều lệ nhất định, những bài vở đã soạn trước soạn sau (mà người ta thường gọi là giáo trình), có ngày giờ, có thi cử, có luật lệ, bằng cấp, có giám đốc, hiệu trưởng, có thầy trên, trò dưới, có cả lương bổng, chức tước, hưu trí và nghỉ hè nữa. Nghĩa là hầu như có tất cả. Chứ còn cái MỚI trong sáng tạo nghệ thuật thì chưa có thực sự (1).

Cái xưởng của tôi chỉ là một xưởng nhỏ để tìm tòi sáng kiến và đường lối sáng tạo giữa con người cùng lý tưởng, không thầy, không trò, mà là bạn hữu, là sự đồng cảm, dạy bảo nhau như con một nhà, với một ý thức tạo nên cái đẹp trong sáng với tấm lòng yêu thương và theo đuổi chung một lý tưởng, chung một yêu cầu, chia xẻ những cái diệu kỳ của trí thức. Trong sáng tạo nghệ thuật không tuân thủ khuôn khổ nhất định, cứng rắn nào đã viết sẵn trên giấy trắng mực đen. Nên chăng có một khuôn khổ nào thì chỉ là một *khuôn khổ vô hình, vô dạng, tự nhiên như lẽ sống, mát tươi của tình cảm thiên nhiên nằm trong văn hóa, trong thuần phong mỹ tục của cha ông để lại(2).*

Trong xưởng, tôi là người nhiều tuổi hơn hết, hay là cùng một lứa tuổi với mọi người, nhưng có kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tìm tòi sáng tác cũng nhiều hơn ai cả. Vậy trước hết tôi đề nghị: Những ai có ý kiến, những ý nghĩ, hãy đừng e ngại rụt rè, đừng mặc cảm, cứ đưa ra để cùng chia xẻ, bàn lui nói tới, làm cho nhau hiểu, rồi mới tìm những kỹ thuật, kỹ xảo, thủ pháp, đường lối, chất liệu để tạo ra một cái gì chưa có, một cái gì vừa đẹp vừa có tình có nghĩa vừa ăn khớp với con người. Hãy yêu chuộng cái tự nhiên, không dùng những ngôn ngữ nghệ thuật giật gân, lai căng, điều đó chỉ đem lại những cái tầm thường và lố lăng. Nên nhìn thẳng vào cuộc đời, vạn vật với cặp mắt, với cả tấm lòng một cách bình thường, lợi dụng những chất liệu sẵn có trong đất đai cây cối vạn vật mà chúng ta chung đụng hàng ngày, với ý nghĩa giản dị, không khách sáo, không "bác học", không có gì bó buộc tâm hồn, rồi từ đó tìm ra những kỹ thuật mới, uốn nắn những chất liệu mới phát sinh ra ý nghĩa mới để sáng tạo nghệ thuật. Cách tìm tòi sát cánh với đời sống văn hóa của dân tộc, của con người thật, không chịu ảnh hưởng của ai hết, đó là con đường nghệ thuật của chúng tôi hiện giờ.

Cái đẹp mới đang tìm, chưa ai hình dung nó ra thế nào cả.

Tôi chỉ biết là nó sẽ không giống những cái gì đã có, đã cũ kỹ, lạc hậu hay bắt chước của xứ ngoài.

"TA VỀ TA TẮM AO TA"

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải đi xa hơn cái đẹp huyền bí của kẻ thông thái, của bức tranh, cái tượng mà xưa nay mọi người ca tụng, ôm ấp như cái gì thần thánh vô biên.

Theo tôi, cái đẹp này từ xưa đến nay vẫn nằm một chỗ dù có thay đen ra trắng, thay tròn ra méo, chứ cái *bản chất* của nó vẫn y nguyên. Con người cứ chạy quanh cái đẹp ấy rồi đặt ra thuyết này thuyết nọ, cao siêu trong sách

vở, bí ẩn trong tâm hồn. Từ hiện thực đến trừu tượng, từ trừu tượng đến siêu này siêu nọ, siêu cả cái siêu, nhưng vẫn một đường mòn này, đến đường mòn khác, đi mãi, đi vào chỗ bế tắc như bất cứ ở đâu trên thế giới này(3).

Nhưng đây là chuyện của người ta.

Trí-thức-hóa, tâm-linh-hóa cái đẹp cũng là đường mòn. Tôi tưởng rằng phải tình-cảm-hóa, nhân-đạo-hóa cái đẹp với ý nghĩa cao sâu rộng lớn hơn nữa mới là MỚI, mới hợp thời, mới phụng sự được số đông con người. Cái đẹp có thêm bề rộng lẫn bề sâu.

Trong lĩnh vực nghệ thuật Việt Nam phải cố gắng ra khỏi vòng vây cũ, phải *thay đổi cả cái bản chất của cái đẹp* mới họa may đi kịp người ta và phụng sự được con người Việt Nam hiện giờ.

cái ĐẸP MỚI phải đi xa hơn cái đẹp hiện giờ. Cái đẹp TÌNH NGƯỜI theo ý nghĩa sâu cao, rộng lớn nằm ngoài cái khuôn khổ, sách vở hiện có trong các trường hiện nay.

Trong tiếng nói của ta đã có hai chữ TÀI-TÌNH. Vậy tôi hiểu: có TÀI phải có TÌNH.

Có TÀI phải có TÌNH như cha ông đã sắp vào trong tiếng nói để con cháu dễ hiểu hơn. Tôi mơ ước cái đẹp này sẽ giản dị, nhưng không phải giản dị mà phẩm chất bị xuống cấp. Cái đẹp mới phải ăn khớp với đời sống, với văn hóa, lịch sử của dân tộc, với con người Việt Nam trước đã, rồi với thiên nhiên tạo hóa, với thị trường quốc tế.

Cái đẹp tạo ra bằng bàn tay, trí óc để phụng sự *con người thật*, chứ không phải chỉ có trên sách vở, lý thuyết, nhất là những sách vở lý thuyết sao chép bắt chước của nước ngoài một cách nô lệ, rồi thổi phồng làm rùm beng lên. Kết cục tựu trung không vẫn là không.

Cái đẹp đâu phải chỉ có trong tranh, trên tượng sơn son thép vàng ngạo ngược trên vách, ngủ gục trong bảo tàng, cửa đóng then cài, hay trầm ngâm im lặng trên các bệ vừa nặng, vừa cao, hay trong cái khung chạm trổ nhăng nhít bắt chước Tây Tàu rồi khen nhau là đẹp? Nhưng đây cũng là chuyện của người ta và quyền tự do của mọi người.

Cái đẹp trong tranh tượng là chuyện dĩ nhiên mà nó còn phải ở trong những thứ cần dùng của con người, tất cả con người, như cái bát, cái đĩa, đôi giày, cái nón, cái đồ nữ trang, cái xe xích lô, cái đường đi, cái hồ, cái vườn, cái bệnh viện, cái trường học, cái nhà trẻ, cái mồ mả ông cha, cái đình, cái miếu, cái xóm, cái làng, cái thành thị và cả cái kinh đô nữa. Nghĩa là từ cái nhỏ đến cái lớn và bất cứ cái gì mà thân thuộc với con người trên xứ sở này cho đến cái ý nghĩ, lời nói, tình thương.

Từ cái đẹp có hình thức cho đến cái đẹp vô hình thức cũng nằm trong hướng tìm tòi của xưởng tôi.

Không biết cái đẹp này có toàn mỹ hay không? Có động chạm chi đến quyền lợi của ai không? Có nằm chung trong cái đẹp huyền bí, cao siêu không? Những người sáng tác ra những cái này có phải là nghệ sĩ, nghệ nhân hay không?

Chúng tôi cứ bình tĩnh tìm tòi sáng tác. Sau này con cháu và lịch sử sẽ đánh giá và xếp lại, ai vào chỗ nấy theo luật tự nhiên chứ không phe phái, không tự cao.

Trong xưởng chúng tôi, anh em không cần phải học năm bảy năm như ở trường, để rồi ra trường sáng tác những cái mà người khác đã làm rồi, và hơn nữa lúc ra trường nhiều người không sống được với nghề nghiệp của mình. Thì chẳng khác chi dã tràng xe cát biển đông.

Ở trong xưởng, chúng tôi tìm tòi, bài cãi về tất cả các vấn đề quan hệ đến cái đẹp thực tế với đời sống, cũng không quên cái đẹp trong tranh tượng, huyền bí cao siêu.

Rồi từ đó thảo luận, lý thuyết và mỗi khi có ý kiến hay nhiều ý kiến mới bắt tay vào thực tế. Trí óc điều khiển cái tay. Trí khôn bày ra kỹ thuật là lẽ tự nhiên. Mỗi người một cá tánh, một lối khéo tay, một trí khôn, nhiều kỹ xảo, thủ thuật, không để cho thầy lấn áp. Tôi đã thấy nhiều người chịu ảnh hưởng của thầy quá nặng rồi cả đời không bỏ được. Điều đó thật là nguy hiểm!

Mặc khác cũng không nên cúi đầu làm để làm. Trước khi bắt tay vào làm phải hiểu phải biết, rành rỏi mình muốn làm cái gì đã.

Sáng tác phải có sáng kiến và tay nghề. Tìm ra sáng kiến là chuyện rất gay go nhưng rồi cũng có cái kỹ thuật tìm ra sáng kiến. Còn chuyện tay nghề là chuyện nhuần nhuyễn tay chân với trí óc suốt cả đời chưa đủ.

Chúng tôi vừa học sáng tác vừa học hỏi tay nghề cùng một lúc học hỏi làm ăn sinh sống. Cái sống vật chất là cái cần thiết, rất cần thiết để nuôi sống con đường sáng tạo. Vậy tôi tin tưởng rằng cả hai cái phải đi đôi với nhau như cuộc sống của tôi đã mấy chục năm nay .

Làm thầy, làm thợ với làm thuê.

Nhưng đây không phải là tất cả. Giấc mơ trong ý chí một ngày sẽ nở ra hoa rồi thành trái. Trí óc, tài nghệ và ý chí của con người vô giới hạn.

Đây là ý nghĩ đầu tiên của tôi. Còn ra sau này mỗi chúng tôi sẽ tìm ra một đường lối, nhiều đường lối khác nhau nữa. Và cái mục đích chính là để phụng sự cái dân tộc này đang bị thiệt thòi vì giặc giã vì lý thuyết ngoại bang. Chúng tôi sẽ tự cao là một phần tử trong gia đình Việt Nam, cái Việt Nam không hề chịu một lý thuyết hay sức mạnh nào từ xứ ngoài đưa đến nếu chúng tôi không thể uốn nắn nó lại cho ăn khớp với dân tộc.

Bài này đến đây chỉ là *lý thuyết*. Không ai còn lạ gì lý thuyết chỉ là lý thuyết. Lý thuyết hay bay theo mưa theo gió.

Vậy tôi nêu ra đây vài thí dụ dễ hiểu hơn:

- 1. Con người Việt Nam bất cứ đạo giáo nào, trình độ học thức cao siêu đến đâu, giàu hay nghèo, nhà quê hay thành thị, từ Nam chí Bắc, ai ai cũng một lòng thờ phụng cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã quá vãng.

Đây là cái đẹp thuần túy của dân tộc ta.

Vậy sao chúng ta không lợi dụng cái duy nhất này mà sáng tác ra một thứ mộ cho đẹp, cho hài hòa với sông núi, hài hòa với văn hóa, lịch sử, tương lai,

với đoàn kết giống nòi như một bọc trăm trứng sinh ra. Không giống mồ mả của nước nào hết, cũng không lố lăng, du thời, chướng tai gai mắt, mà thật là *đặc sắc, độc đáo Việt Nam*. Đặc sắc con cháu vua Hùng, ăn khớp với đất đai sông núi và lòng người. Còn về mặt mỹ thuật là một tác phẩm mang dấu người xưa, như thành Ốc Cổ Loa.

Mỗi làng một tác phẩm, lan tràn từ miền núi đến đồng ruộng, từ Nam chí Bắc. Tình nghĩa đẹp tươi, hình thức mang dấu người xưa mấy ngàn năm còn đó.

Cái đẹp này nằm trong văn hóa thuần phong muỹ tục của giống nói Việt. Cái quý hóa nhất là mỗi tác phẩm mộ chỉ có một chỗ để nhang khói cúng vái, tụng niệm. Thành ra mỗi người đến nhang khói là cho tất cả linh hồn, tượng trưng cái lòng chia xẻ cùng nhau, chết sống vẫn có nhau, và đã cùng một gống nòi, đồng bào, làm thành một khối.

Còn gì tươi đẹp hơn không?(4)

- 2. Ở xứ ta mọi người đều biết cái xe xích lô trong các thành phố là xấu xí, là nô lệ, là nghèo nàn.

Chúng ta không phải là nhà cầm quyền để xóa bỏ, mà cũng không phải là nhà từ thiện để giúp đỡ. Nhưng chúng ta có thể chữa đổi, vẽ lại cái xe xích lô cho kiểu cách, sạch sẽ, đẹp mắt. Làm cho cái xấu xí trở nên *một tác phẩm mỹ thuật*, linh động mà ai cũng muốn dùng và làm sao ngoài cái đẹp, người lái được đỡ nhọc, đạp ít mà lại đi nhanh, áo quần, giày dép cũng hài hòa với xe với cảnh.

Trong một thành phố mà mỗi xe xích lô là một dáng nghệ thuật độc đáo sẽ có biết bao nhiêu tác phẩm đẹp, linh động chạy quanh thì có đẹp mắt cho mọi người, có che đậy được ít nghèo nàn, nô lệ hay không?

Như vậy cái đẹp ở đây có thực tế không? Có khác với cái tượng trên bệ, cái tranh trên vách ở chỗ nào không?

- 3. Nước nào cũng có nhà thương. Nhà thương là nơi rất buồn tẻ. Cho nên ở ta gọi là bệnh viện nhưng cái buồn tẻ vẫn đeo đuổi mãi trong bệnh viện. Người bệnh, dù là lãnh tụ, giàu có hay nghèo nàn, nhiều khi nằm lại đó hàng tuần, hàng tháng giữa bốn bức vách chật hẹp với ý nghĩ đen tối mà hiện giờ cái đẹp của chúng ta lại đưa vào bảo tàng cửa đóng them cài cho kẻ lành mạnh. Còn người đau ốn, bệnh tật thường thường buồn bã, huiiquạnh lại không có.

Vậy sao chúng ta không tìm ra một *lối đẹp mới*, hài hòa với tình cảm ốm đau, rồi đưa vào các phòng bệnh cho người nằm đó được khuây khỏa tâm hồn, được chút vui mắt, rồi biết đâu cái đẹp ấy sẽ trở nên thứ thuốc an thần giúp người ốm chịu đựng cái số phận của mình. Không phải cái đẹp nào, màu sắc nào dù có giá trị trên thị trường đến đâu đi nữa cũng không thể đem lại cho người bệnh được. Phải có một thứ *đẹp riêng biệt*, không động chạm đến *bề sâu của người bệnh* và cái đẹp ấy phải nhẹ nhàng đưa họ vào một thế giới yên tĩnh mới được.

Cái đẹp này nằm *trong tình cảm, tình nhân đạo* không phải là thừa và chưa

nước nào có, dù họ có giàu có đến đâu đi nữa. Con người sáng tác ra cái đẹp này có dáng vóc, tầm cỡ con *người THẬT*. Tìm ra mọi thứ đẹp, đưa cái đẹp đó vào không gian xấu xí để làm cho nó thêm đẹp cả trong lẫn ngoài và bề sâu cũng đẹp thì thật là kiểu cách của một dân tộc văn minh.

Nếu một ngày nào có triển lãm quốc tế, tôi muốn đưa cái đẹp này đi đấu thì có đặc sắc không? Có khác người ta không?

- 4. Trên các ngã ba thành phố, giữa kinh đô, xôn xao người qua kẻ lại lúc đèn xanh báo hiệu. Con người bắt buộc xô đẩy nhau qua đường, phải chen chúc trong hai cái vạch cứng rắn, xấu xí như muốn ép bức con người.

Tất cả các nước giàu hay nghèo, đâu đâu cũng vậy. Bắt chước nhau đặt đèn xanh đỏ, sơn mấy vạch cứng rắn để ép uổng con người qua lại.

Thật là thiếu óc sáng tạo, thiếu văn minh hay không muốn trọng con người và xem con người không có nhạy cảm.

Vậy ở thành phố, kinh đô chúng ta sao không trang hoàng các chỗ này bằng những bức thảm ghép bằng đá cẩm thạch hay đất nung đẹp như các các bức thảm trong nhiều nhà giàu có sang trọng thì có văn minh hơn không? Có phụng sự con người không? Có phải là nghệ thuật của một dân tộc văn minh không? Cái đẹp chia xẻ cho mọi người, không ích kỷ thì có Việt Nam không?

- 5. Vì sao xưa nay và ở đâu đâu cũng cứ nhìn thẳng vào phong cảnh rồi họa ra bức tranh. Cho vào khung treo lên vách, làm tiệc mời bạn bè rước người đến phê bình, cầu lụy kẻ sưu tầm đến ngắm nghía.

Người khen đẹp vì có chấm đỏ, kẻ chê xấu vì màu xanh. Lý thuyết của ai giàu có la to, lớn tiếng là có lý và phần đông là ù ù, gật gật không thì sợ bị khinh là không có khiếu mỹ thuật. Có khi lại đưa vào thị trường buôn bán giả tạo, hôm nay giá cao ngày mai giá thấp, không ai biết đâu vào đâu hay là chỉ một vài bọn lái buôn, mánh khóe, lợi dụng kẻ mê tín mà thôi. Tôi đã mục kích cái đẹp này mấy chục năm nay rồi.

Hiện giờ tôi muốn đi xa hơn nữa. Là tưởng tượng ra một bức tranh rồi từ mẫu nhỏ xây cất ra một bức tranh lớn ngoài trời như cái vườn, cái xóm, cái làng, cái nhóm đảo du lịch, cái thành phố, cái kinh đô một nước mà con người là chi tiết làm ăn sinh sống trong bức tranh ấy. Ông cha chúng ta thường trỏ vào cảnh vật rồi nói là "đẹp như tranh họa đồ".

Bức tranh này không sống với ánh sáng giả tạo, không cửa đóng then cài, không riêng cho nhà trí thức thông thái hay giàu tiền của, cũng không cho bọn lái buôn lợi dụng, mà cho tất cả con người, con vật và cả tạo hóa thiên nhiên. Linh động sống với mưa gió, bão lụt, nắng hạn mưa phùn, sáng tối tự nhiên. Sông ngòi, đường sá, cây cối như những nét bút thần tiên. Nhà cửa đền đài như các khối điêu khắc. Tất cả được xếp đặt hài hòa như thần thánh đã làm kiến trúc sư tuyệt diệu. Trong bức tranh có chó sủa, heo kêu, người cười, kẻ khóc, tiếng hát tiếng hò, người đen kẻ trắng. Màu sắc do thánh thần thay đổi theo mùa Xuân, mùa Hạ. Ánh sáng cũng thay đổi từng giờ từng phút. Một *không gian* mới lạ mà quen thuộc.

Hỏi thử ở xứ nào trên hoàn cầu này có những bức tranh như thế. Rải rác

trên lãnh thổ Việt Nam có rất nhiều những bức tranh này. Nếu làm được những bức tranh "không gian" như vậy, thì thử hỏi có người ngoại quốc nào đến đây dám tự cao rằng chỉ có nước họ mới văn minh?

- 6. Nếu chúng ta để riêng cái tự cao, cái đắc thắng rồi bình tĩnh xem lại các đồ gọi là mỹ nghệ buôn bán trên thị trường Việt Nam thì thật buồn tẻ. Nếu đi vào các nơi làm đồ gỗ, làm đất nung, làm thảm hiện giờ mà nhiều người giới thiệu, la to đấy là truyền thống. Có lẽ các người ấy và tôi không có chung một cái truyền thống chăng? Thật ra tôi không thấy truyền thống ở chỗ nào cả. Toàn là đồ nhí nhăng, không có gì là Việt Nam. Chỉ là cẩu thả không có trình độ, không có thể thực sự chen chân, hích cánh nổi vào chốn buôn bán của thị trường quốc tế. Cái nào cũng giống của bên này hay bên kia, không có tính cách là Việt Nam gì cả. Lại còn thấy bóc lột đàn bà, trẻ con, làm ăn bẩn thỉu mà mấy chục năm cách mạng đã muốn giải phóng con người nô lệ.

Chất liệu của ta thiếu, tài nghệ có thể đào tạo được, trí óc sẵn có. Cái cần nhất là tổ chức với *trách nhiệm*, với *hiểu biết* chứ không tổ chức để có tổ chức với giám đốc ù ù gật gật, với điều lệ, lương bổng, hối lộ, chức tước mới được.

Chúng ta phải nhìn lại một cách khách quan, *trách nhiệm* để chữa đổi từng cái một. Mỗi cái đẹp, phải độc đáo, duy nhất không giống ai hết. Mỗi cái là *một tác phẩm mỹ thuật*, làm bằng tay không giống ai hết. Hiện giờ các nước nghèo cũng bắt chước cái nước giàu, làm cái gì cũng dùng máy móc. Mỗi cái làm ra hàng ngàn hàng vạn cái giống nhau như đúc, những cái làm ra đã không có một tí tình người, lại chỗ nào cũng có, ai ai cũng có thể có được. Sản xuất ra nhiều quá chẳng biết bán cho ai. Các cửa hàng chật ních những đồ nhố nhăng ấy. Chúng ta muốn sống phải đi con đường khác, có mẫu khác người ta, rồi *toàn làm bằng tay*. Một mặt, đồ làm bằng tay của mình có tình người hơn là đồ làm bằng máy và hơn nữa nước mình có nhiều tay làm. Và hiện giờ chỉ có một đường duy nhất này mới hòng buôn bán làm ăn được.

Tôi chắc rằng đây là một cửa mở rộng rãi có tương lai cho hàng nghìn hàng triệu người Việt Nam đang kiếm việc làm ăn sinh sống(5), nếu mình muốn, các nhà có quyền hành muốn.

Phải biết tận dụng, sử dụng những cái khéo léo của người Việt Nam để kiếm cách làm ăn, làm ra những cái đẹp, đi đến *cái sống đầy đủ* hơn, thoải mái hơn. Và hiện giờ dân tộc Việt Nam cần sống đầy đủ hơn lúc nào hết.

"Muốn ăn phải lăn vô bếp"

Đây là một vài ý kiến riêng của tôi trước khi xưởng thành hình. Tôi tin rằng sau này sẽ có bao nhiêu người từ lòng xưởng của tôi mà ra với hàng đống ý nghĩ mới mẻ hơn, to tát hơn, tình người hơn, đó là lẽ tự nhiên.

Tôi rất tin ở những con người Việt Nam thật. Tôi không tin ở lý thuyết trống rỗng, ở chức quyền choán chỗ và những trường phái trên giấy tờ, cũng như thủ tục hàng cây số. Tôi tin ở một ngày gần đây chúng ta có thể đưa những ý nghĩ này vào thực tế được. Vì tôi còn nhớ là ngày mới đi học (1942) tôi đã mơ ước một ngày nào có thể vẽ được những bức tranh xanh đỏ tím vàng,

vẽ cô đứng, cô ngồi, cô rơi lụy, treo lên vách như nhiều đại sư khác và có thể bán buôn những bức tranh này để sống bằng nghề HỌA SĨ mà các cô các bà yêu chuộng.

Giấc mơ ngày còn trẻ đã thành hình và hơn nữa lại được nhiều nước văn minh, con người họ có văn hóa, biết chuộng nghệ thuật mời mọc và kính trọng tôi như con người thật, đi đâu cũng được kẻ đón người đưa nhã nhặn chứ không phải bắt cóc, không thủ tục lăng nhăng, không công am theo dõi.

Còn ngày nay, tôi đã trưởng thành, cái mơ ước của tôi là đưa cái ĐẸP MỚI về với dân tộc tôi có lẽ chỉ là ngày một ngày hai chăng?

Tôi đã trở lại với dân tộc tôi như cá với nước. Nhưng biết đâu trong đám bùn rong rêu, nước đục chài lưới còn lai vãng đâu đây?

LÊ BÁ ĐẢNG
1993-1994

Ai có ý kiến chi nên cho biết:
Lê Bá Đảng
16 Eue Boussinggault
75013 Paris, France.
Tél: 1.45881 1764 - 9347 0854
Fax: 1. 4393 6220
Hay chuyển cho **Nguyễn Hào Hải**
Số 4 xóm Hạ Hồi, Hà Nội
Cảm ơn.

---

(1) Không có ý chỉ trích mà nhận xét thực vì tôi chưa thấy cái mới nào ở trường nào ra cả. Nói thật hay mất lòng, nhưng mất lòng trước được lòng sau.

Vậy tôi xin lỗi nếu có xúc phạm đến ai.

(2) Nhập gia tùy tục. Ai muốn vào xưởng phải biết tự trọng, phải biết cái khuôn khổ vô hình vô dạng này mới được. Lẽ tất nhiên là phải có ít trình độ văn hóa.

(3) Đây không có ý chê bai, phản bội hay ăn cháo đá bát mà là một cách tìm hiểu để tìm ra con đường mới. Con người nghệ sĩ không đi tới nữa là như đã chết rồi.

(4) Đây không phải là ảo tưởng. Lúc cần tôi sẽ trình bày thêm với kiểu cách, chi tiết. Một dân tộc tạo nên con đường mòn Hồ Chí Minh thì không có công trình nào không làm được.

(5) Đây là chuyện tổ chức. Tổ chức với hiểu biết, với trách nhiệm thật sự, chứ không tổ chức để có tổ chức choán chỗ với điều lệ, thủ tục với bà con, anh em, con cha cháu ông, với kiêu căng vô tình cảm. Tổ chức tốt cũng chưa đủ, còn phải đấm bên này đá bên kia để tìm thị thường buôn bán ra nước ngoài. Ở các nước khác người ta coi khách mua là vua, tôi chỉ yêu cầu coi khách như người đem lại công ăn việc làm. Phải thật thà, giữ lời hứa, nhã nhặn như con người văn minh mới được. Mất khách, không có khách là đi vào chỗ chết.

HOÀNG HƯNG

cây cầu - vùng cỏ may

Qua hết ngổn ngang nháo nhào bụi bặm
Gặp lại vùng cỏ may
Khúc sông mù mịt hai đầu
Cây cầu đứng như từ một kiếp nào
Vết bánh xe xuống bãi
Mỏm đất màu sô-cô-la
Nước sủi bọt hòn đá ném thăm dò định mệnh.

Em ơi mười lăm năm có đủ để nhàm chán một tình yêu
Có thừa để sụp đổ một bến sông
Nhưng phải chăng mười lăm năm
mới đi hết xa lộ cám dỗ để gặp lại cỏ may
Cỏ may bãi heo may
Hơi thở xa vắng lặng
Ngày ấy mắt em xanh
Yêu anh mắt em bạc vì nước mắt
Có cây cầu làm chứng
Vết bánh xe hằn trên cát
Một chiếc xe ở lại một chiếc ra đi
Anh đã mất những tháng năm đẹp nhất
Đi tìm cái quái quỉ gì
Để gặp lại khúc sông mù mịt
Đất đai bãi bờ sông nước
cây cầu đứng như chôn vào vĩnh cửu

Anh thầm kêu
Có tiếng nước dâng từ sâu thẳm
Nếu ngày mai anh không chết
Là anh bắt đầu trẻ lại
Đến ngày mắt em chưa bạc vì nước mắt
Anh sẽ tìm lại em ở vùng cỏ may này
Có cây cầu làm chứng

HOÀNG HƯNG
(Hà Nội- Sài Gòn Đông Xuân 91-92)

HUỲNH HỮU UỶ

vài bóng dáng ngựa trong nghệ thuật tạo hình thế giới

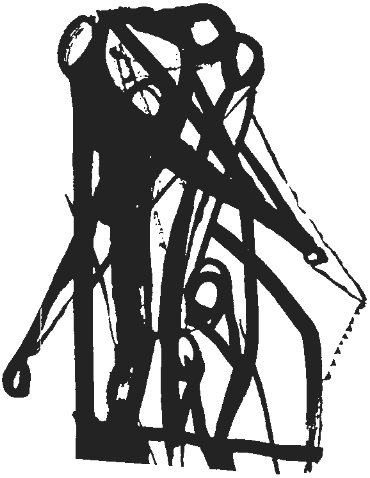

Khi loài ngựa chưa được thuần hóa mà còn là những đàn thú hoang dại gắn liền với những cánh đồng cỏ mênh mông vô tận, là đối tượng săn bắn của người nguyên thủy, thì ngựa đã được vẽ hoặc chạm khắc trên vách đá các hang động tiền sử. Những bức tranh từ thời đại đồ đá cũ (paléolithique), bằng màu sắc lấy từ các khoáng chất tự nhiên, đất đá hay cây cỏ hoang dại đã biểu lộ một óc quan sát tinh tế và nhạy cảm của những nghệ sĩ nguyên thủy đối với cuộc sống và cảnh vật chung quanh. Kỳ diệu thay, những di tích nghệ thuật cách đây hàng bao nhiêu nghìn năm mà mãi đến nay vẫn còn giữ được sức truyền cảm hoang sơ và rất sâu xa trong lòng nhân loại.

Cạnh những dã thú khác như tuần lộc, sơn dương, bò rừng, voi ma mút, hà mã, đà điểu, tê giác và cả chim bồ nông, những con ngựa được ghi nhận rất kỳ lạ và hấp dẫn, có lúc khá trung thực theo quan sát của thị giác, có lúc phóng bút với những biến dạng như những biểu tượng, ký hiệu và gợi ý. Những Con ngựa trên hang đá Lascaux ở Dordogne chuyển động rất linh hoạt, có con ở trong tư thế phi nước đại vì những mũi tên nhắm bắn đến từ đàng sau. Hoặc những con ngựa bên hình vẽ những bàn tay người ở Pech-

Merle vùng Lot nước Pháp vẫn còn hiến tặng cho chúng ta một vẻ tươi mát hoang dại lạ lùng, những con ngựa ấy rất gần với nghệ thuật của các họa sĩ trừu tượng hiện đại.

Từ bấy giờ đến nay, trên con đường hình thành lịch sử loài người, bước qua thời tân thạch khí, thời đồ đồng, đồ sắt, thời cổ Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, thời cổ điển rồi đến thời đại chúng ta, trong tất cả các nền văn minh từ phương Tây đi qua các vùng Lưỡng Hà (Mésopotamie) với Babylone, Assyrie, đi qua Ba Tư, rồi đến Châu Á với hai nền văn minh lớn Trung Hoa, Ấn Độ, đến các vùng đất xa xôi hơn ở Châu Phi, Châu Úc và Châu Mỹ La Tinh, bất kỳ ở đâu có vết tích con người thì chúng ta đều có thể truy tìm những tạo dáng về ngựa. Khắp nơi và khắp nơi, trên đá, trên đồng, trên gốm, trên gỗ, trên thủy tinh và trên nhiều chất liệu khác nhau của nghệ thuật tạo hình.

Thật ra thì cũng hơi khó để có thể đúc kết thành một tổng mục chính xác, để chỉ trong một cái nhìn bao quát, mà thấy được hết những biến thể phong phú của hình tượng ấy. Những con ngựa tung vó giữa trời lộng gió của thảo

Ngựa, bò rừng và sơn dương trên vách đá một hang động miền Tây Nam, nước Pháp

nguyên mênh mông, có con như đang bay bổng qua bầu trời, vượt lên trên nhiều phố thị, nhà cửa, núi non chập chùng. Những con ngựa khác lặng lẽ thong dong bên các bờ sông suối, có con như đầy vẻ tư lự trầm mặc bên hoa cỏ và mây ngàn. Lại có con khác nữa sải bước chầm chậm, thong thả đi về, vì vừa dẫm qua vùng cỏ hoa thơm ngát ngoài đồng nội, các móng chân còn giữ nhiều hương thơm nên hấp dẫn đàn bướm vàng lập lờ bay lượn theo.

Hình tượng người cưỡi ngựa hoặc ngựa kéo cổ xe cũng là đề tài hết sức quen thuộc của các nghệ sĩ tạo hình, với yên cương điểm trang đẹp đẽ, với cổ xe thô mộc hay trang trọng, lộng lẫy.

Điểm qua những dáng ngựa đã in đậm trong ký ức mỹ thuật, chúng ta chẳng thể nào quên được những phóng bút tài tình của Hàn Cán. Bức tranh rất danh tiếng của ông bằng mực nho trên giấy xuyến chỉ vẽ con ngựa trắng bị cột vào trụ cây, giận dữ đập vó nhảy chồm lên hung hãn. Cùng bút pháp ấy, trong một bức khác vẽ *Hai con ngựa và gã mã phu*, thủ pháp thủy mạc trên lụa có tôn thêm bằng một chút màu nhẹ, hai con ngựa sóng bước, lộ ra tất cả cái tinh anh sống động của loài ngựa, đúng là họa sĩ đã mất công nghiền ngẫm tu luyện rất công phu mới nắm bắt được cách miêu tả tài tình ấy.

Nhà danh họa thời Tống Lý Long Miên tiếp tục phát triển bút pháp về ngựa của Hàn Cán, nhưng có góp nhiều suy nghĩ để chuyển biến đi, với dáng vẻ chắc nịch khỏe khoắn và rất sống động. Điển hình nhất về thể loại này của Lý Long Miên là bức tranh lụa *Năm con ngựa triều cống*, mỗi con đều có mã phu đi theo kèm giữ. Con nào cũng để lộ một thần thái linh hoạt với ức, bờm, chân, đuôi rất chặt chẽ, hài hòa, những chấm phá mực Tàu trên mình ngựa xiết bao tài tình. Có giai thoại kể rằng vào một ngày kia, Lý Long Miên vẽ xong một loạt tranh về ngựa sau khi quan sát đàn ngựa của nhà vua, viên quan đặc trách trông coi về ngựa đã đòi tịch thu những bức tranh ấy vì ngại rằng thần khí của đàn ngựa đã nhập hết vào tranh! Chừng ấy cũng đủ cho chúng ta thấy sự tài tình và danh tiếng của Lý Long Miên như thế nào. Vậy nên khá dễ hiểu khi nghe Tô Đông Pha bình luận: "Trong đầu Lý Long Miên có hàng nghìn con ngựa, không phải ông chỉ vẽ da thịt ngựa mà còn vẽ cả xương cốt ngựa nữa".

Rồi danh họa bậc nhất thời Nguyên là Triệu Mạnh Phủ cũng nổi bật lên và được truyền tụng mãi về những bức tranh ngựa vô cùng thần tình, chẳng kém gì hai bậc tiền bối Hàn Cán, Lý Long Miên. Bức thủy mặc *Đàn ngựa qua sông* hiện thuộc sưu tập của Viện bảo Tàng Freer Gallery (Hoa Thịnh Đốn) tỏ lộ một tài năng tuyệt vời, nhận xét tinh tế, nét bút vững chãi, đúng mực, sinh khí ẩn tàng mạnh mẽ, chủ động với thần khí ngay cả trong những nét nhỏ nhặt nhất.

Nhắc đến các họa sư Trung Hoa, chúng ta cũng phải đề cập đến Từ Bi Hồng cận đại mà phóng bút vô cùng sinh động về những dáng ngựa lồng lên đã tạo nên cả một phong cách riêng biệt rất mới.

Cùng trong dòng nghệ thuật phương Đông, chúng ta cũng khó lòng quên được tạo hình về ngựa trong tiếng nói dị biệt và rất độc đáo của Nhật Bản.

Hãy thưởng thức một bức tranh mộc bản của Okumura Masanobu, tranh *Chàng hiệp sĩ trẻ Samurai trên mình ngựa* vẽ khoảng năm 1740. Kỹ thuật khắc gỗ giản dị nhưng đã tạo nên được một không khí phong nhã đặc biệt của đất nước Phù Tang.

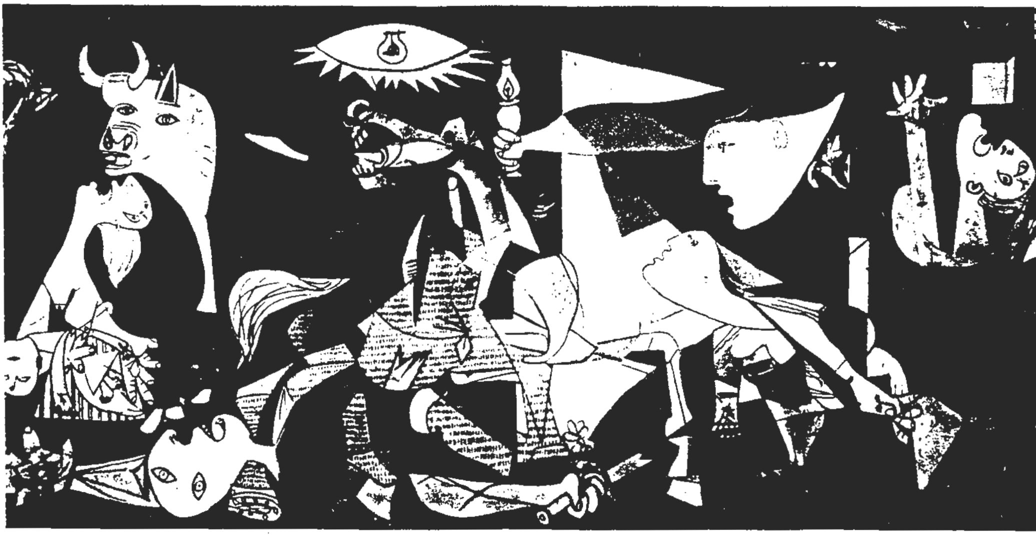

Picasso, Guernica

Trên con đường nối liền giữa phương Đông và phương Tây, chúng ta sẽ gặp một nền nghệ thuật có sức quyến rũ rất bí ẩn pha đôi chút tịch mịch là nghệ thuật của xứ Ba Tư đã từng là một đế quốc hùng cường thời cổ đại. Hãy thưởng lãm một tiểu họa phẩm vẽ một chàng trẻ tuổi chơi đàn lute bên cạnh con ngựa trắng với đầy đủ yên cương rất thơ mộng và kỳ ảo. Đây là tác phẩm của họa sĩ bậc thầy Sharaf Al-Husaini Al-Yazdi, đặc biệt thuộc phong cách của hậu bán thế kỷ XVI. Người Ba Tư rất ưa chuộng mỹ thuật, ham thích âm nhạc, bàn ghế chạm trổ tinh xảo, những tấm thảm màu sặc sỡ, mọi người bất kể đàn ông hay đàn bà đều mang đồ trang sức bằng vàng bạc, châu báu, ngọc ngà, cuộc sống tinh thần tỏa ra một ánh sáng đẹp đẽ, thiêng liêng, tục lụy và thần bí như đã tan hòa trong nhau. Nghệ thuật của những bức tiểu họa Ba Tư đã bộc lộ được tính cách và thế giới riêng tư ấy, rất tinh xảo và kỳ bí, được vẽ bằng bút lông cực mịn làm bằng lông sóc, lông dê, lông lạc đà hay lông chồn, màu sắc thì pha với nước hồ hay lòng trắng trứng. Điển hình là bức tranh của Sharaf Al-Husaini Al-Yazdi chúng ta vừa xem qua, hiện thuộc bộ sưu tập của viện bảo tàng Hermitage và được ước đoán là bản còn lại độc nhất của tác giả này vì chưa tìm thấy bức nào khác trong cùng bút pháp.

Với nghệ thuật tạo hình phương Tây, hẳn rằng chúng ta không thể nào không nhắc đến pho tượng kỵ mã rất danh tiếng của Donatello, tượng Gattamelata, vẫn thường được xưng tụng là một trong những công trình điêu khắc về kỵ mã đẹp nhất trong toàn bộ nền mỹ thuật thế giới. Cùng với thời kỳ này (thế kỷ XV), chỉ sau Donatello vài mươi năm, Verrocchio dựng một tượng kỵ mã khác - tượng Colleoni - đã đạt tới cái đẹp rất hùng tráng và hiện thực, ngày nay cũng được nhìn nhận như một vết tích nghệ thuật đáng kể của loài người. Và trong chính nhịp chuyển động của nền mỹ thuật Ý Đại Lợi, bước vào thế kỷ XVI của thời Phục Hưng (Renaissance), thiên tài Leonardo da Vinci cũng đã từng bắt tay xây dựng một tượng kỵ mã vĩ đại nhưng tiếc thay, chỉ mới hoàn thành phác thảo thì đã bị phá hủy hoàn toàn khi quân đội xâm lược Pháp tiến vào Lombardie.

Ngựa, Marino Marini

Trong lĩnh vực hội họa, bóng dáng ngựa cũng để lại nhiều ấn cảm mạnh mẽ. Chúng ta nhớ đến *Ngựa trong cơn bão* của Eugène Delacroix với một bố cục người và ngựa rất chặt chẽ mà đầy vẻ lãng mạn bi thảm. Và Gauguin trong bầu khí hoang dã thơ mộng của hải đảo xa xôi, giữa rừng núi chập chùng, biển mênh mông, sương mù, đồng cỏ, cây lá xanh um và hoa dại nở tràn, giữa những phụ nữ bản xứ hồn nhiên và đầy nhựa sống bản năng, hẳn rằng ngựa là đề tài rất hợp với cảnh trí tự nhiên ấy. Gauguin vẽ nhiều tranh ngựa như *Những người cỡi ngựa trên bờ biển, Vũng lội qua sông (Le gué), Ba người phụ nữ và con ngựa trắng*, và đặc biệt nhất là *Ngựa trắng*. Bức *Ngựa trắng* (Le cheval blanc, 1898) thuộc sưu tập bảo tàng Louvre gợi nên một vẻ trầm buồn và huyền bí mênh mông, phảng phất chút gì cô đơn, hào tráng.

Trong khi ấy, những tranh ngựa của Géricault và Degas về những cảnh đua ngựa thì chỉ gợi lên một vẻ đẹp êm ái hợp với mỹ cảm bình thường của mọi người.

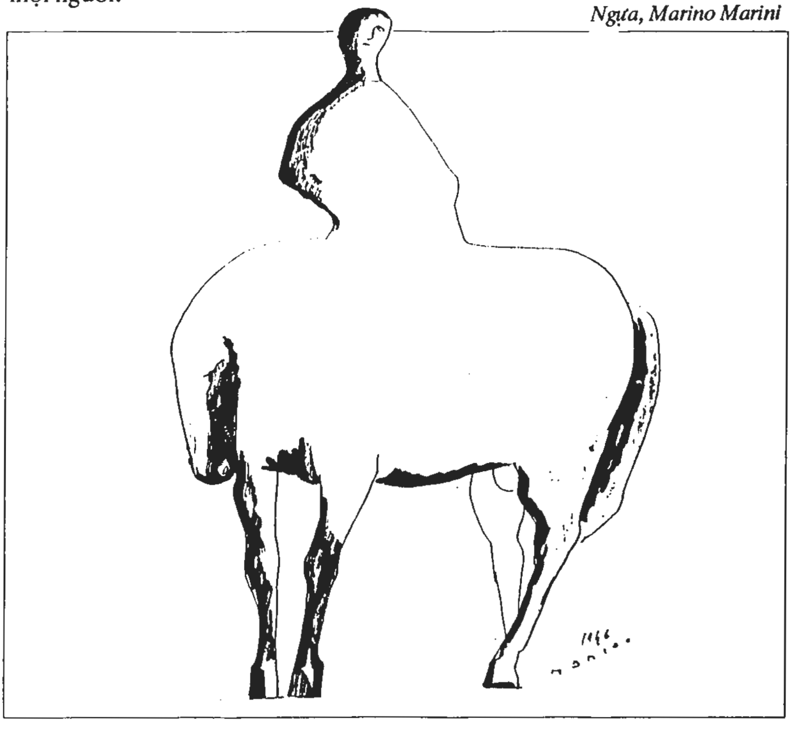

Ngựa, Marino Marini

Giữa nhiều nghệ sĩ đi tìm cảm xúc từ hình bóng con ngựa, chắc chắc Picasso là người đã dựng nên một dáng ngựa kỳ lạ nhất. Trên tấm nền lớn u tối với những màu đen trắng và vài vệt vàng nhạt, Picasso đặt con ngựa kỳ lạ ấy vào chính trọng điểm của tấm tranh vĩ đại nhất mà cũng là vết tích sâu sắc nhất

Ngựa, Marino Marini

của thế kỷ chúng ta: Bức Guernica, vẽ năm 1937, khi Picasso nghe tin thành phố này của quê hương thân yêu bị dội bom rất tàn bạo. Những đường nét biểu hiện hung hãn, sự thật của hình thể bị bóp méo, xô lệch , bẻ gãy, vặn vẹo, làm lệch lạc đi, cốt để phát biểu cho được sự thật sâu xa nhất mà nếu chỉ vẽ lại một vài hình ảnh thực bên ngoài theo đúng như thực thì chẳng thể nào biểu đạt nổi. Con ngựa Guernica như bị choáng ngợp, ngộp thở, đang vùng vẫy, kêu gào, thét lên căm phẫn. Đau khổ, tang thương, nhưng cũng không kém phần bi tráng, để chống lại bóng tối, chống lại tội ác và sự suy đồi.

Bút pháp về ngựa gần như thế, nghĩa là với phong cách tổng hợp của biểu hiện, lập thể và siêu thực trong Guernica, về sau này chúng ta còn gặp lại nơi một vài nhà tạo hình khác như Alexander Calder và Marino Marini. M. Marini lấy đề tài này để nghiên cứu, làm việc, sáng tác liên tục như một trong những mục tiêu lớn của cuộc đời nghệ thuật, vẽ và thực hiện rất nhiều điêu khắc về ngựa, có thể nói là ông đã triển khai phong cách tạo hình ngựa trong Guernica nhưng điều ấy cũng chẳng hề gì, ông đã góp sức lực rất nhiều để dựng thành một tiếng nói riêng biệt về ngựa của thời đại chúng ta.

HUỲNH HỮU UỶ

HÀ NGUYÊN DŨNG

bùi giáng

Bỏ đàn dê lại sườn cao
Vung roi lùa mộng đi vào cõi thơ
Mưa nguồn giọt giọt xanh mơ
Dòng tài hoa lịm đôi bờ xưa sau
Ngàn thu rớt hột bụi lau
Lá hoa còn vẫn tươi màu nguyên sinh

Bỏ thơ, xách gậy lùa mình
Tìm lời cố quận, lục hình bóng xưa
Hỏi người, đã gặp chi chưa?
Mắt trừng thảng thốt, như thưa, sắp rồi!
Nghe thiên thu hội ý trời
Sắp sai đất mở lời mời tài hoa
Xin chào nhau cõi người ta
Mà đi, để lại màu hoa trên ngàn!

HÀ NGUYÊN DŨNG

NGUYỄN QUANG TẤN

dạo khúc (6)

ở chỗ mà chúng ta buông tay rơi vỡ chiếc bình
long lanh giọt nước tình duyên
nơi đó sau này thành sông thành biển
thuyền ai chèo về xứ vô biên

ở chỗ mà hương thơm của làn hơi thở
làm mở bừng tất cả những bông hoa
chiều nay là mây viễn xứ
một mai là gió giang hà

ở chỗ mà chiếc chìa khóa vàng
rơi từ đỉnh tháp xuống mù tăm
tôi một mình cúi xuống
từ vực sâu lời gọi âm thầm

nơi này anh đã yêu em

NGUYỄN QUANG TẤN

THỤY KHUÊ *thực hiện*

trò chuyện với giáo sư nguyễn huệ chi về văn hóa cổ truyền việt nam

Thụy Khuê: *Thưa anh Nguyễn Huệ Chi, được biết anh sang Pháp để trình bày một vài vấn đề về văn hóa Việt Nam cổ truyền, vậy nếu có thể, xin anh cho biết rõ hơn mục đích chuyến đi của anh được không?*

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi: Thưa chị, đây là lần đầu tiên tôi đến nước Pháp, và đến nước Pháp theo lời mời của một tổ chức tưởng như không liên quan gì đến công việc chuyên môn của mình là tìm hiểu văn hóa và văn học truyền thống của Việt Nam, đó là hội PARTAGE, một tổ chức xã hội ở Pháp, có mục đích "chia sẻ tình thương" với trẻ em nhiều nước trên thế giới.

– *Vậy tại sao hội PARTAGE lại mời anh?*

– Thưa chị, nói "chia sẻ tình thương" tức là cứu trợ các em, nhưng hội PARTAGE lại quan niệm rằng: muốn giúp được trẻ em ở một nước nào để chúng trở thành những con người hữu ích, thì ngoài sự cứu trợ vật chất, còn phải tìm hiểu kỹ những thành tố đã gắn bó các em từ trong tiềm thức với xã hội, với cộng đồng của các em, mà quan trọng là những yếu tố như lịch sử, văn hóa, tâm linh, v.v... Đó là những sợi dây thiêng liêng cần được gìn giữ, bồi đắp, nếu không nguy cơ đứt đoạn có thể xẩy ra và trong tình hình đó, dù có được chăm chút bao nhiêu đi nữa, trẻ em vẫn có thể phát triển một cách méo mó, lệch lạc, thành một thế hệ "mất gốc" hoặc "vô hồn". Như thế việc giúp đỡ sẽ không còn mấy ý nghĩa. Hội PARTAGE rất muốn giúp đỡ trẻ em Việt Nam, họ lại có quan hệ với một trường Phật học cao cấp ở Meyrac. Họ đánh giá rất cao tư tưởng Thiền học ở Việt Nam vào thời Lý - Trần. Trong một khóa tu tập Thiền học vào mùa hè năm nay, có nhiều học giả, kỹ nghệ gia ở

nhiều nước về tham dự, họ mời tôi sang, vừa để có dịp tìm hiểu cách tu tập Thiền học mới mẻ ở đây, vừa trình bày về văn hóa Việt Nam cho người nghe biết rõ về bản sắc nền văn hóa lâu đời này, đặng góp phần với PARTAGE trong việc giúp đỡ trẻ em Việt Nam sau này.

– Thưa anh, vậy theo anh, bản sắc truyền thống của văn hóa Việt Nam là gì?

– Đó là một câu hỏi rất khó và không thể trả lời vắn tắt, vì nếu nói quá vắn tắt thì bao giờ cũng khiếm khuyết điểm này điểm nọ, và nhìn từ phía nào ta cũng cảm thấy là chưa đủ. Nhưng trong điều kiện thì giờ hạn hẹp, có lẽ cũng đành phải chịu mang tiếng khiếm khuyết chứ biết thế nào hơn. Tôi nghĩ, bản sắc rõ nhất của văn hóa Việt Nam xưa nay là tính bao dung (tôi mượn chữ này của một nhà phê bình văn học). Nói bao dung là bao hàm trong nó một ý nghĩa về phẩm chất (sự vị tha, độ lượng, v.v...) và cũng bao hàm cả một ý nghĩa về đặc điểm kết cấu (là sự dung hợp của nhiều thành tố, sự thu hút nhiều thành tố từ bên ngoài nó). Con người Việt Nam cổ truyền vốn sống mộc mạc, chân chất, sẵn sàng tiếp nhận nhiều nền văn hóa từ ngoài đưa đến, và với thời gian, trong quá trình chung sống, tự chúng sẽ được thanh lọc dần dà để trở thành một cái gì khác trước, một cái gì không còn là ngoại lai nữa mà đã mang cái hồn Việt Nam, một cái gì không còn rời rạc riêng rẽ nữa mà đã trở thành một sự tổng hòa, vừa đa dạng lại vừa thống nhất. Đó chính là văn hóa Việt Nam. Đòi hỏi văn hóa Việt Nam phải là một bản sắc thuần chất là điều hình như không tưởng.

– Nhưng hẳn cũng phải có yếu tố gì đóng vai trò chính thì mới chuyển hóa thành cái văn hóa của mình được chứ?

– Chị nói rất đúng, một sự thanh lọc về văn hóa bao giờ cũng đòi hỏi "nội lực" của yếu tố văn hóa chủ thể, nếu không thì không thể gọi là dung hợp được mà chỉ là "hỗn hợp" hay "trộn lẫn" mà thôi. Nhưng định danh cho được yếu tố chủ thể trong văn hóa Việt Nam quả thực khó khăn, dù rằng cái chủ thể này vẫn biểu hiện đậm nét trong lối sống của người Việt, hay trong các phương thức sinh hoạt folklore mà hầu hết chúng ta đều tắm mình ở đấy (tắm từ thuở còn trong bụng mẹ). Có người nói yếu tố chủ thể của văn hóa Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước vốn có từ lâu đời. Có thể đúng là như vậy, nhưng tôi nghĩ, nói điều này cũng phải thật nhuyễn, nếu không thì có vẻ như mất hồn nhiên, vì dân tộc nào mà chẳng giàu lòng yêu nước, và có dân tộc nào suốt từ cổ sơ cho đến hết thời trung đại đã ý thức được mình một cách tự giác, đầy đủ? Ở đây có lẽ còn có vấn đề loại hình. Người dân Việt Nam từ bao nhiêu đời nay, vẫn sống trong môi trường canh tác nông nghiệp (cây lúa nước), cuộc sống đầu tắt mặt tối bắt buộc trí óc họ thường phải gắn với thực tiễn và ít khi tiếp nhận được một quan niệm vũ trụ mang tính siêu hình. Vì thế, đứng về loại hình mà nói, mặc dù ở trong vùng Đông Nam Á, văn hóa Việt Nam lại có phần khác với một loại hình văn hóa như Ấn Độ, mà gần gũi với một

loại hình văn hóa kiểu Trung Hoa. Nhưng mặt khác, người dân Việt cũng là một cộng đồng sống trong một tổ chức xã hội tương đối lỏng hơn cái xã hội có tổ chức chặt chẽ là Trung Hoa trong hàng mấy nghìn năm. Cho nên, nếu đưa một khuôn phép cứng rắn áp đặt cho người Việt thì không phải là chuyện dễ. Chấp nhận cộng đồng nhưng từ trong chiều sâu tâm thức, người Việt không muốn hy sinh cá thể một cách cực đoan; họ chỉ muốn hài hòa cộng đồng với cá thể. Đó là tính cách riêng của nhân bản Việt Nam. Tính cách dân tộc đó sẽ giúp người Việt sàng lọc đi những gì không thích hợp, lần lần làm đổi thay cả hệ thống đã áp đặt lên họ một cách âm thầm nhưng hữu hiệu.

–Anh vừa có những ý kiến phân tích thật sâu sắc, nhưng giá anh nói rõ thêm điều này một chút nữa thì thính giả dễ tiếp nhận hơn.

– Tôi xin lấy một ví dụ để làm rõ ý của mình. Ta đều biết vào thời Lý - Trần, hiện tượng "Tam giáo đồng nguyên" - ba hệ giá trị văn hóa khác nhau cùng chung sống với nhau- đã đem lại cho đời sống tinh thần của người Việt trong vòng năm thế kỷ một bộ mặt rực rỡ, với khí hậu phóng khoáng, cách sống an nhiên tự tại, trong đó vai trò tầng lớp trí thức được đặc biệt coi trọng. Nói như Lê Quý Đôn: "Bởi vì nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hòa nhã mà có lễ độ, cho nên nhân vật trong một thời có chí khí tự lập, hào hiệp, cao siêu, vững vàng, vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ sử sách" (Kiến văn tiểu lục, "Tài phẩm"). Đại Việt sử ký toàn thư cũng nói thời kỳ này "nhân tài đầy dẫy". Vì sao được như thế? Đó là vì xã hội Lý - Trần được xây dựng trên nguyên lý "hòa nhi bất đồng". Nói khác đi, cái xã hội biết lấy sự dung hợp văn hóa làm đầu cũng là xã hội biết tôn trọng sự đa dạng của cá thể cá nhân, không dùng cộng đồng để xóa bỏ cá nhân. Nhờ đó con người đã sống hồn nhiên, có một "mép lề phóng khoáng" (Đặng Thai Mai) để phát huy hết các năng lực riêng và chung của họ. Biết Trương Hán Siêu là người bài xích Phật giáo, nhưng các vua Trần sùng Phật cũng không vì thế mà không sử dụng ông đúng với tài năng của ông. Hay khi vua Trần Anh Tông rủ Phạm Tông Mại đi tu, Phạm không nghe, nhà vua cũng không ép. Thử hỏi cho đến mãi sau này, có triều đại nào thông thoáng, hay nói như cách nói của nhà Nho, "lễ nhượng" được như vậy?

Thế rồi, đến khi nhà Lê lên thì từng bước gạt bỏ văn hóa Phật và Đạo, cũng gạt bỏ dần các phương thức sinh hoạt văn hóa dân gian, áp đặt một xã hội trên nền tảng tam cương ngũ thường của Nho gia. Xã hội này hết sức cường thịnh dưới triều Lê Thánh Tông, nhưng đó là sự cố gắng "nhân tạo" của một vị hoàng đế có tài năng và giàu bản lĩnh, nó vẫn có phần không hợp với quy luật "dung hợp" và "thanh lọc" hồn nhiên của văn hóa Việt Nam. Kết quả, triều đại Lê Thánh Tông chỉ cường thịnh được gần 50 năm, sau đó là rơi vào triền miên khủng hoảng. Tất nhiên là có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân không kém quan trọng là về mặt tinh thần, tâm lý, người Việt không phải là con người dễ dàng chịu gò mình trong khuôn phép một cách thô cứng. Họ rất ôn hòa, nhưng cũng thích được hít thở không khí thoải

mái, có một khoảng trời để mình ung dung tự tại. Ngay chính tầng lớp Nho sĩ, tuy trong đời sống "quan phương" (officiel) vẫn phải lấy Nho giáo làm phương châm hành xử, nhưng đằng sau họ, vẫn ững sợi dây mật thiết gắn họ với Phật giáo, Đạo giáo ... như những duyên nợ lâu đời. Chúng vừa có tác dụng hóa giải ngấm ngầm cách nhìn cứng nhắc trong họ, vừa là một sức mạnh nâng đỡ tâm hồn họ, giúp cho tình cảm của họ trở nên mềm mại, uyển chuyển qua một thoáng trầm mặc siêu hình. Và sau những giờ phút phải đặt mình vào cái khuôn Nho giáo cứng nhắc, lý trí nặng như đá vì những chuẩn mực trung, hiếu, tiết, nghĩa, bao giờ nhà Nho cũng bằng cách này hay cách khác tìm sự thăng bằng trở lại cho tâm hồn họ trong các biện pháp "phóng nhiệm", "buông xả" của Phật và Đạo, nó là một chuyển động rất có ý nghĩa và hầu như khó cưỡng, không phải trên bề mặt mà từ dưới bề sâu. Nói "dung hợp" chính là ở đây, và nói sáng tạo của văn hóa Việt Nam cũng chính là ở đây.

– Thưa anh, Thụy Khuê xin hỏi thêm anh một câu: Là một chuyên gia văn hóa Lý - Trần được nhiều người biết tiếng qua các tập của bộ sách Thơ văn Lý - Trần, lâu nay anh và nhóm tác giả có phát hiện được gì mới hay không?

– Thưa chị, nếu nói phát hiện ra các văn bản văn chương thì không có nhiều, nhưng phát hiện các di tích văn hóa Lý - Trần lâu nay chưa ai biết đến thì có đấy. Chúng tôi đã phát hiện được 4 di tích quan trọng thuộc thời Lý - Trần và một di tích thuộc thời Tây Sơn. Lần đầu tiên vào tháng 10 năm 1992, chúng tôi tìm ra Ngọa Vân am, nơi Hoàng đế Trần Nhân Tông, cũng là vị tổ đầu tiên của Thiền phái Trúc Lâm "tịch". Đây không phải là một địa điểm nằm trên hệ thống chùa chiền Yên Tử như lâu nay nhiều người vẫn ngộ nhận. Mà đây là một địa điểm cách xa Yên Tử, nằm trên dẫy Yên Sinh. Nếu coi chùa Quỳnh Lâm ở Đông Triều là một trung tâm Phật giáo vào cỡ lớn nhất nhì thời Trần thì từ trung tâm đó, có ba nhánh đường hướng lên núi (lên với sự thanh tịnh) theo ba phía: phía Đông bắc là Yên Tử, phía Tây bắc là Ngọa Vân, phía gần chính Bắc là động Hồ Thiên. Từ 50 năm nay, đây là lần đầu có một đoàn khảo sát trèo lên Ngọa Vân. Phải vượt lên hai con dốc dựng đứng cao chừng 900 đến 1000 mét so với mặt biển là dốc Đồi Gianh và dốc Cổng Trời (cũng gọi là dốc Chạm Hàm), rồi đi thêm khoảng 500 mét đường rừng nữa mới đến một thung lũng tuyệt đối yên tĩnh. Đấy là núi Ngọa Vân, ở đó có Thiên Sơn từ (đền nghìn núi, thờ các vị thần núi), có ngôi chùa lớn, tường dày đến 1 mét, và trên tầng đá cheo leo nhất là Ngọa Vân am (vẫn còn 3 chữ Hán rõ nét). Phía trước, ở tầng dưới thấp là hai tháp gạch cổ, cao lớn, một đề là "Phật Hoàng tháp" (tháp Trần Nhân Tông), và một nữa là "Đoan Nghiêm tháp" (không biết của vị sư nào).

– Tình trạng của di tích này hiện nay ra sao?

– Thưa chị, nói ra thật buồn, khi chúng tôi đến thì cái nơi người anh hùng dân tộc lừng danh đã sống và chết cách đây 700 năm đã bị thời gian và con

người tàn phá một cách đáng kinh ngạc. Ngày xưa hàng năm, chúa Trịnh vẫn bắt các vương tử và quận chúa phải lên đây để chiêm bái người anh hùng, rồi khắc bia ghi lại việc đó. Vào thời Minh Mạng, ba chữ "Phật Hoàng tháp" cũng được khắc trên một phiến đá đồ sộ, gắn lên mặt trước tháp. Ấy thế mà nay bia bị đập tan từng mảnh, chùa mất hết mái, tháp bị đào rỗng ruột, đứng lung lay trước gió. Mấy chữ "Phật Hoàng tháp" rơi xuống vỡ thành mấy khúc, cả tấm bài vị bằng đá cũng bị đem ra ghè vỡ. Chúng tôi ngờ đây là hành tung của bọn tìm vàng. Trong đoàn tôi có hai chị, nhìn cảnh ấy bỗng nghẹn lời. Chúng tôi phải ngủ lại một đêm, mất nhiều thì giờ nhặt các mảnh vỡ tấm bia xếp lại, ngồi hỳ hục đọc với nhau rồi mới xuống núi. Suýt quên, trước khi xuống, chúng tôi còn phát hiện được một cái thống lớn bằng đá hình ô - van, bên ngoài chạm cánh sen, có lẽ là chậu thiêu hương, nhưng phát hiện rồi lại phải chôn xuống ngay vì sợ số phận của nó sẽ như tấm bia của các con chúa Trịnh hay tấm biển đá thời Minh Mạng.

– Ngoài di tích Ngọa Vân, đoàn anh còn phát hiện được gì nữa?

– Như tôi đã nói, cũng ở Đông Triều, chúng tôi còn phát hiện được 4 di tích khác, đó là: 1. Khu vực Hồ Thiên Động với một ngôi thạch thất, ngôi nhà ghép bằng những phiến đá lớn, xẻ thành tấm, kể cả mái nhà, ở trong có một tấm bia chạm khắc rất đẹp vào năm 1736, và gần đấy là những cái tháp kỳ lạ, phía dưới bằng đá trắng, phía trên là gạch màu đỏ như son, trơn láng, không có hồ dính mà khít liền nhau. 2. Khu vực non Đông mà tên còn lưu lại trong bài phú Cư Trần Lạc Đạo của Trần Nhân Tông, ở đây ngoài những cái tháp của thế kỷ XVIII, vẫn còn một tấm bia bị mất đầu, khắc vào năm 1331 (bia đang đứng trước mũi những cần cẩu đào than của mỏ Mạo Khê, lăm lăm chĩa vào nó). 3. Khu vực "Thiên Long Uyển" ở Yên Đức, có thể là một vườn thượng uyển dã chiến của hai vua Trần trong chiến dịch Bạch Đằng năm 1288, vẫn còn ba chữ "Thiên Long Uyển" khắc vào đá núi và một tấm bia của Đỗ Khắc Chung là người từng nổi tiếng vì hành vi oanh liệt đến trại giặc Nguyên đấu lý với Thoát Hoan và cả vì câu chuyện giai thoại với Huyền Trân công chúa, bia này viết vào năm 1348. 4. Đình Trạo Hà ở ngay thị xã Đông Triều, bên trong có một ngôi mộ kết bằng ba phiến đá lớn, mỗi phiến khắc một đạo sắc của Nguyễn Nhạc (1787), Nguyễn Huệ (1788), và Nguyễn Quang Toản (1801), cùng phong cho một vị tướng của Tây Sơn là Đông phái hầu, chết năm 1788, chắc là hy sinh trong chiến dịch Đống Đa - Thăng Long.

– Những di tích trên có bị hư hỏng gì không?

– Có lẽ câu chuyện đã quá dài, tôi không thể nói kỹ về tình trạng những di tích này với chị được, nhưng nói chung, ít hay nhiều chúng đều có tổn thất. Tôi nghĩ, đất nước chúng ta trải qua bao nhiêu cuộc chiến tranh, đã mất mát quá nhiều. Điều đáng suy nghĩ là các triều đại phong kiến trước đã biết ra công bồi đắp chúng, thế mà chúng ta lại bàng quan, phó mặc sự hủy hoại của chúng. Làm sao có thể bảo vệ một cách hữu hiệu những gì thực sự là chứng

tích của một dân tộc từng có mấy nghìn năm lịch sử và văn minh? Đấy là một câu hỏi bức xúc. Nếu không, có nguy cơ chỉ một thời gian nữa, những điều ta vẫn nói hay, nói đẹp chỉ còn lại trên sách vở, còn những gì ta thấy thì lại là những cái mới được "tô đắp" lại hôm nay. Mà "tô đắp" hay "bổ sung" cho đẹp như nhà bia Văn Miếu Hà Nội hay nhà bia chùa Đọi thì ai mà không ưng ý, nhưng tiếc thay, số lớn lại do dân chúng tự động làm lại, chứ không có sự tham gia của các kiến trúc sư, các họa sĩ, nhà điêu khắc trong việc quy hoạch tôn tạo (như những tượng Phật vụng về trong hang Bão Phúc ở Đông Triều, thực chất chỉ là nơi "hành nghề tín ngưỡng", hay ngay cả chái ngoài của chùa Hạ Hiệp, Hà Tây, dựng khá chắc chắn nhưng về thẩm mỹ thì chưa thể nói là đạt tiêu chuẩn...). Như thế đâu phải là cách làm tích cực đối với di sản văn hóa. Ở đây có vấn đề nâng cao dân trí nói chung, và cũng có trách nhiệm quan trọng của người giữ gìn bảo vệ tài sản văn hóa của đất nước. Việc để mất liên tiếp mấy pho tượng Chàm, 3 pho tượng chùa Tây Phương, và pho tượng đồng chùa Bối Khê trong mấy năm nay thật đáng báo động; vậy mà dư luận hình như vẫn coi là bình thường. Tất nhiên, sau này con cháu chúng ta khá lên sẽ rất nghiêm khắc với thế hệ chúng ta.

- Xin cám ơn anh Nguyễn Huệ Chi.

THỤY KHUÊ *thực hiện*
Paris 4/9/94

CHIA VUI

Hợp Lưu vừa nhận được hồng thiệp của
Anh chị **Trịnh Như Hoa** báo tin thứ nữ

TRỊNH GIANG THANH

đẹp duyên cùng cậu

NGUYỄN THẾ HỮU DOANH

trưởng nam của bà **Nguyễn Thị Lộc (Kiều Oanh)**
Hôn lễ đã cử hành tại Houton vào ngày 13 tháng 11, 1994
(nhằm ngày 17 tháng 10 năm Giáp Tuất)

•

Hợp Lưu và **thân hữu** thành thật chia vui cùng anh chị.
Chúc hai cháu hạnh phúc lâu bền

THỤY KHUÊ *thực hiện*

nói chuyện với nhà thơ du tử lê

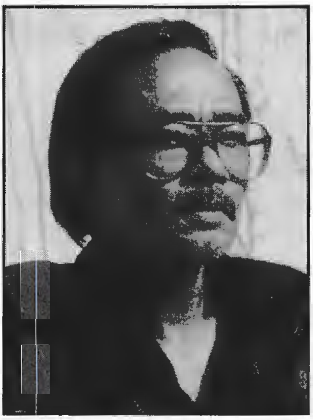
Du Tử Lê bởi Nguyễn Bá Khanh

LTS: *Trong chuyến Mỹ du cách đây vài tháng, nhà phê bình Thụy Khuê có tiếp xúc và phỏng vấn một số văn nghệ sĩ hiện cư ngụ tại miền Nam California.*

Loạt phỏng vấn này đã và sẽ phát thanh trên làn sóng của đài RFI *(Pháp) hướng về Việt Nam, cũng như sẽ lần lượt in trên tạp chí Hợp Lưu.*

Sau đây là bài nói chuyện với thi sĩ Du Tử Lê.

Hợp Lưu

THỤY KHUÊ: *Anh Du Tử Lê, nói chuyện với anh hôm nay, tôi muốn đi từ đầu. Từ chỗ xuất phát.*

DU TỬ LÊ: Thưa chị, là chỗ nào?

– *Tức con người của Du Tử Lê. Từ chỗ bắt đầu làm thơ.*

– Thưa chị, tôi làm thơ rất sớm, có dễ tại đời sống tôi cô quạnh chăng? Bài thơ tôi viết đầu tiên năm 13 tuổi. Bài thơ đầu tiên được đăng trên báo khi tôi 15 tuổi, 1957. Đó là tờ tạp chí Mai, anh Huỳnh Minh Tuynh làm chủ nhiệm. Tên Du Tử Lê có từ đó. Có thể tòa soạn nghĩ tôi là một người lớn tuổi nên đã đem tên tôi ra ngoài bìa cùng nhiều tác giả khác. Trong phần Thư Tòa Soạn, họ nhắn tôi đến lấy nhuận bút. Nhưng tôi không dám. Sau này, khi trưởng thành, có dịp gặp anh Tuynh, anh hỏi: Hồi xưa tôi có nhắn cậu sao cậu không đến? Tôi phải thú nhận mặc cảm còn bé của mình. Cuốn thơ

đầu tiên của tôi được in ra năm 1964.

– Bây giờ đến cái tên Du Tử Lê. Tại sao Du Tử Lê?

– Đã nhiều người hỏi tôi điều đó. Nhiều người hiểu sai về bút hiệu kia. Hầu hết, họ khoác cho nó cái ý nghĩa: người họ Lê lang thang. Sự thực, tôi bỏ nhà đi từ năm 13 tuổi, do nông nổi của mình, trước sự khắc khe của người anh lớn. Tôi chọn tên Du Tử Lê chỉ mang nghĩa: Đứa con xa mẹ dòng họ Lê, dựa trên ý tứ của bài thơ "Du Tử Ngâm" của Bạch Cư Dị.

– Thời gian từ năm 54 đến 75, cũng như những thanh niên khác, trong bối cảnh của đất nước, anh có đi lính?

– Có, Thủ Đức. Ra trường sau hai năm tôi được chọn về phòng báo chí của Cục Tâm Lý Chiến, để viết cho nhật báo Tiền Tuyến của quân đội. Sau này tôi coi tờ Tiền Phong, tờ báo được coi như là cơ quan tuyên huấn của sĩ quan. Tôi làm đúng vai trò Thư Ký Tòa Soạn một tạp chí quân đội. Nhưng những gì tôi viết cho các tạp chí văn chương, thì, không hề ở cương vị đó. Bộ thông tin, đúng hơn, sở kiểm duyệt của chính phủ, kiểm duyệt thơ, văn của tôi rất kỹ. Có những bài thơ của tôi khi được in ra bị cắt xén chỉ còn một nửa. Thí dụ như bài "Khúc Thụy Du" tôi viết năm 1968, dành cho báo Văn. Khi in ra, bài thơ chỉ còn một phần ba. Trong khi đó, miền Bắc, qua một bài viết của ông Hoài Thanh, lại kết án tôi như một người lãnh tiền của "Mỹ-Ngụy", dùng thơ văn lãng mạn, uỷ mị, để "lũng đoạn tinh thần chiến đấu của thanh thiếu niên miền Nam". Bây giờ mọi chuyện đã qua rồi.

– Tôi được biết thơ anh ở hải ngoại, và một số thơ phổ nhạc. Tôi có cảm tưởng hình như anh đã nghiền nát được phần nào những đau thương ở lứa tuổi anh, 30 - 60, tham dự cuộc chiến, và kết tinh được những đau thương ấy ở trong thơ.

– Tôi nghĩ, tới một lúc nào đó, những đọng lắng trong ta, cũng sẽ thăng hoa, bay lên. Nó không còn là thương đau nữa, nó là một cái gì khác. Điều khác, có dễ, chỉ văn chương mới thể hiện được.

– Anh làm thơ như thế nào?

– Ngày xưa tôi làm thơ dễ dàng. Phải nói ở tôi có hai giai đoạn: Giai đoạn trước 75 tôi không chú ý lắm về chính trị. Một số anh em chúng tôi, có những tự hào và trách nhiệm. Chẳng hạn như tự hào đuổi theo những phong trào văn học mới ở Âu châu như phong trào Nouveau Roman, rồi Anti-Nouveau Roman... Giai đoạn hai sau tháng 4, 1975, giai đoạn tị nạn. Tôi có những suy nghĩ khác hẳn về văn chương. Tôi cho, thơ không phải như vậy, văn xuôi không phải như vậy. Bởi, trước khi là nhà văn, anh phải là một công dân trước đã. Dù anh mang quốc tịch Pháp hay Mỹ, anh vẫn thuộc về một nguồn gốc, ở trong một vận mệnh và, anh phải có trách nhiệm với điều đó trước nhất. Nói đơn giản hơn, anh là công dân trước khi là nhà văn, chị là công dân một

nước trước khi chị là thi sĩ. Từ đó, việc làm thơ với tôi, trở nên rất khó khăn. Khó khăn hiểu theo nghĩa tôi không còn làm thơ một cách dễ dàng nữa. Và khó khăn hiểu theo nghĩa bị người đọc cho là khó hiểu. Tôi xin kể một chuyện nhỏ: Tạp Chí Thế Kỷ 21, số 54, mục Thư Bạn Đọc, một bà viết thư chê trách báo này tại sao cứ đăng thơ Du Tử Lê, một thứ thơ tối tăm, không ai hiểu gì cả. Số sau, số 55, cũng tờ báo này, một độc giả khác lại lên tiếng bênh vực cho tôi. Đóng góp của tôi cho thi ca rất nhỏ bé mà còn như vậy; huống hồ chi những thi sĩ khác, với những đóng góp lớn lao, họ cô đơn biết là chừng nào!

Tuy nhiên, tôi tin, cái gì là vàng ròng thì ở lại. Bọt bèo sẽ trôi đi. Bằng niềm tin đó mà tôi còn có thể tiếp tục.

– Người Việt ở hải ngoại sống như thế nào?

– Có thể tạm chia người Việt hải ngoại thành hai thành phần: Một thành phần dứt khoát xóa bỏ dĩ vãng, hầu thích ứng với đời sống mới để đạt được những tiện nghi xã hội Tây phương nói chung, Hoa Kỳ nói riêng. Đó là những mơ ước của họ, nên khi đạt được, họ mãn nguyện. Thành phần thứ hai, mang những thao thức khác, thì đời sống ở hải ngoại với họ là một dạng thức của lưu đày. Nhìn trong văn chương, viết cách nào, phần lưu đày, lưu vong, mất mát hay thất lạc vẫn lẫn khuất đâu đó. Văn chương của ta ở hải ngoại, từ người viết cũ đến người viết mới vẫn chân lân, chênh vênh sao đó. Tôi thích chữ "thất lạc". Đó là suy nghĩ của tôi. Có thể sai.

– Chữ "thất lạc" của anh rất đẹp. Tôi muốn nói thêm: những người đạt được chữ "thất lạc" là những người đã làm được một cái gì... Còn có rất nhiều người làm, làm nhiều nữa là đằng khác, mà không đạt được ngay cả đến (cười)*... cái "thất lạc" nữa.*

– (*Cười*) Đến phiên tôi phải cảm ơn chị câu nói vừa xong. Nó an ủi tôi nhiều.

– Trở lại chuyện nghiêm chỉnh. Những chữ "thất lạc", "mất mác" hay "hòa hợp" gì đó... bây giờ, dường như mỗi người dùng nó theo một nghĩa riêng. Anh có nghĩ thế?

– Có lẽ. Tôi cho chữ "thất lạc" hoặc "chân lân" hơi khác nghĩa với "hòa hợp". Với người Việt di tản, sắp bước vào năm thứ 20, ngay những người quá khích nhất (trong đó có tôi) dường như đã lắng dịu nhiều thứ... Tôi xin nói rất thẳng thắn: Lúc đầu, tôi viết bài cho anh Khánh Trường, hoàn toàn trên căn bản tình bằng hữu. Tôi không đồng ý với đường lối *hợp lưu* của anh Khánh Trường. Ngoài tôi, còn có một số bằng hữu cũ của tôi từ Việt Nam... Một người làm thơ lớp trước, trách cứ tôi về việc này. Tôi trả lời tương quan giữa tôi và anh Khánh Trường ở mức cao trên mọi thế thái. Về sau, càng sau, tôi thấy việc làm của anh Khánh Trường giống như hành động tự hiến mình giữa hai làn đạn. Hành động ấy đòi hỏi sự cam đảm.

Tôi cho có hai vai trò nơi một người cầm bút. Thứ nhất họ phải phản ảnh

xã hội, môi trường sống. Thứ hai cần có một dự phóng nào đó cho tương lai. Dự phóng tương lai là gì? Nếu không phải là một dự phóng tốt đẹp về đời sống trước mặt. Là con người, ai cũng có quyền được sống (mơ ước được sống) một đời sống tử tế như nhau. Văn chương, theo tôi, phải góp phần vào việc biến những ước mơ trở thành hiện thực. Tôi cho đó là nỗ lực, là ý thức trong ngòi bút.

Tôi rất thích một truyện của chị Lê Minh Khuê. Đại ý, chuyện kể một y sĩ miền Nam bị bắt làm tù binh, được săn sóc bởi một y tá (hay một bác sĩ) miền Bắc. Mối tình giữa hai người nẩy nở rất nhanh, rất người. Mối tình thoáng chốc kia, nơi trái tim người nữ y tá, khi đã luống tuổi vẫn còn trong bà như một kỷ niệm, một hương thơm vĩnh cửu. Không hiểu sao, nghe nói tập truyện của chị Lê Minh Khuê đó lại bị tịch thu. Những đóng góp như thế, như của Lê Minh Khuê, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp... tôi cho là lớn lao, là đáng kể.

– Nhà thơ Du Tử Lê thích đọc thơ ai?

– Trong hay ngoài nước?

– Tất cả. Thơ thôi.

- Hải ngoại, gần đây tôi đọc, để ý đến thơ Khế Iêm. Trong nước tôi thích thơ Trần Mạnh Hảo, hơn văn. Tôi có đọc thơ Thanh Thảo. Rất thích thơ Nguyễn Huy Thiệp, xen kẽ trong truyện. Thơ Thiệp thật hay. Dường như anh ấy làm rất ít?

– Nguyễn Huy Thiệp làm rất nhiều thơ.

– Vậy thì quá tốt.

– Có lẽ Nguyễn Huy Thiệp chưa muốn xuất hiện như một nhà thơ, chưa muốn xuất bản thơ.

– Đáng tiếc. Tôi mong một ngày nào anh ấy thay đổi quan điểm.

– Anh Du Tử Lê, tôi muốn nói anh có một tình bạn hơi "khác thường". Trong tập thơ mới xuất bản "Chấm Dứt Luân Hồi Em Bước Ra", phần lớn anh đề tặng bạn hoặc viết cho bạn. Đọc kỹ, những bài thơ đó, lại không dính dáng gì hay dính dáng rất ít tới những người được đề tặng. Còn lại chỉ là Du Tử Lê - là thơ Du Tử Lê - Vậy nguyên do từ đâu những lời tặng đó?

– Có hai lý do: Thứ nhất, tới phút này nếu tôi chưa tự tử, là vì tình bằng hữu. Tôi biết ơn điều đó. Cũng không có một phương cách biểu lộ sự biết ơn nào khác hơn là thơ văn của mình. Thứ nhì, như chị cảm nhận, bằng hữu với tôi là cái cớ để tôi nói những điều tôi nói với chính mình.

– Anh nghĩ gì... về chết?

– Có hai cái chết làm tôi nghĩ hoài, một của Hemingway. Một của Nhất

Linh. Tôi cho, nghệ thuật sống không nằm nơi lúc sống mà ở nơi cách thế định đoạt cái chết. Cách chết mới là một nghệ thuật. Khi anh sinh ra, khi chị sinh ra, anh chị không hề có chọn lựa sự hiện diện của mình. Nhưng anh, chị có quyền quyết định cái chết. Chết là sở hữu của ta. Tiếc, bản năng con người vốn tham sinh uý tử. Chúng ta có hơi ít những cái chết mang tính nghệ thuật. Suy nghĩ của tôi về cái chết, như vậy đó.

- Xin cảm ơn anh Du Tử Lê.

THỤY KHUÊ *thực hiện*

HUỲNH LIỄU NGẠN

cổ tích

(tặng Hoàng Xuân Giang)

rồi tiếng hát chở dòng sông đi biệt
mai người về mây trắng có buồn không
thưa với đời xin buổi chiều chậm lại
kịp chuyến đò hoài một ánh mắt trông

ngày nhớ Huế lâm thâm mưa đổ vội
bên tê chờ bên ni đợi người ơi
từ hữu ngạn mưa về qua tả ngạn
bước qua cầu thương mấy nhịp chơi vơi

trời thấp xuống nửa lòng trăng vừa hé
con đường gầy còn mấy nẻo phân ly
đến ngã phố rẽ hồn vô thành nội
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi

xin cổ tích một mùa thu của Huế
cho em đầy hai vạt nắng đong đưa
bay lên trời những nỗi buồn đất đá
cho em về xanh nụ giữa ban trưa

HUỲNH LIỄU NGẠN

ĐI

TRẦN ĐẠO

một cành hoa, một chặng đường một cây viết đểu

giấy trắng tự bản chất là sự lừa dối
đầu tiên và sau cùng
Phương Sinh

Đỗ Kh. qua Nguyễn Hoàng Nam

Văn chương đểu nhất Đỗ Kh. Phong cách nghệ thuật này xuất hiện mới đây trong văn xuôi Việt Nam. Không thể sớm hơn? Viết được văn đểu không phải chuyện dễ. Càng không phải chuyện đùa. Điều đó đòi hỏi một ý thức đặc biệt trong một thời đại đặc biệt.

Ta không quên giọng cười lanh lảnh của Hồ Xuân Hương, cây bút độc đáo, có một không hai của làng thơ Việt Nam. Đọc tới, ta thoáng tê dại, thích thú, bật cười. Văn đó châm biếm, hài hước, đanh đá, dâm... Không đểu. Văn chỉ đểu khi đọc ta "thấy" (ta) đểu.

Dưới nhiều hình thức, văn hay dâm. Dễ hiểu. Con người là một sinh vật, tiếng nói của nó dâm. Tuy vậy, viết văn dâm không dễ. Văn là một hình thái nghệ thuật. Văn hình thành trong khoảng khắc con người bật tiếng nói, từ thân phận thú biến thành người. Tiếng nói vừa là đặc tính của loài người, vừa là sắc thái riêng của một nền văn hoá, vừa biểu hiện một cá tính. Hạ bút, nhà văn chỉ biết xào đi xáo lại ngôn ngữ của người xưa, đã đáng quý: họ tái sinh hồn người, truyền nó cho người đời sau. Dở thì văn sáo, hay thì văn hay. Nhưng không nghệ thuật. Nghệ thuật chớm nở khi cá tính của một người, xuyên qua ngôn ngữ, mở thêm đường vào nhân giới cho đồng loại. Lúc đó, có văn dâm. Văn dâm khi, cùng lúc, nó thể hiện gốc gác súc sinh của ta và quá trình vươn vào nhân giới của ta. Nó không dâm ở hình ảnh, sự kiện. Nó dâm ở quá trình ngôn ngữ vụt nở trong đầu người viết, trong lòng người đọc. Vừa nồng nàn thú tính, vừa đậm nhân tính, nó nhân tình. Vì vậy, cảm xúc

dâm không thể lâu bền. Độc giả không thể dìm mình lâu trong thú tính vì nó phải... đọc. Không ai chỉ miêu tả những màn dâm dục mà đam mê được người đọc suốt mấy trăm trang. Tác phẩm như *Histoire d'O* (*Truyện nàng O*) hiếm. Nó lôi cuốn ta vì, đằng sau những hoạt cảnh dâm bạo, ta cảm một đòi hỏi quyết liệt, đậm tính tôn giáo. Đòi hỏi trở thành vật riêng, trọn vẹn, tuyệt đối, của một người. Đòi hỏi trao hết nhân cách của mình vào tay người khác. Đòi hỏi người khác làm tác giả của chính mình. Tóm lại, đòi hỏi được yêu. Đọc xong, ta quên hết những tình tiết dâm đãng, nhưng còn nhớ mãi khát vọng kinh hồn kia. *Địa ngục, chính là Tha nhân* vì thiên đường duy nhất của kiếp người ở... tha nhân. Thực chất, như tác giả đã thổ lộ [Le Monde, 8-94], tiểu thuyết ấy là một lá thư tình gửi cho J. Paulhan! Đọc thơ Hồ Xuân Hương, ta nổi hứng hiu hiu phe phẩy quạt. Rồi ta bật cười. Thế là hết. Nhưng mãi trong ta cứ vang vọng tiếng cười lanh lảnh, ngông nghênh, nhân cách của một người đàn bà khinh khích cả một thời đại phong kiến Khổng Nho mục nát. Đối với người Việt ngày nay, nhân cách ấy vẫn cần thiết vì, trong lãnh vực này, ta còn nhiều úy kỵ, giả dối. Những giọng văn như thế, dâm, nhưng không đểu, vì người đọc được đặt vào thế nhìn thông thường của tư duy, của ngôn ngữ, thế nhìn từ bên ngoài, từ trên xuống, từ biên kia sự vật. Toát thành lời, thiên nhiên xanh tươi, nồng nàn, nhầy nhụa, co lại thành khái niệm trong sáng, khô khan của lý trí. Trong thế giới này, ta biết đói, biết khát, biết thèm. Nhưng sự đói khát, thèm thuồng đã biến thành nhu cầu, và tất cả, tự nhiên và loài người, đã biến thành công cụ của ta. Ta đã trở thành ta, một chủ thể của thế giới. Quá trình tư duy nẩy nở, biến con người thành chủ thể của thế giới, vừa là quá trình hình thành loài người, vừa là quá trình hình thành từng cá nhân. Xưa nay, đó là quá trình tiến hoá bình thường của mọi người. Vì thế loại văn đó dễ cảm, dễ hiểu, dễ đọc. Tục mà thanh hay thanh mà tục là hai gương mặt của một kiếp người. Văn Đỗ Kh. khác hẳn. Nó chẳng tục, chẳng thanh. Nó khốn nạn: nó chân thành. Vì chân thành, nó đểu: *Em có nhớ anh không? Nhớ chứ, sao khôn em qua tận Hồng Kông kiếm anh? Em đi công chuyện mà. Công chuyện thì em cũng kiếm anh chứ bộ. Thì anh đâu có trốn, anh cũng nhớ cái lồn em. [...] Lâu rồi hả, anh nhớ lồn em. Anh bề đây bề đó cũng được nhưng anh vẫn nhớ vậy. [...] Mười mấy năm rồi. Có mất mát gì đâu, cũng hai người Việt Nam nằm bề nhau trong khách sạn ở bên Tàu.* (1)

Nó dồn người đọc vào thế nhìn quái gở, khó chịu chưa từng thấy. Đương nhiên, ta không thể bị nhốt mãi trong vành đai thú tính. Đã đọc sách, ta đã bắt đầu toát hồn vươn mình ra. Ra đâu? Chẳng ra đâu cả. Ra lỗ hổng, để rơi ngay về điểm xuất phát. Rơi vào khoảng khắc ngôn ngữ hình thành, lúc con người chỉ mới biết phát âm, đặt tên cho sự vật, sự kiện, thụ động ghi nhận sự trôi đi biền biệt của thời gian. Giọng nói bập bẹ kia chưa là tiếng nói của con người. Trong thế giới "khách quan", thật thà ấy, người yêu chỉ là cặp vú + cái lồn + ... Cái lồn cũng chỉ là cái lồn, thế thôi. Và yêu là không sao quên được cái lồn ấy. Do đó, *Mười mấy năm rồi. Có mất mát gì đâu* (1) Còn đó cả mà. Đọc đến đấy, cũng sao được, phải lạnh người, linh cảm một sự thật khó

chịu. Quá đúng, quá sai. Đố ai nhớ được hình thù lồn người yêu nó thế nào! Nhưng nhớ lồn người yêu là chuyện bình thường, chẳng xấu xa, có khi còn lem nhem thơ. Nỗi đau kỳ lạ toát ra từ câu chuyện mười mấy năm nhớ lồn, có thật, và thật ở điểm này: khi ta đánh mất khả năng nhớ người, ta chỉ còn khả năng nhớ vật. Sẽ có lúc ta phải hiểu rằng khả năng ấy ảo. Nhớ là quan hệ giữa người với vật, giữa người với người xuyên qua vật. Ta nhớ vật vì ta dùng nó, biến nó thành công cụ thực hiện mục đích của ta. Ta nhớ người vì ta yêu hay ghét nó, vì nó có thực và liên hệ trực tiếp tới nhân cách của ta. Do đó, trong hàng triệu vật thể, khuôn mặt vụt qua mắt ta mỗi ngày, ta chỉ ghi nhận, kể cả ở mức tiềm thức, một vài vật, một vài người. Nhớ xuất phát từ hành động, và là một hình thái của hành động. Hành động đòi hỏi con người chủ thể của thế giới *tự nhiên và người*. Trong yêu đương, hành động vào tự nhiên, ta nhìn, hôn, ve vuốt, đụ. Hành động vào con người, ta yêu. Nhớ người yêu, ta nhớ tất cả, một cách tổng hợp, thống nhất. Nỗi nhớ ấy mờ ảo lạ lùng, nét người lồng vào khuôn vật, khiến vật chẳng bao giờ đơn thuần là vật, chẳng bao giờ rõ nét. Có nỗi nhớ nào day dứt hơn nỗi nhớ người yêu ngay khi... giáp mặt? Người yêu đẹp một vẻ đẹp ta nhớ mãi nhưng chẳng bao giờ tả được, chỉ có thể khơi qua ngôn ngữ, thể thống nhất năng động của chết (vật, quá khứ) và sống trong hồn người. Nó là một hình thái hành động trong nhân giới. Nó là một quá trình (processus). Nó có thể khơi nỗi nhớ, vì nhớ là một quá trình cùng đặc tính với nó.

Hai bộ mặt thống nhất của hành động có thể, tạm thời, bị tách đôi, khi con người không biết yêu nhau trong sự mến trọng tính độc lập, tự do, sáng tạo của nhau, của mình. Hoặc khi nó bị đời dồn ép. Trong *Histoire d'O*, chúng vận động song song. Một người ước ao hoà mình trọn vẹn vào người khác tự chẻ đôi, biến mình thành vật để có thể trở thành sở hữu tuyệt đối của người khác. Trong thơ Hồ Xuân Hương, tiếng cười tách ra, khẳng định nhân cách tự do, tự chủ của mình. Những thái độ đó phổ cập trong yêu đương - thù hận, tôn giáo và văn học. Ta đã quen, nên không gớm.

Văn Đỗ Kh. không có sự tách rời đó. Có sự cắt xén, hao hụt. Thiếu hẳn mặt tâm linh trong nỗi nhớ, thiếu tận tương lai, kích thước tự do, sáng tạo của con người, điều kiện tiên quyết của hành động. Nhẫn lang thang ở Hồng Kông, uống bia, xem hình dâm qua ngày. Ta không biết hắn từ đâu đến, sẽ đi đâu, sống để làm gì. Hắn không đeo đuổi một tương lai nào, cứ loay hoay trong hiện tại. Do đó, đối với hắn, mọi sự vật, kể cả thân xác của con người, chỉ là chính nó, mãi mãi là chính nó. Cũng do đó, nỗi nhớ vừa vút thành lời đã co lại thành sự kiện. Đọc văn ấy với lòng thành thông thường của người đọc sách, thế nhìn của ta kẹt trong thế giới của sự vật, ngôn ngữ của ta không thể biến thành lời. Ta bị nhốt chặt vào sự vật, vào cái lồn. Nên ta dẫy bì bạch.

Dù không cố ý, sự cắt xén này không vô tình. Nó trùng hợp với một hiện tượng mới, phổ cập của thời đại. Cứ chú ý nghe đài truyền hình, chính khách, nhà khoa học, học giả đủ môn đủ loại bàn về thân phận làm người hôm nay. Cảm giác lụt mặt: bất tri, bất lực, nô lệ. Người "nô lệ" đời nay có một đặc

điểm hoàn toàn mới, chưa hề có trong lịch sử: nó không có đối tượng. Xưa, nó luôn biết mình là công cụ của ai, và ít nhất nó còn khả năng thí mạng, giải phóng nhau khỏi quan hệ phi nhân ấy. Nay, mỗi ngày ta mỗi rõ, tương lai của ta, của đồng loại không do ai quyết định, dù chỉ một phần nhỏ nhoi, dù mọi người có đầy đủ quyền tự do ứng cử và bầu cử. Nó bị quyết định ở một thế giới khác, ngoài khả năng thấy và hiểu của ta. Ta là người, bằng mọi người, trong tư cách cô đơn, bất lực, thụ động của một công cụ, một vật thể lăn lóc trong một quá trình vận động "tự nhiên" . Dường như ngôn ngữ của mọi người, của chính ta, đã mất khả năng biến ta thành chủ thể của thế giới. Mất khả năng hành động, ta mất khả năng hiểu đời, hiểu người, hiểu mình. Cuộc đời ta, một trang giấy trắng, mặc ai vấy mực, cũng thế thôi.

Con người biết nhau, hiểu nhau bằng ngôn ngữ, cơ bản nhất bằng tiếng nói. Khi bản thân tiếng nói bị công cụ hoá, rỗng tếch hoá, gian xảo hoá, khi nó kiệt quệ nhân tính, quan hệ giữa người với người teo lại thành sự cọ xát hỗn độn giữa vật với vật. Khả năng hành động thu gọn ở khả năng sở hữu, hình thái phổ cập của ước mơ làm người. Khốn nỗi, chỉ người chủ thể của thế giới mới biết sở hữu. Hoài bão sở hưu trong điều kiện trên, ảo. Điều đó toát ra từ *Niềm Vui Sở Hữu*, truyện ngắn hoàn chỉnh nhất trong **Không Khí Thời Chưa Chiến**. Cũng là truyện dễ ngốn cho những tâm hồn e thẹn, tuy nó đau không thua gì những truyện khác. Bất kể dưới hình thái kinh tế - xã hội nào, sở hữu là nhu cầu bình thường của con người, thể hiện quan hệ bình thường của nó với thiên nhiên và đồng loại. Khi quan hệ đó, suốt một đời người, chỉ dẫn tới một đống bút chưa hề tiết ra một câu văn, một lời nói, giấc mơ làm người quả đã biến thành ác mộng. Chẳng bằng con đực "sở hữu" con cái vài phút, ít nhất cũng tái sinh được sự sống. Giọng văn dí dỏm, phơn phớt của *Niềm Vui Sở Hữu* chua chát, đau đỏ không thua văn nhớ lồn. Chính sự cắt xén phần người của ngôn ngữ khiến ta gớm gớm. Đọc **Notre Dame de Paris**, ta không gớm Quasimodo, chỉ tội nghiệp, tuy hắn cũng là một quái thai nửa người nửa ngợm, chỉ biết be be một tiếng "đẹp" để thể hiện hồn người của mình. Đọc **Of Mice and Men** cũng vậy. Ta không gớm vì ta biết ta không vậy. Đó chỉ là quá khứ của ta khi ta còn thơ dại, của loài người khi nó còn hoang vu. Đọc văn Đỗ Kh. ta gớm. Người mất khả năng nhớ người, loay hoay tìm vật mà không sao chiếm hữu được, rất có thể là ta, phần nào đã là ta. Ít nhất, nó là khả năng hiện thực của ta. Khả năng ấy chỉ hiện thực phổ cập trong thời đại này, thời đại thế giới thống nhất, ngày càng chặt, dưới một quyền lực vô danh, vô diện, vô ngôn: Tiền, Kinh tế, Thị Trường, v.v. Tất cả, người, vật, ngôn ngữ, đang biến thành công cụ của một sự vận động dường như tự nhiên. Đã một lần, người Việt bị lột óc, ép tim, khi tiếng Việt bị nhốt vào cái cũi đội lốt cộng sản - quốc gia, biến thành công cụ áp bức, lừa đảo, thậm chí giết nhau. Hôm nay, cùng với nhân loại, nó lại phải đối đầu với một nguy cơ tương tự. Qua những phương tiện thông tin khổng lồ, ngôn ngữ khoa học và kỹ thuật, ngôn ngữ kinh tế đội lốt khoa học kỹ thuật, áp đảo ngôn ngữ chính trị, "khoa học" nhân văn và văn học, đang biến tiếng nói của con người

thành công cụ lột óc, ép tim, biến quan hệ giữa người với người thành sự cọ xát giữa vật với vật, dồn con người vào một hình thái nô lệ chưa từng có: nô lệ không có chủ, trong nỗi cô đơn bất lực của đám đông câm lặng, vụn nát.

Khi thế giới tuột khỏi tầm tay của con người, khi ngôn ngữ hết là hình thái hành động của nó trong nhân giới, con người tha hoá tận gốc. Nó chỉ còn là nó, một khối xương thịt bi bô. Nó mất khả năng trở thành nó, trở thành người. Do đó, văn Đ Kh. hay dùng ngôi hắn thay ngôi tôi. Triệt để, trong *Niềm Vui Sở Hữu*. Tế nhị, trong*Một Cành Hoa, Một Chặng Đường Xa:* thoạt tiên, hắn là hắn, tác giả là tác giả; nhưng lướt vào đoạn văn thể hiện người, ta không còn biết những suy tư mặc tưởng là của ai. Như thế, nó sẽ là của ta, người đọc. Bình thường, hắn là hắn, không phải là ta – người viết, người đọc, chủ thể của ngôn ngữ. Ở văn Đỗ Kh. hắn là ta, và ta chỉ là hắn, cái vật thể bi bô lăn lóc trong tự nhiện. Còn ta đích thực ... câm. Đã câm mà vẫn viết, vẫn đọc thì tất cả những gì viết ra, đọc được đều không phải của ta. Ta dùng ngôn ngữ để phủ định nhân tính của ngôn ngữ, phủ định chính mình. Và ta rùng mình, lờ mờ phát hiện sự thật của chính ta. Về thực chất, văn Đỗ Kh. đểu ở đó. Ta cảm nhận được chất đểu ấy vì nó đã thực sự ngấm vào ngôn ngữ hàng ngày của đời nay, của ta. Vô hình chung, phần nào, nó đã ở ta, đã là ta. Đây không còn là sự đểu giả thường tình ở đời. Đây là sự đểu giả của con người đối với chính mình, một đặc điểm của thời đại này, của thân phận làm người hôm nay. Đây là ngôn ngữ của một người tra hỏi ngôn ngữ của mọi người, là văn chương đích thực. Phải đặc biệt nhậy bén với ngôn ngữ, với thân phận làm người trong thời đại này, thời đại tư duy làm đĩ cho từ ngữ, mới sáng tác được cái bút pháp đểu chưa từng thấy trong tiếng Việt. Xa lạ, thiết thân. Vì dù tha hoá đến mấy, ngôn ngữ vẫn là "phương 'iện" duy nhất để làm người; ngày nó mất chức năng ấy, sẽ chẳng còn nhà văn, độc giả. Cái đểu ấy thể hiện đòi hỏi trả lại cho ngôn ngữ phần hồn của nó, khả năng sáng tạo giá trị, khả năng liên hợp, khả năng yêu của con người. Nó đòi hỏi, từ hoàn cảnh hôm nay của nhân loại, cùng nhau làm người. Tội nghiệp Đỗ Kh., nhà văn tiếng Việt. Không biết bao giờ văn ấy mới tìm được độc giả Việt Nam của mình. *Bắt đầu là cây viết. Nhưng ê chưa hết, còn những thứ lỉnh kỉnh khác, [...] Những thứ danh đóng cột, quê hương, lôi thôi chủ nghĩa, con người, vũ trụ và cuộc đời. Bằng ấy thứ, hắn tự giới hạn lại, giờ thì chỉ có ở cây viết. [...]* Của tôi, anh thấy chưa. Hạnh phúc, chỉ vậy thôi. Vui ở chữ tôi, *bắt đầu là cây viết, hắn lấy cây Mont Blanc vừa mua ra trang trọng chạy tên mình lên giấy, nhìn mực dần dần khô lại, thổi thổi và mãn nguyện với niềm vui sở hữu (2)* Một trang giấy trắng. Một tên người. Một lỗ hổng tan hoang. Một cuộc đời... Bạn thử đọc ngược lại bốn câu trên xem sao? Văn đẹp vì đểu có Đỗ Kh.

TRẦN ĐẠO (9/1994)

Trong tập truyện **"Không Khí Thời Chưa Chiến"**:

(1). Một Cành Hoa, Một Chặng Đường Xa

(2). Niềm Vui Sở Hữu

HOÀNG XUÂN SƠN

khúc cũ, mới
và cuối cùng cho giang

• giữa chúng ta

"Lúc nhỏ anh em thường đánh lộn
bây giờ sông núi nhớ thương nhau"
Viên Linh

Anh biết rằng em rất khổ tâm
từ đi cách biệt hẳn muôn trùng
anh có trong lòng bao suối lệ
thầm chảy về em lúc nửa đêm

Vẫn biết ra đi là biệt dạng
thì xin em, lưu giữ bóng hình
trong máu huyết thêm tình bè bạn
ôi thế nào ngỏ hết thâm tâm!

Anh vẫn nhớ, ngày nào - xa quá...
có bên nhau từng phút vui buồn
những tối về quàng vai nghiêng ngả
đêm nhớ đời chuốc rượu tìm quên

Giữa chúng ta: suối-nguồn-chung-điệu
cảm thông kia là tự đất trời
anh đã biết những điều em hiểu
những lời thầm sâu kín em ơi!

Từ nay biết tìm ai ca hát
chỉ có em là thấu được lòng
nỗi ước mơ cùng niềm khao khát
của một thời trai trẻ long đong

Anh sống đêm nay bằng mộng tưởng
mơ thấy em kề dáng mẹ hiền
giờ tất cả âm thầm xa vắng
chỉ còn anh và bóng của đêm...

• dâu bể

Lên đàng
dâu bể chưa phai
chìm trong tâm tưởng người
dài tháng năm
biển tôi ru một chỗ nằm
đất em tiếng hát
còn căm nỗi đời
gọi thầm yêu dấu xưa ơi!
lửa xung vàng ngọn đầy vơi
thác
ghềng.

• em có năng về

Lâu nay em có năng về nhà
bước chân hoang có bao giờ chùng lại
em có về nhà em có nhớ
những đêm nực nồng tụi mình ngoài hàng ba
tiếng đàn em trầm buồn
và giọng hát xưa như đời thoảng có

Ôi cánh chim giang hồ
vườn xưa mới bỏ
sao vẫn mong em năng về nhà
lâu nay
mẹ đã già lắm rồi tóc chỉ tuyền một thứ
"tóc trắng như sương chiều" màu bạc gầy hương nhũ
gầy nhom thập tự đời sương giá
em có thật tình nghe xót xa

Em có buồn sao em không về
về tình cờ như cánh chim tạt qua
như hồn anh tạt qua
núi kéo hai cục đất hiền lành
thuở còn bú mớm.

• bóng đổ

Bóng đổ. bóng đổ dài
chiều bước một thành hai
những tưởng về nơi chốn
không còn. không còn ai.

• xương gầy

lệ nhỏ đêm trầm lắng
ngoi ngóp một con thuyền
tan theo bèo bọt sóng
tôi mới là người điên

Không một giờ thân thiết
mà hẹn mãi bao giờ
cánh xương gày thao thiết
nỗi buồn em tóc tơ

• tấm lòng

Thôi,
một đời tài hoa
thương lắm một tấm lòng
đã bay cùng lửa, gió
cát bụi về hư không

• ngọc xa

Mai về ngọc xá tinh khôi
mềm tay nắm được ý trời tịnh an
gối tâm lên thức dịu dàng
nghìn xưa công án bụi vàng tro xanh
mai về hít thở cùng anh
chút duyên đền kiếp tự nhành hoa vương
nhắm hai mắt, rõ một đường
châu trầm tịch phố buồn thương lũng ngàn

• tiếp nối

Phán, Thế, Lạc và bằng hữu

Thôi trời rựng sáng hồng quang
chào đêm sao muộn khép đàng vô ưu
ra đi nhẹ cánh khinh cừu
còn trăm phiên tửu hẹn chiều thu không
hẹn về bè bạn vui, đông
nâng ly uống cạn tấm lòng anh em

• mộng ở ban ngày

Nhắm mắt nằm một thôi
dựng dậy ngày quá ngọ
lơ mơ bước ra trời
đất chóa lòa nắng đỏ

Ơ kìa, con chim quạ
kêu chi cái giọng khào
bạn đi rồi bữa nọ
một mình trên ngọn cao
một mình...

HOÀNG XUÂN SƠN*
mạnh thu chín tư

---

là bào huynh của cố nhạc sĩ Hoàng Xuân Giang vừa từ trần.

HỒ MINH DŨNG

thành nội

Tám cửa thành, một mình em đứng đợi
nhìn trời cao nhớ một thuở mây về
em với đá, mâm tiệc này uống cạn
giọt sương chua - lệ đắng đã bao đời

Đêm nội thành, một mình em xỏa tóc
thương câu nam ai thất lạc bên đường
yếm đào phơi em bỏ quên ngoài dậu
cho trăm khuya trăng nhớ lá trong vườn

Cây sứ chết, hạc một đời bay mất
gió vô tâm chiều ghé vội quanh hồ
rêu còn xanh dấu hài xưa đã mốc
lọng tàng che sao ấm cõi đi về

Đêm nguyệt rằm, mây cùng em chải tóc
soi tình quên đài gương mục bên thềm
sông từng ngày cố về thăm chân núi
cho ngàn sau - em chiếc bóng vô thường.

Đưa em về, nhánh phù dung đã héo
ta ngu ngơ, lòng bạc trắng bên trời

HỒ MINH DŨNG
(Cali, 1994)

TL

tư liệu

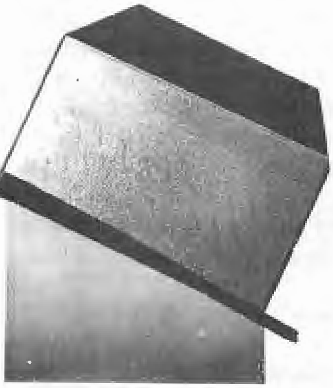

LTS: *Tòa soạn mở thêm mục này, dựa trên đa số ý kiến thu nhận được sau bốn năm* Hợp Lưu *có mặt, mục đích tìm kiếm, bảo tồn và bồi bổ thêm những kiến thức phổ thông cho mọi người, qua các lĩnh vực văn học, thơ ca, nghệ thuật (hội họa, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc, kịch nghệ...), của Việt Nam và thế giới.*

Tòa soạn kính mời độc giả, văn hữu cộng tác. Bài cho mục này nên ngắn gọn (khoảng 4 đến 5 trang khổ, size chữ Hợp Lưu*) và có thể do chính độc giả, văn hữu viết, cũng có thể sưu tầm, trích dẫn, dịch thuật từ mọi nguồn tư liệu mà sự chuẩn xác phải được xem là quan trọng tối đa.*

Hợp Lưu

VƯƠNG HỒNG SỂN

VỀ TÁC GIẢ BÀI "NƯỚC NON NGÀN DẶM RA ĐI"

Tôi trộm nghĩ bà công chúa Huyền Trân đời Trần, bị người đời nay gán cho là tác giả bài ca Huế điệu Nam Bình, "Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi", tôi e sự thật chưa phải vậy. Tạp chí *Cửa Việt* số 10 năm 1991, từ tr. 20 đến 76, linh mục Nguyễn Văn Ngọc viết về "Sự Thành Lập Các Làng Cổ Ở Quảng Trị", thật là hấp dẫn và đầy đủ, tôi học thêm được rất nhiều về quê cha đất tổ, linh mục nhắc bài Nam Bình "Nước Non Ngàn Dặm..." và nói rằng theo

lời cụ Cao Văn Chiếm cho biết, thì chính Huyền Trân công chúa đời Trần, mượn theo điệu hát Chàm, soạn bài ấy... và cũng trong lời chú thích của báo Cửa Việt ghi nơi sau bài của LM, tôi chép y nguyên văn lại đây: "Theo chúng tôi (CV), giả thuyết này (về bài "Nước Non Ngàn Dặm..."), không có cơ sở thực tế, Nam Bình là một điệu nhạc Huế, chỉ ca được giọng Huế, nên chắc phải xuất hiện sau, vì Huyền Trân vốn nói giọng Bắc... (CV)".

Tôi đã đọc trọn bài, và tôi hoàn toàn đồng ý với lời chú thích ấy của Cửa Việt, hôm nay, tôi xin tiếp lời bàn rộng thêm đôi chút, ấy chẳng qua "tôi thêm mở rộng một cửa không đóng và đã mở toanh...". Vậy xin độc giả đừng cười.

Và cũng đừng cười tôi, tuy nay tuổi tròn chín chục, mộng Vu sơn đã dứt, nhưng lòng xuân còn ngún như kẻ tuổi đôi mươi tràn trề, - mỗi khi tôi gặp và nghe được một giọng ca đúng như tôi hiểu, mỗi dấu sắc dấu huyền đều hóa ra dấu nặng, tỷ như "trăng khuyết" thành "trăng khuyệt", "má hồng da tuyết" thành "má hồng da tuyệt" v.v... thú thiệt, bất luận người ca nỏn nà hay đã như hoa xế chiều - những lúc ấy hồn tôi như gửi đám mây xanh, khiến tôi nhớ Huế ôi là nhớ, và tôi đã được một đôi phút thoát trần, và như vậy đối với tôi, bản Nam Bình "Nước Non Ngàn Dặm..." ca đúng giọng Huế, quả là một viên ngọc bích đáng trân trọng, thử hỏi trên đời có được mấy bài ca du dương thoát trần như thế này?

Một đôi khi, tôi may gặp người ca sĩ có biệt tài, đã thay thế đi vài chữ, tỷ như bài của LM Ngọc, thì theo bản của Văn Thanh, 1989, Sở Văn Hóa Bình Trị Thiên (tôi đã được nghe), thì:

- Câu 1: "*Nước non ngàn dặm ra đi*, **mối** *tình chi?* (chữ "mối" đổi ra chữ "cái", "cái tình chi" nghe bình dân hơn.

- Câu 8: "*Thấy chim hồng nhạn* **ra đi, tình tha thiết**, *bóng dương hoa quì*" đổi lại là "Thấy chim hồng nhạn **bay** đi ("bay" thế cho "ra"), **tình lai láng**... bóng dương hoa quì". "Tình lai láng" thay cho "tình tha thiết", tình tứ hơn.

Theo tôi những biến đổi ấy tôi đều tha thứ, và nếu cho phép tôi nhớ lại nghề xưa, tôi đều cho điểm ưu cả hai, và bàn thêm rộng, vả chăng tiếng Việt là tiếng độc âm, người Việt là người tánh hay xí xóa, tha thứ, cho nên mặc tình pha phách (Nơi đoạn sau, tôi sẽ múa búa, nhắc lại một bài trong Nam biến thể, sẽ dựng chứng cho bài "Nước Non Ngàn Dặm..." ắt không thể nào do bà Huyền Trân sáng tác được).

Chuyện đó để đó, nay nói qua việc hôn phối bà Huyền Trân.

Tội nghiệp thay cho bà, làm vật hy sinh.

Đây là một bài thi, vì hay, nên tôi chép lại, mặc dù tác giả mang tiếng không được trung với vua với nước, thi rằng:

Công chúa Huyền Trân

Đổi chác khôn ngoan cũng nực cười
Vốn đà không mất lại thêm lời
Hai châu Ô Lý vuông ngàn dặm
Một gái Huyền Trân của mấy mươi

Lòng đỏ khen ai lo việc nước
Môi son phải giống mãi trên đời
Châu đi rồi lại châu về đó
Ngơ ngẩn trông theo mấy chú Hời

(Chép theo bản trong "Văn Đàn Bửu Giám", Trần Trung Viên và Hư Chu (Mặc Lâm xuất bản, tập 2, tr. 2, năm 1976). Tác giả bài thi là Hoàng Cao Khải.

Thơ hay, độc địa, nhức xương, tôi xin nhường độc giả đọc và hiểu lấy. "Ngơ ngẩn mấy chú Hời", tôi làm sao biết được? Duy tôi biết trai đời Trần (mèo đời nào cũng vậy, mất cục mỡ thì tiếc nhớ hùi hụi), vả chăng trai Hời nếu vì vua Chàm xa xỉ, ham miếng đất xéo ba góc mà làm mất hai châu "ngàn dặm", đó là việc riêng của các trai Hời, còn trai đời Trần khóc bóng gió mấy câu tôi còn nhớ thuộc lòng đây xin nhắc để làm khuây lấy mình, nào nói hát xa xôi: "*Tiếc thay cây quế giữa rừng, ai cho thằng Mán, thằng Mường nó leo*", xít lại gần hơn, nào: "*Tiếc thay hột gạo trắng ngần, thổi nồi đồng điếu lại vần than rơm*", nào câu khác: "*Tiếc thay hột gạo tám xoan, thổi nồi đồng điếu lại chan nước cà*". Tôi để mặc cho bà công chúa hy sinh, tôi khảo xét qua "Việt Nam Sử Lược" của Trần Trọng Kim (bản Tân Việt in lần thứ 5, tôi không đọc được sử chữ Hán), rồi tôi đọc lại bản chữ Pháp của Jean Boisselier, "La Statuire du Chapa" (về tạc tượng đá chàm), tôi mừng vì thấy hai tác giả viết gần y nhau, tôi tóm tắt đại lược ra đây: "Năm 1301 (Tân Sửu) Trần Nhân Tông nhường ngôi cho Trần Anh Tông, để lên làm thượng hoàng, rồi khoác áo nhà thiền, lên chơi đất Chàm, la cà lâu hoắc và hứa gã một công chúa cho Mân vương, việc kéo dài sáu năm đến 1306, Huyền Trân làm hậu vua Chàm, hương lửa ba năm chưa nồng, ngôn ngữ dị đồng, phong tục không giống, bỗng 1308, vua Chàm áng giá, nước Chàm có tục hỏa thiêu người vợ (sách Tây kể có một ông vua Chàm tử, mười bốn bà chết cháy... Ghê tởm quá), vua Trần Anh Tông sai tướng Trần Khắc Chung giả mượn tiếng viếng thăm, lén rước công chúa thoát khỏi lửa thiêu,(hai châu của Chàm, năm 1307, vua Anh Tông đã nhận và đổi Ô, Rí thành Thuận Châu và Hóa Châu) (VNSL, tr. 162), sách Pháp của Boisselier kể tên vua Chàm dài nhằng khó nhớ, tôi đã từng làm "dâu" cho Tây, trường Viễn Đông Bác Cổ, nay da cổ còn trầy, phép của trường có chứng tích mới tin, còn nước ta, bên nước ta hễ thơ tục đều phao là của Cống Quỳnh, hễ thơ chớt nhả đều phao của bà Hồ Xuân Hương, không thấy ai tranh luận, đến như bài "Nước Non Ngàn Dặm...", theo tôi, phải chứng rằng điệu Nam Bình đã có từ đời Trần, thì bà Huyền Trân mới có thể phỏng theo và là tác giả được, nhưng xét về lời lẽ, tình tứ, tôi lại nghĩ và xin hỏi người lịch duyệt, Nam Bình điệu e đời Tự Đức đây thôi. Đời Tự Đức, các ông Hoàng Tùng Thiện, Tuy Lý, các bà công, thiếu chi người tài, (ông Nguyễn Khoa Vy chẳng hạn...). Nay tôi viết lại đây một chuyện trong Nam, về buổi phôi thai "hát cải lương", cũng chưa đến nỗi lạc đề:

Đọc Tam Quốc Chí, ai lại không biết có đến một lúc, bên Thục, quân sư

Khổng Minh, gặp buổi nguy cấp, binh của Tư Mã Ý kéo rần rần, mà trong thành, không người chống chế, cho nên Khổng Minh bày ra “không thành kế” - sai quân mở hoác cửa thành, không một binh tướng canh giữ, chỉ thấy một tên lính câm cầm chổi quét sơ sịa trước sân... Lúc tôi còn học trường tỉnh Sóc Trăng, khoảng 1918-19, hát cải lương đang hình thành ở hạt Mỹ Tho, tôi không nhớ ất, gánh Nam Đồng Bang, hoặc gánh thầy Nam Tú, đang phong trào ở SàiGòn “tẩy chay China”, khách buôn Nam tranh mở quán tiệm dành mối với người Tàu, cùng một lúc, tôi ở Sóc Trăng, đêm nào cũng chạy tiền để đi coi gánh hát Tiều (Triều Châu), lúc ấy có đến ba gánh lớn, gánh ở Long Xuyên, Châu Đốc, sơn thùng đựng y phục đồ nghề màu đỏ, xưng là “Àng lán”, (àng là hồng, màu đỏ, lán là vựa, thùng, rương), gánh ở Trà Vinh, thùng màu xanh, xưng “Xe lán (xe: thanh), còn tại Sóc Trăng, có gánh, thùng sơn đen, xưng “Ô lán”, (Ô, Xe, Áng, đều là Thiên Địa Hội màu cờ đen, cờ xanh, cờ đỏ trá hình. Cả ba gánh đều thiện nghệ, thường diễn tuồng “không thành kế” linh động lắm, nay tôi không dám chắc bài đờn “Khổng Minh tọa lầu” tác giả chính là ai, duy tôi nhớ mại mại thuở ấy, trong đám thầy tuồng, có ông Nguyễn Trọng Quyền, viết tuồng cho gánh bà Bảy Phùng Há, và ông Trương Duy Toản (hiệu là Mạnh Tự), hình như ông này có dựa theo bản “Khổng Minh tọa lầu” của hát Tiều (tôi nhớ câu đờn đầu bài: “Tứng tửng, từng tưng”, vỏn vẹn mỗi câu có bốn chữ như vậy, mà ở Mỹ Tho đẻ ra bài:

Bài số 1 (đờn và hát):

“Kế Khổng Minh cao
Tư Mã Ý nghi (câu này hát hai lần, bis)
Bốn cửa thành đều mở cửa ra (bis)
Tư Mã Ý đến, chẳng dám vào thành (bis)
Đồn binh ngoài hạ trại vừa xong (bis)
Lòng nghi ngại, rút binh trở lại (bis)
Về nửa đường, xảy gặp Triệu Vân (bis)
Tư Mã Ý hết hồn!”

Vì bài đờn quá vắn, câu hát phải nhồi đi nhồi lại (bis) và đó là nhại thằng câm Tiều quét chổi mời Tư Mã vào thành, trong khi quân sư Khổng Minh ung dung một mình ngồi đàn trên mặt thành bỏ trống.

Bài số hai nhan là “Bánh tôm khô chiên” nhại theo điệu “Kế Khổng Minh cao”. Nhắc lại, năm 1918, trận Âu Châu đệ nhứt thế chiến vừa dứt, tại Sài Gòn xảy ra phong trào “Tẩy chay China”, bản hát Tây Madelon và Marseillaire thịnh hành, người Nam vịn theo bài hát ấy, hát “Đồng lòng cùng nhau ai nấy” (điệu Marseillaire) hoặc “Đồng lòng cùng nhau, Tẩy chay China” (điệu Madelon). Trong lúc ấy tại tỉnh Mỹ Tho, lại có bản “Bánh tôm khô chiên”, tôi chỉ nhớ mấy câu đầu, mấy câu sau tôi quên mất, và hát như vầy:

“Bánh tôm khô chiên

Dầu chà quảy chiên
(Hai câu hát lặp làm hai lần, thiên hạ cười rần).
Nó là đồ các chú đem qua!
(Thiên hạ cười bể rạp)

Bao nhiêu ấy đủ ăn khách, nhất là khi kép Ba Du hát, vừa duyên dáng chọc cười, vừa thỏa lòng khán giả và thính giả có mặt tại rạp hôm ấy. Kép Ba Du sau đó lên đường ra Bắc tập kết, câu hát còn lại, đánh dấu một phong trào bồng bột toan cổi ách Pháp, nhưng mượn tuồng tích Tàu để tránh mắt tai bọn cú nịnh Tây, và tôi xin giải thích: đời Tống bên Trung Quốc bị binh Phiên Ngột Truật kéo qua cướp nước, vì Tần Cối (thừa tướng) nghe lời vợ là Vương Thị, cả hai theo Phiên, sàm tấu với vua Tống, ám hại tướng tài Nhạc Phi. Phi bị giết, nhà Tống mất đất phương Bắc chạy về phương Nam, dân chúng phẫn uất thì đã quá muộn, nên bày ra chiên dầu vợ chồng Tần Cối cho đỡ bực tức, và câu hát đúng ra là: "Du tạc Cối" ("du" là đậu phộng, "tạc" là đục gỗ, hiểu ở đây là chiên... và cái bánh là hai miếng bột mì chiên cặp, tượng trưng cho vợ chồng Cối... Cho đến ngày nay, hát trại và sai, nghe là "dầu chà quỷ" (quải) (du tạc quỷ), và ngày nay nhiều người sáng điểm tâm "Du tạc Cối" mà nào ngờ!

Ấy đó, từ "Không thành kế", "Kế Khổng Minh cao" mà trở nên "Bánh tôm khô chiên", nó "là đồ bên Tàu, các chú đem qua...", lòng dân, ý dân, đời nào như đời nấy, xưa như nay, phải chìu lòng dân thì mới được yên, mà trong này nào có nói bài hát "Kế Khổng Minh..." và bài "Tôm khô chiên" là đã có từ đời Tam Quốc!

Bài "Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi" nên nói "Nỗi lòng Công Chúa Huyền Trân" hơn là "do Huyền Trân sáng tác".

VƯƠNG HỒNG SỂN
(Trích tạp chí Cửa Việt*, Việt Nam, số 2, tháng 7, 1994)*

NGÔ TUỆ

HÃY GIỮ GÌN BẢO VỆ DI TÍCH ĐỂ HUẾ XỨNG ĐÁNG LÀ DI SẢN VĂN HÓA CỦA NHÂN LOẠI

Trải qua bốn nghìn năm lịch sử và văn hóa trên đất nước ta, có biết bao di tích ghi lại cả một quá khứ oanh liệt của một dân tộc anh hùng, trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, ghi lại những thành tựu văn hóa của một đất

nước có truyền thống văn hiến.

Nhà nước rất quan tâm việc giữ gìn, và phát huy hệ thống báu vật đó của cha ông. Chính vì thế, Nhà nước đã có luật bảo vệ các di tích lịch sử và văn hóa.

Cố đô Huế để lại vô vàn giá trị tinh thần và vật chất, Huế bị nhiều cuộc chiến tranh, thiên tai tàn phá nặng nề các cụm di tích. Nhưng điều đáng lo ngại hơn là chính con người xâm phạm và làm hư hỏng nó. Huế còn nhiều khó khăn gay gắt. Đó là lý do để trân trọng giữ gìn, phát huy tác dụng của những di tích. Đó là tài sản vô giá do các thế hệ trước để lại bằng tất cả trí tuệ, truyền thống, cả xương máu nữa, lưu truyền cho thế hệ ngày nay và các thế hệ mai sau.

Đối với nhiều nước, với nhiều tổ chức quốc tế, đất nước càng phát triển, người ta càng trân trọng quá khứ lịch sử, với những giá trị vật chất, tinh thần của các thế hệ đi trước, để cái hiện đại và cái cổ kính hài hòa cùng nhau, tôn nhau thêm lên.

Nhưng tiếc thay các di tích lịch sử, nghệ thuật, kiến trúc truyền thống của Huế đã và đang bị xâm chiếm, hủy hoại và ngày càng xuống cấp trầm trọng.

Trong đó có những di tích giá trị về lịch sử bị vi phạm và xâm phá như sau:

– Lầu Tàng Thơ được xây dựng vào năm 1825 bên trong kinh thành, công trình kiến trúc to lớn, kiên cố. Nó được dùng để tàng trữ tất cả sổ sách, văn thư của sáu Bộ và các Nha, lâu nay làm doanh trại quân đội.

– Xây dựng nhiều nhà trên mặt Thượng thành từ cửa Đông Ba đến cống Lương Y (thuộc phường Thuận Lộc).

– Tôn Nhơn Phủ thiết lập năm 1832 dưới thời Minh Mạng, gần cửa Hiền Nhơn Đại nội. Công việc của phủ quản lý những người trong Hoàng phái về việc hộ tịch, xét phong tước, việc xử kiện, cúng kị tế lễ ở các đền miếu, lăng tẩm ... Tôn Nhơn Phủ bị đốt cháy tầng trên vào năm 1975 khi quân lính chế độ cũ đóng ở đây rút chạy. Hiện nay khoảnh đất này đem cấp cho các tư nhân làm nhà ở, làm kho xăng dầu, cơ sở làm nước đá.

– Khâm Thiên Giám xây dựng vào năm 1836 (Minh Mạng thứ 17) gần Tôn Nhơn Phủ, chuyên lo về thời tiết. Khu đất này cũng cấp cho một cán bộ đương chức trong phường, và một nhà lầu hai tầng của tư nhân vừa mới khánh thành xong.

– Làm nhà ở và chuồng nuôi bò ngay dưới chân Kỳ đài (cột cờ Huế) của một vị sĩ quan hồi hưu đến nay vẫn chưa giải quyết (thuộc phường Thuận Thành).

– Xây dựng 6 nhà tứ giác (kiosque) bên hồ Võ Sanh. Nơi đây dưới thời triều Nguyễn là chỗ các quân nhân đã đậu kỳ thi võ đến đây thao diễn và học hỏi (trang 113, tạp chí Bulletin des Amis du vieux Huế 1933). Việc làm này của chính quyền địa phương đã vi phạm nhiều điều lệ về xây dựng cơ bản, trái với chức năng nhiệm vụ của UBND phường, và nghiêm trọng nhất là xâm chiếm đất di tích, đem bán giữa các tư nhân với nhau, sau khi UBND

phường cho đập phá ngôi đền gọi là "Âm hồn đàn" (1), một di tích lịch sử để kỷ niệm ngày 23-5 âm lịch (Kinh đô thất thủ), do Bộ Công thiết kế, và được triều đình nhà Nguyễn thiết lập sau năm 1885 (thuộc Phường Thuận Hòa).

Những vi phạm trên tiếp tục xảy ra sau năm 1984 đến nay là năm pháp lệnh bảo vệ di tích được Nhà nước ban hành.

Các di tích bị xâm chiếm trên đều ở trong Kinh thành, do ba phường Thuận Lộc, Thuận Thành và Thuận Hòa quản lý, nằm bao quanh Đại Nội Huế, thuộc khu vực I, đã được quy định trong biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích, mà chính quyền các cấp, từ tỉnh đến UBND phường, xã, các cơ quan chuyên môn, nhất trí ký tên vào ngày 23-7-1991 tại Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Cố Đô Huế, và được Bộ trưởng Văn Hóa Thông Tin, Trần Hoàn, ký duyệt. Các hành vi trên chứng tỏ sự bất chấp luật pháp quốc gia, vi phạm điều 54, 55 luật đất đai cũ, và điều 85, 86 luật đất đai mới đã được Chính phủ ban hành.

Vụ việc này cần được làm rõ, cơ quan nào đã có trách nhiệm phê duyệt, cấp giấy phép mua bán đất công, đập phá ngôi đền một cách bừa bãi. Đất đai là tài sản của Nhà nước, người nào lợi dụng chức vụ quyền hạn cho phép chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất trái với quy định của pháp luật, bao che cho người có hành vi phạm tội, làm giàu bất hợp pháp, phải bị cách chức hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều 85, 86 của luật đất đai.

Chúng tôi nghĩ rằng việc sản xuất là cần thiết, nhưng việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc lại cần thiết hơn. Để giữ gìn và bảo vệ các di tích, điều trước hết là luật của Nhà nước về vấn đề này phải được nghiêm chỉnh thực hiện. Chính quyền các cấp cần thấy rõ tầm quan trọng này thường xuyên phát động những hành động xâm phạm di tích để kịp thời ngăn chận và xử lý. Chính vì sự xem thường các di tích mà một số địa phương đã buông lỏng quản lý. Các vụ xâm phạm di tích thường để kéo dài.

Cần mở cuộc vận động nhân dân giữ gìn và bảo vệ di tích, mỗi địa phương phải làm cho mọi người hiểu hết ý nghĩa của vấn đề này.

Việc tu sửa các di tích cần thiết phải có ngân sách đầu tư của Nhà nước. Đối với các di tích có tầm cỡ, có thể vận động sự giúp đỡ quốc tế. Công việc này không những là trách nhiệm, mà còn là lương tâm, ý thức của mỗi người công dân yêu nước và có tinh thần tự hào dân tộc.

NGÔ TUỆ

---

(1) Âm Hồn Đàn, gần cửa nhà Đồ trong kinh thành Huế, mà người dân ở đây thường gọi là Đền Âm Hồn, với diện tích kể cả toàn thể khu đất 1245m2, do Bộ Công thiết kế và được triều đình nhà Nguyễn thiết lập sau năm 1885. Hàng năm đến ngày 23-5 âm lịch, Bộ Lễ của triều đình đến đây cúng tế, tưởng niệm các chiến sĩ và nhân dân Huế đã hy sinh trong ngày kinh đô thất thủ.

Âm hồn đàn có diện tích 50m2, có một bài vị ghi danh những người đã hy sinh. Bên phải có một ngôi nhà 4 gian, chiều dài 15m, để cất giữ các đồ tự khí dùng cho các ngày tế lễ. Nơi đây có hai người thủ từ được Bộ Lễ phân công chuyên lo hương khói, và giữ

gìn các tư liệu. Qua bao nhiêu năm chiến tranh, thiên tai, ngôi nhà này không còn nữa, nhưng Âm hồn đàn vẫn còn nguyên vẹn.

Trong tạp chí "Bulletin des Amis du vieux Huế" (Những Người Bạn Của Huế Cổ Kính), in năm 1933, trang 124, tác giả linh mục Léopold Cadière có viết: "Am Hồn Đàn ở xóm Huệ An, chỗ này trước 1885 là trại binh Thần Cơ (tức pháo binh). Sau năm 1885, nơi đây là Am Hồn Đàn và được ghi vào số 270 trên bản đồ Kinh thành Huế". Trong cuốn BAVH, ở trang 188, được in vào năm 1916, bài viết về các cuộc lễ ở Huế của ông R. ORBAND cũng có đề cập đến nghi lễ ở ngôi đền này.

Chúng tôi đến gặp cụ Nguyễn Dục tại số nhà 5A đường Đặng Trần Côn, Thuận Hòa, Huế, năm nay cụ thọ 94 tuổi, rất minh mẫn, còn khỏe mạnh. Cụ cho biết, dưới triều Khải Định, cụ làm "Thừa phái thị vệ", hàng năm đến ngày 23-5 âm lịch, tại đền Âm Hồn, đàn cúng tế rất trọng thể. Vua phái một quan đại thần ra làm chủ tế, lễ phẩm bao giờ cũng có một con trâu cậu (trâu lớn), 2 con bò, ngoài ra có thêm heo gà, hoa quả đủ cả. Sau khi quan đại thần của triều đình lễ xong, đến lượt dân chúng trong vùng tùy tâm cúng bái.

LÊ BI

phản ánh

Bức ảnh căn cước Việt Nam mỗi ngày mỗi khác
Tờ giấy nhập tịch Hoa Kỳ cũng không đổi nổi ngôn ngữ, màu da
Ta dối cả hai giữa tháng ngày lưu lạc
Chẳng làm gì nên như vừa bỏ nước hôm qua.

khám phá

Không khám phá nào làm tôi hạnh phúc bằng nhìn ra sự thật
Không sự thật nào không có lúc phải tự đổi thay
Khi hiện tại cận kề như một dòng sông thường trực
Quá khứ nặng nề nào cũng phủi sạch trong tay

sau này

Chỉ một con trăng, mà anh đã đếm bao lần
Lịch sử có bao người nhìn trăng mà nhớ nước?
Những con trăng soi giùm anh tổ quốc
Hỏi sau này, còn bao nhiêu kẻ phải nhìn trăng

LÊ BI

KIM THI

ngày.... tháng...

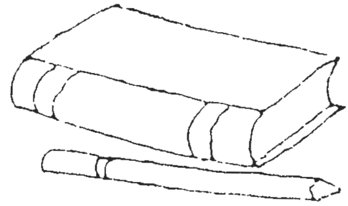

Ngày 6 tháng 10 năm 1994

Thời gian gần đây, chính quyền trong nước phát động một chiến dịch có tính cách đồng bộ, mục đích tố cáo với dư luận quốc nội mưu đồ "phản dân tộc, chống cộng của *Hợp Lưu*". Trên làn sóng phát thanh chuyển ra hải ngoại, trên báo chí nội địa, những bài viết có nội dung như bài viết dưới đây của Diệp Minh Tuyền (nhạc sĩ, nhà thơ) nằmtrong chiến dịch vừa nói. Kim Thi đăng lại nguyên văn với vài nhận xét nhỏ:

1) Câu khẩu hiệu cũ mèm, lập lờ *"Yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa"* lại một lần nữa được sử dụng, dưới dạng tương tự *"Chống cộng là phản dân tộc"*. Từ trước đến nay người CS vẫn cố tình đồng hóa họ với các cụm từ Dân Tộc, Tổ Quốc, Quê Hương... hầu tạo cho quần chúng một "phản ứng có điều kiện": Đã là CS tất nhiên yêu nước. Ngược lại, ai không phải CS ắt hẳn "tay sai", "Việt gian", "phản động"! Điều làm chúng ta kinh ngạc là sau hai mươi năm thống nhất, sau những biến động tại các quốc gia thuộc khối xã hội chủ nghĩa, đến thời điểm này, đảng CS VN vẫn chưa chịu từ bỏ lề lối tuyên truyền mị dân ấu trĩ đó!

2) Những kẻ cực đoan ở cả hai phía (trong, ngoài) đều hình như được đúc ra từ một cái khuôn. Đọc họ, ta cảm thấy ngao ngán, buồn bã.

Cách đây hơn tháng, ông Viên Linh, Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đã phát biểu trên một tạp chí, rằng *"văn học miền Bắc đã được khơi mở khi tiếp xúc với miền Nam... Đó là văn phong miền Nam... Ở hai nhà văn nữ nổi tiếng miền Bắc, tôi nhìn thấy ảnh hưởng lấp lánh của Trần Thị Ngh., của Nguyễn Thị Ngọc Minh, ở hai nhà văn nam khác, tôi nhìn thấy tiểu thuyết phóng sự của báo chí Sài Gòn trước 1975..."* Kèm theo nhận xét trịch thượng pha chút bỉ thử ấy, ông Chủ tịch, "một lần nữa", khẳng định: *"Theo tôi, không bao giờ có giao lưu văn học giữa văn học VN hải ngoại và văn học xã hội chủ nghĩa VN... Mấy năm nay tôi cứ thấy buồn cười và bực mình..."* , vậy, nếu có giao lưu chăng, thì *"hãy giao lưu với bằng hữu của chúng tôi hiện còn ở trong nước trước"* (*Văn Học*, California, số 101, tháng 9, 1994. Tr. 15,16,17). Điều

đáng ngạc nhiên là trước bài phát biểunày nửa tháng, trên đài RFI (Pháp) phát thanh cho đồng bào quốc nội, ông Viên Linh lại trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê với một ý hướng ngược hẳn: *"Chúng ta đều thấy rằng sự xung đột ý thức hệ thực sự không có ích lợi gì cả, cho tới giờ thì càng thấy cái sự bẽ bàng của nó. Bởi những xung đột đó, trong văn chương, làm hại cả bên này lẫn bên kia. Những người cầm bút miền Bắc trước đây, tôi nghĩ, đã không viết được những gì họ muốn viết, cũng như những người cầm bút ở phía này - phía chúng tôi - cũng đã không viết được, hay là không phổ biến hết được những điều của mình. Hận thù trong lòng của cả hai phía, hai mươi năm qua, thực sự đã làm hại rất nhiều cho văn chương của ta. Văn chương, mặc dù có tính quốc gia, nhưng nó không biên giới. Ở đại hội văn bút thế giới, hai kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung và khác chủng tộc là Ả Rập và Do Thái, người ta còn ngồi lại với nhau được, thì những xung đột ý thức hệ này nọ sẽ phí phạm rất nhiều tài năng cũng như sức lực của chúng ta"*. Thế là thế nào? Ngôn ngữ in thành chữ, nói thành lời (có ghi âm), lại đề cập đến những vấn đề nghiêm chỉnh, sao lại "sáng nắng chiều mưa" vậy được? Nhất là ông Viên Linh đang nắm giữ một... trọng trách (cứ xem là như thế đi, cho đỡ... tủi!). Chả trách cái Văn Bút Hải Ngoại do ông lèo lái mỗi ngày một tiêu điều, đến... rơi lệ!

Cũng cánh đây hơn tháng, trên tờ *Sàigòn Giải Phóng*, số ngày 4 tháng 9, 1994, cùng tác giả với bài viết độc giả sắp đọc dưới đây, đã cho phổ biến một lá thư gửi giáo sư Phong Lê, Viện trưởng Viện Văn Học Việt Nam, chê ông này còn "nhân nhượng" với nền văn học "ngụy". Theo đánh giá của tác giả, đó là một *"thứ văn học nô dịch, chống cộng cực kỳ phản động"*, là *"con đẻ của chế độ Mỹ-Ngụy, là của Mỹ - Ngụy, bao gồm những tên bồi bút mặc áo lính hoặc mặc thường phục được CIA chi tiền nuôi dưỡng, điên cuồng đánh phá cách mạng cho mãi đến hôm nay phía bên kia chân trời di tản..."*. Sau khi mạt sát nền văn học miền Nam bằng những lời lẽ "sắt máu" như thế, tác giả xoay qua ca tụng nền văn học xã hội chủ nghĩa không tiếc lời, ông ta còn cao hứng hơn: *"Mấy năm gần đây văn học nước ngoài được dịch loạn xạ ở nước ta, nhờ vậy mà chúng ta có dịp đọc nhiều sách nước ngoài và cũng nhờ vậy, người đọc mới té ngửa ra là văn học của thiên hạ cũng không phải có nhiều sách hay. Sách của họ cũng cỡ "thường thường bật trung" vậy thôi, kể cả những cuốn được phong best-seller..."*. (ý ông muốn nói "nền văn học ta" tại nội địa, nếu đemso sánh, cũng "đanh giá" chẳng kém gì thế giới). Liều thật! Đúng là ếch ngồi đáy giếng, thầy bói mù xem voi! Trong bối cảnh "mở cửa", vàng thau lẫn lộn hiện nay tại Viện Nam, ai cũng biết các loại sách được dịch theo đơn đặt hàng của đầu nậu, nhằmphục vụ thị hiếu quần chúng nó là cái giống gì. Tôi có người bạn làm xuất bản tại Sàigòn, thư cho tôi, anh nhờ tìm mua hộ một lô sách, để dịch. Xem qua, tôi cũng "té ngửa" như ông Diệp Minh Tuyền: đó là những loại sách bày bán nhan nhản trong các chợ, các liquor, giá mỗi cuốn một hai đồng, nội dung tràn ngập dục tình và giết tróc máu me! (thế mà đối với ông Diệp Minh Tuyền, chúng đã "thường thường bậc trung" rồi đấy!) Này ông cán bộ, nói ra, ông bảo tôi vọng ngoại, mặc cảm, "bụt nhà

không thiêng"! Thôi thì đề nghị với ông thế này: Ráng chạy cái giấy xuất ngoại, HL dù nghèo vẫn xin tặng ông tấm vé máy bay, và dù bận, vẫn thu xếp cử người đại diện đưa ông đi "tham quan" một vòng các nhà sách, các thư viện, hy vọng nhờ thế tầm nhìn của ông nó vượt khỏi cái lỗ mũi tí đỉnh, kẻo, cứ loanh quanh mãi xó nhà, rồi soi gương, tự tán dương mình, trông buồn cười và tội nghiệp quá. Kẻ thức giả đi nhiều biết rộng, đọc, sẽ cười cho.

Nằm vùi trên chiến thắng để gặm nhấm vinh quang, chối bỏ mọi đổi thay thế cuộc, và tự tôn tự đại một cách ngô nghê, để rồi nhìn đâu cũng thấy "kẻ thù, tay sai, Việt gian" là căn bệnh của những kẻ cực đoan bên trong. Tủi hờn với nỗi đau chiến bại, e sợ bị vất lại bên lề trước bước đi vô tình của thời gian và lịch sử, nên tìmđủ mọi cách tô đậm lại lằn ranh Quốc/ Cộng, khư khư ôm cứng "vàng son" cũ, tự nâng và bảo vệ giá trị mình, giá trị anh em đồng nghiệp mình bằng mọi trò lươn lẹo, là tâm trạng của những kẻ cực đoan bên ngoài. Vì thế mới sản sinh ra những câu trả lời, những bài viết đại loại kiểu của ông Chủ tịch văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và của ông Diệp Minh Tuyền.

Kim Thi rất ghét cụm từ "*Đi giữa hai làn đạn!* Đạn thật đã chẳng ra gì, huống chi đạn mã tử! Cho nên những điều vừa nói chắc chắn sẽ làm các vị cực đoan cả trong lẫn ngoài khó chịu (như đã và đang khó chịu lập trường của *Hợp Lưu*), nhưng bởi Kim Thi chẳng có "dĩ vãng vàng son" để mà ôm ấp, cũng chẳng có tài sản (cả vật chất lẫn tinh thần) để mà bảo vệ, lại càng không có tham vọng ra tranh chức "Chủ Tịch Văn Bút" để mà lươn lẹo, tính toán thiệt hơn, nên mặc quí vị muốn đội cho Kim Thi bao nhiêu cái mũ, và sơn phết bao nhiêu màu, cũng được (càng nhiều màu càng vui mắt). Tuy nhiên nếu các vị buộc Kim Thi phải... minh định lập trường, đành thẳng thắn nói thật: Kim Thi chẳng phải người "Quốc Gia", xin được công khai từ chối vinh hạnh ấy, cỡ Kim Thi mà đứng trong hàng ngũ với những ông chủ tịch cộng đồng, chủ tịch văn bút, chủ tịch truyền thông, chủ tịch hội đoàn, chủ tịch đảng phái, chủ tịch linh tinh các cái - như nấm dại mùa mưa - tại hải ngoại, e rằng sẽ làm bẩn những tổ chức ấy! Ngược lại, Kim Thi cũng chả ưa gì CS (ưa, đã không tha phương cầu thực), nhưng bảo rằng mong cái chế độ ấy sụp thì, ít nhất trong thời điểm này, Kim Thi không mong. Nó sụp, lấy cái gì thay thế? Chẳng lẽ mời các nhà "cách mạng Bolsa" về lèo lái đất nước? Nhưng không mong nó sụp không có nghĩa đồng ý, thỏa hiệp, bảo sao nghe vậy. Ngày nay cuộc cờ thế giới đã khác, nếu chế độ không chuyển hóa, không tìm cách điều chỉnh mọi sai trật để tiến kịp trào lưu chung của nhân loại, thì đất nước còn lầm than, dân tộc còn đau khổ, tự do, nhân phẩm, hạnh phúc, phú cường còn là những mỹ từ hữu danh vô thực. Đừng tưởng ngoại quốc đầu tư ào ạt vào Việt Nam, khách sạn, nhà hàng, buillding mọc lên như cây rừng, hàng hóa Tây phương ê hề ngoài chợ, trong tiệm... là đã khá. Tất cả sự phồn vinh ấy chỉ là một thứ - nói theo ngôn ngữ của người CS - phồn vinh giả tạo, và chỉ thu hẹp ở những đô thị. Hãy nhìn thẳng vào thực chất xem: đất nước đã có chưa một nền kinh tế sản xuất? Tài nguyên thiên nhiên bị khai thác bừa bãi. Tài nguyên trí tuệ gần như trắng xóa, hậu quả của một nền giáo dục suy

đồi, mị dân. Tự do báo chí, viết lách bị bóp nghẹt. Lòng tốt, lương năng ở mỗi con người bị sức ép của vật chất làm cho biến dạng, tha hóa. Hố cách ngăn giữa kẻ giàu người nghèo càng lúc càng thăm thẳm. Tệ nạn tham ô, quan liêu, bè phái, phe đảng, nhóm cụm trở thành ác mộng trên đầu dân đen... Tất cả băng hoại ấy chế độ đã làm gì để ngăn chặn? *Hợp Lưu*, bằng khả năng khiêm tốn của mình, góp phần thúc đẩy tiến trình thay đổi ấy. Vì thế, chế độ bảo *Hợp Lưu* phản dân tộc, tay sai, Việt gian. "Quốc Gia" bảo *Hợp Lưu* tiếp tay cho địch, làm lợi cho địch, của địch cài vào! Còn gì nữa nhỉ? Thôi thì... bất chấp!

Mời độc giả đọc bài viết sau trong tinh thần ấy, tinh thần "bất chấp" (xin đường hiểu theo nghĩa "phá chấp" của nhà Phật): *"mua vui cũng được một vài trống canh"*.

XU HƯỚNG PHẢN DÂN TỘC, CHỐNG CỘNG CỦA TẬP SAN HỢP LƯU

(Tập san văn học nghệ thuật biên khảo hải ngoại)

DIỆP MINH TUYỀN

Để biết rõ bản chất của **Hợp Lưu**, ta nên biết đến nhận định của những người trong cuộc. Hãy nghe Nguyễn Ngọc Tuấn viết trong bài *Huyền Thoại Về Một Nước Thơ*:

"Sau năm 1975, bỏ nước ra đi, không cầm súng được nữa, chúng ta cầm bút để tiếp tục tố cáo tội ác của cộng sản, để phát huy chính nghĩa của cộng đồng tị nạn, để cổ vũ cho cuộc đấu tranh, trong mơ ước và trong tưởng tượng, nhằm giải phóng quê hương. Văn chương cáo trạng, văn chương luận chiến ra đời tấp nập khiến chúng ta sung sướng, ngây ngất, có lúc ngỡ như đang ngắm một mùa hoa mà quên bẵng phần lớn đều là hoa cũ, có khi đáng buồn hơn, chỉ là hoa giả... Văn học lưu vong nào tự bản chất cũng là nền văn học chính trị. Nhưng với người Việt Nam, do truyền thống công cụ hóa văn học lâu đời, do áp lực của ông "nhà Nho" giấu mặt trong thâm tâm mỗi người, tính chất chính trị càng nặng nề, càng sâu sắc. Chúng ta sáng tác theo cảm hứng chính trị, chúng ta phê bình văn học trên căn bản chính trị. Với mức độ nào đó, có thể nói văn học lưu vong chỉ là một sinh hoạt chính trị trá hình...

... Phần lớn những tác phẩm được nhắc nhở nhiều đều là những quyển sách dở hoặc khá dở: chúng được khen ngợi, được làm ồn ã vì những "thông điệp" chính trị trong đó hơn là vì giá trị nghệ thuật của chúng" (Hợp Lưu số 18, tháng 8-9-1994, trang 72-73).

Hợp Lưu cũng nằm trong quỹ đạo chống cộng ấy, nhưng **Hợp Lưu** đã xác lập lập trường chống cộng của mình theo kiểu mới. Nghĩa là họ thay đổi sách lược chống cộng cho phù hợp với tình hình thế giới và trong nước hiện nay,

Hãy xem Vũ Huy Quang viết trong bài *Cấm Vận Và Phỉ Báng*:

"Chống cộng là nhiệm vụ dĩ nhiên của toàn thể (người Việt) hải ngoại, không ai nhắc nhở ai được...

... Chống cộng mà chỉ trông vào sự can thiệp và trợ giúp quân sự để lật đổ chính quyền cộng sản chỉ còn là điều không tưởng...

... Do thế, không nên trông mong chống cộng bằng giải pháp quân sự vì như vậy là đi ngược xu thế thời đại. Người Mỹ không can thiệp bằng quân sự nữa...

... Người ta đã từng chống cộng vì hận thù, vì bị va chạm quyền lợi (miếng cơm manh áo), đã đến lúc phải chống cộng do lòng yêu nước thuần túy thúc đẩy. Chống cộng kiểu cũ với lằn ranh đã lỗi thời...

... Như vậy, ngày nay chống cộng không chỉ riêng ở hải ngoại, mà phải là công cuộc của toàn dân..." (**Hợp Lưu** số 6 - trang 21.)

Và họ đã đề ra mục tiêu cụ thể, rõ ràng là lật đổ chính quyền trong nước: *"Tập hợp lại một dân tộc phân rã, giành lại chính quyền cho nhân dân (!)"* (**Hợp Lưu** số 6 - trang 21).

Để đạt được mục tiêu này họ nhận thức được rằng "*sự phản kháng trong nước phải là sự phản kháng chính*" cho nên họ đề ra nhiệm vụ cho **Hợp Lưu** là "*Hải ngoại hỗ trợ cho tiếng nói trong nước, không phải là làm chính trị giai đoạn, mà là bổn phận*".

Lập trường chống cộng này cũng đã được thể hiện ra trong sáng tác. Chỉ cần đọc bất chợt một tác phẩm ta cũng thấy rõ điều này.

Bài thơ *Tôi Có Một Cái Kéo* của Đỗ Kh. (Một trong những người chủ trương **Hợp Lưu**) đã xúc phạm đến lá cờ thiêng liêng của Tổ Quốc, đã nghĩ đến chuyện thay đổi màu cờ cùng lúc thay đổi chế độ:

"Ở Việt Nam tôi cũng có một cái kéo
Đến một ngày thế nào
Cái ngôi sao màu vàng vướng mắt
Tôi cũng sẽ xén phăng đi mất
Lúc đó hai tay tôi sẽ phất
Lá cờ
Chỉ còn lại một màu".

Rõ ràng, trên cả hai mặt lý luận và sáng tác họ không ngần ngại biểu hiện tất cả sự hận thù với chế độ, với Tổ Quốc.

Ấy vậy mà nhiều người trong chúng ta hãy còn mơ hồ về họ. Do thiếu tư liệu một phần, nhưng chủ yếu là do không có lập trường chính trị rõ ràng và vững chắc, một số người trong chúng ta đã không thấy lập trường chống cộng trong văn học của họ. Một đôi người sẵn sàng **hợp Lưu** trên dòng sông của họ. Tất nhiên cũng được họ ban tặng cho những lời khen, nhưng là bằng giọng điệu của kẻ bề trên - cùng với lời giễu cợt, biếm nhẽ và cả những lời chê đích đáng. Hãy nghe Đặng Tiến trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê về bài viết: *Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Ở Hải Ngoại* của giáo sư Nguyễn Huệ Chi - viện phó Viện Văn Học đăng trên **Hợp Lưu** số 18:

"Dĩ nhiên là có thiếu sót, Nguyễn Huệ Chi nắm được cái gì thì đọc cái nấy

và nói về cái ấy. Anh có làm chủ được tư liệu đâu?... Anh viết đúng, dù rằng anh phải đọc nhanh, và chịu viết về điều mình phải đọc. Nhanh là một thiện chí nếu không phải là một hy sinh. Cùng nghề với nhau tôi biết điều đó...". "Vì vậy mà tôi cười, và càng đánh giá cao chàng Nghệ Tĩnh quê mùa là bạn Nguyễn Huệ Chi". (**Hợp Lưu** số 18 tháng 8-9-1994 - trang 56-57).

Để ly gián đội ngũ nhà văn trong nước, qua những người môi giới của họ, họ xin bài vở của một số nhà văn, nhà thơ hoặc lấy những bài đã đăng sẵn trên các báo chí trong nước để đăng lại trên **Hợp Lưu.** Tất nhiên tiêu chỉ chọn đăng là phải hợp "khẩu vị" của họ hoặc vô thưởng vô phạt. Lợi dụng chủ trương đứng đắn của ta nhằm giới thiệu với người đọc torng nước những tác phẩm của những Việt kiều yêu nước, một số người chống cộng tìm cách luồn tác phẩm mình về nước để được xuất bản hợp pháp nhằm tạo dựng tên tuổi cho họ.

Đi đôi với chống cộng, **Hợp Lưu** cũng bộc lộ khuynh hướng *phản dân tộc* của mình. Bởi vì họ nhận thức được rằng những người cộng sản xưa nay hơn ai hết là những người luôn giương cao ngọn cờ dân tộc, cho nên muốn chống cộng thì phải bài bác tinh thần dân tộc. Cho nên có thể nói rằng: Chống dân tộc cũng là một biểu hiện của lập trường chống cộng của họ. Hãy xem Đặng Tiến viết trong bài: *Dân Tộc Và Dân Chủ* đăng trên **Hợp Lưu** số 6-1992:

"*Rồng, Tiên còn có quyền thiên biến vạn hóa, chỉ tiếc rằng hữu danh vô thực, có tiếng mà không có miếng là số kiếp Việt Nam. Nhận mình là con Rồng cháu Tiên là kỳ thị chủng tộc...*

... Chủ nghĩa dân tộc đắm mình trong lịch sử, hô hấp những chiến bại để tồn tại, nhấm nháp những chiến công để trưởng thành... (**Hợp Lưu** số 6, 1992 - trang 8-9).

Không thể phủ nhận ảnh hưởng to lớn của những người cộng sản trong lòng dân tộc và nhận thức được đó chính là lực cản cho công cuộc chống cộng của họ, nên Đặng Tiến viết tiếp: *Nhưng trong quần chúng vẫn có người nghe vì tâm khảm của họ vẫn còn giữ hình ảnh người cộng sản gắn liền với cuộc kháng chiến gian lao của dân tộc giành lại độc lập và thống nhất. Trong thời hạn đó tinh thần dân tộc biến thành tình cảm tiêu cực, cản trở bước đi của dân chủ(!)* (**Hợp Lưu** số 6 - trang 10-11).

Dị ứng với tinh thần dân tộc cũng biểu hiện ra trong lĩnh vực bình giá văn chương thi phú. Trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê, Tạ Trọng Hiệp đánh giá về một quyển sách trong nước của một nhà văn là "*vẫn còn hơi ước lệ một chút, ví dụ như khi nói về Thạch Lam hay Nguyễn Bính thì anh ấy cần phải biện minh rằng cái giá trị lớn nhất của họ là tính dân tộc.*

Nếu chỉ có tính dân tộc thì có đủ làm một nhà văn lớn không? Và có đủ cho mình công nhận đây là một áng văn hay hay không?" (**Hợp Lưu** số 18-1994 - trang 54).

Chống cộng là thế, phản dân tộc là thế, ấy vậy mà họ lại kêu gào "dân chủ", kêu gào "đa nguyên", kêu gào "hợp lưu". "Dân chủ, đa nguyên" sao lại chống cộng sản. Rõ ràng là họ đòi dân chủ cho họ.

Vậy "dân chủ", "đa nguyên", "hợp lưu" chẳng qua chỉ là những thủ đoạn bịp bợm nhằm lừa mị người nhẹ dạ khi những người tung ra những luận điệu đó chưa có chính quyền trong tay.

Thủ đoạn chống cộng của **Hợp Lưu** mới mẻ hơn, tinh vi hơn, xảo quyệt hơn **Làng Văn**... và những kẻ chống cộng theo kiểu cũ. Nhưng do cùng bản chất nên cuối cùng họ cũng chịu chung số phận của tất cả những kẻ chống cộng xưa nay trên đất nước ta bởi sức mạnh của dân tộc, trong đó đại bộ phận Việt kiều yêu nước và các văn nghệ sĩ yêu nước ở hải ngoại đang ngày đêm hướng về tổ quốc thân yêu.

Và ngay cả giờ phút này vẫn còn đủ thời gian để những ai đó trong **Hợp Lưu** suy gẫm và quay về "hợp lưu" với dân tộc.

DIỆP MINH TUYỀN
(SGGP, số Chủ Nhật, ngày 2/10/1994)

Diệp Minh Tuyền (lên ba, 1944), trích từ Nhạc Và Đời, *nhà xuất bản Tổng Hợp Hậu Giang, 1989.*

Ngày 17 tháng 10 năm 1994

Mươi ngày trước, tin từ Canada cho biết: nhạc sĩ Hoàng Xuân Giang - bào đệ của thi sĩ Hoàng Xuân Sơn - qua đời vì bạo bệnh. Sáng nay, lại một hung tin khác, từ Pháp: nhà văn Ngọc Khôi - bào huynh của nhà văn Trần Vũ - cũng đã qua đời, và cũng vì bạo bệnh.

Trong ngôi nhà này, trên mặt thảm kia, Giang đã cụng ly, đã ôm đàn, và đã hát. Càng uống càng hát hay, càng mềm môi càng đẩy âm nhạc bay cao. Giữa đám bạn bè, không hiểu do cơ duyên nào, bỗng tụ về cùng lúc: Phạm Đình Cường từ Toronto, Trần Vũ từ Pháp, và Vũ Quỳnh N.H., Phạm Việt Cường, Hoàng Chính Nghĩa,, Nguyễn Hương, Nguyễn Quốc Trung, Trần Duy Đức, Khế Iêm, Lê Thứ, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy,.Vũ Huy Quang, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Tấn Hải... Giang hát, say sưa, hào sảng, nhạc của Trịnh Công Sơn, nhạc của mình, nhạc phổ từ thơ Du Tử Lê, Phó Ngọc Văn, Phạm Nhuận, Huỳnh Liễu Ngạn... Nhạc quyện với thơ, qua giọng ngâm Nguyễn Đình Cường, nhạc trộn cùng khói thuốc, nhạc hòa tan trong rượu. Đêm vui tưởng chừng không dứt, những giờ

phút sống trọn vẹn cho âm nhạc và thơ ca tưởng chừng sẽ kéo dài miên viễn. Thế mà, đột ngột, bạn bè hay tin Giang bị bạo bệnh, để rồi bây giờ, nghe tin Giang qua đời.

Giang qua đời, để lại những sáng tác, lẽ ra, nhà *Tân Thư* đã in xong, nếu không gặp nhiều trở ngại kỹ thuật. Đó là các nhạc phẩm được tập hợp lại dưới một tên chung *Hãy Nhìn Tôi Như Thế. N*hạc của Giang uyển chuyển, trữ tình, mềm mại, rất xuất thần ở những ca khúc viết về Huế. Giang là một người viết ca khúc tài hoa, nhưng có lẽ do bản chất quá nghệ sĩ, chỉ thích rong chơi giữa bạn bè, và chỉ hát cho bạn bè nghe, mà... quên mất chuyện phổ biến tác phẩm của mình đến quần chúng, cho nên dù làm nhạc rất lâu, và hay, Giang vẫn không được quần chúng biết đến nhiều. Bằng hữu cho đó là mất mát lớn, riêng Giang, lại cười: "Ăn thua chi tiếng với tăm, chết, có mang theo được đâu? Tao sáng tác cho tao, vì tao thích, sau đó cho bạn bè. Chúng mày nghe tao hát, chúng mày thích, đủ rồi". Tôi có may mắn "ở" với giới viết lách, mọi ngành, nên hiểu "cái tôi" của giới này, hầu hết, đều rất... vĩ đại, đều... nhất. Kẻ nào không biết đến "tôi", kẻ ấy... quáng gà! Giang, ngược lại, biết hay không biết cũng... giống nhau. Có đàn trong tay, có rượu trên bàn, có bằng hữu vây quanh, là hát, là uống. Hát và uống đến khản giọng, đến ngất ngư, đến... chết! Trong đám bạn bè thuộc giới viết nhạc, ngoài Trần Quang Lộc, tôi thấy chưa có ai mang một tâm hồn nghệ sĩ như Giang, chưa có ai dám tiêu phí đến khánh kiệt đời mình, như Giang.

Giang qua đời, nỗi buồn trong lòng bằng hữu chưa lắng thì tin Ngọc Khôi vừa nhắm mắt đến. Chả hiểu bởi linh tính nào, tối qua, bỗng dưng tôi mang từ kệ sách xuống cuốn *Hội Họa Hiện Đại Âu Châu* Khôi mua tặng tôi vài tháng trước, lúc Khôi đang ở miền Nam nước Pháp dưỡng bệnh. Cuốn sách còn nằm trên bàn, cạnh màn ảnh computer. Cuốn sách, ở trang đầu, có lời đề tặng được viết bằng nét chữ thật hiền. Hiền như nụ cười nhỏ nhẹ, cung cách khoan thai, từ tốn của Khôi. Và nhất là hiền như văn chương Khôi, một thứ văn chương không làm ra bão, không tạo nên sóng, nhưng đó là thứ văn chương rất đỗi chuẩn mực, chuẩn mực trong tư duy, chuẩn mực trong từng câu, từng từ, từng đoạn, từng dấu chấm, dấu phẩy. Nếu ở Trần Vũ, bào đệ của Khôi, là một bung phá hung bạo, thì ngược lại, ở Khôi, lại là một đằm thắm dịu dàng. Loại văn chương này, ngày sau, những nhà viết sách giáo khoa có thể trích dẫn để giảng dạy trong học đường.

Viết dài về những cái chết là điều không nên, bởi rất dễ rơi vào sáo ngữ, đãi bôi, giả. Một điều tự thâm tâm tôi hoàn toàn không muốn, nhất là với một người bạn, một người em tôi hết lòng yêu mến. Hoàng Xuân Giang đã có với tôi trên mười lăm năm hệ lụy, từ những thâu đêm rong chơi tại Việt Nam. Ngọc Khôi đã có với tôi những buổi sáng lang thang trong các viện bảo tàng, các phòng trưng bày tranh, các quán cà phê vỉa hè, những buổi chiều đưa tôi về trên toa tàu lao phóng vut vút dưới lòng đất, và những buổi tối với hai ly rượu đằm thắm tình anh em ở căn phòng trọ mãi tận lầu sáu của một Paris vừa hiện đại vừa cổ kính. Những giao tình đó, tuy đậm, nhưng rồi cũng sẽ

phôi pha cùng năm tháng. Duy một điều, tôi mong, rất mong: sự nghiệp các anh đã để lại cho đời, sẽ ở lại dài lâu trong lòng người thưởng ngoạn.

Ngày 20 tháng 10, 1994.

Giải thưởng Văn chương Nobel 1994 đã được loan báo trao cho nhà văn Nhật Bản Kenzaburo Oe.

Theo nhận xét của Hàn Lâm Viện Thụy Điển, Oe có những tác phẩm bị ảnh hưởng rất mạnh bởi văn học Tây phương, điển hình như Dante, Poe, Rabelais, Balzaz, Eliot và cả Sartre nữa. Ông cũng đã tự tạo ra một lối hành văn rất đặc sắc, linh động và năng động, khác hẳn với lối diễn tả truyền thống của văn chương Nhật Bản.

Văn hào Kenzaburo Oe năm nay 59 tuổi. Ông trưởng thành trong thời kỳ Nhật Bản thất trận và bị Mỹ chiếm đóng sau Đệ nhị Thế chiến. Tác phẩm của ông đã bị ám ảnh bởi sự thất trận ấy. Thời hậu chiến, lúc đầu Oe là một nhà phê bình thiên tả. Nhưng quan điểm này thay đổi khi đứa con trai đầu lòng của ông, sinh ra 31 năm trước đây, bị thương tật ở óc do bẩm sinh. Đứa con này đã trở thành biểu tượng chính yếu cho các tác phẩm của ông nói về Nhật Bản, một nước vẫn còn bị ám ảnh bởi cuộc Đệ nhị Thế chiến.

Cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Oe xuất hiện một năm sau đó, năm 1964. Đó là cuốn "*Một Vấn Đề Cá Nhân*", thuật lại phản ứng của một người cha sau khi đứa con bị tật bẩm sinh ra đời. Ông ta trở thành kẻ nghiền rượu, bị đuổi khỏi sở làm, rồi lấy một cô vợ lẽ và đã âm mưu với cô này định giết đứa nhỏ. Nhưng cuối cùng ông tỉnh ngộ và nhận lãnh tất cả trách nhiệm của kẻ làm cha.

Ngoài ra, một cuốn khác cũng nổi tiềng không kém: *"Tiếng Khóc Thầm Lặng"* (The Silent Cry) xuất bản năm 1967, trong đó mối quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới được mô tả như một “sự pha trộn lẫn lộn của kiến thức, đam mê, mộng tưởng, tham vọng và thái độ hành sử”.

Ông là nhà văn thứ hai của Nhật Bảnđoạt giải văn chương Nobel (Năm 1968 giải này được tặng cho văn hào Yasunari Kawabata).

Giải thưởng năm nay trị giá 930.000 đôla.

Ngày 16 tháng 11, 1994,

Một năm trước, trên tại chí *Diễn Đàn* (Paris, Pháp), tôi được đọc bài của Phùng Quán viết về cụ Nguyễn Hữu Đang, người từng nắm giữ trọng trách dựng lễ đài Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2, 9, 1945. Hiểu cách nào đó, cụ phải là thành phần trung kiên của Đảng CSVN. Điều ấy đúng, Phùng Quán từng nghe những người đồng thời với cụ kể: “Nguyễn Hữu Đang là cán bộ Đảng được cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như một công tử loại một của Hà Thành, thắt cà vạt đỏ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện...” Nhưng sau này, người Cộng Sản lý tưởng ấy gia nhập

nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm*, và được xem là người đứng đầu của nhóm, để rồi, không chịu "đấm ngực nhận tội" , và nhất là không chịu tố cáo người khác, cụ phải trả giá cho ý chí bất khuất đó bằng bao nhiêu cay đắng, trong gần nửa thế kỷ làm người: 15 năm tù đày (từ 1958 đến 1973), gần 20 năm bị đưa về an trí tại quê nhà Thái Bình, sống khốn đốn trong chái bếp một trường phổ thông cấp I, II. Cái chái bếp này "rộng khoảng năm mét vuông, chật kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, treo vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như ghẻ lau bát, áo may ô thủng nát, quần lao động vá víu. Cạp quần đeo lủng lẳng một chùm lục lạc làm bằng vỏ hộp dầu cao *Sao Vàng* xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi nhỏ. Đụng vào, chùm lục lạc rung lên leng keng, nghe rất vui tai..."

Đó là nơi ở. Còn cái ăn? Phùng Quán cho biết: "Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đậy viên gạch vỡ gắp ra năm sáu viên tròn tròn, đen xỉn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào mỗi đĩa, giới thiệu thực đơn - *Đĩa này là chả cóc, đĩa này là chả nhái. Nhờ ăn thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khỏe, còn khỏe hơn cả chú*. Anh nhấc trong cái rổ phủ đầy rơm để ở góc nhà, soong cơm đã ăn mất một góc mà anh giới thiệu vẫn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc..."

Nếu độc giả biết cụ già ấy đã tám mươi tuổi, hẳn sẽ băn khoăn: Làm thế nào với số tuổi này, cụ có thể tìm được cái ăn cái uống, dù chỉ với cóc, nhái? Chúng ta hãy nghe cụ giải thích: "*- Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, nhất là các loại vỏ bao đẹp. Mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi nhặt nhạnh về, đổi cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng đề ra tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số đổi ba con cóc hoặc năm con nhái. Các loại khác hai cóc ba nhái (...) Mỗi tháng tôi chỉ cần ba bốn chục cái vỏ bao thuốc lá là thừa chất đạm...*"

Sống là thế, nhưng chết thì sao? Ông cụ tám mươi tuổi cô thân cô quả này kể ra cũng chu đáo lắm: "*- Tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì ở nhờ nhà ai chẳng được, ở đâu cũng như ở trên Hà Nội. Nhưng lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột rà máu mủ lại nằm chết trong nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền đến nhà trường, các thầy cô giáo, các cháu học sinh... Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà Nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết... Chú ra đây tôi chỉ cho...*" Cụ Đang đưa Phùng Quán ra đứng bên cái trụ xi măng cầu ao cá, chỉ tay về phía bụi tre gần cuối xóm, đơn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vã trong gió buốt: "*- Đấy, dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trũng nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người tôi... Tôi sẽ nằm chết ở đó để khỏi phiền ai... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó, trước khi nhắm mắt xuôi tay...*"

Thảm kịch cá nhân của cụ Nguyễn Hữu Đang, nói riêng, lớp người cùng thời cùng chí hướng với cụ, nói chung, làm cho bất cứ kẻ bình thường có lương

tri nào, cũng ghê sợ, kinh hãi. Hình ảnh người cán bộ Đảng "ăn vận sang trọng như một công tử loại một của Hà Thành", và hình ảnh ông già "lưng còng chữ C viết nghiêng", "đầu đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thủng be bét, quần lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm hai vòng cao su đen nom như vòng cùm sắt, chắc hẳn để nhét hai ống quần vào đó chống rét" lầm lũi đi trên đường làng, trong đêm tối, với tiếng lục lạc kêu loong coong chung quanh cạp quần, (về tiếng lục lạc, cụ Đang cho biết: " Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, cụ thường bị cánh thanh niên đi xe đạp, xe máy phóng ẩu đâm sầm vào, làm cụ ngã trẹo tay, sầy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc, treo mõ vào cổ trâu - *trâu gõ mõ, chó leo thang* - cụ Đang chế chùm lục lạc đeo vào cạp quần, báo hiệu có người để họ tránh xe. Tác dụng thứ hai, cũng quan trọng không kém: Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong coong ngay bên thắt lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ đơn độc") là hai hình ảnh tương phản đến vô lý. Nhưng sự khổ nhục của cụ và hàng trăm trí thức, văn nghệ sĩ khác, dù sao cũng do hoàn cảnh nghiệt ngã của lịch sử đưa đẩy. Sự hy sinh ấy lớn lắm, không ai phủ nhận được, tuy vậy, nó không làm tôi kinh ngạc, dẫu sao trong thời điểm đó, khó ai có thể tiên liệu được hậu quả sẽ đến với họ tàn khốc như thế.

Hôm qua, nhận tờ *Diễn Đàn* số mới nhất, lại được đọc Phùng Quán, lại được nghe Phùng Quán nhắc đến cụ Nguyễn Hữu Đang. Lần này, tôi mới thực sự sửng sốt, bàng hoàng: gã tù nhân mười lăm năm không án tích và hai mươi năm lưu đày ấy, cái kẻ "nếu chi dùng cho bản thân thì một trăm đồng ba quả khế chua để gội đầu (thay chanh mà anh sợ đắt) cũng tiếc tiền, bất đắc dĩ phải mua", đã dám, một cách hăm hở, bỏ ra những ba triệu đồng - *"số tiền tôi đã dè sẻn từng đồng, dành dụm được trong hai mươi năm qua, nhất là từ bốn năm trở lại đây tôi có lương hưu, lại được những anh chị em cùng hoạt động hồi Mặt Trận Dân Chủ, Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, Hội Văn Hóa Cứu Quốc, các đội tuyên truyền xung phong chống Pháp, ngành bình dân học vụ cùng những bạn bè xa gần, biết tôi còn sống, và nghèo khổ, kẻ ít người nhiều họ gửi tiền đến giúp đỡ. Ngoài những khoản chi tiêu cần thiết hàng tháng, còn lại bao nhiêu tôi gửi vào qũy tiết kiệm ngân hàng phòng xa phải dựng túp lều khi không còn ai cho ở nhờ, phòng xa lúc ốm nặng kéo dài, phòng xa cả lúc chết nữa..."*, để in thơ cho một người bạn vong niên, vì *"không ngờ thơ chú ấy khá thế"*, và vì khi cụ nghe Phùng Quán bảo sắp bỏ vợ bỏ con lại quê nhà, lên đường đi đọc thơ rong - dự trù khoảng vài ba năm - để quyên tiền xuất bản thơ cho "chú ấy", đã làm tôi ứa nước mắt.

"Thơ chú ấy", tức thơ Phùng Cung, một người cũng trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, người, chỉ vì truyện ngắn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*? đăng trên báo *Nhân Văn* cách đây gần bốn mươi năm, đã phải đi tù những... mười hai năm! Và "sau mười hai năm ly cách đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ *tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán*. Rồi yên phận hẩm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay trần làm nghề dập đinh,

phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con đang sức ăn sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, rỉ sét, mùi mỡ rán... vẫn không át được mùi bút mực..." Và "những lúc rảnh tay" thơ bật ra, thơ chảy lên giấy... Thơ, đích thực thơ. "Đọc thơ anh, có bài chỉ vài ba câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp đến xao xuyến tận đáy lòng - những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà không thấy. Từ trước đến nay tôi chỉ thấy nắng là nắng, bây giờ tôi biết có "*nắng phơi rơm*", "*nắng bổ cau*", "*nắng ngả tương*", "*nắng Âu Cơ*". Và mưa có "*trên sông láy tháy mưa mòi*", "*mái rạ trở mình mưa hơi thô*", "*vườn sau mưa cỏ cây dậy mùi giòng giống*". Và màu trời có "*khát muốn chết một ngụm trời da bát*", "*xanh cánh chấu*", "*xanh kép, xanh dờn*", "*xanh rau khúc*". Và màu tím có "*hoa chuối tiêu lầm lũi tím Tam Giang*", "*ruột quả sung xanh tím mãi thuở hàn vi*". Và những thứ tưởng như trừu tượng bỗng được thơ anh biến thành có ảnh, có hình, có hồn, "*tiếng tù và bết gió*", "*tiếng sáo diều hóc gió ven sông*". Đến cả mũi rãi cũng làm rung động trái tim người, "*tiếng đứt ruột một thời mũi rãi*". Đến con giun cũng trở thành tác phẩm nghệ thuật huy hoàng của Hóa công khi được rọi sáng trăng thu, "*bên gốc hoàng tinh con giun đất mạ vàng*"... (Phùng Quán).

Ba triệu, tức ba trăm đô la, để in một tập thơ, đối với người hải ngoại, thật chẳng đáng gì, kể cả chẳng đáng gì với bọn tư bản mới ở quốc nội (họ có thể "đốt" vài trăm đô la mỗi đêm cho nhữug cuộc vui học đòi "trưởng giả"). Nhưng đối với Phùng Quán, là "vài ba năm đi khắm Trung Nam Bắc đọc thơ rong, quyên tiền", và đối với cụ Nguyễn Hữu Đang, là cả một gia tài. Một gia tài thực sự, công lao góp nhặt những hai mươi năm trời, đến một quả chanh cũng không dám "phí phạm". Hãy hình dung "thu nhập" của một cán bộ hưu trí, chỉ vài nghìn đồng một tháng (Năm 1993, vài năm sau ngày Phùng Quán lên Thái Bình tìm thăm, cụ Nguyễn đã trở về sống ở Hà Nội, được nhà nước "phục hồi" gián tiếp bằng cách trả lương hưu cán bộ bậc 5, nhưng vẫn chưa có nhà ở), và hoàn toàn không có lợi tức nào khác, con số ba triệu, nó lớn đến chừng nào! Vậy mà cụ Nguyễn đã thoải mái "biếu không", chỉ vì yêu tài thơ của một người bạn, người em, mặc mai đây, có thể không ai cho cụ ở nhờ, mặc lúc ốm đau không tiền thang thuốc, mặc nhỡ nằm xuống, bạn bè không ai đủ sức lo "phần hậu sự" cho mình. Tôi hình dung hoạt cảnh Phùng Quán đã vẽ ra: "Anh cởi áo trấn thủ, móc túi áo bộ đội cũ mặc bên trong, lấy ra cuốn sổ bọc trong ba lần giấy nhựa bóng, chằng ngang dọc bốn dây cao su. Anh đặt sổ trước mặt tôi và bảo: - *Chú giữ lấy. Tôi sẽ làm giấy uỷ quyền cho chú rút tiền ra sử dụng. Nếu số tiền này chưa đủ, tôi sẽ về quê đòi vài tạ thóc cho vay, bán đi rồi gửi thêm tiền lên...*", và tôi lại ứa nước mắt.

Những hy sinh như vậy, cho văn chương, chữ nghĩa, là điều tôi chưa bao giờ hình dung tới. Nó vượt ngoài suy diễn bình thường. Nó đi đến mút cùng của hai chữ "hy sinh". Nó có vẻ xảy ra ở một thế giới khác, thế giới của những hào kiệt, thường, chỉ nằm trong truyện... Tàu. Vì chữ nghĩa, họ đi tù, vì chữ nghĩa, họ đói khát, khổ sở, vì chữ nghĩa, họ có thể cho đi đến khánh kiệt cái gì có thể cho được, để mong cống hiến cho đời những tác phẩm xứng đáng,

mà đẹp đẻ thay, tác phẩm ấy chẳng phải của mình.

Ngày tháng, 1994

Vừa nhận được thư của một bạn thơ từ quê nhà. Anh viết: *Ở đây riêng về thơ, một số đang bới lông, vạch mặt nhau đủ kiểu (và tự vạch mặt, bới lông chính mình!), rất ồn ào và rất buồn cười. Lố bịch và dốt nát không sao chịu được. Đại khái như vậy, tôi cũng không buồn nói nhiều, kỳ lắm. Hoặc là người ta có cái gì sâu xa "siêu việt" quá, mình không sao hiểu tới, cũng nên?*

Có, tôi có theo dõi, có biết. Những người "bới lông, vạch mặt nhau", buồn thay, lại là những người không xa lạ gì với sinh hoạt thơ ca, và trong chừng mực nào đó, họ là những người khá tài hoa. Buồn hơn nữa, sự bất đồng quan điểm trong sáng tác, thời nào, ở đâu lại không có, nhưng có lẽ không đến nỗi làm họ trở nên sân si quá lắm như thế, nếu không vì những lý do rất... kinh tế thị trường: kẻ này được ưu đãi hơn kẻ kia, được nhà nước cho xuất ngoại đều, hoặc địa vị trong cơ quan thăng tiến nhanh, rơi đúng vào chỗ có thể "xoáy" ra tiền, hoặc may mắn có của, có nhà cho ngoại quốc thuê, có bisiness làm ăn phát đạt,...!

Một người bạn của tôi đang bị căn bệnh này hành hạ. Vài người đã và đang là nạn nhân của anh, bị anh đem lên mặt báo bêu rếu, bị anh "phê" nặng lời. Đọc những bài viết ấy, tôi lo sợ, rồi ra, sẽ đến lúc chữ nghĩa của anh cũng sẽ nặng mùi cá mắm như các tờ báo biếu ở Bolsa.

Vài lần định viết thư cho anh, nhắc lại một điều cơ bản mà có lẽ do nhiều động cơ thúc đẩy, khiến anh quên, rằng sự tồn tại của một nghệ sĩ, là ở chính tác phẩm của họ. Tác phẩm hay, sẽ "ở" với thời gian, tác phẩm tồi, sẽ chìm dần vào quên lãng, người đọc, ở bất cứ không gian thời gian nào, cũng là thước đo chuẩn xác. Đừng sợ người đọc lầm, đừng đánh giá thấp khả năng thưởng ngoạn của họ. Một người, hai người, ba người có thể lầm, nhưng "người đọc", số nhiều, chắc chắn không lầm. Gẫm xem, bao nhiêu tác phẩm tồi được tung hứng, đánh bóng bằng mọi kiểu cách, nhưng nào có tồn tại lâu? Cũng có nghĩa, đã chắc gì nhận xét của anh đúng. Kẻ làm thơ (tôi muốn nói các thi sĩ đúng nghĩa) là những tên tù khổ sai của chính mình. Hắn đau đớn, vật vả, trăn trở hàng giờ, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm với ngôn ngữ, để tìm tòi, khai phá, chắt lọc, để vắn ngôn ngữ thành thơ. Vì thế, khi đọc một bài thơ, một tập thơ mới, ta chớ vội phê phán. Thường, phê phán của ta bị dẫn dắt bởi định kiến, nếp nghĩ đã trở thành quán tính, do tầng tầng lớp lớp những cái đã đọc, đã học. Thi sĩ là bọn nhạy cảm vô địch, chẳng những hắn ngửi được mùi của nắng, của mưa, của đất trời, tạo vật, hắn còn ngửi được "mùi" của tương lai, nhiều lúc hắn thấy được những điều mươi mười năm sau chúng ta mới thấy. Thi sĩ bước vào cuộc đời bằng những bước chân lãng đãng giữa thực và mộng, nhưng đó lại là những bước chân của đôi hia bảy dặm. Biết đâu chính anh, đã bị hắn vượt qua?

Cho nên nhận xét một tác phẩm thơ ca, thích hay không thích, là quyền

của người đọc, nhưng mạt sát, bỉ thử tác phẩm ấy, tôi e không nên. Phải nhận rằng những năm gần đây, rõ ràng đã có những nỗ lực làm mới thơ ca, cả trong lẫn ngoài nước. Tuy nhiên, cũng phải nhận rằng những nỗ lực ấy chưa đạt được yêu cầu mong muốn. Nói cách khác, rõ ràng ta đang có một mùa hoa quả mới, song hoa ấy chưa mãn khai, quả ấy hãy còn xanh cũng là điều chúng ta không thể phủ nhận. Thơ hôm nay bị vướng phải nhược điểm: hình như các thi sĩ quá dụng công vào việc tìm kiếm chữ nghĩa, cố gắng phá vỡ "nhạc tính" cũ trong vần điệu, mà quên đi "phần hồn" của chữ, tức cái cốt tủy của thơ ca. Chính vì thế thơ không đọng lại trong ta, thơ trôi tuột ngay khỏi ta, và nguy hiểm nhất: thơ đồng dáng, đồng phục, thơ giống nhau như những đứa bé song sinh. Có người đã đùa: nếu cắt tên của nhà thơ này lắp vào bài thơ của nhà thơ kia, và ngược lại, người đọc cũng sẽ vui vẻ chấp nhận, vì, "ừ thì có khác gì nhau đâu!" Điều tôi vừa trình bày mới là một trong những chuyện đáng quan tâm. Các nhà thơ, khi nói về nhau, nên tìm cách góp ý cho nhau, hầu tìm lối ra, hầu cùng góp sức ủ chín mùa hoa mùa quả kia, hơn là hoạch họe nhau, "bới lông, vạch mặt nhau". Điều ấy không ích gì cho thơ ca, cho người thưởng ngoạn. Điều ấy còn đẩy các anh - vốn được mệnh danh là những trích tiên - xuống cõi trần gian đầy tham hận sân si, mà từ bao giờ đến bây giờ, các anh từng tỏ ra khinh bỉ.

KIM THI

TẠP CHÍ HỢP LƯU KÊU GỌI

Sau bài phỏng vấn của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường với học giả Nguyễn Bạt Tụy đăng trên HL số 18, tòa soạn nhận được rất nhiều thư, điện thoại từ khắp nơi gửi về, đề nghị *Hợp Lưu* mở một Foundetion lấy tên FOUNDETION NGUYỄN BẠT TỤY, để

Thứ nhất:

Giúp đỡ thiết thực vấn đề sinh kế cho học giả Nguyễn Bạt Tụy

Thứ hai:

Tìm cách bảo tồn mọi công trình nghiên cứu của ông. Sau đó xúc tiến việc xuất bản hoặc giao cho một cơ quan văn hóa (của người Việt Nam hay của nước ngoài có khả năng lưu giữ, phổ biến.

Vì neo người, *Hợp Lưu* sợ không cáng đáng nổi công việc này. Vậy vị nào nhận thấy có đủ thời giờ và nhiệt tâm, xin liên lạc với tòa soạn để cùng thực hiện công việc hữu ích trên.

Hợp Lưu

PHÂN ƯU

Trong tháng 10/1994, tòa soạn Hợp Lưu nhận được hai tin buồn:

Nhạc sĩ **HOÀNG XUÂN GIANG**
(Bào đệ của thi sĩ Hoàng Xuân Sơn)
đã thất lộc vào lúc 5 giờ sáng ngày 29 tháng 9, 1994 tại Montréal, Canada vì bạo bệnh.Hưởng Dương 44 tuổi.

Nhà văn **NGỌC KHÔI**
(Bào huynh của nhà văn Trần Vũ)
thất lộc vào lúc 8 giờ 45 phút sáng ngày 13 tháng 10/1994 tại Paris, Pháp, cũng vì bạo bệnh. Hưởng Dương 34 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng gia quyến thi sĩ Hoàng Xuân Sơn, chị Hoàng Xuân Giang và nhà văn Trần Vũ. Cầu mong hương hồn hai anh Giang - Khôi sớm về nơi giải thoát.

●

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi và Nguyễn Hương, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Thị Thanh Bình, Cung Tích Biền, Trịnh Cung, Phạm Việt Cường, Trang Châu, Triều Hoa Đại, Trần Đạo, Đào Trung Đạo, Trần Duy Đức, Hồ Thành Đức và Bé Ký, Lê Đình Điểu, Phạm Phú Minh, Vũ Quỳnh N.H., Nguyễn Mộng Giác, Thế Giang, Bùi Bích Hà, Như Hạnh, Cao Xuân Huy, Phan Tấn Hải, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Nguyễn Xuân Hoàng, Vũ Quỳnh Hương, Khế Iêm, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Lưu Hy Lạc, Trần Quang Lộc, Du Tử Lê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Nguyễn Tôn Nhan, Hồ Đình Nghiêm, Huỳnh Liễu Ngạn, Lưu Nguyễn, Phạm Nhuận, Huỳnh Hữu Ủy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Lê Uyên Phương, Nguyễn Hưng Quốc, Trương Đình Quế, Trịnh Công Sơn, Thường Quán, Trân Sa, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Lê Thứ và Cao Thị Lộc, Trần Thị Diệu Tâm, Trần Mộng Tú, Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Ngọc Tuấn, Nguyễn Tiến, Đỗ Hữu Tài, Mai Thảo, Lê Giang Trần, Nguyễn Ý Thuần, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Lý Kiến Trúc, Phan Thị Trọng Tuyến, Huy Tưởng, Nguyễn Tiến Văn, Tư Đồ Tuệ, Lê Thị Thấm Vân, Trương Vũ, Bùi Chí Vinh, Phó Ngọc Văn, Khánh Trường.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới

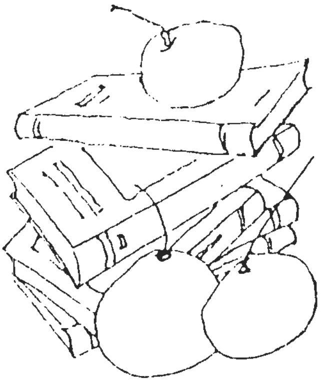

NGÕ HẸP QUANH CO, tập truyện Huy Trâm, tựa Quyên Di, tranh bìa Phạm Hoàng, Thời Điểm xuất bản 1994. Giá 12MK. Địa chỉ: Thời Điểm P.O.Box 2847, Garden Grove, CA 92642, USA. Tél: (714) 530-6301.

Tác phẩm thứ chín sau một biên khảo (*Những Hàng Châu Ngọc Trong Thi Ca Hiện Đại*, Sáng xuất bản - Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc, 1969), hai tập truyện ngắn và năm tập thơ của cùng tác giả.

Truyện ngắn Huy Trâm nhẹ nhàng, trong sáng, đôn hậu. Như bản chất của mình, Huy Trâm sống trong cuộc đời một cách bình thường, nên ông nhìn cuộc đời, qua văn chương, cũng bằng mắt nhìn bình thường. Ông mô tả, ông kể lại, ông đưa dẫn chúng ta vào những cảnh đời xảy ra quanh ông, bằng trái tim và tấm lòng nhân hậu. Đọc ông, ta sẽ thấy cõi tục lụy này dù đậm đặc bóng tối, vẫn lấp lánh đâu đó những tia nắng tin yêu. Văn chương Huy Trân là tiếng nói của hy vọng.

EM VÀ, MẸ VÀ, TÔI LÀ MỘT NHÉ, Tùy bút Du Tử Lê. Bìa Khánh Trường, chân dung tác giả chụp bởi Nguyễn Bá Khanh (bìa sau), Tủ Sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản 1994. Giá 8MK. Địa chỉ: 706 La Vergn Way, Santa Ana, CA 92703. USA.

Chúng ta đã biết Du Tử Lê với những cách tân trong thi ca. Chúng ta lại sẽ biết Du Tử Lê với những cách tân ngoạn mục không kém trong văn xuôi, qua tập tùy bút *Em Và, Mẹ và, Tôi Là Một Nhé*. Điển hình, bạn đọc đã thấy, ở nhan đề vừa dẫn.

Thử đọc một đoạn: "Buổi trưa. Mưa quành bước. Mưa kéo dài từ chập

tối trước. Mưa, như hạt giấy confetti thiếu những đôi vai kề / vắng những mái đầu nghiêng / để thả. Mưa thả trên tiếng cười nàng. Tiếng cười khua đập bàn ghế. Va đụng bờ tường. Tiếng cười không ấm nổi, những ngày đêm tựa những lát dao sắc lẻm, cắt nàng / cắt chàng / thành từng miếng chia ly..."

Những dấu chấm, dấu phẩy, gạch chéo trong văn Du Tử Lê đều có giá trị riêng. Nhiều thập niên qua, văn chương VN, do tác động của thời thế, thường nghiêng về mặt "vị nhân sinh", phục vụ nhu cầu chính trị, xã hội... Du Tử lê chọn một lối đi khác, ông muốn tự thân của văn chương phải là văn chương, trước đã. Vì thế mỗi lần đọc Du Tử Lê, cả văn lẫn thơ, ta đều thấy rõ nỗ lực của ông, muốn đẩy chữ nghĩa đến những bến bờ, những biên cương mới. Thành công hay thất bại là vấn đề của tương lai, và thích hay không thích còn tùy cảm quan của mỗi người, riêng ý hướng khai phá đó, là điều chúng ta không thể không ghi nhận.

TUYỂN TẬP TÌNH CA TRẦN QUẢNG NAM, trình bày, kẻ nhạc trên máy điện toán Mc Intosh bởi tác giả. Xuất bản bởi Trung Tâm Âm Nhạc Trần Quảng Nam, San Jose, California, USA. Tél: 408-394-3031. Giá 15MK.

Gồm 24 nhạc phẩm đã được thâu thanh trong những băng nhạc *Mười Năm Tình Cũ* và *Tình Cuồng Si.*

Gần một thập niên qua, nhạc sĩ Trần Quảng Nam được giới mộ điệu cả trong lẫn ngoài nước biết đến qua nhạc phẩm bất hủ *Mười Năm Tình Cũ*. Nhưng *nó càng gần với quần chúng bao nhiêu thì càng xa tôi bấy nhiêu*. Trần Quảng Nam bảo thế, và anh cho biết, sau *Mười Năm Tình Cũ*, anh tiếp tục cho ra đời nhiều ca khúc, rất tiếc, có lẽ những nhạc phẩm này do không phổ cập với tuyệt đại thính giả, nên mặc dù tiêu chuẩn nghệ thuật cao, sức phổ biến cũng chỉ giới hạn

Ngoài ra, song song với tuyển tập này, hiện Trần Quảng Nam đã hoàn tất vở nhạc kịch *Kim Vân Kiều*. Đây là một công trình nghệ thuật, nếu có điều kiện ra mắt khán giả, hẳn sẽ gây tiếng vang lớn. Người phụ trách mục này rất mong vở nhạc kịch sớm trình làng, để góp phần làm phong lhú thêm cho sự nghiệp sáng tác của tác giả nói riêng, âm nhạc VN nói chung.

VĂN HÓA VIỆT, tập I, biên khảo Lạp Chúc Nguyễn Huy, bìa "Mũi Cà Mau và rừng mấm" của tác giả. Nắng Mới xuất bản 1994. Không ghi giá bán. Địa chỉ: Nắng Mới, CP 40 Succ Côte Des Neiges. Montréal. PQ. H3S - 2S4, Canada. Tél: 514-735-1249.

"Từ rất nhiều năm nay, các tổ chức và hội đoàn người Việt khắp nơi ở hải ngoại đã mở các lớp Việt ngữ, các lớp Quê Hương Mến Yêu, và ở một trình độ cao hơn: các lớp Văn Học Sử. Tất cả đếu nhắm vào một mục đích tạo điều kiện cho giới trẻ có một vốn kiến thức tối thiểu về quê hương chúng ta, để từ đó, hy vọng tạo một sợi dây liên lạc giữa thế hệ trẻ được sinh ra hoặc lớn lên ở hải ngoại với đất mẹ mến yêu...

"Trong chiều hướng đó, giáo sư Nguyễn Huy, một nhà giáo dục, một

người thiết tha với văn hóa Việt Nam, đã viết những bài khảo luận về các đề tài liên quan đến các sinh hoạt văn hóa và văn minh Việt Nam..." (Lời Vào Tập của nhà xuất bản)

Và bây giờ, những bài viết ấy được gom lại, dưới một tên chung: *Văn Hóa Việt*, để giới thiệu đến bạn đọc.

BIỂN TRÊN NÚI, tập truyện Nguyễn Thị Châu Giang. Bìa, phụ bản, trình bày tác giả. Nhà xuất bản Trẻ, 161B Lý Chính Thắng, quận 3, thành phố HCM. Giá 8.500 đồng VN.

Trong *Hợp Lưu* số 18, chúng tôi có giới thiệu một truyện ngắn của Nguyễn Thị Châu Giang, truyện *Trẻ Con*. Sau đó *Hợp Lưu* nhận được khá nhiều thư, điện thoại "khen" tác giả này, và đồng ý với nhận xét của tòa soạn: Truyện "thiếu niên" viết về "tuổi thiếu niên" mà như thế, thì người lớn, và chuyên nghiệp, muốn viết hay hơn, cũng khá... vất vả.

Nay, "cô bé" ấy đã có tác phẩm đầu tay, "Mười tám tác phẩm xinh gọn - 18 bông hoa tươi, gop góp, tuyển lựa từ thời "trẻ con" đến tuổi thành niên. Không chỉ đơn thuần một loài hoa đâu, mà chủng loại và màu sắc của chúng trong đợt "trình làng" đầu tiên này đã khá phong phú..."

Độc giảcần biết thêm: Châu Giang bắt đầu viết và có bài đăng trên báo từ năm 14 tuổi (nay, em vừa tròn 19). Ngoài ra, Châu Giang vừa thi và trúng tuyển thủ khoa vào trường Đại Học Mỹ Thuật. Tác phẩm này, trình bày bìa và vẽ phụ bản do chính tác giả.

Lớp cầm bút trẻ như Châu Giang, như Phan Thị Vàng Anh,Phan Triều Hải, Đỗ Phước Tiến... đang tạo ra một mùa hoa trái mới cho văn chương Việt Nam. Điều ấy khiến những ai yêu mến tiếng Việt đều cảm thấy thật vui. Chúc Châu Giang "chân cứng đá mềm".

NUAGES - MÂY, thơ Ngô Văn Tao. Tân Editions, 2043 rue de Paris, Montréal H3K 1T9, Canada. Prix 15 dollars.

Thơ tiếng Pháp, tiếng Việt, tiếng Tàu, cùng những ký họa của nhiều tác giả.

HOA NUỐI TIẾC, thơ Ngô Văn Tao. Không ghi giá bán.

"Hơn ba trăm câu thơ lục bát, có khúc có đoạn, để chỉ nói một điều: sự Nuối Tiếc!" tác giả viết như thế, về tập thơ này.

QUAY ĐI VÀ KHÓC, tập truyện Gia Bảo. Bìa Đỗ Trung Quân. Nhà xuất bản Trẻ, 161B Lý Chính Thắng, quận 3, TPHCH, VN. Giá 10.000 đồng VN.

Cũng là một câu bút trẻ, 22 tuổi, vừa tốt nghiệp đại học. Đoàn Thạch Biền viết trong Lời Giới Thiệu cho tập truyện ngắn này, như sau:

" Đến một tuổi nào đó, Gia Bảo sẽ nhìn lại tập truyện đầu tay của mình, tôi tin Gia Bảo sẽ không "quay đi và khóc" vì vô vọng, mà sẽ "ngoảnh lại và cười". Bởi ở tuổi nào thì người ta cũng cần phải có một *vòn mơ mộng* để sống.

Truyện rất thích hợp với lứa tuổi vừa lớn.

VÀO ĐỜI, tập truyện Phan Triều Hải, bìa Đinh Cường. Minh họa Nguyễn Trung, Đinh Cường. Nhà xuất bản Văn Nghệ TPHCM, không ghi địa chỉ. Giá 10.000$ VN.

Gồm mười truyện ngắn, ngắn. Là những mảnh đời, mẩu đời nho nhỏ liên quan đến tình yêu, tình bạn, công ăn việc làm, những khó khăn, những thử thách, những vấp ngã, kể cả những nghiệt ngã của một lớp tuổi vừa rời học đường, vào đời.

Văn Phan Triều Hải gãy gọn, trong sáng, nói vừa đủ điều cần nói, không tham chữ, tham ý, không nhồi nhét quá nhiều "luận đề" trong một số trang hữu hạn, như đa số những người viết mới thường vấp phải.

Một tập truyện thật "hiền".

TUYỂN TẬP VĂN XUÔI, Nguyễn Đình Thi. Bìa Q. Hoanh. Nhà xuất bản Văn Học 1994. Giá 49.000$VN.

Dày gần 800 trang, bìa màu, giấy trắng, kỹ thuật in tốt.

Dù chưa phải toàn bộ sự nghiệp văn xuôi của Nguyễn Đình Thi, nhưng nó cũng đại biểu cho từng giai đoạn sáng tác của tác giả, trải dài mấy mươi năm, khoảng từ 1944 đến nay. Sách chia làm hai phần: Phần I: tiểu luận, bút ký. Gồm 15 bài. Phần II: Truyện. Gồm 10 truyện ngắn và hai tiểu thuyết. Riêng bộ trường thiên *Đôi Bờ*, theo tác giả, vì quá dài nên không thể in vào tuyển tập này được.

Để giới thiệu một công trình tương đối phong phú như thế, tất nhiên không thể thu tóm trong vài dòng. Chỉ xin nhắc lại, Nguyễn Đình Thi là một cây bút nổi tiếng của Việt Nam trong vòng nửa thế kỷ nay, bao gồm cả hai bộ môn: thi ca và văn xuôi.

BIỂN VÀ TRĂNG, thơ Anh Đức. Tác giả xuất bản. Liên lạc: Trương Anh Tú, Orts Str. 95, 64756 Mossautal - Ghermany. Không ghi giá.

QUẢNG ĐÀ, GIAI PHẨM MÙA THU, chủ biên Thái Tú Hạp, bìa Đinh Cường. Giá 10MK. Liên lạc: 9129E. Valley Blvd., Rosemead, CA 91770. USA.

Với góp mặt của 62 tác giả gốc Quảng Nam hoặc đã từng sinh sống ở Quảng Nam, hoặc có cảm tình với Quảng Nam, vùng đất thường được mệnh danh "địa linh nhân kiệt", hay là đất của "Ngũ Phụng Tề Phi" (Một khóa thi đỗ 5 tiến sĩ và phó bảng).

Ai cũng biết đất Quảng tuy hình thể núi sông kỳ vĩ, nhưng lại là xứ "cày lên sỏi đá". Cái nghèo đã hun đúc nên cá tính dân Quảng: rất tình cảm mà cũng vô cùng cứng rắn. Chính vì thế nơi này từng sản sinh ra lắm nhân tài ở mọi lĩnh vực: chính trị, thi ca, văn chương, nghệ thuật, y học, khoa học... Nhà thơ Thái Tú Hạp là người xứ Quảng, ông tự hào về quê hương mình, và ông

muốn nuôi dưỡng niềm tự hào ấy bằng một công việc tốt đẹp: mỗi năm, có thể từng mùa, có thể "xuân thu nhị kỳ" (tùy tài chánh), xuất bản một giai phẩm mang tên *Quảng Đà*, như một kỷ niệm giữa những đứa con cùng một cuống rốn, như một dấu mốc ghi lại một chặng đường của văn học nghệ thuật Việt Nam, mà những đứa con xứ Quảng đã góp phần không nhỏ.

Có nên góp ý với nhà thơ Thái Tú Hạp chăng: Cần chú trọng đến phẩm hơn là lượng?

THƠ ĐẶNH HIỀN, tác giả xuất bản. Bìa, phụ bản Khánh Trường, nhạc phổ thơ Đặng Hiền: Trúc Sinh. Giá 8MK. Liên lạc: Phạm Mỹ Hương, 1714 E. MaFadden Ave. # O, Santa Ana, CA 92705. USA.

Theo tác giả, đây là tập thơ được hình thành và chắt lóc trong mười năm hơn, nó sẽ thế nào, tác giả không dám chủ quan, chỉ biết, bằng tất cả sự trân trọng và yêu mến của mình, dành cho thi ca, tác giả đã cố gắng cho nó chào đời.

Một tập thơ "dễ thương", "hiền" như tên của tác giả.

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG, tập truyện Trần Mộng Tú, tựa Nguyễn Xuân Hoàng, bạt Nguyễn Mộng Giác, bìa Khánh Trường. Giá 12MK. Nhà xuất bản Thế Kỷ, 11022 Accacia Parkway # A, Garden Gorove, CA 92640.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng cho rằng tập truyện này là "những trang thơ làm bằng văn xuôi" . Chúng ta, độc giả, từng theo dõi sinh hoạt văn chương ngót hai thập niên qua tại hải ngoại, hẳn không lạ gì với thơ Trần Mộng Tú, một tiếng thơ hiền lành, ngọt ngào..., vì thế, qua nhận xét của rất cụ thể của Nguyễn Xuân Hoàng, nếu giả thiết chúng ta chưa từng đọc qua một trang văn xuôi nào của tác giả này, cũng dễ dàng hình dung đó là những trang văn mềm mại, đậm đà nữ tính và tràn đầy nhân ái. Qua tập truyện "*Câu Chuyện Của Lá Phong*", ta nhận ra thông điệp của tác giả: cuộc đời muôn lúc, muôn nơi, dù thế nào chăng nữa, vẫn tiềm tàng muôn nghìn vẻ đẹp.

Một tác phẩm được chăm sóc kỹ từ hình thức đến nội dung.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Vào ngày 4 tháng 11 năm 1994

Họa Sĩ LÊ BÁ ĐẢNG

cho khai mạc một triển lãm lớn gồm nhiều tranh tượng của ông tại Park West Gallerys, 29469 Northweston Hwy, Southfield Michigan. USA . Tin từ Detroit cho biết cuộc triển lãm đã thu hoạch thành công đáng kể.

Ngoài ra, chúng tôi cũng được tin họa sĩ Rừng và họa sĩ Nguyễn Phước đã từ Việt Nam sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện H.O.

Tòa soạn *Hợp Lưu* chia vui cùng ba họa sĩ

với văn hữu và độc giả

THƯ VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

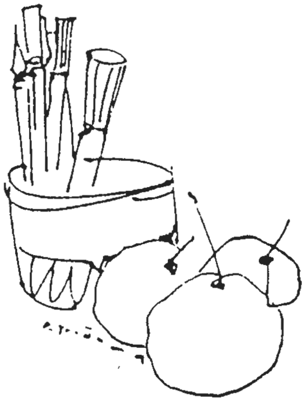

Foundation Nguyễn Bạt Tụy.

Đọc *Hợp Lưu* số 18, bài phỏng vấn Nguyễn Bạt Tụy do Hoàng Phủ Ngọc Tường thực hiện, tôi bàng hoàng. Ngày xưa đã tôi sống ở Đà Lạt, đã nghe, đã thấy, đã biết đến tên tuổi cùng việc làm của ông Tụy. Phải thành thực thú nhận, nghe, thấy và biết, nhưng lưu tâm thì không. Cũng dễ hiểu thôi: ở vào tuổi tôi thuở đó - chưa tròn hai mươi - đang vùi đầu vào chuyện học hành và lo ngay ngáy không biết sẽ bị động viên lúc nào, tâm trí đâu để theo dõi, tìm hiểu những công trình nhức đầu như thế về học dân với học ngữ.., Vả lại còn kiếc thức nữa chứ, một cậu sinh viên vừa rời ghế trung học chưa bao lâu, kiến thức có lẽ chỉ đủ để đi lính, làm... quan là cùng! Tuy nhiên, cái hình ảnh do một số người trong thành phố vẽ ra, cũng ghi khắc trong tôi một tình cảm tôn kính đối với bậc học giả này. Đó là ông Tụy một thân một mình với chiếc ba lô đựng lương thực, mền mùng chăn gối, cùng máy ảnh, máy quay phim, cát-xét cầm tay, lặn lội quanh năm trong những buôn Thượng xa xôi để "săn" những buổi lễ hội, để thâu những thổ ngữ, và để tìm hiểu những phong tục, tập quán của đồng bào thiểu số. Công việc ấy hẳn nhiên là ấy hết sức phù phiếm đối với nhiều người, nhất là chả có một cơ quan văn hóa nào tài trợ, chi tiền bạc cho ông ấy cả. Tục ngữ ta có câu "cơm nhà ngà voi", một phần nào diễn tả được việc làm của nhà ngôn ngữ Nguyễn Bạt Tụy thuở ấy.

Bẳng đi gần hai mươi lăm năm, nay, đọc *Hợp Lưu*, hình ảnh nhà học giả khả kính kia lại trở về, nhưng nó trở về qua những lời vấn đáp, rồi qua tưởng tượng của tôi, thật là buồn thảm. Ông cụ đã già lại tật bệnh. Tuổi già, tật bệnh và không hiểu có phải do bất đắc chí chăng, khiến những điều ông bày tỏ,

suy diễn đôi chỗ có vẻ chủ quan và... lẩm cẩm. Nhưng chính vì thế tôi lại càng xúc động hơn. Một người tài trí, một tấm gương cần cù, một đầu óc thông tuệ như ông Tụy, sao lại đến nỗi thế? Càng nghĩ đến ông, tôi càng thấy vừa xót xa vừa tức giận cho dân tộc mình. Ở đây, nước Anh nói riêng, các quốc gia tiên tiến nói chung, người ta quí trọng và đầu tư cho tài năng như thế nào, khỏi cần nói hẳn quí vị cũng hiểu, còn ở ta, ôi thôi, không biết phải dùng lời gì để nói lên trọn vẹn sự chua xót! Trợ cấp cho một ông cụkhông vợ con, nhu cầu lại rất giới hạn, đồng thời tạo điều kiện cho ông cụ ấy làm việc, tưởng, phải là việc quá dễ dàng đối với một chính phủ. Vậy mà người ta không chịu làm, vậy mà có kẻ còn tìm cách cướp giật những công trình nghiên cứu của ông cụ ấy làm tài sản riêng. Tôi ra khỏi nước đến nay đã trên hai mươi lăm năm, chuyện Quốc Cộng không dám bàn đến, xin để cho những người đã trực tiếp tham dự cuộc chiến tranh, đã đổ máu và chịu đày ải, mất mát, tù tội luận bàn. Tôi đủ liêm sĩ để hiểu mình không có thẩm quyền. Tuy nhiên, nếu chỉ xét trên bình diện văn hóa, không cứ gì Việt Nam, ở bất cứ quốc gia nào, nếu một chính quyền không coi trọng nhân tài, không quan tâm đến những giá trị tim óc, và không đặt trọng tâm bảo vệ những giá trị này, thì mãi mãi quốc gia đó sẽ khó mà thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm tiến.

...

Tôi đề nghị với quí vị như thế này: *Hợp Lưu* hãy đứng ra thành lập một Foundation mang tên FOUNDATION NGUYỄN BẠT TỤY, kêu gọi mọi người nghĩ đến hoàn cảnh của ông, đóng góp tiền bạc - chả cần to lớn gì, mỗi người mươi mười lăm đồng- rồi cử người về VN tìm cách chuyển mọi công trình của ông ra ngoại quốc, hoặc nếu không mang ra được thì cũng trao cho một nơi nào đó trong nội địa có đủ điều kiện an toàn để bảo quản. Sau này, có cơ hội , chúng ta sẽ xuất bản, hoặc giao cho một thư viện, một trường đại học, một cơ quan nghiên cứu văn hóa Á châu nào đó gìn giữ và phổ biến. Đó là mặt lớn, cần nghiên cứu kỹ và lập kế hoạch thực hiện. Mặt thiết thực và cấp bách là giúp đỡ vật chất cho ông Nguyễn Bạt Tụy. Mỗi tháng ông ấy chỉ cần khoảng một trăm đô la là đủ sống thoải mái.

Tôi rất mong đề nghị của tôi được các vị trong ban chủ trương lưu tâm. Làm được công việc này, tôi nghĩ cũng là một việc làm hữu ích không kém gì sự hy sinh của quí vị cho sự tồn tại của tờ *Hợp Lưu*.

Ông TĐK (England)

- Đây là lá thư thứ sáu đề cập đến Nguyễn Bạt Tụy tòa soạn nhận được từ lúc có bài phỏng vấn nhà nghiên cứu này. Và qua vài lần trò chuyện với nhà văn Ngô Thế Vinh, ông ấy cũng có cùng ý kiến như ông. Đó là chưa kể những cú điện thoại viễn liên, có nơi rất xa xôi như Đông Âu, tỏ ý bất nhẫn, bảo "phải làm cái gì chứ" cho ông ấy.

Tòa soạn rất hoang nghênh gợi ý của ông. Nhưng, chúng tôi rất neo người, e rằng sẽ không đảm đương nổi.

Vì vậy, sau khi đúc kết ý kiến chung, chúng tôi đã đưa ra một lời kêu gọi, để

nghị bất cứ vị nào đó có đủ nhiệt tâm và điều kiện, đứng ra nhận lãnh, xúc tiến việc làm hữu ích này. Phần chúng tôi, sẽ chỉ xin nhận một công tác khiêm nhường là phổ biến, cổ động cho tổ chức ấy, bất cứ lúc nào tổ chức cần. (Xin xem "Lời Kêu Gọi" *phần áp chót mục* "Ngày... Tháng..."*). Kính.*

"Đi giữa hai làn đạn"

Tội nghiệp *Hợp Lưu*! Khi không mắc chứng gì bày đặt đi vào cái chủ trương lơ lửng con cá vàng tả chẳng ra tả, hữu chẳng phải hữu làm chi, để ngoài nước rủa là Cộng Sản, đánh cho tơi bời hoa lá và đến đâu cũng bị nghỉ chơi. Trong nước thì gán cho cái tội "phản dân tộc, chống cộng tinh vi, thâm độc", nghe ghê như bệnt... ết!

Tui là độc giả của *Hợp Lưu* đâu khoảng số năm số sáu gì đó đến nay. Đọc, có thích, có khoái thật, nhưng trong lòng cũng nghi nghi nghi hoặc hoặc, "nó" thuộc quốc gia hay Cộng Sản? Quốc gia sao báo chí ở đây mần thịt "nó" tận tình vậy? Đến hôm kia, lượm tờ *Thời Luận*, thấy có bài của ông Diệp Minh Tuyền nào đó, trong nước, đánh phủ đầu rất "cạn tàu ráo máng" *Hợp Lưu*, lại ngả ngửa, vậy e "nó" chẳng phải Cộng Sản rồi.

Thế là thế nào?. Làm ơn cho biết "nó" thuộc giống chi? Thuộc họ bò sát kỳ nhông ăn quẩn bãi tha ma hay họ lông vũ chuyên bay trên mây? Cái câu "đi giữa hai làn đạn" tui nghe bấy lâu nay phải chăng là thế?

Thôi các ông ơi, thời buổi nhiễu nhương này tốt nhất gió chiều nào ta ngả sang chiều ấy cho nó chắc. Cứ coi các ông làm bi-di-nết mà học khôn. Tờ báo nào chống cộng hung hăng nhất là "báo của tui", tui cho quảng cáo hào phóng, tui ủng hộ tối đa. Nhưng khi lệnh bỏ cấm vận vừa ban hành, là tui, cũng tui, nhảy về Sài Gòn trước nhất, mua nhà, tậu đất, bắt vây cánh, móc nối sẵn, đợi đến khi cái lệnh bang giao được Huê Kỳ nó thông qua, là tui sẽ vùng lên nắm ngọn cờ tiên phong "qui hồi cố hương" mần ăn buôn bán để... xây dựng nước nhà!

...

PHT (Los Angeles)

- Thưa anh, chúng tôi chẳng thuộc "họ" nào hết, quốc gia cũng không mà Cộng Sản lại càng không bạo. Hợp Lưu *chỉ là một tờ báo chuyên về* Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo. *Thấy cái chi hay thì đăng, thấy cái chi chướng thì nói, thấy cái chi làm cho cuộc đời này nó nặng mùi quá thì la làng để thiên hạ cảnh giác tránh xa. Dĩ nhiên một lập trường như thế hẳn ít ai ưa. mà đã không ưa thì "đập". Ấy cũng chuyện thường tình.*

- Cảm ơn anh đã dạy dỗ rằng phải như lau cỏ, gió chiều nào xoay chiều ấy. Hay lắm, có lý nữa. Nhưng làm được cũng chẳng phải dễ dàng gì đâu. Đêm, nằm gác tay lên trán, cái con lương tri nó cắn, cũng khổ bạo chứ không sung sướng gì.

- Xin đừng bảo Hợp Lưu *đi giữa hai làn đạn. Cái cụm từ này* Hợp Lưu *chưa*

ghét, nghe "nhà quê" thế nào ấy. Vả, toàn đạn mã tử không à. Chết chóc gì mà sợ? Thân mến.

thơ lạm phát.

Nếu tôi đếm không lầm trong mỗi số *Hợp Lưu* chí ít cũng trên dưới bốn chục bài thơ! Thế thì thơ lạm phát mất rồi. Nói các ông đừng buồn, chả hiểu có phải tôi chưa đủ trình độ thưởng thức thơ ca hay không, chứ trong ba bốn chục bài thơ ấy, tôi chỉ đọc được (đọc được thôi, thấy hay còn phải xét lại)... vài ba bài! Còn thì đa số... nuốt không trôi! Rải ra một số chữ, có nghĩa cũng được, không có nghĩa chẳng sao, và thay vì viết liền tù tì thì gọi văn xuôi, bây giờ thích xuống hàng chỗ nào cứngắt ra mà xuống, rồi ném bên Đông một chữ, bên Tây một chữ... thế là thành... thơ! Nếu làm thơ theo cái lối tôi vừa nói là đúng thì thảo nào người Việt Nam mình có lắm thi sĩ cũng phải. Đọc trên mục giới thiệu sách mới của *Hợp Lưu* ắt thấy: thơ trong nước, thơ hải ngoại, tháng nào cũng có vài chục tập thơ ra đời. *Hợp Lưu* đã từng viết đâu đó rằng thơ không bán được , nhà sách không nhận bán thơ, thế thì in ra làm gì cho tốn công tốn của nhỉ? (...) Có nên bớt thơ lại, nhất là những bài "thơ" dài lê thê, chiếm đến bốn năm trang báo? Để dành chỗ tăng cường thêm một hai mục thường xuyên, ví dụ *"Tư Liệu Văn Học", "Chân dung tác giả", "Giải Đáp Văn Học"*... Tôi thấy tờ báo sẽ nhẹ nhàng, hấp dẫn, vui tươi, phong phú và bổ ích hơn. Phần truyện ngắn cũng vậy, chỉ nên chọn đăng những truyện giới hạn trong khoảng từ sáu đến mười trang là vừa. Đã bảo *truyện ngắn* mà lằng nhằng những ba bốn chục trang khổ chữ li ti như *Hợp Lưu*, thì... ức hiếp độc giả quá. Tôi có chị bạn giữ mục "đọc truyện" cho đài phát thanh, chị bảo: nhà văn Việt Nam ta có tật viết dai viết dài và viết... dở. Một truyện ngắn ba mươi trang, muốn đọc hết phải tốn trên dưới một giờ, trong lúc đài phát thanh chỉ dành cho mười lăm phút. Vậy phải làm sao? Thì... cắt. Ấy vậy mà cắt xong - đến ba phần tư - truyện vẫn đủ nghĩa, lại còn... hay hơn, cô đọng hơn, đỡ boring hơn...! Nói thế thì ác quá, nhưng hình như chẳng phải sai! Riêng phần biên khảo, phê bình... cũng thế, ngăn ngắn thôi, viết biên khảo là bàn về cái hay cái đẹp hoặc cái xấu cái vụng của văn chương người, chứ không phải cứ trích dẫn tùm lum, kiểu làm luận văn lớp 11 trung học, rồi nhét đầy tên các ông Tây ông Tàu vào mà tán, ra điều ta đây thông kim bát cổ, cốt hù độc giả. Cái lối này xưa lắm rồi. Ở Việt Nam hù dọa nhau kiểu ấy có thể khiến một số người sợ, nhưng thời đại này, nhất là ở Âu Mỹ, không nên biểu diễn ảo thuật với độc giả. Lời thật mất lòng, rất mong quí vị bỏ qua...

Ông HTL (Seattle, USA)

- Trái lại, nhiều vị bảo rằng thơ trên Hợp Lưu *có nhiều nét lạ, hy vọng mở thêm được cho thi ca VN một cánh cửa. Hay, chưa thể, nhưng mới và có nỗ lực làm mới, thì có. Bao giờ cũng vậy, từ thơ tiền chiến đến thơ của thời kỳ* Sáng Tạo *rồi sau này, là một đoạn đường dài đầy gian nan mới được thiên hạ chấp*

nhận. Vậy thì từ thơ trước 75 nối tiếp ra hải ngoại, đến thơ kiểu Khế Iêm, Chân Phương, Thường Quán, Đỗ Kh., Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Đỗ, Hoàng Hưng, Đặng Đình Hưng... khoảng cách e còn thăm thẳm hơn nữa. Chúng ta, kẻ thưởng ngoạn, muốn khách quan trong nhận xét thì có lẽ nên cố gắng ra khỏi thói quen cũ, triệt tiêu hẳn những "định kiến" đã trở thành quán tính trong tâm hồn trí óc chúng ta, "Giải trừ kiến thức" về thi ca cũ, thì mới có thể tiếp cận nhạc điệu cùng cấu trúc của thi ca hiện đại được. Tuy nhiên đây cũng là một trong nhiều ý kiến, Hợp Lưu *sẽ lưu ý. Riêng những nhận xét về các mục* Biên Khảo, Nhận Định... *Rất tiếc vì số trang có hạn, không cho phép chúng tôi đi sâu. Có dịp sẽ xin bàn kỹ cùng ông. Dù sao cũng cảm ơn ông,* Hợp Lưu *rất mong những đóng góp "thẳng tay" như vậy. Kính.*

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Anh NCN (Đức): Tất cả những sáng tác của anh đều đến tòa soạn. Không "đi vào hư vô" cái nào. Đang đọc và sẽ có thư riêng. Ừ, thì đời sống của chúng ta ở hải ngại - không riêng gì bên ấy đâu - đều *"buồn quá"* cả. Nhưng tại mình tự nguyện chọn lấy, thì "ráng mà chịu". Lâu dần, sẽ quen. Vả, tuổi của chúng ta coi như... xong rồi, hãy nghĩ xa , đến con cái chúng ta: chúng sẽ có cơ hội học hành, nên người. Đấy là điều tôi nghĩ bất cứ bậc làm cha mẹ nào cũng kỳ vọng, và lấy đó làm niềm an ủi. Sẽ qua Đông Âu vào đầu năm 1995. Sẽ gặp, sẽ "cụng ly". Thân mến.

Anh NPT (Gabon): Ở bển cũng có một số độc giả - ít thôi. Vâng, trái đất bây giờ nhỏ thật. Lúc *Hợp Lưu* mới ra đời, chỉ mong nó đến được các quốc gia lớn như Pháp, Úc... là may mắn lắm rồi, thế mà nay nó đã có mặt tận mãi Gabon và một số thuộc địa Pháp, cũng như rất nhiều nước ở Á châu. Thành quả này là phần thưởng xứng đáng và chúng tôi rất trân trọng. Nếu không nhờ độc giả thương mến, giới thiệu, quảng bá, làm sao những vị như anh, biết được? Anh yên trí, việc sót tên là chuyện không thể, vì mỗi phiếu dài hạn về đến toàn soạn, lập tức trị sự đưa ngay vào computer, đến "hẹn", in ra, muốn sót, nó (cái còm-bu-tờ) cũng chả chịu cho sót đâu. Nếu có thất lạc là lỗi của bưu điện. Tuy nhiên tòa soạn sẽ gửi bù ngay khi biết. Thân mến.

Chị TTT (Bỉ): Vâng, "nó" đã tồn tại bốn năm, sắp bước qua năm thứ năm. Chị cứ thoải mái gửi cho chúng tôi. *Hợp Lưu* luôn mở rộng cửa đón nhận tất cả mọi bài viết, bất chấp những cái Taboo, những điều húy kỵ, miễn đạt tiêu chuẩn nào đó, về nghề thuật và văn học, là "lên giàn phóng". Làm báo viết văn mà lúc nào cũng ôm khư khư cuốn *"Gia Huấn Ca"* với lại lấm la lấm lét trông trước ngó sau xem *"đã đến lúc chưa"* thì khó khá nổi. *"Tự do không phải là món biếu không"* (tức tự do cũng có cái giá của nó), đúng quá phải không chị? Thân mến.

Ông HĐĐ (Toronto): Chúng tôi rất tiếc, ông Thuế vụ cứ đè nghiến sách báo ra mà đóng thuế, khiến việc phát hành gặp trở ngại. Vâng, chúng tôi có biết nhiều độc giả xemchuyện mỗi cuối tuần la cà ở các nhà sách như một thú giải trí tao nhã, và thích mua báo tại các hiệu sách. Tuy nhiên, trong trường hợp này, để khỏi bị rơi vào cảnh "chờ dài cả cổ", tiện nhất, ông nên mua dài hạn. Thân kính.

Anh Ho (San Jose?): Cái địa chỉ hôm Anh Ho cho, qua điện thoại, lu bu thế nào, quên khuấy, đến lúc nhớ, đi tìm, thì nó đã "biến" mất. Lóng ngóng chờ mãi một cú phone tái hồi mà chẳng thấy. Thành ra không biết gửi báo về nơi mô! Đọc những dòng này, làm ơn gọi cho một tiếng, hoặc viết cho ít chữ, kèm địa chỉ mới. Thân mến.

Anh PT (England): Đúng rồi, đó là cuốn "*Trăm Năm Cô Đơn*", Nguyễn Trung Đức, Phạm Đình Lợi, Nguyễn Quốc Dũng dịch. Nhà xuất bản *Văn Học*, Hà Nội, in năm1986. Dày quá, ngót 600 trang, nên không thể photo hộ anh được. Nếu anh tìm không ra và thực sự cần thì chúng tôi sẽ gửi cho anh mượn, khi photo xong gửi trả tòa soạn. Cuốn kia, nếu tôi nhớ không lầm là cuốn *Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại*, Bùi Giáng viết, xuất bản vào khoảng 1962, 63. Thân mến.

Ông PNC. (MA): Một câu văn, một bài viết nhiều khi nó "vận" vào thân suốt đời. Lời nói theo gió bay đi, chữ, nằm chình ình ra đó, muốn xóa, nào có được. Vì vậy có những điều cực lòng lắm, không nói không được, không viết không xong, mới phải đặt bút xuống trang giấy. Nhưng ông tin tôi đi, nếu là người viết có lương tâm, tôi đoan chắc 100% họ chẳng vui gì khi đề cập đến những điều bất ưng. Nhận xét của ông cũng là nhận xét của nhiều người, từ rất lâu rồi: làm báo là khai tử sáng tạo. Đúng phóc. Kẻ làm văn đi nhiều, sống nhiều, tích lũy nhiều, đến một lúc đủ chín, hắn ngồi vào bàn, ở xó góc nào đó, không màn đến thế sự, và viết. Nhưng làm báo thì không thế được. Hắn phải liên đới với cuộc đời, với thời sự, và phải đối đầu với mọi cái nhãn tiền. Vì thế ngòi bút của hắn dù muốn dù không cũng nhuốm mùi tục lụy. Nếu không khéo giữ gìn, tâm hồn hắn sẽ hoan ố, chữ nghĩa hắn sẽ đục đi. Đã nhiều người rơi vào tình trạng trên, đáng buồn và đáng tiếc. Thân kính.

Hợp Lưu

Đón xem thi phẩm mới của
PHƯƠNG SINH (tức CHÂN PHƯƠNG)
BỔ TÚC LÝ LỊCH CHO LOÀI DI DÂN
Tủ sách Trình Bầy, 1994

ĐÃ PHÁT HÀNH

Tạp Chí

Thơ

SỐ MÙA ĐÔNG 1994

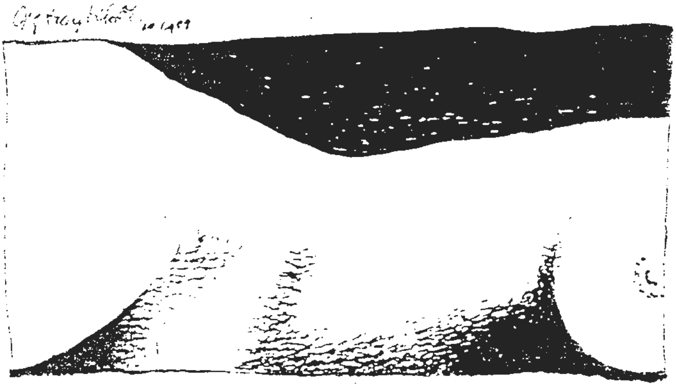

Phan Khôi, Vũ Hoàng Chương, Lê Đạt, Thái Tuấn, Đặng Đình Hưng, Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Diễm Châu, Nguyễn Tiến Văn, Đinh Cường, Du Tử Lê, Nguyễn Tiến, Hoàng Hưng, Phan Tấn Hải, Khánh Trường, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Đỗ Kh., Chân Phương, Nguyễn Hoàng Nam, Trầm Phục Khắc, Lưu Hy Lạc, Maxime Alexandre, Lê Giang Trần, Bùi Chí Vinh, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Tôn Nhan, Huy Tưởng, Đặng Tấn Tới, Thanh Thảo, Nguyễn Đổ, Nguyễn Quang Thiều, Jorge-luis Borges, Jean Ristat, Trịnh Y Thư, Phạm Hoán, Khế Iêm...

Nhà sách không nhận bán cái gì thuộc về... thơ, xin mua dài hạn hoặc từng số trực tiếp với tòa soạn. Giá 5MK hạng thường (không tính cước phí), First Class hoặc Air Mail thêm 2MK.

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92642, USA

CHỈ CÓ $50 CHO 2 BỘ NHU LIỆU RẤT QUÍ GIÁ

- TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ (ANH-VIỆT / VIỆT-ANH*)
- BỘ CHỮ ĐÁNH TIẾNG VIỆT TRONG WINDOWS (VNU HOẶC VISCII)

TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ CHO MÁY VI TÍNH
VIETNAMESE ELECTRONIC DICTIONARY FOR WINDOWS™

Xin trân trọng giới thiệu cùng Quí Đồng Hương một bộ nhu liệu quí giá mới vừa phát hành. Đây là cuốn Từ Điển Điện Tử Anh-Việt/Việt-Anh tinh vi nhất Hoa Kỳ hiện nay. Bộ nhu liệu này áp dụng phương thức tối tân Siêu Hoạt Tự (Hypertext) đúng theo tiêu chuẩn quốc tế, cùng với những kỹ thuật hiện đại nhất.*

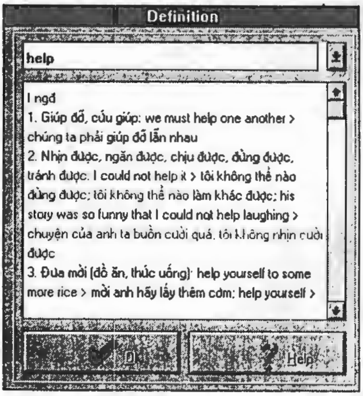

* Việt-Anh được dùng theo phương pháp select feature

XIN LIÊN LẠC CÔNG TY DƯỚI ĐÂY ĐỂ ĐẶT HÀNG

BOLD TECHNOLOGY

45137 Loma Vista Drive
Lancaster, CA 93535 USA
TEL 805-946-9401

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH XIN LIÊN LẠC BOLD TECHNOLOGY

ACS Advanced Computers

1714 E. McFadden Ave., Ste. O
Santa Ana, CA 92705
Tel.: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

21164 Hawthorne Blvd.
Torrance, CA 90503
Tel: (310) 214-8125
Fax: (310) 371-7388

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM ĐÁNG LƯU Ý CỦA NHU LIỆU

- Cuốn Từ Điển Điện Tử đầu tiên mà quí vị hằng mong đợi từ bấy lâu nay (trích dịch từ các bộ từ điển hiện hành).
- Chuyển dịch hai chiều (Anh-Việt / Việt-Anh*) từng chữ một hoặc nguyên câu.
- Phản ứng chính xác và mau lẹ chớp nhoáng! Cách thức sử dụng rất đơn giản. (hoàn toàn được áp dụng theo mô thức Graphical User Interface).
- Hiện có trên 20,000 từ (sắp phát hành 65,000 từ - quí vị mua trước tháng 12, 1994 sẽ được tặng miễn phí) có thể dùng thêm Database phụ cho những danh từ y khoa, khoa học & kỹ thuật chuyên môn v.v., lên đến 500,000 từ!
- Uyển chuyển tối đa; người dùng có thể sửa đổi, thêm bớt để phát triển database của từ điển.
- Chuyển dịch thẳng từ bất cứ word processor nào mà bạn quen dùng trong Windows. (Words for Windows hoặc Word Perfect for Windows v.v.)
- Hữu dụng lớn rộng; thích ứng cho mọi giới, mọi lứa tuổi. Từ chuyên gia, thư ký, giáo sư, sinh viên, phụ huynh, học sinh, đến những thân nhân mới qua, đều được hữu ích của nhu liệu này.
- Bộ chữ đánh tiếng Việt trong Windows do nhóm TriChlor thực hiện được kèm theo miễn phí với nhu liệu Từ Điển Điện Tử. (Sắp phát hành bộ chữ đánh tiếng Việt VNU sẽ được kèm theo miễn phí)

KHI BỊ BẮT BỚ, GIAM CẦM, THƯA KIỆN, HAY KHI CẦN TRANH TỤNG

PHẢI TÌM CHO ĐƯỢC MỘT LUẬT SƯ
CÓ BIỆT TÀI HÙNG BIỆN VÀ KINH NGHIỆM
TỐ TỤNG TRƯỚC TÒA, HÃY TÌM ĐẾN

LUẬT SƯ

NGUYỄN HỮU LIÊM

BS, MPA, JD.

ATTORNEY AT LAW FORMER DEPUTY DISTRICT ATTORNEY

1943 TULLY Road, SAN JOSE, CA 95122
Tel: (408) 254-4445 - (408)947-0110
Toll free: (800) 954-6800

* Cựu Phó Biện Lý (Deputy District Attorney), Santa Cruz County.
* Judicial Externship với Toà Kháng Án Liên Bang 9th Circuit of Appeals.
* Kinh nghiệm làm việc với bộ Tư Pháp Tiểu Bang (California Attorney General Office) và San Francisco Family Law Clinic.
* Từng đại diện tiểu bang California truy tố hình luật trước nhiều vụ án có bồi thẩm đoàn (Jury Trials). Từng đại diện các cơ quan công quyền vùng Bắc California trước các tòa Thượng Thẩm và hòa giải.
* Nhiều kinh nghiệm làm việc trong hệ thống luật pháp và công quyền Hoa Kỳ từ phương pháp thương thảo có mưu lược với công tố viện, chánh án cho đến nội dung pháp luật cũng như văn kiện và thủ tục tòa án.
* Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị (1987-88) Trung Tâm Định Cư Tỵ Nạn Đông Nam Á.
* Doctor of Jurisprudence, UC-Hastings College of The Law, Master of Public Affairs University of Texas, Austin.

ĐẢM TRÁCH

HÌNH LUẬT - THIẾU NHI PHẠM PHÁP - LUẬT GIA ĐÌNH
LUẬT THƯƠNG MẠI - THƯƠNG TÍCH VÀ TAI NẠN

THAM KHẢO SƠ KHỞI MIỄN PHÍ
NHIỀU TRƯỜNG HỢP CHỈ NHẬN LỆ PHÍ
SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG
LUẬT SƯ THƯỜNG TRỰC TẠI VĂN PHÒNG ĐỂ TRỰC TIẾP HƯỚNG DẪN VÀ TRANH ĐẤU CHO QUYỀN LỢI QUÝ THÂN CHỦ

HÃY TÌM ĐỌC

THƠ ĐẶNG HIỀN

- Bìa bảy màu trình bày mỹ thuật
- Gồm nhiều nhạc phẩm phổ từ thơ Đặng Hiền
- Một món quà xuân dành để tặng nhau đầy ý nghĩa
- Giá 8MK *(cả cước phí)*

Thư từ, đặt mua qua:
Phạm Mỹ Hương
1714 E. McFadden Ave. # 0
Tel: (714) 648-0325 - Fax: (714) 648-0326. USA

ĐỐI THOẠI

THẢO LUẬN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM
P.O.Box 4692, Garden Grove, CA 92642. USA
Tél: (714) 537-9101

Nơi tập trung nhiều bài viết của nhiều tác giả trong và ngoài nước có giá trị nhất về các vấn đề: chính Trị, Kinh Tế, Xã Hội, Văn Hóa.

Dày 224 trang, khổ 5"50 X11", giấy trắng. Bìa màu trang nhã, mỹ thuật.
Giá 6MK.
Có bán tại các nhà sách trên toàn thế giới.
Mua dài hạn cắt phiếu sau gởi về tòa soạn kèm check hoặc Money Order:

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ tên: ____________________
Địa chỉ: ____________________
____
____
____
Điện thoại: ____________________

Đặt mua ĐỐI THOẠI từ số ____ đến số ____________

4 SỐ (1 NĂM)

Trong nước Mỹ và Canada: ☐ US$24.00
Âu châu, Úc châu, Á châu: ☐ US$35.00

(Ngoài Hoa Kỳ trả bằng Money Order International. Không nhận Check)

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Giá biểu áp dụng từ số 21, tháng 2, 1995)

(Tất cả ghi bằng chữ IN)

Tôi tên:____

Địa chỉ: ____

____

Điện thoại:____

nhận mua dài hạn tạp chí Hợp Lưu từ số ______ đến số _______

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (1 năm)

Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) • 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 70MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 80MK ☐ (1 năm)

Xin gửi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ (kể cả Canada) gửi bằng INTERNATIONAL MONEY ORDER, trả cho:

HỢP LƯU

P.OBox 277, Garden Grove, CA 92642. USA

• Cho tòa soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ — 2) Không nhận báo đúng thời hạn — 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếutrang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ điều chỉnh hoặc gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý **mã số** ở hàng đầu label để biết ngày hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua **hạng tư** hoặc **tàu thủy** từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF20-25**, tức mua **hạng nhất** hoặc **máy bay** từ số 20 đến số 25 là hết hạn

• Tại Âu châu, có thể trả tiền qua đại diện (*trang bìa 2*)

VĂN NGHỆ

P.O.Box 2301, Westminster, CA 92642, USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ — 15 Mỹ Kim
  tức **Sài Gòn Năm Xưa II, III**
  Vương Hồng Sển

- LUẬN NGỮ — 13 Mỹ Kim
  Nguyễn Hiến Lê *dịch và chú thích*
  (sách mới in lần đầu viết sau 75)

- LỊCH SỬ THẾ GIỚI CUỐN I — 20 Mỹ Kim

- LỊCH SỬ THẾ GIỚI CUỐN II — 20 Mỹ Kim
  Nguyễn Hiến Lê và **Thiên Giang**

Bộ Lịch Sử Thế Giới của hai tác giả Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang được viết cách đây 40 năm là một bộ sử nghiên cứ côngphu, đồ sộ, rất cần thiết cho các độc giả cần một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới mà tới nay chưa có bộ thứ hai.
Sách dày gần 900 trang chia làm hai tập đóng bìa cứng.
Bộ sử này in đúng 500 bộ. Xin liên lạc với nhà sách quen hoặc mua thẳng với nhà xuất bản.
Thư mục Văn Nghệ có hơn 400 mặt sách.

TỦ SÁCH VĂN HỌC NHÂN CHỨNG

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

TÙY BÚT • EM VÀ, MẸ VÀ, TÔI LÀ MỘT NHÉ • DU TỬ LÊ

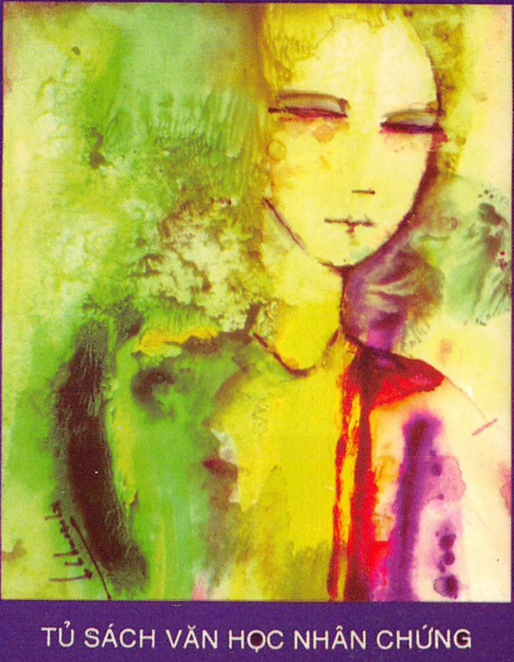

TỦ SÁCH VĂN HỌC NHÂN CHỨNG

Ấn phí 8MK

Tổng phát hành VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Tél:714-527-5761

20

Giá 7MK